



50 năm sự kiện Mậu Thân (1968-2018)

Lý Đăng Thanh



2/4/1968-Huế, Ảnh: Bettmann/CORBIS

Đã nửa thế kỷ trôi qua kể từ đêm Giao thừa bước sang mùng Một Tết Mậu Thân, khi cán binh cộng sản đồng loạt nổ súng bắt đầu chiến dịch Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Hè 1968 trên toàn lãnh thổ miền Nam. Chiến sự năm 1968 sẽ còn ghi dấu ấn là năm chiến tranh đẫm máu nhất trong lịch sử Việt Nam tự cổ chí kim. Đã có gần 400.000 người Việt thiệt mạng vì chiến tranh chỉ trong năm ấy, hàng trăm ngàn người bị thương và tàn tật, hàng chục ngàn ngôi nhà dân bị phá hủy, cùng với biết bao nhiêu đau đớn tinh thần và thiệt hại vật chất khác không kể xiết.

Người đời sau ôn lại sự kiện đã xảy ra sẽ ngạc nhiên vì sao lại có thảm trạng kinh hoàng này. Sang năm 1969, lãnh đạo Bắc Việt lại tiếp tục mở một cuộc tổng tấn công giống như năm 1968, dù quân số tham gia ít hơn nhưng tỷ lệ thương vong lại cao hơn.

Kiểm lại quá trình chiến tranh dai dẳng suốt hai mươi năm từ năm 1955 đến 1975, người ta không khỏi ngạc nhiên về ‘tính chất kiên trì bền bỉ’ của các nhà lãnh đạo tại Bắc Việt. Họ kiên gan, bền bỉ, nhẫn nại, chai lì, sắt máu không thể tưởng tượng. Tuy nhiên, nếu cân nhắc quan sát kỹ nhân thân từng người lãnh đạo chánh trị và quân sự chớp bu Bắc Việt tại Hà Nội lúc đó, người ta thấy rõ ai cũng hoàn toàn có đủ tố chất, dù họ không được đánh giá cao về năng lực chuyên môn kỹ trị do học vấn thấp, nhưng họ thật sự là những nhà chánh trị và cai trị giỏi, thậm chí còn là những người thông minh, siêu việt, sắc sảo.

Để hiểu rõ một phần những gì từng xảy ra trong năm 1968, chúng ta cần nhìn lại cả quá trình từ năm 1967 đến 1969. Riêng thời kỳ từ năm 1966 về trước và 1970 về sau thì tạm thời chưa thể đề cập đến trong lần này vì khuôn khổ bài viết có hạn. Nội dung bài viết chỉ có thể liệt kê những tình tiết và số liệu. Những tình hình và nguyên nhân cuộc chiến, thành phần các bên tham chiến, từ các đơn vị, nhân vật lãnh đạo chỉ huy, cho đến các loại vũ khí, chiến cụ, chiến lược, chiến thuật... chưa thể nêu ra tại đây vì khuôn khổ bài viết có hạn.

Xin chân thành thấp nén linh hương cầu nguyện cho tất cả nạn nhân của cuộc chiến bi thảm này.

I- Chiến sự năm 1967

1- Chiến lược điều hành chiến tranh của Mỹ thời kỳ 1965-68

Trong tập báo cáo tổng kết nhan đề 'Report on the war in Vietnam' ấn hành vào tháng 7-1968, đô đốc tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương Ulysses S. Grant Sharp đã khái quát về chiến lược điều hành chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam thời kỳ 1965-68 như sau:

"Strategy for the conduct of the war

Our basic objective in South Vietnam has been to establish a safe environment within which the people of South Vietnam could form a government that was independent, stable, and freely elected-one that would deserve and receive popular support. Such a government could not be created in an environment dominated by Communist terrorism. The Viet Cong and the North Vietnamese Army occupied large parts of the country and subjected large areas to armed attacks and acts of terrorism and assassination. These acts were most often directed at the representatives of government in provinces, villages, and hamlets throughout the countryside, the government officials most closely associated with the people.

The United States' military goal was to provide a secure environment in which the citizens could live and in which all levels of legal government could function without enemy exploitation, pressure, or violence. Our strategy to achieve this goal consisted of three interdependent elements-the ground and air campaign in South Vietnam, the nation building effort in South Vietnam, and our air and naval offensive against North Vietnam. Through these integrated efforts we have sought to convince the Hanoi regime that its aggression could not succeed and that such aggression would be too costly to sustain.

To this end United States, South Vietnamese, and other Free World forces went into battle to defeat the Communists and their organizations in South Vietnam. When the enemy was driven out of an area, United States and other Free World forces assisted the Vietnamese people in that area with projects such as building construction, sanitation, and medical care. Skills in these and other specialties were supplied by our soldiers, sailors, airmen, and Marines in their changing roles as both fighting men and workers in civic action.

But before major civic action programs could proceed, the enemy had to be blocked in his aggression. Efforts to defeat enemy aggression in South Vietnam will be detailed in another portion of this report.

As almost all of his war-making material came from or through North Vietnam, we took the war to the enemy by a vigorous and unrelenting-but highly selective-application of our air and naval power. Aircraft from land bases in South Vietnam and Thailand and from our aircraft carriers at sea applied this power. We attacked the enemy's military installations and power plants, petroleum products storage areas and industrial facilities which supported the war effort, and the vehicles and roads by which war material moved south his means of provisioning the aggression. The bombing has been the most precise in history with less damage to nontargets and noncombatants than was ever experienced in previous wars. Communist support of the war was made extremely costly in terms of goods and facilities destroyed.

Our naval forces curbed the movement of men and their food and war-making material as they attempted to infiltrate by sea or by the great river systems of Southeast Asia. Naval gunfire assisted in coastal operations with marked effectiveness.

From a military standpoint, both air and naval programs were inhibited by restrictions growing out of the limited nature of our conduct of the war. The key port of Haiphong in North Vietnam, for example, through which 85 percent of North Vietnam's imports flowed, and at which ships of many nations called, has been a prohibited target. Our planes could not bomb it. Nor was mining of that harbor permitted. Materials shipped from Haiphong were sought out later and bombed on their journey south, when they could be found. The primitive road and trail networks of Southeast Asia and the frequently heavy tree cover made such moving targets and sheltered small storage areas very difficult to find, even with our sophisticated weapons and equipment.

Despite these difficulties, strikes on railroad lines, roads, and waterways greatly impeded the flow of war material. These attacks created additional management, distribution, and manpower problems for North Vietnam.

The bombing of North Vietnam was unilaterally stopped by the United States a number of times, for varying periods of time, in the hope that the enemy would respond by stopping his aggressive activities and reducing the scope and level of conflict. In every case the Communists used the bombing pause to rush troops and supplies to reinforce their army in South Vietnam. Such unilateral truce efforts, while judged politically desirable, accrued some temporary military disadvantages to successful prosecution of the war".

(Mục tiêu cơ bản của chúng ta ở Miền Nam Việt Nam là tạo dựng một môi trường an toàn, trong đó người dân Nam Việt Nam có thể thành lập một chính phủ độc lập, ổn định và được bầu cử tự do để xứng đáng nhận được sự ủng hộ rộng rãi. Một chính phủ như vậy không thể được tạo ra trong một môi trường bị chi phối bởi khủng bố Cộng sản. Quân đội Việt Cộng và Bắc Việt chiếm đóng nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn và kiểm soát các khu vực lớn để tấn công bằng vũ trang và thực hiện các hành động khủng bố và ám sát. Những hành vi này thường hướng tới các đại diện của chính quyền các tỉnh, làng, ấp ở khắp vùng nông thôn, các viên chức chính quyền có quan hệ gần gũi với người dân nhất.

Mục tiêu quân sự của Mỹ là tạo ra một môi trường an toàn, trong đó người dân có thể sống an lành và tất cả mọi cấp chính quyền hợp pháp có thể hoạt động mà không bị kẻ địch lợi dụng, áp chế hoặc tấn công bạo lực. Chiến lược của chúng ta để đạt được mục tiêu này bao gồm ba yếu tố phụ thuộc lẫn nhau – chiến dịch trên mặt đất và bầu trời ở Nam Việt Nam, nỗ lực xây dựng đất nước ở miền Nam Việt Nam, và tấn công bằng không quân và hải quân vào Bắc Việt. Thông qua những nỗ lực tổng hợp này, chúng ta đã cố gắng cho chế độ Hà Nội thấy rằng cuộc xâm lược của họ sẽ thất bại và nếu cứ xâm lược như vậy sẽ phải trả giá đắt.

Mục tiêu cuối cùng mà lực lượng Mỹ, Việt Nam Cộng Hòa, và các nước Thế giới tự do khác đã tham chiến là để đánh bại Cộng sản và các tổ chức của chúng ở miền Nam Việt Nam. Khi kẻ thù bị đuổi ra khỏi một khu vực, Mỹ và các nước Thế giới tự do khác đã giúp người dân Việt Nam trong khu vực đó các dự án như xây dựng nhà cửa, vệ sinh và chăm sóc y tế. Các binh sĩ hải lục không quân và thủy quân lục chiến cũng đảm nhận vai trò vừa là chiến binh vừa là người thợ để cung cấp các kỹ năng và chuyên môn trong hoạt động dân vận.

Nhưng trước khi các chương trình dân vận trọng yếu có thể tiến hành, thì các cuộc xâm lược của kẻ địch phải bị ngăn chặn. Những nỗ lực để đánh bại sự xâm lăng của kẻ thù ở miền Nam Việt Nam sẽ được nêu chi tiết trong các phần khác của báo cáo này.

Vì hầu hết các nguồn lực quân sự của địch đều đưa vào từ Bắc Việt hoặc qua đường Bắc Việt, chúng ta đã sử dụng sức mạnh không quân và hải quân mạnh mẽ và liên tục của mình để tấn công Bắc Việt. Máy bay từ các căn cứ trên đất liền ở Việt Nam Cộng Hòa, Thái Lan và từ không hạm trên biển của chúng ta đã thực hiện sức mạnh này. Chúng ta đã tấn công các cơ sở quân sự, các nhà máy điện, các kho nhiên liệu và các cơ sở công nghiệp quốc phòng, các phương tiện và đường xá chuyên chở vật chất quân sự phục vụ cuộc Nam xâm của địch. Cuộc không kích đã được thực hiện với hiệu quả chính xác nhất và ít gây thiệt hại nhất cho các cơ sở phi quân sự so với bất kỳ cuộc chiến nào trước đây trong lịch sử. Hoạt động hậu cần của cộng sản phục vụ cuộc xâm lược đã tổn thất cực kỳ nặng nề cả về hàng hóa và các cơ sở bị phá hủy.

Lực lượng hải quân của chúng ta đã kiểm chế hoạt động vận chuyển con người, lương thực và vật liệu chiến tranh khi địch cố xâm nhập bằng đường biển hoặc các hệ thống sông ngòi rộng lớn vùng Đông Nam Á. Súng trên tàu hải quân hỗ trợ các hoạt động bờ biển với hiệu quả rõ rệt.

Xét theo quan điểm quân sự, cả chương trình trên không và trên biển đều bị ức chế bởi các giới hạn phát sinh do tánh chất hạn hẹp của cuộc chiến mà chúng ta thực hiện. Ví dụ, cảng Hải Phòng là cảng trọng điểm ở Bắc Việt, là nơi tiếp nhận 85% lượng hàng nhập khẩu của Bắc Việt, và tại đó tàu của nhiều nước được coi là mục tiêu bị cấm. Máy bay của chúng ta không thể đánh bom nó. Cũng không được phép thả mìn phong tỏa cảng đó. Do vậy mà chúng ta chỉ có cách là truy tìm và ném bom các chuyến vận chuyển vật liệu quân sự từ Hải Phòng trên hành trình kéo vào phía Nam. Các mạng lưới đường xá và đường mòn thô sơ vùng Đông Nam Á được rừng rậm che phủ dày đặc đã khiến các mục tiêu di chuyển và các kho tàng nhỏ rất khó truy tìm, ngay cả với vũ khí và trang thiết bị tinh vi của chúng ta.

Vượt qua những khó khăn này, các cuộc tập kích vào các tuyến đường sắt, đường bộ và đường thủy đã cản trở dòng chảy chiến tranh của địch. Những vụ tấn công này tạo ra những vấn đề nghiêm trọng về quản lý, phân phối, và nhân lực cho Bắc Việt.

Cuộc không kích Bắc Việt đã bị người Mỹ đơn phương đình chỉ một vài lần, trong những khoảng thời gian khác nhau, với hy vọng rằng kẻ thù sẽ đáp lại bằng cách dừng các hoạt động hung hăng của mình cũng như giảm bớt phạm vi và mức độ xung đột. Trong mọi trường hợp, Cộng sản sử dụng ngưng bắn để vội vã tăng cường binh lực và các nguồn cung cấp để củng cố quân đội của họ ở miền Nam Việt Nam. Những nỗ lực ngừng bắn đơn phương như vậy, dù được đánh giá là có lợi về chính trị, đã gây ra một số bất lợi tạm thời của quân đội chúng ta trong việc giành chiến thắng).

2- Tóm tắt tình hình thời kỳ 1965-68

Trong tập báo cáo tổng kết nhan đề 'Report on the war in Vietnam' ấn hành vào tháng 7-1968, đô đốc tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương Ulysses S. Grant Sharp đã tóm tắt tình hình chiến sự thời kỳ 1965-68 như sau:

“Từ giữa tháng 3-1965, lực lượng Mỹ đang gây sức ép lên các lực lượng Cộng sản ở miền Nam Việt Nam và khả năng hậu cần của Mỹ ngày càng mở rộng. Năm 1966, chúng ta bắt đầu triển khai một lực lượng chiến đấu cân bằng và hiệu quả. Các chiến dịch hành quân thành công vang dội trong năm đó đã ngăn cản việc Cộng quân chiếm thêm đất đai và buộc các đơn vị chủ lực của địch phải quay trở lại tình thế phòng thủ. Tuy nhiên, cộng quân vẫn còn mạnh và vẫn tiếp tục nuôi chí chiến tranh. Địch đã phát triển một mạng lưới hậu cần chi chít, phân lớn đặt trên lãnh thổ Lào và Cambodia láng giềng. Địch cũng đẩy mạnh triển khai thêm Quân đội chánh quy từ Bắc Việt vào.

Trong khi các cuộc không kích của chúng ta tại Bắc Việt chưa đủ sức ngăn chặn việc cung cấp viện trợ từ bên ngoài vào Bắc Việt thì đã có những tiến bộ đáng kể trong việc phá hủy các nguồn lực và các cơ sở công nghiệp phục vụ chiến tranh ở đây. Chúng ta chú trọng vào hướng tập kích, phá vỡ và ngăn chặn việc di chuyển nhân lực và vật chất của địch vào miền Nam Việt Nam. Hoạt động ấy đã làm cho địch tổn thất lớn và buộc họ phải nỗ lực tối đa mới có thể tiếp tục duy trì được cuộc xâm lược. Địch đã phải vất vả đối phó với cuộc tấn công của ta bằng cách che giấu và phân tán hoạt động hậu cần một cách khéo léo, và khả năng hồi phục của họ trên các tuyến vận chuyển là đáng chú ý.

Năm 1966, chúng ta đã tạo được thế chủ động áp đảo các đơn vị chủ lực Cộng quân ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, địch đã áp dụng cách phân tán các đơn vị và tìm nơi ẩn náu trong các khu rừng già ở Lào, Cambodia và Bắc Việt, là nơi mà các lực lượng mặt đất của chúng ta không được phép vượt biên giới tấn công. Điều này cho phép địch thiết lập nhịp điệu cuộc chiến trên mặt đất có lợi cho họ. Mặc dù sẽ là sai lầm khi cho rằng kẻ địch ở giai đoạn này đã hoàn toàn quay trở lại các hoạt động du kích như là phương thức hoạt động chánh của mình, nhưng địch đã nhận ra rằng họ không thể chống lại và đẩy lui các lực lượng Mỹ và Thế giới tự do trong các trận đánh lớn. Địch đã tìm cách tập kích linh hoạt vào thời gian và địa điểm thích hợp và trong trường hợp có khả năng thành công tốt nhất. Năm 1966, tình tổng thể thì toàn bộ lực lượng của địch chưa bị phá hủy nhiều, và khả năng đáp ứng hậu cần của họ chưa rơi xuống dưới mức cần thiết để chấm dứt chiến tranh.

Cộng quân cố tránh các cuộc giao chiến trực tiếp, nhanh chóng rút lui và sử dụng các mật khu để bảo tồn lực lượng, chỉ chiến đấu phòng thủ khi bị buộc phải làm như vậy, và cố gắng xây dựng lại và củng cố các hoạt động trong một thời gian thích hợp. Chiến thuật du kích đã được tăng cường để không làm tổn hại đến lực lượng bộ đội chủ lực. Bắc Việt tiếp tục đưa quân chủ lực ồ ạt vào Nam để bổ sung quân số tổn thất và còn gia tăng thêm binh lực. Chiến lược của địch là cố xoay sở liên tục chiến thuật chiến tranh với hy vọng tồn tại lâu hơn quyết tâm của chúng ta.

Một chiến lược cơ bản khác của Cộng sản là liên tiếp tung ra các chiến dịch tuyên truyền nhằm tăng cường áp lực trong nước và quốc tế lên Chánh phủ Mỹ để ngăn chặn hoạt động không kích Bắc Việt và giải quyết các điều kiện có lợi cho địch.

Đến giữa năm 1967, sự kết hợp có hiệu quả của các hoạt động quân sự của chúng ta chống lại kẻ địch trong tất cả mọi lãnh vực buộc Cộng sản phải đánh giá lại tình hình của họ theo đúng thực tế hơn của tình trạng quân sự đang xấu đi của họ. Bắc Việt nhận ra rằng họ không còn khả năng chiến thắng quân sự. Có sự gia tăng đáng kể về sức mạnh và khả năng của các lực lượng Đông minh ở miền Nam Việt Nam và các hoạt động chiến đấu đã được mở rộng tương ứng. Các chiến dịch hành quân của chúng ta, được yểm trợ của Không lực và nhất là các cuộc tấn công bằng máy bay ném bom B-52, đã xóa sổ gần hết các căn cứ hậu cần của địch, làm tổn hại nghiêm trọng các nguồn cung cấp trọng yếu của địch và buộc địch phải rút chạy vào các vùng thưa thớt dân cư là nơi mà thực phẩm rất khan hiếm. Xu hướng quân sự tổng thể vào năm 1967 là những thiệt hại của địch ngày càng gia tăng – những người bị giết, bị thương và bị bắt – cũng là điều phản ánh thuận lợi cho các đồng minh, cũng như xu thế chung của việc thất bại của địch. Số người và khu vực dân cư nằm dưới sự kiểm soát của Cộng sản (tính cả ở Bắc Việt và khắp Đông Dương) đã giảm mặc dù tốc độ giảm còn chậm; trong khi số cư dân miền Nam Việt Nam bị Việt Cộng kiểm soát giảm đáng kể. Do đó, gánh nặng bổ sung cho quân đội ngày càng gia tăng đối với lãnh đạo Bắc Việt. Có bằng chứng về các vấn đề thiếu hụt nhân lực ở Bắc Việt, dẫn đến việc sử dụng rộng rãi hơn phụ nữ trong lực lượng lao động để giải phóng đàn ông cần thiết cho việc đưa quân vào chiến trường. Tình trạng thiếu hụt lương thực, vật liệu và thuốc men đã gây thiệt hại cho họ. Hiệu quả và tinh thần chiến đấu đã xấu đi ở nhiều đơn vị của địch, đặc biệt là ở các vùng hẻo lánh.

Năm 1967, địch không thắng được một trận đánh lớn nào ở miền Nam Việt Nam. Hầu hết đơn vị bộ đội chủ lực địch đã phải rút chạy về các vị trí trên biên giới Lào và Cambodia, là nơi mà họ còn lợi dụng các mật khu để bảo vệ và cung cấp, giống như họ đã làm vào năm 1965 và 1966 khi bị lực lượng chiến đấu của chúng ta đánh rất.

Chiến lược của Cộng sản tiếp tục phản ánh một nỗ lực nhằm thu hút lực lượng Đồng minh về các vùng sâu vùng xa, đặc biệt là các khu vực giáp ranh với các mật khu biên giới, khiến các khu dân cư trong nội địa không được bảo vệ như trước. Điều này sẽ cho phép lực lượng du kích địa phương của địch dễ quấy rối, tấn công, và cản trở các nỗ lực của Chính phủ. Thông qua những phương thức này, Việt Cộng vẫn có tiếp tục gây ảnh hưởng đáng kể đối với phần lớn dân chúng. Mặc cho khả năng của địch tạo ra những thời điểm căng thẳng ở địa phương, dân chúng chưa bao giờ bị khuất phục. Thông qua việc khai thác cẩn thận các điểm yếu của địch và việc áp dụng sức mạnh vượt trội và tính cơ động của chúng ta, chúng ta đã có thể ngăn cản địch và đạt được những thành công ngoạn mục ở miền Nam Việt Nam vào năm 1967.

Trong năm 1967, chiến dịch không quân và hải quân chống Bắc Việt tiếp tục là một phần của chiến lược của chúng ta trong thể chủ động. Chúng ta tiếp tục phát huy lợi thế này. Không có nghi ngờ gì về những nỗ lực của chúng ta trong quá khứ đã làm tổn thương Bắc Việt và việc tiếp tục ủng hộ cuộc chiến ở Nam Việt Nam đang gây ra nhiều khó khăn cho họ. Từ quan điểm quân sự đơn thuần, địa bàn hành quân được mở rộng thêm cho các lực lượng không quân và hải quân có thể cho phép thực hiện các chiến dịch chống lại Bắc Việt, điều này sẽ dẫn tới sự suy giảm nhanh hơn về tổng thể cấu trúc hỗ trợ chiến trường của địch. Nếu cắt giảm hiệu quả hơn các nỗ lực chiến tranh của Cộng sản bằng cách làm cạn kiệt nguồn lực của họ thì kết quả là sẽ giảm bớt sự nổi dậy và xâm lược ở miền Nam Việt Nam.

Phối hợp với các hoạt động quân sự của chúng ta, nhiệm vụ xây dựng quốc gia tại Việt Nam Cộng Hòa, mục tiêu tối hậu của cuộc đấu tranh, đã nhận được sự quan tâm đầy đủ. Thật ra, sự phát triển thường bị các cuộc tấn công hoặc quấy rối của địch làm gián đoạn, nhưng việc chứng minh sự quan tâm của Chính phủ và hỗ trợ cho mọi thôn ấp ở miền Nam vẫn là mục tiêu quan trọng nhất. Những nỗ lực trong lãnh vực này không phải là điều gì mới. Người Pháp đã nỗ lực thành lập các làng nông thôn trong thập niên 1950 và chế độ Diệm đã thử nghiệm một chương trình 'áp chiến lược'. Tất cả đều thất bại vì nhiều lý do, trong đó chỉ ít là thiếu sót trong việc dựa vào các mục tiêu về năng lực, lập kế hoạch một cách thực tế và tính đến lợi ích và nguyện vọng của nhân dân.

Những nỗ lực gần đây trong việc xây dựng quốc gia đã hài hòa hơn với nhu cầu của người dân, nhưng trong năm 1966 tăng trưởng vẫn còn chậm chạp và khó khăn. Mặc dù Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đảm trách sứ mạng chủ yếu hỗ trợ bình định, các lực lượng Mỹ đã tăng cường các nỗ lực của họ bằng cách hỗ trợ trực tiếp. Các đơn vị quân đội Việt Nam được cải tổ và huấn luyện lại để hỗ trợ cho các chương trình này, nhưng sự cung cấp động lực còn khó khăn và sự tiến bộ trong việc định hướng lực lượng này còn chậm.

Năm 1967, bản hiến pháp mới được ban hành và công dân Việt Nam đã đi bầu và chọn ra một chính phủ mới của quốc gia. Tương tự, lần đầu tiên kể từ những ngày đầu của chế độ Diệm, chính quyền đại diện được khởi xướng ở cấp thôn, ấp. Đã có những phân đoạn nhưng tuy vậy sự phấn khích cho thấy rằng Quốc hội đã hoàn thành vai trò lập pháp.

Ngoài ra, trong năm 1967 đã có một cải tổ và củng cố sự hỗ trợ của Mỹ cho chương trình bình định. Kết quả là chương trình đã được tăng cường với các nguồn lực bổ sung, gia tăng sự hỗ trợ quân sự và thống nhất nhân viên quân sự-dân sự, do đó tạo ra một nỗ lực hỗ trợ bình định của Mỹ, được chỉ huy mạnh mẽ và thống nhất. Sự tiến triển chiến tranh từ ngày 1-1 đến 30-6-1968 có thể được xem xét tốt nhất trong bối cảnh mục tiêu của kẻ địch trong chiến dịch đông xuân 1967-68. Vào giữa năm 1967, quân địch đã thay đổi lại chiến lược của mình để mở các cuộc tấn công rộng khắp, với hy vọng sẽ gây ra sự đảo ngũ tràn lan trong các cấp Quân đội Việt Nam Cộng Hòa, và sẽ tạo chỗ dựa cho một nỗ lực chánh trị, bao gồm đàm phán, cùng với nỗ lực quân sự để giành thắng lợi. Cộng sản hy vọng, khi Mỹ đối mặt với một đồng minh sụp đổ, sẽ mất đi quyết tâm theo đuổi chiến tranh.

Để thực hiện chiến lược mới này, một số lượng quân chủ lực Bắc Việt đông chưa từng có và một lượng lớn vật tư, thiết bị đã thâm nhập vào miền Nam Việt Nam. Cộng quân cho rằng ngày Tết Nguyên đán là thời điểm tốt nhất để tấn công và chọn đúng ngày giao thừa của dịp Tết để mở cuộc tấn công. Trái với mong đợi của họ, người dân miền Nam đã không có ai hưởng ứng nổi dậy đi theo họ và cũng ít có binh sĩ Quân đội Việt Nam nào đảo ngũ trong dịp này. Đối phó với cuộc tấn công vi phạm thỏa thuận ngừng bắn của Cộng sản, Quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu anh dũng để đẩy lùi kẻ thù. Khi lộ mặt ra công khai chiến đấu, quân Việt Cộng dễ dàng bị hỏa lực áp đảo, cơ động và linh hoạt hơn hẳn của quân đồng minh đánh bại. Kết quả là tổn thất nhân mạng của cộng quân rất cao. Tuy nhiên, nhiệt độ của cuộc chiến cũng tăng vọt. Cộng quân sử dụng hỏa tiễn loại mới của Liên Xô để tấn công vào các trung tâm đô thị, đặc biệt là những nơi chưa từng bị tấn công trước đây như Huế và Sài Gòn.

Trong quý 1- 1968, chiến dịch không kích Bắc Việt bị cản trở do thời tiết khắc nghiệt của gió mùa Đông Bắc. Kết quả là hầu hết các cuộc tấn công đã được tập trung vào chống lại các tuyến đường vận chuyển và các cơ sở quân sự ở phía nam Bắc Việt.

Ngày 1-4-1968, trong một nỗ lực hơn nữa để đưa Hà Nội đến bàn hội nghị hòa bình, tổng thống Mỹ tuyên bố ngừng các cuộc không kích vào các khu dân cư và sản xuất lương thực trọng yếu ở Bắc Việt, ngoại trừ khu vực phía bắc Khu phi quân sự, là nơi các hành động của đối phương trực tiếp đe dọa quân Mỹ và các đồng minh. Thế giới tự do khác ở miền Nam Việt Nam. Về mặt quân sự, việc này đã dẫn tới sự tập trung nhiều hơn vào các cuộc tấn công ở miền Nam Việt Nam, chủ yếu hướng vào các tuyến giao thông, cắt đứt hoạt động tiếp viện người và thiết bị quân sự xâm nhập vào miền Nam, là nơi chúng sẽ được tung vào cuộc chiến chống lại các lực lượng của ta. Về mặt chính trị, hành động của tổng thống đã dẫn đến sự đáp ứng của Bắc Việt rằng họ sẽ đến bàn hội nghị.

Cộng quân vẫn tiếp tục các cuộc tấn công trên toàn quốc nhằm làm cho người dân miền Nam và thế giới ảo tưởng về sức mạnh thật sự của Bắc Việt, trong khi cố tung tin tuyên truyền phóng đại về thiệt hại nhân lực và vật chất của phía Đồng minh. Máy bay ném bom B-52 và máy bay chiến thuật của Mỹ tiếp tục hỗ trợ các hoạt động trên mặt đất ở Nam Việt Nam, tập trung chủ yếu vào các tuyến vận chuyển, kho tàng và khu tập trung quân. Các nỗ lực không kích càng làm tăng thêm khó khăn của địch trong việc cung cấp vật tư và thiết bị đến các tuyến đường thâm nhập.

Vào đầu tháng 5-1968, Cộng quân lại mở thêm nhiều cuộc tấn công quấy nhiễu khắp Nam Việt Nam, nhất là vào khu vực Sài Gòn và phía bắc Trung Phần. Do những tổn thất trong chiến dịch mùa Tết trước đó của địch chưa kịp hồi phục, các cuộc tấn công này rời rạc, thưa thớt và yếu đi hẳn so với cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Tuy nhiên, kết quả cho thấy là thiệt hại của cộng quân vẫn nặng nề không kém dịp Tết, chiến tranh vẫn mở rộng vào các vùng đô thị, làm gia tăng số lượng thương vong trong dân thường. Rồi sau đó, Cộng quân lại tiếp tục gấp rút bổ sung quân số và vũ khí từ miền Bắc để tấn công thêm nữa.

Vào cuối tháng 5 và đầu tháng 6-1968, Cộng quân bắt đầu đợt tấn công mới, đặc biệt là ở thành phố Sài Gòn. Các cơ sở quân sự Mỹ và trụ sở Chính phủ Việt Nam dường như là những mục tiêu ban đầu, mặc dù một lần nữa kẻ thù đã cho thấy hoàn toàn sự coi thường sinh mạng của những thường dân miền Nam vô tội. Khi những cuộc tấn công này bị cắt đứt, địch bắt đầu một loạt các cuộc tấn công hỏa tiễn nhắm vào dân thường Sài Gòn, gây ra sự phá hủy rộng lớn, số thương vong nặng nề của dân thường và số lượng người tị nạn ngày càng gia tăng. Những cuộc tấn công vào Sài Gòn rõ ràng đã được vạch ra để gây ảnh hưởng đến các cuộc đàm phán đã bắt đầu vào ngày 13-5 tại Paris, tại đó Hà Nội không hề có ý định thay đổi thái độ hung hăng hiếu chiến của mình.

Tính đến ngày 30-6-1968, chúng tôi ước tính là kẻ thù không còn phương tiện nào để giành được chiến thắng quân sự ở miền Nam Việt Nam, nhưng họ vẫn là đối tượng nguy hiểm vì chắc chắn sẽ tiếp tục không từ bỏ các cuộc tấn công nguy hiểm. Cũng không có dấu hiệu nào cho thấy họ đã từ bỏ mục tiêu về một nước Việt Nam cộng sản thống nhất. Trái ngược với sự tê liệt của các cuộc hòa đàm tại Paris, Việt Cộng nghĩ rằng một chiến thắng lớn trên chiến trường sẽ tạo sức mạnh trên bàn đàm phán. Không còn nghi ngờ gì nữa, kẻ địch không bao giờ quên một chiến lược kết hợp quân sự và chính trị mà họ đã từng áp dụng ở Geneva cách đây 14 năm."

3- Tình hình đến ngày 31-12-1966

Tính đến ngày 31-12-1966, tổng số quân Mỹ và Thế giới Tự do tại Việt Nam là 441.190 người. Trong đó: Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam (MACV): 8.794; Lục quân Mỹ: 236.341; Thủy quân lục chiến Mỹ: 70.405; Hải quân Mỹ: 19.953; Không quân Mỹ: 52.397; Nghiên cứu phối hợp: 6; Lực lượng DEF COM AGGY: 40; Lực lượng SOG: 595; Tổng cộng lực lượng Mỹ: 388.568. Quân Cộng hòa Hàn Quốc: 45.605; Quân Úc: 4.533; Quân Tân Tây Lan: 155; Quân Phi Luật Tân: 2.063; Quân Thái Lan: 224; Quân Trung Hoa Dân Quốc: 30; Quân Tây Ban Nha: 12; Tổng cộng Quân Thế giới Tự do (trừ Mỹ): 52.622.

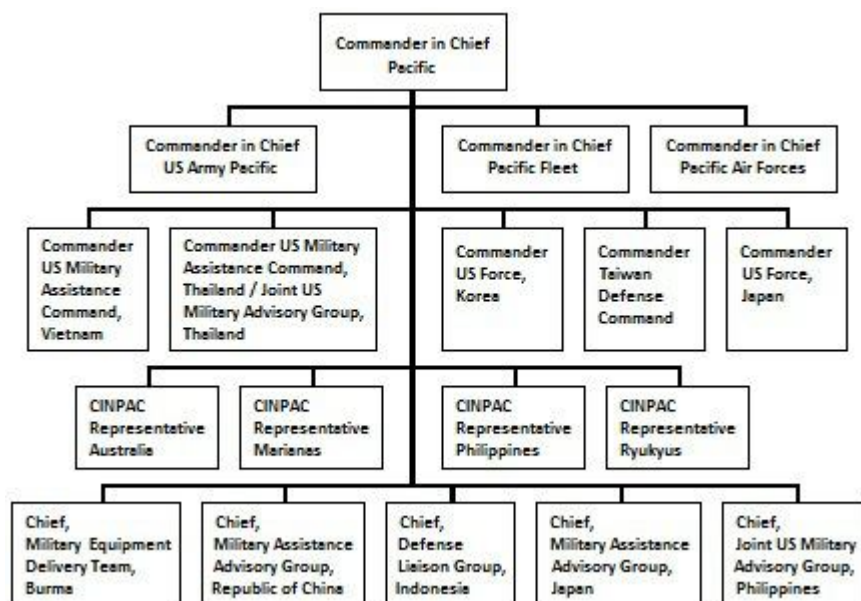
Trong năm 1966, quân đồng minh tại Việt Nam đã mở các chiến dịch hành quân: 1-66 (từ 2-1-1966); 1/66 (8-1); 2-66 (26-1); 3-66 (1-3); 3/66 (4-2); 4-66 (13-3); 4/66 (11-2); 5-66 (13-4); 6-66 (5-5); 6/66 (7-3); 7-66 (23-5); 7/66 (30-3); 8-66 (25-6); 8/66 (10-4); 9-66 (15-7); 10-66 (9-8); 11-66 (9-9); 12-66 (25-9); 13-66 (14-10); 14/66 (13-2); 18/65 (1-1); Abilene (30-3); Adams (25-10); Adelaide 1 (30-5); Adelaide 2 (31-5); Adelaide 3 (8-6); Aiea (7-8); Akron (8-5); Ala Moana (1-12); Alabama (29-3); Alexandria (4-12); Alice (1-9); Allegheny (19-8); Allentown (21-10); Amarillo (22-8); An Dân 564 (1-1); An Dân/14/66 (13-2); An Dân/42/66 (14-3); Apache (6-6); Arc Light 1966 (1-1); Arcadia (8-11); Asheville (12-5); Athens (23-5); Athol (6-9); Atlanta (20-10); Atlantic City (13-9); Attleboro (14-9); Aurora 1 (9-7); Aurora 2 (17-7); Austin 1 (11-4); Austin 2 (16-4);

Austin 3 (27-4); Austin 4 (1-5); Bach Đằng 46 (29-7); Bacon (19-10); Bald Eagle (8-2); Bangor (6-9); Bathurst (2-10); Baton Rouge (4-9); Battle Creek (14-9); Bắc Bồng Sơn (27-1); Beauregard (24-6); Beaver (1-6); Bee Bee (26-4); Beer Barrel (1-3); Belfast (15-8); Belt Line (18-2); Benning (21-3); Benning 2 (6-6); Benning 3 (30-6); Benning 4 (31-7); Benning 5 (2-9); Benning 6 (29-9); Bethlehem (20-10); Bến Cát (25-8); Big Lodge (15-1); Bình Định (23-3); Bình Phú 3 (3-5); Bình Phú/9/10/11 (5-7); Bình Phú 14 (20-7); Bình Phú 27 (22-9); Birmingham (24-4); Bismarck (25-11); Black Horse (1-3); Blackjack 21 (13-10); Blackjack 22 (10-12); Blue Jay (30-8); Bobcat Tracker (30-1); Bolivar (14-4); Boston (3-3); Bowie (22-4); Boyd (25-9); Breeze Away (14-2); Bremerton (25-10); Brisbane (16-7); Broncho (13-4); Brownsville (23-3); Brunswick (24-3); Buchanan (14-3); Buchanan 2 (27-3); Bucks (2-8); Buckskin (12-1); Bulldozer 5 (14-11); Bun Kae 66-5 (2-4); Bun Kea 66-7 (16-5); Bun Kea 66-9 (9-7); Bundaberg (30-10); Byrd (26-8); Canary (5-12); Canberra (6-10); Cannon (7-9); Castine (19-8); Casula (21-9); Cedar Rapids 1&2 (17-7); Charleston (27-11); Chattanooga (22-4); Cherokee (4-5); Cheyenne (24-5); Cheyenne 2 (31-5); Cheyenne 3 (2-8); Chinook 1 (20-12); Circle Pines (29-3); Clean Sweep (22-2); Coco Palms (25-6); Cocoa Beach (3-3); Coffee (24-9); Colorado (6-8); Cortez (5-12); County Fair (24-2); County Fair 2 (26-4); County Fair 11 (24-2); County Fair 24-266 (?); Cranston (4-9); Crazy Horse (16-5); Crimp (8-1); Crows Nest (30-9); Cửu Long 15 (20-3); Cửu Long/22/KT (16-10); Cửu Long/32/66 (5-7); Danbury (15-9); Danglesniff (1-12); Darlington (25-8); Darwin (6-6); Davy Crockett (3-5); Dazzlem (1-10); Dân Chí 211B (24-3); Dân Chí 227 (14-5); Dân Chí 228B (17-5); Dân Chí 261 (2-9); Dân Chí 263 (18-10); Dân Chí 270B (13-12); Dân Chí 270D (27-12); Dân Tâm 81 (16-11); Dân Thắng 61 (2-6); Dân Thắng 68 (2-7); Dân Thắng 73 (22-7); Dầu Tiếng (24-4); Decatur (3-9); Deckhouse 1 (18-6); Deckhouse 2 (16-7); Deckhouse 3 (16-8); Deckhouse 4 (15-9); Denver (10-4); Dexter (4-5); Dodge (17-6); Double Eagle (28-1); Double Eagle 2 (19-2); Dover (18-10); Dragon Eye (9-11); Duck (18-10); Đại Bàng 800 (2-10); Eagle Bait (24-6); Eagle Claw (11-2); Đoàn Kết (5-6); Ehu (21-6); El Paso 1 (19-5); El Paso 2 (2-6); El Paso 3 (13-7); Eldorado (13-8); Enoggera (21-6); Entree (12-2); Evansville (5-8); Ewa (8-7); Fairfax (30-11); Fargo (12-6); Fillmore (26-3); Fitchburg (25-11); Florida (5-6); Flying Tiger 6 (9-1); Fort Nisqually (20-11); Fort Smith (3-6); Fort Wayne (1-5); Franklin (26-7); Fresno (13-6); Fresno 2 (8-9); Garfield (25-2); Georgia (21-4); Geronimo (30-10); Gia Ray-Suối Cát (25-6); Glenn (17-12); Golden Fleece 1-1 (1-9); Golden Fleece 2 (14-3); Golden Fleece 5-1 (5-9); Golden Fleece 7-1 (16-9); Hắc Hồ 34 (18-7); Hamilton 2 (27-3); Hang Over (3-1); Hardihood (16-5); Harrison (21-2); Hastings (7-7); Hattiesburg (1-3); Hawthorne (2-6); Hayes (17-7); Hayman (6-11); Healdsburg (29-11); Heleman (17-6); Henry Clay (2-7); Hickory (6-10); Hobart (24-7); Hollandia (8-6); Hollingsworth (7-5); Holsworthy (5-8); Holt (1-7); Honolulu (14-3); Hooker 1 (9-6); Hot Springs (12-4); Huntsville (20-9); Hwa Rang 2 (12-2); Indiana (28-3); Ingham (18-11); Initiator (16-12); Iowa (8-4); Irving (2-10); Jackson (27-8); Jackstay (26-3); James Bond (4-7); Jay (25-6); Jefferson (1-1); Jim Bowie (7-3); John Paul Jones (21-7); Joliet (6-6); Kahala (16-4); Kahana 1&2 (3-7); Kahuku (6-4); Kailua (11-10); Kalamazoo (13-4); Kalihi (15-9); Kamehameha 1 (20-1); Kamehameha 2 (29-1); Kamehameha 3 (9-2); Kamehameha 4 (14-3); Kamuela (19-9); Kansas (13-6); Kathy (28-9); Kawela (10-6); Keana (13-4); Kelley Hill (25-11); Kent (8-10); Kern (1-10); Kings (18-3); Kipapa (1-9); Kokohead (23-7); Kokuliea (14-7); Kolchak (26-2); Kỳ Lam Campaign (4-5); Lahaina (7-8); Lam Sơn 2 (25-5); Lam Sơn 234 (17-2); Lam Sơn 235 (22-2); Lam Sơn 236 (22-2); Lam Sơn 238/283 (21-6); Lam Sơn 284 (hay 285) (25-6); Lam Sơn 286 (1-7); Lam Sơn 289 (7-7); Lam Sơn 290 (17-7); Lam Sơn 318 (3-10); Lanikai 1 (15-9); Lanikai 2 (5-11); Lanikai 3 (11-12); Lanikai 4 (19-12); Lee (3-10); Leeds (16-10); Lewis & Clark (3-5); Lexington 3 (17-4); Lê Lợi 21 (21-3); Liberty (7-6); Liên Kết 22 (28-1); Liên Kết 24 (19-2); Liên Kết 26 (4-3); Liên Kết 28 (20-3); Liên Kết 30 (28-3); Liên Kết 36 (12-4); Liên Kết 40 (9-5); Liên Kết 46 (29-6); Liên Kết 50 (26-7); Liên Kết 52 (6-8); Liên Kết 54 (27-8); Liên Kết 56 (4-9); Liên Kết 60 (16-9); Liên Kết 64 (3-10); Liên Kết 66 (31-10); Liên Kết 68 (5-11); Liên Kết 70 (20-11); Lightning 3 (26-2); Lightning 4; Lighting 5 (2-4); Lihue (2-5); Lincoln (25-3); Little Rock (1-10); Long Lance (3-1); Long Phi 971 (21-5); Long Phi 984 (25-8); Longfellow (13-4); Longstreet (6-6); Longview (23-9); Los Angeles (9-3); Lôi Hỏa 63 (27-7); Macon (4-7); Madison (21-10); Maeng Ho 5 (23-3); Maeng Ho 6 (23-9); Maeng Ho 7 (10-11); Maili (27-4); Makaha (11-4); Makiki (3-6); Mallard (10-1); Mallard 2 (23-8); Mallet (28-1); Mãnh Hồ/3/4/5/6 (6-9); Manitowoc (11-8); Marauder (1-1); Market Time 1966 (1-1); Marshalltown (2-11); Masher (25-1); Masher/White Wing (25-1); Mastiff (21-2); Matador 1&2 (1-1); Meadowlark (5-9); Meridian (7-11); Mexicali (13-6); Miami (14-4); Mississippi (29-11); Mobile (24-5); Mokoleia (15-7); Monroe (25-3); Monterey (28-9); Montgomery (9-5); Morgan (20-5); Mosby 1 (11-4); Mosby 2 (20-4); Muskegon (3-6); Nampak (?-7); Napa (4-9); Nashville (28-12); Nathan Hale (19-6); Nevada (12-4); New York (26-2); Nhà Bè (~23-7); Ninh Thuận 14 (31-7); Nogales (18-6); Norwalk (4-10); Oahu (1-8); Oakland (29-6); Olympia (24-3); Omaha (20-4); On Guard (17-1); Orange (1-4); Oregon (20-3); Osage (24-4); Ostego (18-4); Ottawa (20-8); Paddy Bridge (14-

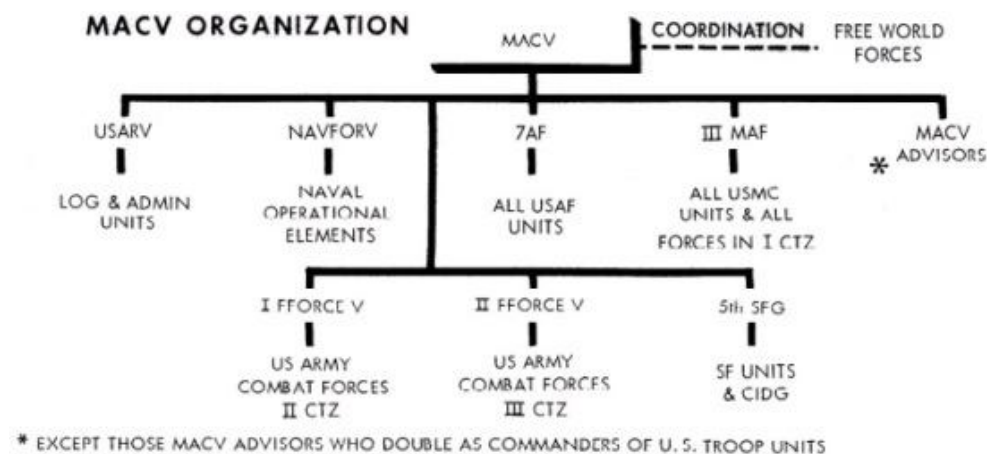
2); Palestine (17-3); Paul Revere 1 (10-5); Paul Revere 2 (1-8); Paul Revere 3 (26-8); Paul Revere 4 (18-10); Pawnee (26-8); Pawnee 2 (8-9); Pawnee 3 (29-10); Perth (8-6); Phoenix (26-2); Phú Yên (3-3); Phù Cát (x-9); Pickett (6-12); Pioneer 1 (17-1); Pioneer 2 (24-1); Poamoho (10-7); Pole Star (23-8); Prairie (3-8); Providence (17-5); Quảng Điền (18-8); Quảng Nam (2-9); Queanbeyan (16-10); Quick Hop (13-1); Quick Kick 1 (3-1); Quick Kick 2 (11-1); Quick Kick 3 (24-1); Quick Kick 4 (3-2); Quyết Thắng 184 (14-4); Quyết Thắng 296 (30-5); Rạch Giá (8-2); Rạng Đông (30-11); Red Ball 4 (15-1); Red Ball 5 (28-1); Red Ball 6 (3-3); Red Ball 7 (27-3); Reno (30-5); Retriever 1 (18-1); Retriever 2 (?); Rio Blanco (20-11); Road Runner 6 (7-2); Robin (3-10); Rolling Stone (11-2); Rolling Thunder 1966 (1-1); Roundhouse (4-2); Rover (9-12); Salem (13-3); Santa Cruz (19-12); Santa Fe (13-6); Sea Dragon (25-10); Seward (5-9); Shasta 1 (5-11); Shasta 2 (17-12); Shenandoah 1 (16-10); Short Fuse (12-1); Sierra (12-12); Silver City (7-3); Sioux City (26-9); Smithfield (18-8); Sông Bé-Chiến khu Đ (7-3); Spanaway (27-10); Springfield 1&2 (27-7); Stable (10-8); Steel Horse 7 (25-7); Steel Tiger 1966 (1-1); Sterling (11-12); Su Bok (26-3); Sunset Beach (2-9); Suttle (30-11); Suwanee (13-8); Sydney 1 (4-7); Sydney 2 (15-7); Tampa (13-3); Taro Leaf (3-2); Tault Bow (7-2); Taylor (5-2); Teton (10-10); Texas (20-3); Thanh Điền (1-12); Thayer 1 (13-9); Thayer 2 (25-10); Thăng Long (6-7); Thăng Long 234 (15-2); Thăng Long 243 (8-7); Thăng Long 246 (18-7); Thần Phong 2 (27-1); Thần Phong 3 (7-6); Thần Phong 11 (4-2); Thần Phong 14 (10-5); Thừa Thiên 177 (26-2); Toledo (13-3); Toledo 2 (10-8); Trail Boss (21-3); Travis (30-10); Trinidad 1&2 (6-12); Troy (3-3); Tulsa (6-10); Turner (23-6); Tyler (13-1); Uniontown (9-6); Uniontown 2 (11-10); Utah (4-3); Van Buren (19-1); Vacluse (8-9); Vĩnh Bình (5-7); Virginia (17-4); Waco (24-11); Wahiawa (16-5); Waikiki (4-3); War Bonnet (3-1); Washington (6-7); Waycross (24-3); Wayne (10-5); Wheaton (17-3); White Wing (4-2); Wiggins (27-12); Wilcox (10-8); Winchester (8-10); Wren (16-9); Wyatt Earp (14-3); Wyoming (26-4); Yass (6-11); Yell (17-4); York (1-4); Yorktown (23-6), v.v...

Các chiến dịch hành quân của lực lượng đồng minh tại Việt Nam năm 1966

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mỹ/Đồng minh (US/Allied Ops)	41	57	64	67	72	92	94	98	98	95	89	89
Phối hợp (Comb Ops)	21	3	11	19	17	27	20	18	23	32	20	33
Quân lực VNCH (ARVN Ops)	286	304	376	337	354	304	328	338	345	345	297	328
Đường dài (Longstreet Ops)	71	49	61	53	59	68	69	55	69	65	56	62



Quan hệ giữa Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam (MACV) với Bộ tư lệnh Thái Bình Dương



Tổ chức Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam (MACV)

Ước tính có khoảng 89.000 binh lính từ Bắc Việt thâm nhập vào miền Nam qua đường mòn Trường Sơn trong năm 1966. Quân số Việt Cộng tại chiến trường phía Nam đến cuối năm 1966 vào khoảng 287.000; trong đó có từ 45.000 đến 60.000 bộ đội chính quy Bắc Việt.

Quân Việt Cộng tại miền Nam cũng mở một số chiến dịch tấn công như: Sa Thầy (từ 8-10); Tây Sơn Tịnh (20-2)...

Tính chung trong năm 1966, Quân Đồng minh và quân Việt Cộng đã diễn ra hàng ngàn trận giao tranh lớn nhỏ. Quân Việt Nam Cộng Hòa chết 9.544, bị thương 10.132, bị bắt và mất tích 940. Quân Mỹ chết 5.008, bị thương 30.093, bị bắt 423. Hơn một nửa số thương vong của Mỹ là do bị Việt Cộng phục kích bằng súng cầm tay, sập bẫy chông, đập mìn được gài ở khắp mọi nơi tại các vùng nông thôn do Việt Cộng kiểm soát. Quân Việt Cộng bỏ lại trận 61.631 xác, bị thương 119.093, bị bắt hoặc ra hàng 6.369.

4- Chiến thuật hành quân giang thuyền ở Vùng 4 chiến thuật (1966-67)

Vào khoảng thời gian 1966-67, trấn đóng tại Vùng 3 chiến thuật có các sư đoàn 5, 18 và 25 bộ binh thuộc Quân đoàn 3 Việt Nam Cộng Hòa, và hai sư đoàn 1, 25 bộ binh và Lữ đoàn 173 không vận của Mỹ, chủ yếu bảo vệ Vùng 3 chiến thuật (các tỉnh miền Đông Nam Phần, ngoại vi thủ đô Sài Gòn) và ngăn chặn các cuộc xâm nhập của cộng quân từ đất Cambodia sang.

Tại Vùng 4 chiến thuật (miền Tây Nam Phần) trước năm 1966, tất cả các cuộc hành quân truy kích quân Việt Cộng đều do Quân đoàn 4 VNCH với các sư đoàn 7, 9, 21 bộ binh và các liên đoàn binh chủng trực thuộc thực hiện. Lực lượng Mỹ tại đây lúc này chỉ gồm các toán cố vấn và vài đơn vị yểm trợ nhỏ. Từ đầu năm 1966, trước sự gia tăng hoạt động của cộng quân ở đồng bằng sông Cửu Long, đại tướng tư lệnh Quân lực Mỹ tại Việt Nam William Westmoreland và trung tướng tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa Cao Văn Viên, thống nhất tăng cường một lực lượng đặc nhiệm để làm chủ hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt tại đây.

Quân đồng minh gấp rút thành lập Lực lượng Giang thuyền lưu động có qui mô lữ đoàn và đưa một đơn vị giang thuyền chiến đấu Mỹ về tỉnh Long An ở cực nam Vùng 3 chiến thuật, phối hợp với Trung đoàn 46/Sư đoàn 25 bộ binh VNCH đang trấn đóng tại đây, thực hiện một cuộc thử nghiệm chiến thuật hành quân truy kích cộng quân bằng giang thuyền. Một đơn vị giang thuyền khác cũng phối hợp với một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ thực hiện một cuộc thử nghiệm tương tự tại tỉnh Hậu Nghĩa, cũng thuộc Vùng 3 chiến thuật. Kết quả các cuộc thử nghiệm đều được chuẩn tướng tư lệnh Sư đoàn 25 Mỹ Frederick D. Weyand và chuẩn tướng tư lệnh Sư đoàn 25 VNCH Phan Trọng Chinh báo cáo khả quan nên đại tướng Westmoreland quyết định triển khai thực hiện rộng rãi ở đồng bằng sông Cửu Long.

Đại tướng Westmoreland điều Sư đoàn 9 bộ binh từ Mỹ sang đóng ở Vùng 4 chiến thuật, do người bạn cũ là thiếu tướng George S. Eckhardt làm tư lệnh. Trong đó, một lữ đoàn đóng tạm tại Bến Cát, một lữ đoàn đóng tại Mỹ Tho, và lữ đoàn còn lại chia quân hoạt động trên các giang thuyền hành quân tuần tiễu khắp các sông rạch. Công binh hải quân Ong Biển của Mỹ cũng lập căn cứ giang thuyền Đồng Tâm tại tỉnh Định Tường, nhưng sau hai năm xây dựng mới đưa được vào sử dụng vì thỉnh thoảng bị cộng quân bắn phá làm hư hại trước sau tổng cộng ba chiếc xáng mức cát thi công.



Giang vận đỉnh; Tuần giang đỉnh



Tuần tra sông rạch; Căn cứ tiểu đoàn pháo binh dã chiến ven sông



Tuần tra sông rạch; Binh sĩ VNCH đánh chiếm một cứ điểm Việt Cộng trong mùa lụt; Quân Mỹ phát hiện một kho hậu cần cộng quân ở miền Tây



Căn cứ Đồng Tâm đang xây dựng (1-1967 và 3-1968)

Hoạt động của Lực lượng giang thuyền trên vùng sông nước Nam Phần được phân công như sau:

- Các đơn vị giang thuyền thuộc Vùng sông ngòi/Hải quân VNCH hoạt động ở Biệt khu Rừng Sát, các tỉnh Gia Định, Hậu Nghĩa, Long An và các tỉnh Vùng 4 chiến thuật.
- Chiến đoàn 116 gồm Phi đoàn 3 trực thăng xung phong (Sói Biển) và một số đơn vị bộ binh, giang thuyền... hoạt động ở Biệt khu Rừng Sát, các tỉnh Gia Định, Hậu Nghĩa, Long An và các tỉnh Vùng 4 chiến thuật.
- Giang lực lưu động được thành lập với lực lượng gồm Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ (gồm ba tiểu đoàn bộ binh 3/37, 4/47, 3/60), hai liên đội giang thuyền xung phong số 9 và 11 của Chiến đoàn 117 Mỹ, có lúc được tăng cường thêm hai tiểu đoàn 4 và 6 thủy quân lục chiến VNCH. Phạm vi chuyên trách hoạt động của GLLĐ là khu vực đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm Biệt khu Rừng Sát, các tỉnh Long An, Kiến Tường và các tỉnh miền Tây Nam Phần.

Từ đó, lực lượng giang thuyền miền Tây hoạt động khá hữu hiệu trên chiến trường sông nước, khiến cho cộng quân gặp khó khăn và tổn thất rất lớn. Nhiều tuyến sông nước trở thành tuyệt địa. Nhiều cán binh cộng quân chưa chát lén gọi đùa với nhau kinh Vĩnh Tế là kinh Vĩnh Biệt. Mỗi toán giang thuyền hành quân thường có một thuyền quét mìn (diệt lôi giang đình) đi đầu, kế là thiết giáp giang đình có trang bị súng cối 80 ly và 40 ly hộ tống, rồi tới các giang vận đình có gắn lưới thép bảo vệ chống đạn B-40, B-41, trang bị đại bác nòng ngắn 105 ly và chuyên chở lực lượng đổ bộ tấn công.

Riêng năm 1967 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch, Lực lượng giang thuyền đã giao tranh 5 trận lớn và hàng trăm trận nhỏ, làm chết hơn 1.000 cộng quân. Lúc đầu, cộng quân thường phục kích hai bên bờ sông, dùng hỏa tiễn hay đại bác không giật bắn xuống. Nhưng hỏa lực trên đoàn giang thuyền mạnh mẽ và khá cơ động, quân trên thuyền trang bị tốt và đổ bộ phản công nhanh, lại có sự yểm trợ hữu hiệu của trực thăng quân đảo trên không nên cộng quân thất bại và thiệt hại nặng nề, sau đó giảm dần không tổ chức phục kích nữa mà thường rút lui mỗi khi bị tấn công để cố bảo toàn lực lượng và tiếp tục du kích chiến. Từ năm 1968, lực lượng giang thuyền hầu như làm chủ trận địa sông nước miền Tây, chỉ trừ đoạn sông nào giang thuyền rút đi và vào ban đêm thì cộng quân mới dám kéo ra hoạt động.

5- Mỹ tăng cường binh lực ở Việt Nam và Lào (1967)

Năm 1967, Mỹ sử dụng hóa chất khai quang ném xuống chiến trường miền Nam, thả thủy lôi phong tỏa cảng Hải Phòng và các cửa sông Bắc Việt. Đại tướng tư lệnh Quân lực Mỹ tại Việt Nam William Westmoreland yêu cầu tăng thêm 200.000 lính Mỹ. Ngày 24-1-1967, tổng thống Johnson đề nghị Quốc hội chuẩn chi 12,3 tỉ đô la cho chiến tranh Việt Nam. Nhưng bảy tháng sau, đến 3-8-1967 con số đó đã tăng lên 24 tỉ USD. Giá một ounce (31,1 gam) vàng 9999 tại thị trường Luân Đôn là 35 USD, tức theo hồi kim thì 1 USD năm 1967 tương đương 36,5 USD năm 2017.

Đến thời điểm 13-7-1967, số quân Mỹ tham chiến ở Nam Việt Nam đã lên đến 527 ngàn người.

Năm 1967, Mỹ và Quân Hoàng gia Lào thành lập các đơn vị biệt kích ở Savannakhet.

Năm 1967, mục sư Martin Luther King bắt đầu diễn thuyết chống chánh sách của Mỹ trong cuộc chiến Việt Nam.

6- Cộng quân phát triển binh lực tại miền Nam (1967)

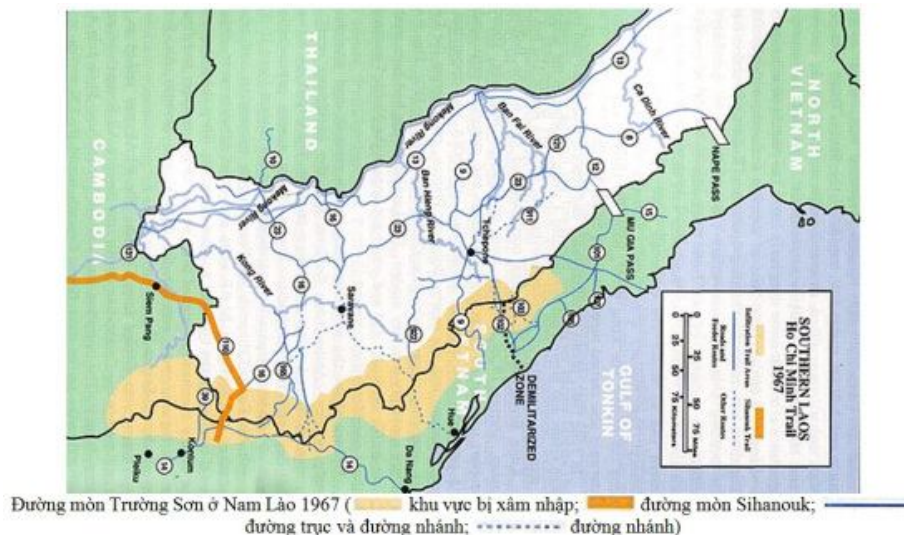
Trong năm 1967, quân Việt Cộng có một số điều chuyển nhân sự cho chiến trường miền Nam, như: thiếu tướng Chu Huy Mân – tư lệnh kiêm chính ủy Mặt trận B3 (Tây Nguyên), được cử làm tư lệnh Mặt trận B1 (Quân khu 5); đại tá Lê Ngọc Hiền làm phó tư lệnh Mặt trận B5 (Trị Thiên); đại tá Đồng Sĩ Nguyên làm tư lệnh Binh đoàn Trường Sơn (Đoàn 559)... Tháng 1-1967, đại tá Võ Bẩm được cử làm chính ủy Đoàn 95. Tháng 12-1967, đại tá Lê Văn Tường được cử làm chủ nhiệm chính trị kiêm ủy viên Quân ủy Miền.

7- Tình hình trên Tuyến đường mòn Trường Sơn (1967)

Phương thức vận chuyển trên Tuyến đường mòn Trường Sơn ngoài việc gửi, thò bằng sức người, voi và xe đạp như trước đây, từ năm 1967 bắt đầu phát triển thêm hệ thống đường ô tô. Đường bắt đầu từ Tân Kỳ (Nghệ An) vắt qua núi rừng Trường Sơn, chạy đến Chơn Thành dài 16.000 cây số, gồm 5 hệ thống đường trục dọc và 21 đường nhánh ngang, và một hệ thống đường ống dài 3.000 cây số từ Bắc Việt vào đến Lộc Ninh.

Từ năm 1965 đến giữa năm 1967, mỗi tháng có khoảng 7.000 bộ đội chánh quy Bắc Việt xâm nhập miền Nam. Từ tháng 7-1967, quân số vào Nam tăng lên gấp bội. Trong đợt tổng tấn công Tết Mậu Thân, quân số Việt Cộng tham gia chiến dịch, tính cả lực lượng tại chỗ lên đến hơn 630.000 lượt người. Để chuyên chở người, hàng quân dụng và vũ khí, quân Việt Cộng đã huy động từ 1.000 đến 1.700 xe tải Motolova, Zills của Liên Xô và xe Hồng Kỳ của Trung Cộng. Nhưng phần lớn bộ đội vẫn phải hành quân bộ, các đoàn dân công từ 15 đến 55 tuổi phải đại vác bộ và thò hàng quân dụng và vũ khí bằng xe đạp và voi. Lực lượng dân công đại vác bộ hoặc dùng xe đạp thò hàng nên rất chậm và nguy hiểm, cứ ba chuyến vận chuyển từ Bắc vào đến Nam chỉ còn có hai và nếu có trót lọt cũng mất bốn tháng trời. Từ năm 1967, đường mòn phát triển thành đường xe ô tô, mỗi đêm có hàng trăm xe tải Motolova di chuyển trong bóng tối và phát triển lên hàng trăm trạm nghỉ trên đất Lào, mỗi trạm cách nhau khoảng 50 cây số đường mòn uốn lượn. Ban ngày, mọi hoạt động hầu như ngưng hẳn và nguy trang cẩn thận để tránh phi cơ phát hiện.

Từ tháng 12-1966 đến tháng 4-1975, Binh đoàn 559A luôn có thường xuyên từ 500 đến 2.000 xe tải hoạt động chuyên tải người và phương tiện xâm nhập miền Nam. Quân số của Binh đoàn 559A gồm trên 120.000 người, gồm Liên đoàn Thanh niên xung phong 10.000 người, 1 sư đoàn cao xạ phòng không, 8 sư đoàn vận tải chiến đấu và nhiều binh trạm, mỗi binh trạm có quân số tương đương một trung đoàn tác chiến. Giữa hai khu vực, có các toán giao liên và các kho dã chiến. Mỗi đơn vị, khu vực chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi địa bàn mình quản lý.



8- Chiến dịch Rolling Thunder tiếp tục năm 1967 (1-1 đến 31-12-1967)

Từ ngày 2-3-1965 đến 1-11-1968, các lực lượng của Mỹ gồm Bộ tư lệnh Không lực châu Á – Thái Bình Dương tại Thái Lan, Bộ tư lệnh Hạm đội 7, Không lực 7, Lực lượng đổ bộ 3/MACV, đã phối hợp thực hiện chiến dịch trường kỳ Rolling Thunder, không kích các vị trí, tuyến vận chuyển quân sự tại Bắc Việt.

Chiến dịch Rolling Thunder được tiếp tục trong năm 1967 (từ 1-1 đến 31-12-1967).

Ngày 12-1-1967, đại tướng Earle G. Wheeler, chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ, đã tóm tắt khái quát về hoạt động của tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương (Commander in Chief, Pacific Command – CINCPAC) khi tiến hành các chiến dịch Rolling Thunder năm 1967. Mục tiêu là gia tăng sức ép để Bắc Việt ngừng hỗ trợ, điều khiển và chỉ đạo các cuộc nổi dậy ở Đông Nam Á. Có ba nhiệm vụ để hoàn thành mục tiêu này là: 1- không cho Bắc Việt cơ hội tiếp cận với dòng chi viện từ bên ngoài; 2- cắt đứt dòng chi viện người và thiết bị từ Bắc Việt sang Lào vào miền Nam Việt Nam; 3- phá hủy tận gốc các nguồn lực tại Bắc Việt góp phần hỗ trợ cuộc Nam xâm. Các nhiệm vụ này được coi là phụ thuộc lẫn nhau, và xét theo nghĩa rộng thì, cần phải hoàn thành cả ba nhiệm vụ mới đảm bảo đạt được mục tiêu chung.

CINCPAC nhận ra rằng để hoàn thành các nhiệm vụ này cần phải tạo ra sức ép ngày càng tăng một cách đều đặn và liên tục. Việc tạo ra sức ép ngày càng tăng một cách đều đặn từng bị từ chối vào năm 1966 do có những rào cản bó buộc trong hoạt động và kết quả là các nhiệm vụ không đạt hiệu quả như ý muốn. CINCPAC cũng cảm thấy rằng cách tốt nhất để gia tăng sức ép là áp dụng sức mạnh áp đảo không ngừng, dựa trên cơ sở mục tiêu dài hạn của quân đồng minh, nhằm chống lại hệ thống các mục tiêu then chốt của cộng sản.

Quan niệm của CINCPAC về một chương trình mục tiêu dài hạn nhấn mạnh đến một hệ thống nhiều mục tiêu, chứ không phải là từng việc riêng lẻ, và cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự nỗ lực liên tục. Do phần lớn các mục tiêu nằm ở khu vực phía bắc của Bắc Việt, nên quan niệm này tập trung chủ yếu vào khu vực đó. Có sáu hệ thống mục tiêu cơ bản gồm: điện lực, công nghiệp quốc phòng, hạ tầng giao thông vận tải, doanh trại quân đội, kho nhiên liệu, và căn cứ phòng không.

Ngày 18-1-1967, CINCPAC soạn ra phác thảo về khái niệm mục tiêu và hành động gửi lên Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân. Trong đó, CINCPAC khuyến nghị tham số sau trong việc hoàn thành chương trình chống lại sáu hệ thống mục tiêu cơ bản: *tất cả các mục tiêu trong mỗi hệ thống mục tiêu cần phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trên phê duyệt như là một gói chung. Điều này sẽ cho phép linh hoạt tối đa trong thời gian*

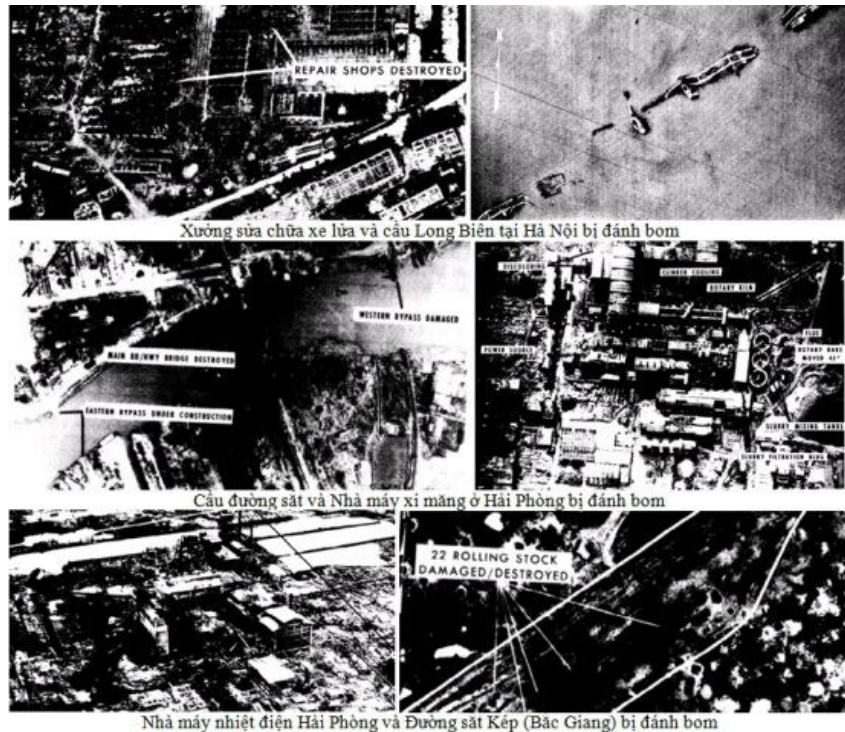
không kích, có tính đến yếu tố tình báo và thời tiết. Sức ép liên tục nên được đảm bảo bằng cách không kích khoảng 15 mục tiêu mới mỗi tháng. Vấn đề là cần tránh những đỉnh điểm và sự thoái chí, chán nản. Nếu chúng ta muốn gia tăng sức ép lên Hà Nội, thì một chương trình không kích mạnh mẽ có sự phân định cụ thể đối với các hệ thống mục tiêu cơ bản là cần thiết. Sáu hệ thống mục tiêu phải được xem như là một gói thống nhất, với mỗi hệ thống có mối quan hệ với nhau, và các đối tượng của mỗi hệ thống cần bị tấn công cùng lúc chứ không phải là một hệ thống riêng lẻ tại một thời điểm.

Sự phân định, phân chia cụ thể theo hệ thống các mục tiêu đề xuất cho cuộc không kích theo khái niệm trên đã được báo cáo lên Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân với bình luận rằng khái niệm này có ‘hạn chế có chừng mực’ (finite limits) và ‘các mục tiêu có chừng mực’ (finite goals) và do đó không thể được coi là ‘kết thúc mở rộng’ (open ended). Điều cần thiết của chương trình là phải linh hoạt. Một số mục tiêu có thể sẽ được tạm ngưng, một số khác thì không. Các mục tiêu mới có thể sẽ được tạo ra khi đối phương có sự điều chỉnh. Khi các mục tiêu ưu tiên đã bị phá hủy hoặc gây tổn hại, thì các mục tiêu mà trước đây bị xem là kém quan trọng hơn có thể được nâng lên thành mục tiêu ưu tiên.

Chiến dịch Rolling Thunder trong quý I-1967 bị cản trở do thời tiết khắc nghiệt của gió mùa Đông Bắc, tình trạng này gây khó cho cuộc tấn công toàn diện vào các mục tiêu cố định và làm giảm đáng kể việc trinh sát quân sự. Tuy nhiên, hệ thống trọng pháo mặt đất có radar điều khiển phân bố trên các tuyến đường phía nam, các cuộc tấn công lực lượng nhỏ bằng máy bay A-6 của Hạm đội 7 và các cuộc tấn công bằng máy bay F-4 và F-105 của Không lực 7 được kết hợp để giữ áp lực không ngừng.

Rolling Thunder 53 và Rolling Thunder 54

Đặc biệt quan trọng là việc thực hiện việc chiến dịch Rolling Thunder 53 từ ngày 24-1 và Rolling Thunder 54 từ 23-2-1967. Các chiến dịch kết hợp này đã mở các cuộc tấn công vào 16 mục tiêu cố định trong khu công nghiệp quan trọng ở phía đông bắc của Bắc Việt. Giữa tháng 4-1967 đánh dấu sự kết thúc của thời tiết xấu ở Bắc Việt, hoạt động không kích được đẩy nhanh, và đến ngày 21-4, tất cả các mục tiêu Rolling Thunder 54 đã bị ném bom.



Rolling Thunder 55

Ngày 23-4, Mỹ bắt đầu mở chiến dịch Rolling Thunder 55. Các khu vực hoạt động trinh sát quân sự vẫn không thay đổi, trong khi các mục tiêu cố định bao gồm một trạm biển thềm, một nhà máy xi măng, ba cây cầu, một trạm sửa chữa đường sắt, một kho đạn, một khu chứa POL (petroleum, oil, lubricants) và các sân bay Kép và Hòa Lạc dùng cho máy bay MiG ở vùng phụ cận Hà Nội. Các mục tiêu được chọn không kích nằm trong vòng

tròn 10 dặm bao quanh Hà Nội. Đến ngày 28-4, tất cả mục tiêu Rolling Thunder 55 đã bị tấn công. Các cuộc không kích tiếp diễn ở khu vực Hà Nội - Hải Phòng đã buộc Bắc Việt phải gia tăng đối phó. Bắc Việt khẩn cấp tập trung pháo phòng không và tên lửa đất đối không đến những vùng này.

Rolling Thunder 56

Chiến dịch Rolling Thunder 56 bắt đầu từ ngày 2-5-1967. Cuối tháng 5, Rolling Thunder 56 xác định thêm 10 mục tiêu cố định mới.

Thời tiết tốt ở Bắc Việt đã giúp cho nỗ lực tối đa của Mỹ sớm hoàn thành tại tất cả các mục tiêu đã định. Dấu hiệu đáng quan tâm nhất là chương trình tập trung chống lại hệ thống giao thông đường bộ của Bắc Việt dọc theo các tuyến hậu cần trọng yếu nối liền với Trung Cộng. Nỗ lực chủ yếu tập trung vào các khu vực được phân loại, các xưởng sửa chữa, cầu đường bộ và đường sắt, các khu hậu cần.

Kết quả rất thuận lợi cho Mỹ, đặc biệt là trong việc phát hiện chính xác các tuyến vận chuyển hàng hóa để phá hủy chúng. Đồng thời trinh sát quân sự về số liệu LOC của đường bộ và sông rạch đã góp phần làm tăng thêm các vấn đề hậu cần chung ở Bắc Việt. Phương thức không kích này diễn ra liên tục trong suốt năm 1967 với mục đích tách biệt Hải Phòng với Hà Nội, cũng như Hà Nội - Hải Phòng với các vùng khác của Việt Nam, đặc biệt là các LOC này còn lan xa về phía nam tới Lào và khu phi quân sự.

Suốt tháng 7-1967, thời tiết thuận lợi ở miền Bắc Việt Nam đã xấp xỉ 66% thời gian trong tháng. Điều này cho phép Mỹ hoạt động tối đa ở Bắc Việt và đã mở nhiều cuộc không kích Hà Nội, Hải Phòng và ném bom hệ thống đường sắt và đường bộ quan trọng ở phía bắc của Bắc Việt.

Rolling Thunder 57

Vào ngày 20-7-1967, chiến dịch Rolling Thunder 57 với 16 mục tiêu thêm mới đã được khởi động.

Thời tiết bay thuận lợi trong tháng 8 thấp hơn khoảng 20% so với tháng 7. Chiến dịch ở phía bắc của Bắc Việt được kích thích bởi sự cho phép tiếp theo của Rolling Thunder 57 cho các cuộc tấn công chống lại các mục tiêu LOC được chọn ở phía đông bắc của Bắc Việt. Việc cho phép mới này đã làm tăng số lượng các mục tiêu cố định bị tấn công từ 16 lên 46. Những cuộc không kích này làm cho tiêu hao phần lớn toa xe lửa và cắt đứt các tuyến đường sắt. Tại khu vực Hà Nội và Hải Phòng, 30 mục tiêu cố định đã bị tấn công. Các mục tiêu trong những khu vực bị giới hạn trước đây lần này bị phơi bày bao gồm phần lớn là bến phà và cầu đường bộ và đường sắt, và các khu kho hậu cần. Sự thâm nhập các khu tồn trữ này, cùng với mức độ thiệt hại rất cao đã đạt được, làm phức tạp thêm vấn đề chuyển tải các nguồn cung cấp thiết yếu cho miền Nam. Vào ngày 24-8-1967, tất cả các mục tiêu ở khu vực Hà Nội lại bị đặt vào tình trạng bị hạn chế.

Thời tiết ở khu vực phía bắc của Bắc Việt trong tháng 9 tồi tệ hơn nhiều so với dự báo và gây trở ngại nghiêm trọng cho hoạt động không kích. Mười bảy mục tiêu mới đã được thêm vào danh sách mục tiêu Rolling Thunder 57 trong tháng 9-1967; trong đó có 8 mục tiêu nằm trong khu vực hạn chế ở Hà Nội và thời tiết bất lợi hạn chế nỗ lực của Mỹ đối với phần còn lại. Mặc dù nỗ lực bị giảm bớt ở các tuyến đường phía bắc của Bắc Việt, Mỹ tìm cách duy trì áp lực liên tục bằng cách sử dụng các hệ thống đánh bom thời tiết của máy bay Không lực và Hải quân.

Thời tiết được cải thiện trong tháng 10-1967, việc dỡ bỏ các mục tiêu được phép ở khu vực Hà Nội vào ngày 23-10, và việc bổ sung 8 mục tiêu mới vào danh sách mục tiêu Rolling Thunder 57, đã cho phép tăng 60% các cuộc không kích so với tháng 9. Tám mục tiêu bổ sung bao gồm 7 mục tiêu mới tại khu vực Hải Phòng ngay lập tức cộng với một cơ sở sửa chữa tàu gần Hải Phòng. Hệ thống giao thông, năng lượng và phòng không đã bị phá hủy nghiêm trọng do sự cho phép tái không kích khu vực Hà Nội vào ngày 23-10 và tấn công các mục tiêu mới ở Hải Phòng và vùng phụ cận Hải Phòng.

Trong tháng 11-1967, 14 mục tiêu mới được bổ sung vào danh sách mục tiêu Rolling Thunder 57 đưa tổng số lên 85. Thời tiết bất lợi trong suốt tháng 11 đã ngăn cản việc thực hiện kế hoạch không kích ở khu vực phía bắc của Bắc Việt. Tuy nhiên, trong số 85 mục tiêu, có 25 mục tiêu bị tấn công một lần hoặc nhiều lần trong tháng.

Mặc dù không có mục tiêu mới nào được cho phép trong tháng 12 và mức độ thiệt hại của các mục tiêu của Rolling Thunder 57 vẫn không thay đổi, các cuộc không kích được tiến hành với các mục tiêu đã được cho phép trước đây. Cả hai cây cầu đường sắt và đường bộ quan trọng là cầu Long Biên (cầu Doumer) và cầu Sông Đuống (Canal Des Rapides) đều bị phá hủy nặng nề trong giai đoạn từ 14 đến 18-12. Các mục tiêu quan trọng khác bao gồm các cầu đường sắt và đường bộ ở Hải Dương, Hải Phòng, Kiến An, các sân bay Kiến An, Yên

Bái, Hòa Lộc, Kép, Phúc Yên. Tất cả đều không thể sử dụng trong một thời gian dài. Thời tiết tiếp tục là yếu tố chi phối ảnh hưởng đến các hoạt động của Rolling Thunder trên khắp Bắc Việt trong tháng 12. Điều kiện thời tiết xấu báo hiệu gió mùa đông bắc sắp trở lại, sẽ làm giảm hoạt động Không quân Mỹ khắp Bắc Việt trong ba hoặc bốn tháng tới.

Thời tiết xấu trong các tháng 8, 9, 11 và 12-1967 khiến cho Bắc Việt nghĩ rằng đây là cơ hội hiếm hoi quý báu để tranh thủ đưa quân và chiến cụ vào mở cuộc tổng tấn công ở miền Nam.

Trong báo cáo tổng kết nhan đề ‘Report on the war in Vietnam’ công bố vào tháng 7-1968, đô đốc tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương Ulysses S. Grant Sharp đã viết:

“Trong báo cáo thành tích đạt được mục tiêu của chúng ta năm 1967, ba nhiệm vụ cơ bản mà chúng tôi đã đặt ra cho mình là phương tiện tốt nhất đi tới kết quả đàm phán.

Cắt đứt nguồn viện trợ từ bên ngoài cho Bắc Việt

Tổng số viện trợ từ bên ngoài cho Bắc Việt đã tăng lên hàng năm kể từ khi chiến tranh bắt đầu và so với khối lượng hàng hóa nhập vào nước này. Vào năm 1967, khối lượng hàng nhập theo đường biển tăng gần 40% so với 930.000 tấn của năm 1966. Tổng thống không cho phép không kích và thả mìn xuống các cảng là nơi mà việc vận chuyển của các nước thứ ba có thể gặp nguy hiểm. Tuy nhiên, các cuộc không kích có tính hệ thống đối theo dạng LOC đã làm cản trở lưu lượng hàng nhập khẩu một khi chúng đã lọt vào nội địa. Những đợt không kích chống lại các mục tiêu cố định phục vụ chiến tranh cũng như các mục tiêu chủ chốt của LOC đã làm giảm lưu lượng của hàng hóa vật tư nhập khẩu.

Sự xuất hiện của thời tiết tốt vào cuối tháng 5-1967 đã cho phép một nỗ lực tấn công tập trung vào tất cả các tuyến đường sắt phía bắc Bắc Việt và tại khu vực Hà Nội và Hải Phòng. Các cuộc không kích vào tháng 6, tháng 7 và tháng 8 chiếm hơn 56% tổng số xe tải và toa xe lửa bị báo cáo là hư hỏng và phá hủy trong cả năm. Ước tính giữa năm 1967 cho thấy khoảng 30% hàng hóa vật tư nhập khẩu trên đường vận chuyển bị phá hủy bởi các cuộc không kích. Các cuộc không kích vào các kho tàng quân sự lớn ở Hà Nội và Thái Nguyên đã phá hủy các nguồn ngoại viện đã đổ vào Bắc Việt bằng đường sắt và đường biển.

Bắt đầu từ tháng 8-1967, một chiến dịch lớn đã được thực hiện để cô lập Hà Nội và Hải Phòng với phần còn lại của Bắc Việt và các tuyến hậu cần phía bắc và phía nam. Chiến dịch này đã làm cho các cây cầu chính ở những khu vực này không thể hoạt động trong một khoảng thời gian khác nhau, do đó khiến Bắc Việt gặp khó khăn nghiêm trọng hơn để chuyển hàng nhập khẩu qua các trung tâm phân phối lớn này. Nhiều bến phà đã được đưa vào hoạt động và cả hoạt động xe tải và tàu thủy tăng lên, cho thấy những nỗ lực của Bắc Việt nhằm vượt qua các hiệu ứng ném bom. Khả năng hoạt động vận tải bị giảm đáng kể. Bắc Việt đã cố ý cho tàu của mình neo đậu gần tàu nước ngoài để làm giảm cơ hội bị tấn công của họ.

Các khu kho tàng lớn đã nhân rộng gần bến cảng Hải Phòng và khắp thành phố khi trọng tải toàn bộ của chiến dịch trở nên rõ ràng. Vào tháng 10-1967, có khoảng 200.000 tấn hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển đã được tập trung và xếp chồng lên nhau trong những khu vực này. Vào đầu tháng 11, tin tình báo chỉ ra rằng nhiều báo động đường không đã làm chậm lại hoạt động của cảng Hải Phòng khi công nhân trú bom. Thêm vào đó, sự vắng mặt đội ngũ bốc vác đã tăng lên do sự nguy hiểm của việc đèn làm việc. Sự đói kém và mệt mỏi của các công nhân cảng được ghi rõ trong các bản báo cáo nội bộ quan trọng của Bắc Việt. Sự thiếu hụt xe tải và xà lan đã làm chậm việc bốc dỡ hàng ra vào cảng. Hiệu quả hoạt động của cảng Hải Phòng đã bị giảm hẳn do sự hiện diện của máy bay Mỹ trong khu vực và các tàu buôn nước ngoài không thể tận dụng hết công suất tải trọng của họ.

Tác động tổng thể của nỗ lực ngăn chặn dòng chảy ngoại viện vào Bắc Việt không chỉ gây ra sự phá hoại và thiệt hại cho hệ thống giao thông vận tải và hàng hóa đang được vận chuyển mà còn tạo ra thêm các vấn đề về quản lý, phân phối và nhân lực. Các cuộc không kích tạo ra một nút cổ chai tại Hải Phòng, là nơi không thể di chuyển hàng hóa từ nội địa ra cảng dẫn đến tắc nghẽn bến tàu và việc xếp dỡ hàng trên tàu. Vào tháng 10-1967, sự cắt đứt tuyến đường bộ và đường sắt đã làm giảm năng lực hoạt động vận tải của Hải Phòng khoảng 2.500 tấn/ngày. Trung bình 4.000 tấn/ngày nhập khẩu đã đến Hải Phòng trong năm 1967.

Ngăn chặn chuyển quân và thiết bị quân sự

Quân đội và thiết bị quân sự cần thiết cho chiến đấu tại miền Nam Việt Nam vẫn tiếp tục chảy từ Bắc Việt vào bất chấp các cuộc tấn công dạng LOC, nhưng chúng ta đã làm cho các cuộc chuyển quân như vậy ngày càng tốn kém. Trong chương trình hỏa lực bổ sung của Hải quân, các chiến dịch tấn công của chúng ta liên quan tới 1.384 tàu/ngày cập cảng và góp phần đáng kể vào việc giảm thâm nhập đường biển của địch vào miền Nam Việt Nam và vào khu phi quân sự.

Trong năm 1967, các cuộc tấn công vào hệ thống vận tải Bắc Việt đã dẫn đến việc phá hủy các chuyến hậu cần và hàng hóa cũng như số người thiệt mạng của họ. Các cuộc không kích Bắc Việt đã phá hủy hoặc làm hư hỏng hơn 5.260 xe cơ giới, 2.500 toa xe lửa và 11.500 tàu thuyền. Hỏa lực Hải quân ghi nhận hơn 1.500 tàu hậu cần của Bắc Việt bị phá hủy hoặc hư hỏng. Đối phương còn chịu thiệt hại vật chất bổ sung từ việc phá hủy các tuyến đường sắt, đường bộ, cầu, bến phà, xưởng đường sắt, kho tàng và bến xe. Khoảng 3.700 mục tiêu mặt đất bị trúng hỏa pháo Hải quân, trong đó 300 trạm radar và phòng thủ bờ biển đã bị phá hủy hoặc thiệt hại. Với sự chi viện của các nước cộng sản khác, địch đã có thể thay thế hoặc phục hồi nhiều hạng mục hư hỏng hoặc phá hủy, và các kho hậu cần chứa hàng tồn kho gần bằng với mức độ vào đầu năm. Tuy nhiên, vấn đề xây dựng tốn kém và sự chậm trễ gây gián đoạn dòng chuyển quân và thiết bị vào Nam, gây ra một mất mát rất lớn về nhân lực, và cắt đứt các tuyến di chuyển, đặc biệt là vào ban ngày.

Hệ quả quan trọng của nỗ lực cản trở di chuyển của địch là bắt buộc Hà Nội phải chuyển 500.000 đến 600.000 dân thường tham gia các hoạt động phục vụ chiến tranh toàn thời gian và bán thời gian, đặc biệt đối với việc phòng không và sửa chữa LOGS. Điều này chuyển hướng nhân lực từ những hoạt động khác, đặc biệt là từ nông nghiệp. Ước tính sản lượng lương thực thấp hơn cùng với việc tăng nhập khẩu lương thực vào năm 1967 cho thấy nông nghiệp gặp khó khăn trong việc điều chỉnh cho lực lượng lao động nhỏ hơn này. Nhập khẩu lương thực vào năm 1967 bằng khoảng sáu lần so với năm 1966, nhưng một đợt hạn hán bất thường cũng là một phần nguyên nhân. Khó khăn và phí tổn chiến tranh của Hà Nội đã tăng mạnh và chỉ còn biết nhờ vào sự chi viện của các nước cộng sản khác để bổ sung tới đa hàng hóa và vật liệu mà Bắc Việt cần có để duy trì nỗ lực chiến tranh.

Phá hủy tận gốc nguồn lực chiến tranh của Bắc Việt

Những cuộc không kích các hệ thống mục tiêu được cho phép và thực hiện lần đầu tiên vào năm 1967, mặc dù các cuộc tấn công bị hạn chế theo các mục tiêu cụ thể trong mỗi hệ thống.

Hoạt động không kích các mục tiêu được cho phép diễn ra vào lúc có thời tiết tốt trong năm 1967 đã gây ra thiệt hại và giảm hiệu suất cho tất cả các hệ thống mục tiêu. Nhà máy gang thép Thái Nguyên là nhà máy lớn hàng đầu của Bắc Việt, nằm cách Hà Nội 48 cây số về phía bắc, có năng lực sản xuất theo thiết kế 300.000 tấn gang thép mỗi năm, bị tấn công lần đầu vào mùa xuân 1967. Đến cuối tháng 6, việc sản xuất gang thép và than cốc bị chấm dứt hoàn toàn, làm cho việc sản xuất cầu phao, sà lan, bồn nhiên liệu, và các sản phẩm thép khác dùng trong chiến tranh cũng tê liệt theo. Tình trạng của ngành công nghiệp này khi kết hợp với sự hoạt động chập chờn của Nhà máy Xi măng Hải Phòng đã làm cho Bắc Việt giảm trầm trọng khả năng xây dựng và sửa chữa các LOC bị thiệt hại. Để bù đắp những tổn thất này, Bắc Việt phải trông cậy vào các phân xưởng nhỏ và kém hiệu quả của ngành cơ khí thủ công hoặc nhập khẩu thêm từ Trung Cộng, Liên Xô hoặc các nước Đông Âu. Việc điều chỉnh này gây ra thêm nhiều vấn đề khó khăn về phân phối và quản lý. Nhu cầu nhập khẩu bổ sung làm giảm không gian vận chuyển thường được phân bổ cho các loại hàng hậu cần chiến tranh khác và gia tăng tình trạng tắc nghẽn tại các cảng vì nhiều tàu đã được dùng để đáp ứng các nhu cầu bổ sung.

Các cuộc không kích vào các nhà máy điện quan trọng ở vùng đông bắc Bắc Việt tiếp tục trong suốt thời kỳ có thời tiết tốt năm 1967, trong đó có cả Nhà máy Nhiệt điện Hà Nội lần đầu tiên bị ném bom vào tháng 5. Cho đến giữa tháng 11-1967, khoảng 85% hệ thống điện của Bắc Việt đã bị phá hủy, ảnh hưởng đến nhu cầu của công nghiệp, chính quyền và tiêu dùng.

Tuy nhiên, điều quan trọng sống còn là phải xem xét các kết quả đạt được của chiến dịch Rolling Thunder trong năm 1967, để nhớ rằng mục tiêu gây sức ép liên tục gia tăng và tăng đều trong một khoảng thời gian dài đã không đạt được. Mục tiêu đã được tiếp cận gần gũi trong những tháng mùa hè và trong giai đoạn đó chiến dịch không kích đã bắt đầu có tác động lớn nhất của nó – để làm cho địch thấy bị sức ép mãnh liệt. Thời kỳ gây sức ép đã bị rút ngắn, ngay cả khi địch chỉ mới bắt đầu bị thương.”

Bảng lược kê các thành phần mục tiêu Bắc Việt năm 1967 (chú thích: một số mục tiêu cố định đã bị tấn công nhiều lần và thiệt hại của chúng có thể được báo cáo nhiều hơn một lần.)

Loại mục tiêu	Bị phá hủy	Gây thiệt hại	Cộng chung
– Vị trí AAA/AW	450	1.479	1.929
– Vị trí SAM	33	196	229
– Vị trí giao thông	19	121	140
– Khu quân sự	194	614	808
– Khu chánh quyền	2	130	132

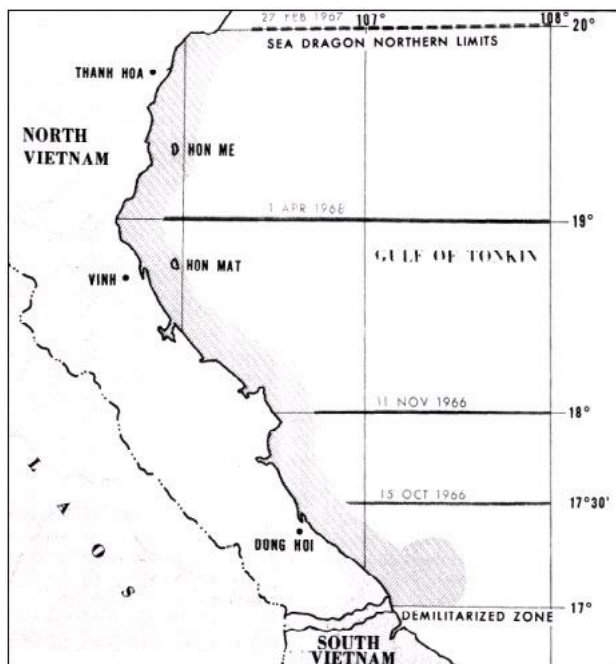
– Khu hậu cần	27	1.545	1.572
– Tòa nhà	2.354	1.193	3.547
– LOC's	813	5.684	6.497
– Bến cảng	13	75	88
– Nhà máy điện	2	28	30
– Đoạn đường sắt	3	176	179
– Xe cơ giới	2.929	2.658	5.587
– Toa xe lửa	1.077	1.434	2.511
– Tàu thuyền cơ giới	4.396	7.367	11.763
Cộng	12.312	22.700	35.012

9- Hệ thống phòng không của Bắc Việt năm 1967

Vào đầu năm 1967, máy bay chiến đấu của Bắc Việt đã sử dụng bốn sân bay Gia Lâm, Phúc Yên, Kép và Cát Bi. Tháng 2-1967, sân bay Hòa Lạc mới xây dựng đã đi vào hoạt động và trong tháng 4, không ảnh của Mỹ phát hiện ra rằng có máy bay MiG đang đậu tại đó. Các cuộc không kích vào sân bay Hòa Lạc và Kép bắt đầu vào tháng 4 và sân bay Kiến An tại Hải Phòng được đưa vào danh sách không kích của Mỹ vào tháng 5-1967. Đến cuối năm 1967, tất cả các sân bay máy bay phản lực của Bắc Việt đều đã bị tấn công, ngoại trừ sân bay Gia Lâm tại Hà Nội do là sân bay quốc tế nên tổng thống Mỹ không cho phép tấn công. Mặc dù các thiết bị mặt đất quan trọng đã bị phá hủy, hầu hết các công trình trọng yếu nhất đã được chuyên gia Liên Xô và Trung Cộng giúp khẩn trương tu sửa lại trong một thời gian ngắn sau mỗi cuộc không kích.

Mặc dù chiến thuật đường không cũng như khả năng và kinh nghiệm của phi công máy bay MiG của Bắc Việt tiếp tục được cải thiện hơn trong năm 1967, nhưng phi công Mỹ vẫn luôn duy trì vị trí dẫn đầu trong các trận không chiến. Trung bình trong năm 1967 có khoảng 20 cuộc đụng độ mỗi tháng, Lực lượng Không quân Bắc Việt mất máy bay với tỷ lệ ba một (hơn 75 chiếc MiG bị bắn hạ trong không chiến so với 25 máy bay của Mỹ). Ngoài các tổn thất không chiến, cuộc không kích vào ba sân bay lớn nhất phá hủy 15 chiếc MiG đậu trên mặt đất. Tuy nhiên, số MiG thiệt hại đã sớm được thay thế bởi các lô hàng viện trợ từ Liên Xô và Trung Cộng. Vào cuối năm, có khoảng 20 máy bay đang hoạt động tại Bắc Việt; số còn lại được đặt tại vài sân bay ở miền nam Trung Cộng, trong đó phần lớn phục vụ trong các khóa đào tạo và huấn luyện.

Vào đầu năm 1967, không ảnh Mỹ phát hiện có khoảng 25 tiểu đoàn SAM đang hoạt động ở Bắc Việt. Mặc dù bị ném bom liên tục nhưng đến cuối năm, Mỹ đã phát hiện hơn 100 địa điểm SAM mới. Vùng phủ sóng SAM đã mở rộng về phía tây bắc và đến khu vực phía bắc khu vực phi quân sự. Tháng 10-1967 và một lần nữa vào tháng 12-1967, lần đầu tiên tên lửa SAM đã bắn vào máy bay B-52, nhưng không làm hỏng máy bay Mỹ. Số liệu hình ảnh của Không quân Mỹ cho biết, mặc dù có khoảng 3.500 hình ảnh SAM bắn lên đã được ghi nhận trong suốt năm 1967, so với khoảng 990 vào năm 1966, nhưng hiệu quả của SAM lại giảm. Mỹ đã mất 30 máy bay năm 1966 so với 64 chiếc năm 1967 vì hỏa tiễn SAM. Trung bình 55 chiếc SAM đã bắn hạ một chiếc máy bay của Mỹ năm 1967 so với 33 chiếc năm 1966 và 13 chiếc năm 1965. Không quân Mỹ kết luận là rõ ràng là các biện pháp đối phó và kỹ thuật của Mỹ đã trở nên hiệu quả hơn.



Khu vực hành quân Sea Dragon

10- Chiến dịch Sea Dragon tiếp tục năm 1967 (1-1 đến 31-12-1967)

Trong năm 1967, Bộ tư lệnh Hạm đội 7 và Bộ tư lệnh Hải quân Mỹ tại Việt Nam tiếp tục mở chiến dịch trường kỳ Sea Dragon nhằm tuần tra và ngăn chặn các chuyến tàu chở binh lính và thiết bị quân sự từ Bắc Việt theo đường biển xâm nhập vào miền Nam, đồng thời tấn công một số vị trí trên bờ của Bắc Việt. Trong báo cáo tổng kết nhan đề 'Report on the war in Vietnam' công bố vào tháng 7-1968, đô đốc tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương Ulysses S. Grant Sharp đã viết:

“Các cuộc không chiến Rolling Stone của chúng ta không phải là phương tiện duy nhất để đối phó với kẻ thù Bắc Việt. Các lực lượng hải quân mặt đất của chúng ta cũng tiến hành một chiến dịch mạnh mẽ và liên tục chống lại tàu hậu cần trong vùng biển Bắc Việt và chống lại các mục tiêu mặt đất nằm trong tầm pháo.

Ngày 14-5-1965, việc sử dụng hỏa lực Hải quân để hỗ trợ các lực lượng đồng minh ở miền Nam Việt Nam đã được cho phép. Các kết quả thu được đã chứng minh giá trị của sự hỗ trợ đó.

Để tăng cường cho chiến dịch Rolling Stone, đặc biệt là trong thời kỳ thời tiết bất lợi và làm giảm tầm nhìn, chúng ta tin rằng hỏa lực hải quân có thể được sử dụng có hiệu quả chống lại Bắc Việt. Có nhiều nguồn lực Hải quân đáng kể với khả năng như vậy đã có mặt ở Vịnh Bắc Bộ. Những nguồn lực này tham gia vào các sứ mạng cảnh báo sớm, tìm kiếm, cứu hộ, và hỗ trợ hoạt động của các không hạm. Tuy nhiên, ngoại trừ lúc hành động phòng vệ, khả năng này vẫn chưa được dùng để trực tiếp tấn công vào Bắc Việt.

Tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương (CINCPAC) đã đề nghị rằng hỏa lực hải quân có thể chuyển hướng và pha loãng một số nỗ lực phòng thủ của Bắc Việt, như là tập trung vào phòng không, qua đó giúp giảm sự phơi bày và tiêu hao máy bay và phi công Mỹ. Do đó ngày 13-5-1966, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân đề nghị Bộ Quốc phòng cho phép hỏa lực hải quân được bắn vào các mục tiêu trên bờ và trong vùng duyên hải Bắc Việt trong khu vực từ 17 đến 200 Bắc.

Lệnh cho phép đã được đưa ra ngày 15-10-1966, để tiến hành các chiến dịch tàu đối đất chống lại hoạt động vận chuyển đường thủy trong vùng duyên hải phía nam vĩ tuyến 17 30' Bắc, nhưng chỉ được bắn phá vào bờ biển khi tự vệ, đồng thời cấm tấn công các tàu đánh cá hoặc hoạt động phi quân sự.

Các chiến dịch này mang mật danh Sea Dragon, được bắt đầu vào ngày 25-10-1966 bởi các tàu khu trục Mansfield và Hanson. Cả hai chiếc tàu tiến vào khu vực cấm đã chỉ định, được giới hạn trong một vành đai nước rộng 20 cây số (12-mile) kéo dài từ khu phi quân sự đến 17 30' Bắc. Trong ngày đầu chiến dịch, cả hai tàu đã bị hỏa lực từ pháo bờ biển của Bắc Việt đẩy lui trở lại.

Trong thời gian ngắn hoạt động vào tháng 10-1966, lực lượng Sea Dragon đã bắn 1.354 viên đạn 5 inch vào tàu địch, phá hủy 101 chiếc và làm thiệt hại 94 chiếc khác. Bắc Việt cũng bắn trả 426 viên pháo, nhưng không trúng tàu Mỹ.

Khu phi quân sự là nơi trú ẩn an toàn của địch trong nửa đầu năm 1966, không phải vì quân đồng minh thiếu khả năng hỏa lực, mà vì sự kiềm chế của Mỹ. Nhưng vào ngày 20-7-1966, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân đã cho phép các chiến dịch có hạn chế của Mỹ để chống lại mối đe dọa nghiêm trọng của quân Bắc Việt

tại khu phi quân sự. Sau đó, quân Mỹ có thể tiến hành các cuộc không kích và bắn pháo (đất liền và hải quân) chống lại hoạt động quân sự rõ ràng được xác định ở khu vực phía nam đường giới tuyến.

Tuy nhiên, vào ngày 24-11-1966, có các quy tắc liên quan đến việc cấm sử dụng pháo binh và hỏa lực hải quân chống lại các hoạt động quân sự thậm chí được xác định rõ ràng ở khu phi quân sự ở phía bắc Đường giới tuyến. Điều này tạo điều kiện cho việc thành lập các công trình phòng thủ rộng khắp của quân địch với sự nhấn mạnh đặc biệt vào pháo phòng không.

Vào ngày 11-11-1966, nhằm phối hợp với chiến dịch Rolling Stone 52, ranh giới phía bắc của khu vực Sea Dragon được mở rộng về phía bắc đến 180 Bắc. Vào cuối năm 1966, các lực lượng Sea Dragon, bao gồm hai tàu khu trục mỗi lần, đã phá hủy 382 tàu hậu cần (waterborne logistic craft, một thuật ngữ chung cho tàu nhỏ dùng chở người và vật tư), và làm hỏng 325 chiếc khác; phá hủy năm khẩu pháo bờ biển và hư hỏng hai khẩu; phá hủy hai trạm radar và làm hỏng hai trạm.

Điều quan trọng không kém là, chiến dịch Sea Dragon đã buộc phần lớn hoạt động hậu cần vận chuyển bằng đường biển phải trở lại các tuyến đường mòn vùng rừng núi hoặc vào các tuyến đường thủy nội địa, là nơi nó sẽ bị tiêu hao từ hỏa lực Không quân. Chính việc tiêu hao trên đường bộ đã buộc Bắc Việt phải dùng đường biển, nhưng giờ đây trên biển thì tàu Bắc Việt càng thiệt hại nhiều hơn và nếu bị phát hiện thì thiệt hại là gần như toàn bộ.

Vào cuối năm 1966, dường như kẻ địch đã tập trung pháo binh phòng thủ bờ biển của mình trong khu vực Sea Dragon. CINCPAC tiếp tục đề nghị với Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân rằng, các hoạt động hải quân đối đất trong năm 1967 phải được mở rộng thêm về phía bắc. Nếu pha loãng hệ thống phòng thủ của đối phương sẽ làm giảm mối đe dọa với quân đồng minh. Kể từ khi hỏa lực hải quân chống lại vận chuyển hậu cần đường thủy ven biển vào năm 1966, đã chứng tỏ đây là một sự bổ sung hiệu quả cho các hoạt động của Rolling Stone. Việc mở rộng về phía bắc cũng sẽ làm phức tạp thêm các vấn đề hậu cần của địch bằng cách buộc họ vận chuyển các vật liệu bổ sung theo các tuyến đường bộ đã từng bị tổn thất nghiêm trọng.

Đầu năm 1967, nỗ lực Sea Dragon càng được tăng cường thông qua việc đón chiếc tàu khu trục Úc đầu tiên cho lực lượng đặc nhiệm. Kể từ đó, một chiếc tàu Úc là một phần của lực lượng Sea Dragon và giúp hỗ trợ hỏa lực hải quân đối đất của chúng ta ở miền Nam Việt Nam.

Vào ngày 27-2-1967, tương ứng với chiến dịch Rolling Stone 54, khu vực hoạt động Sea Dragon đã được mở rộng đến 200 Bắc. Đồng thời, hỏa lực hải quân chống lại các mục tiêu quân sự và hậu cần trên bờ cũng được cho phép. Để giúp cho hoạt động Rolling Stone hiệu quả hơn, lực lượng Sea Dragon được tăng thêm một tàu tuần dương và bốn tàu khu trục, tạo thành hai đơn vị đặc nhiệm riêng biệt. Cùng với sự gia tăng tàu của ta, cũng có một sự suy giảm các tàu hậu cần của địch trong quý I năm 1967.

Các lực lượng Sea Dragon vẫn tiếp tục gây sức ép rõ rệt với các tàu hậu cần, các tuyến đường giao thông, các trận địa pháo phòng thủ, trạm radar, và các mục tiêu quân sự khác dọc theo bờ biển Bắc Việt, từ vĩ tuyến 170 đến 200 Bắc. Tháng 5-1967 có số lượng lớn nhất các tàu hậu cần địch bị phát hiện trong chiến dịch Sea Dragon từng gặp phải là 635 tàu. Chúng ta đã phá hủy hoặc làm hư hỏng toàn bộ chúng. Chỉ riêng ngày 22-5, lực lượng Sea Dragon, phối hợp với Không lực 7 trong chiến dịch Rolling Stone, đã tấn công khu bến phà Quảng Khê ở phía nam của Bắc Việt, và phá hủy ít nhất 40 tàu hậu cần đầy hàng. Tháng 6-1967 chứng kiến sự sụt giảm lượng tàu thủy được phát hiện, và tháng 7 thậm chí còn giảm nhiều hơn nữa.

Sự sụt giảm này có lẽ là do đến kỳ hạn giảm trong khả năng hoặc là do sự miễn cưỡng trên một phần thay thế của địch để phơi bày/tìm thấy tàu có sẵn để dùng của họ.

Mặt khác, đã có sự gia tăng đáng kể về số mục tiêu mặt đất bị tấn công vào tháng 7-1967 là 518, so với mức cao nhất trong các tháng trước đây là 374 mục tiêu vào tháng 3-1967. Chiến dịch Sea Dragon đã tăng gấp ba lần con số tháng 7 vào tháng 8, khi có 245 tàu hàng bị bắn hỏng hoặc bị phá hủy. Hơn 1.000 mục tiêu cố định hoặc di chuyển đã bị tấn công phá hủy hoặc gây thiệt hại.

Vào tháng 9-1967, tàu Sea Dragon tiếp tục tuần tra khu vực từ 170 đến 200 Bắc. Số lượng tàu hậu cần địch bị phát hiện giảm đáng kể so với tháng trước. Lực lượng Sea Dragon sau đó chuyển tới khu phi quân sự để cung cấp hỏa lực cho lực lượng mặt đất của chúng ta. Sau một thời gian giảm sút, vào cuối tháng 9, đã có sự gia tăng đáng kể hoạt động xe tải và tàu hậu cần địch, và lực lượng Sea Dragon đã trở lại nhiệm vụ thường xuyên của mình.

Trong quý 4 năm 1967, có 62% số lượng tàu hậu cần địch bị sụt giảm so với quý 3. Sự sụt giảm này có thể là do sự kết hợp của thời tiết xấu và hoạt động ngăn chặn của lực lượng Sea Dragon. Tuy nhiên, trong cùng thời kỳ đó, 1.707 mục tiêu trên đất liền đã bị phá hủy so với 1.258 mục tiêu trong quý 3, tăng 36%.

Trong năm 1967, số lượng tàu được phân cho chiến dịch Sea Dragon nhiều lần thay đổi. Trong một lần, có 8 tàu được giao, nhưng thông thường thì có 5 tàu, 1 tàu tuần dương và bốn tàu khu trục, hoạt động trong hai đơn vị đặc nhiệm.

CINCPAC khuyến cáo rằng một chiếc tàu chiến Mỹ cần phải được trang bị để phát huy tối đa sức mạnh hỏa lực. Kết quả là, vào tháng 8-1967, Bộ Quốc phòng đã phê chuẩn việc tái kích hoạt và tu sửa lại tàu chiến ở New Jersey với việc triển khai dự kiến vào mùa thu 1968.

Thiệt hại cho các tàu của chúng ta bởi pháo phòng thủ bờ biển Bắc Việt là rất nhẹ so với thiệt hại mà họ hứng chịu. Mặc dù nói chính xác thì đội ngũ súng pháo Bắc Việt đã được cải thiện trong suốt cả năm, nhưng có lẽ hành động lẫn tránh nhanh gọn và các chiến thuật khác của các tàu của chúng ta đã bù đắp sự tiến bộ của pháo bờ biển địch.

Sau một năm hoạt động, đội tàu Sea Dragon đã phá hủy hoặc làm hư hỏng hơn 2.000 tàu hậu cần địch, tấn công hơn 3.300 mục tiêu đã chọn, và tham gia vào hơn 150 cuộc đấu pháo với pháo bờ biển địch. Họ đã cắt đứt đáng kể tuyến vận chuyển hậu cần trong vùng nước ven biển và hỗ trợ ngăn chặn các tuyến đường bộ trong tầm pháo của họ.

Việc thâm nhập người và thiết bị quân sự bằng đường biển từ Bắc Việt đã được xem xét vào thời điểm này, nhằm tạo ra đóng góp tương đối nhỏ đáp ứng các nhu cầu. Các chiến dịch hải quân đối đất đã làm suy yếu khả năng của địch. Tuy nhiên, trong chiến tranh mặt đất, kẻ địch dường như sẵn sàng chấp nhận tổn thất cao để tiếp tục nỗ lực tiếp tế trong một số khu vực chiến đấu gặp khó khăn.”

11- Chiến dịch Market Time (tỉnh Gia Định) tiếp tục năm 1967 (1-1 đến 1-12)

Từ ngày 11-3-1965 đến tháng 12-1972, Hải quân Việt Nam Cộng Hòa và Chiến đoàn 115 Mỹ phối hợp mở chiến dịch trường kỳ Market Time, nhằm mục đích tăng cường tuần tra, giám sát vùng sông biển và bờ biển, bảo vệ đặc khu Rừng Sác (tỉnh Gia Định) giáp phía đông nam thủ đô Sài Gòn. Chiến dịch Market Time tiếp diễn trong năm 1967, từ 1-1 đến 31-12.

12- Chiến dịch Steel Tiger (Lào) tiếp tục năm 1967 (1-1 đến 31-1-1967)

Từ ngày 1-4-1965 đến 11-11-1968, Không lực 7 và Chiến đoàn 77 Mỹ mở chiến dịch Steel Tiger, không kích, bắn phá các tuyến đường giao thông và các vị trí Việt Cộng trên lãnh thổ đông và nam Lào để ngăn chặn việc tiếp tế từ Bắc Việt vào Nam.

13- Chiến dịch Arc Light tiếp tục trong năm 1967 (1-1 đến 31-12)

Từ ngày 18-6-1965 đến 15-8-1973, Bộ tư lệnh Không quân chiến lược Mỹ chỉ đạo thực hiện chiến dịch Arc Light, chuyên sử dụng máy bay B-52 ném bom các vị trí Việt Cộng tại Bắc Việt, Nam Việt, Lào và Cambodia. Các đơn vị Mỹ trực tiếp thực hiện các cuộc không kích B-52 gồm các phi đội ném bom số 43, 307, 376, 3960, 4252, 4258. Chiến dịch Arc Light tiếp tục được thực hiện trong năm 1967 (từ 1-1 đến 31-12).

14- Chiến dịch Fairfax/Rạng Đông tiếp tục năm 1967 (tỉnh Gia Định) (1-1 đến 15-12-1967)

Từ ngày 1-1 đến 15-12-1967, Lữ đoàn 199 bộ binh Mỹ phối hợp với Liên đoàn 5 biệt động quân VNCH tiếp tục thực hiện chiến dịch Fairfax, nhằm thực hiện thí điểm chương trình bình định nông thôn tại các quận Thủ Đức, Nhà Bè, Bình Chánh, thuộc tỉnh Gia Định. Quân Mỹ tham chiến là Lữ đoàn 199 bộ binh với ba tiểu đoàn bộ binh 2/3, 3/7, 4/12, và Tiểu đoàn 2/40 pháo binh. Phía Việt Nam gọi là cuộc hành quân Rạng Đông, gồm ba tiểu đoàn 30, 33 và 38 biệt động quân.

Chiến dịch Fairfax đã đề ra nhiệm vụ phối hợp lực lượng từng cặp tiểu đoàn Việt-Mỹ cùng làm trong sạch địa bàn và bình định ở ba quận vùng ven là địa bàn phức tạp nhất so với các quận khác ở Sài Gòn. Từ lúc khởi đầu chiến dịch (30-11-1966), lực lượng Mỹ tham chiến là ba tiểu đoàn bộ binh thuộc ba sư đoàn 1, 4, 25 Mỹ, ghép đôi với ba tiểu đoàn VNCH để hoạt động tại ba quận. Đến 31-1-1967, sự sắp đặt máy móc đó chấm dứt, và Lữ đoàn 199 và Liên đoàn 5 BĐQ trở thành lực lượng đảm trách chiến dịch với một sở chỉ huy chung đặt tại Cát Lái và bên dưới là các thành phần: cặp tiểu đoàn 30 Việt và 4/12 Mỹ ở Thủ Đức, cặp tiểu đoàn 38 Việt và 2/3 Mỹ ở Nhà Bè, cặp tiểu đoàn 33 Việt và 3/7 Mỹ ở Bình Chánh. Từ ngày 24-9-1967, hoạt động bộ đôi bị gián đoạn với việc các đơn vị Mỹ và Việt hoạt động theo từng đơn vị riêng. Lữ đoàn 199 Mỹ rút dần ra khỏi địa bàn chiến dịch Fairfax và Liên đoàn 5 BĐQ ở lại tiếp tục hoạt động cho tới khi hoàn thành mục tiêu chiến dịch.

15- Chiến dịch Forae đánh lạc hướng tại Bắc Việt (1967-68)

Từ năm 1964 đến 1968, Bộ phận Timberwork (OP34) thuộc Nhóm Nghiên cứu và quan sát (SOG) của Mỹ đã mở chiến dịch mật OP34, tung ra miền Bắc gần 30 toán gián điệp, biệt kích, tổng cộng khoảng 250 người, cộng với số người của CIA là khoảng 500 người. Mặc dù chương trình này không thành công như mong đợi, nhưng các nhân viên SOG Mỹ nhận thấy cộng sản Bắc Việt tỏ ra thật sự lo ngại về nguy cơ biệt kích, gián điệp xâm nhập miền Bắc, và số người bị Bắc Việt công bố đã bắt giữ, cũng như nguồn tin tình báo cho thấy số người trong các cơ quan quân dân cán chính đảng của Bắc Việt thật sự bị nghi ngờ và bị bắt thanh trừng lớn hơn gấp nhiều lần số người đã tung ra Bắc, vì thế viên chức SOG quyết định mở thêm một chiến dịch mật, gọi là *Chương trình đánh lạc hướng* (mật danh *Forae*) để vừa tung hỏa mù gây rối loạn hệ thống phản gián Bắc Việt, gây ảnh hưởng xấu nội bộ miền Bắc, vừa dựng lên một hệ thống hai mang chống Bắc Việt. Chiến dịch Forae gồm ba đề án cốt lõi: Borden, Urgency và Oodles, có nội dung cơ bản là tạo sự lo ngại của Bắc Việt về hệ thống an ninh ở miền Bắc để gây rối loạn cho chính họ. Chiến dịch Forae thực hiện liên tiếp nhiều hoạt động nhỏ và bí mật, tung hỏa mù gây rối loạn hệ thống thông tin, tình báo, phản gián của Bắc Việt, dẫn đến kết quả là góp phần làm cho quân Việt Cộng thảm bại trong cuộc tổng tấn công 1968, làm chết và bị thương gần 600.000 quân. Sau khi cộng quân đại bại trong cuộc tổng tấn công 1968, tổng thống Johnson cho rằng đã đến lúc buộc Bắc Việt ngồi vào bàn thương lượng hòa bình nên ra lệnh kết thúc các hoạt động ngầm tại miền Bắc vĩ tuyến 17, vì thế chiến dịch Forae kết thúc ngày 1-11-1968.

16- Một số tình hình trong tháng 1-1967

Tính đến ngày 1-1-1967, tổng số quân Mỹ tại Việt Nam là 395.000 quân.

Ngày 10-1, tổng thư ký Liên Hiệp Quốc U Thant tỏ ý nghi ngờ rằng '*Việt Nam là cần thiết cho sự an toàn của phương Tây*' (Vietnam is essential to the security of the West). Cùng ngày này, trong thông điệp đọc trước Lưỡng viện Quốc hội, tổng thống Johnson một lần nữa tuyên bố '*Chúng ta sẽ đứng vững ở Việt Nam*' (We will stand firm in Vietnam).

Ngày 14-1, Hải quân Mỹ tuyên bố có các đơn vị SEAL (biệt kích hải lục không quân) đang hoạt động tại Việt Nam.

Ngày 23-1, thượng nghị sĩ J. William Fulbright xuất bản cuốn sách *The Arrogance of Power*, trong đó chỉ trích chính sách chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, kêu gọi mở các cuộc đàm phán hòa bình trực tiếp giữa Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa và Việt Cộng. Vào lúc này, Fulbright và tổng thống Johnson có quan điểm hoàn toàn trái ngược. Johnson đã sử dụng các phương tiện truyền thông báo chí để nhạo báng Fulbright, Robert Kennedy, và một số lượng ngày càng tăng những người chỉ trích trong Quốc hội là '*nervous Nellies*' (những gã eo lá thần kinh) và '*sunshine patriots*' (những nhà yêu nước lạc quan tếu).

Trong tháng 1-1967, một số trại biệt kích (CIDG) Việt Mỹ mới đi vào hoạt động gồm: Biệt đội A-110 tại Côn Thiện (4-1), Biệt đội A-333 tại Chí Linh (4-1), Biệt đội A-352 tại Trà Cú (10-1).

Các đơn vị Mỹ sang Việt Nam trong tháng 1-1967 gồm: Tiểu đoàn 3/39 bộ binh (ngày 1-1, đóng ở Rạch Kiến); Tiểu đoàn 1/11 pháo binh (1-1, đóng ở trại Bearcat, Long Thành); Sở chỉ huy Lữ đoàn 1/Sư đoàn 9 bộ binh (3-1, đóng ở Bearcat); các tiểu đoàn bộ binh 2/39, 4/39 và Đại đội A/3/5 kỵ binh (3-1, đóng ở Bearcat); Tiểu đoàn 2/4 thủy quân lục chiến (6-1, đóng ở Phú Bài); Đại đội 213 không yểm (13-1, đóng ở Phú Lợi); Đại đội 196 không yểm (21-1, đóng ở An Sơn); Tiểu đoàn 2/4 pháo binh (28-1, đóng ở Phú Mỹ); Sở chỉ huy Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9 bộ binh (30-1, đóng ở Phú Mỹ); Tiểu đoàn 9 không yểm (30-1, đóng ở Bearcat); các tiểu đoàn bộ binh 2/47 (cơ giới), 3/47, 4/47 (30-1, đóng ở Phú Mỹ); Đại đội B/3/5 kỵ binh (30-1, đóng ở Bear Cat); Phi đoàn 363 trực thăng TQLC (?-1, đóng ở Kỳ Hà). Đơn vị Mỹ rời Việt Nam: Tiểu đoàn 3/9 TQLC (11-1).

Các đơn vị Mỹ thay đổi vị trí đóng quân trong tháng 1-1967 gồm có: Sở chỉ huy Lữ đoàn 3/Sư đoàn 25 bộ binh chuyển tới bãi Hammond (3-1); Tiểu đoàn 2/9 pháo binh và các tiểu đoàn bộ binh 1/14, 1/35 chuyển tới bãi Hammond (3-1); Tiểu đoàn 1/8 bộ binh chuyển tới Camp Enari, Pleiku (3-1); Tiểu đoàn 2/13 pháo binh chuyển tới Tây Ninh (6-1); Đại đội 129 không yểm chuyển tới Đồng Bà Thìn (17-1) rồi tới Phan Thiết (31-1); Đại đội 48 không yểm chuyển tới Phan Rang (18-1); Sở chỉ huy Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận chuyển tới Phan Rang (21-1); các tiểu đoàn bộ binh không vận 1/327, 2/327, 2/502 và Tiểu đoàn 2/320 pháo binh chuyển tới Phan Rang (21-1); Tiểu đoàn 5/27 pháo binh chuyển tới Tuy Hòa; Tiểu đoàn 14 công binh chiến đấu chuyển tới Cam Ranh; Tiểu đoàn 35 công binh chiến đấu chuyển tới Quy Nhơn; các tiểu đoàn quân cảnh 93, 504 chuyển tới Phú Thạnh; Đại đội 174 không yểm chuyển tới Ninh Hòa (29-1); Phi đoàn 363 trực thăng TQLC chuyển vào

Chiến đoàn đồ bộ; các tiểu đoàn bộ binh 2/2, 4/23 chuyển sang cơ giới (1-1967). Liên đội 1 thiết giáp Úc đổi thành Liên đội A/3 kỵ binh (15-1).

17- Bắc Việt ra điều kiện hòa đàm (tháng 1-1967)

Tháng 1-1967, bộ trưởng Ngoại giao Việt Cộng Nguyễn Duy Trinh tuyên bố với báo chí rằng *nếu chiến dịch đánh bom miền Bắc của Mỹ chấm dứt vô điều kiện thì viễn cảnh đàm phán sẽ mở ra*. Việt Cộng đã thôi không đòi Mỹ phải chấp nhận cả *Yêu sách Bốn điểm* trước khi mở đàm phán. Tuy nhiên, Mỹ cho rằng thông điệp của Việt Cộng quá vô lý nên không chấp nhận.

18- Chiến dịch Paul Revere 5 (tỉnh Kontum và Pleiku) (1-1 đến 11-2-1967)

Từ ngày 1-1 đến 11-2-1967, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Paul Revere 5, để bảo vệ an ninh công trình và giao thông tại địa bàn tỉnh Pleiku. Quân Mỹ tham chiến gồm 4 tiểu đoàn bộ binh 2/8, 1/12, 1/22, 2/35, Tiểu đoàn 1/69 thiết giáp và Tiểu đoàn 1/10 kỵ binh. Xuất phát từ bãi đáp Tango 3, bốn tiểu đoàn bộ binh bảo vệ cho công binh xây lại một chiếc cầu qua sông Se San và thiết lập một căn cứ hỏa lực trên bờ sông, trong khi Tiểu đoàn thiết giáp và Tiểu đoàn kỵ binh liên tục tuần tra bảo vệ đường lộ.

Cùng lúc đó trong đội hình hỗ trợ chiến dịch Paul Revere 5, một lữ đoàn của Sư đoàn 101 không kỵ Mỹ và Trung đoàn 42 bộ binh VNCH cũng tấn công quân Việt Cộng ở khu vực tây sông Pô Cô và sông Sa Thầy (tỉnh Kontum), đã phát hiện và giao tranh hàng chục trận với các trung đoàn 66, 88, 320 của Sư đoàn 1, Trung đoàn 174/Sư đoàn 316, Trung đoàn 40 pháo binh, các trung đoàn 24, 33, 95B, 101B và các tiểu đoàn 32, 200 pháo binh, các tỉnh đội Công Tum, Gia Lai. Tính chung trong chiến dịch Paul Revere 5, quân Mỹ và VNCH thương vong gần 2.000 quân. Cộng quân bỏ lại trận gần 8.000 xác.

Đêm mùng 6 rạng sáng ngày 7-1-1967, cộng quân Tây Nguyên đồng loạt tập kích vào hệ thống cứ điểm quân sự Mỹ và VNCH ở Pleiku, phá hủy 9 máy bay các loại, đốt cháy một kho 5 triệu lít xăng, một kho đạn 1000 tấn, phá sập 4 lô cốt trong tuyến phòng thủ. Quân Mỹ chết 26, bị thương 69; quân quốc gia chết 71, bị thương 94. Cộng quân bỏ lại trận 309 xác, bị thương 595, bị bắt 37, thiệt hại nhiều thiết bị quân sự.

19- Chiến dịch Bolo (không phận Bắc Việt) (2 đến 5-1-1967)

Ngày 2-1-1967, một phi đội 28 máy bay F-4 Mỹ thực hiện Chiến dịch Bolo, từ Đà Nẵng bay ra Hà Nội dụ bầy lực lượng không quân non yếu của Việt Cộng tham chiến để tiêu diệt. Kết quả có 6 chiếc MiG-21 cất cánh, trong đó 5 chiếc bị bắn cháy, 2 phi công chết, 3 phi công nhảy dù thoát là Nguyễn Đăng Kinh, Nguyễn Hồng Nhị, Nguyễn Văn Cốc, sau đó được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang.

Tính đến khi kết thúc chiến dịch ngày 5-1-1967, tổng cộng có 7 chiếc MiG trong tổng số 16 lượt MiG-21 tham chiến bị bắn hạ, khiến cho đội máy bay của Bắc Việt đến lúc này chỉ còn 9 chiếc MiG-21 hoạt động. Không quân Mỹ không bị tổn thất. Tuy nhiên, theo lệnh của Washington, máy bay Mỹ lúc này bị cấm không được tấn công các căn cứ không quân MiG ở Bắc Việt.

20- Chiến dịch Glenn Burnie và Iola (Vùng 3 chiến thuật) (2-1 và đến 3-2-1967)

Trong hai ngày 2 và 3-1-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 3/11 mở chiến dịch Glenn Burnie, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn Vùng 3 chiến thuật.

Từ ngày 27-1 đến 3-2, Trung đoàn 11 thiết kỵ chỉ huy Tiểu đoàn 3/11 thiết kỵ và Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh, mở chiến dịch Iola, tuần tra an ninh quốc lộ 15 từ tỉnh lỵ Bà Rịa tới Phú Mỹ, thuộc địa bàn tỉnh Phước Tuy, để bảo vệ cho cuộc chuyển quân của Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ về căn cứ mới.

21- Chiến dịch Maeng Ho 8 (tỉnh Bình Định) (3-1 đến 4-3-1967)

Từ ngày 3-1 đến 4-3-1967, Trung đoàn 26/Sư đoàn bộ binh Mãnh Hồ Hàn quốc mở chiến dịch Maeng Ho 8, tìm diệt Tiểu đoàn H-65 bộ đội địa phương Việt Cộng và tuần tra bảo vệ an ninh tại khu vực đèo Cù Mông phía nam tỉnh lỵ Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

22- Chiến dịch Niagara Falls (tỉnh Bình Dương) (4 đến 7-1-1967)

Từ ngày 4 đến 7-1-1967, Lữ đoàn 173 không vận Mỹ mở chiến dịch Niagara Falls, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu rừng Cầu Dinh thuộc tỉnh Bình Dương và cũng để chọc nhử và chuẩn bị cho chiến dịch Cedar Falls mở

màn. Quân Mỹ tham chiến gồm Tiểu đoàn 1/4 kỵ binh và Đại đội B/2/34 thiết giáp thuộc Sư đoàn 1 bộ binh, Tiểu đoàn 1/503 thuộc Lữ đoàn 173. Quân VNCH phối hợp gồm Tiểu đoàn 35 biệt động quân.

23- Các chiến dịch County Fair, Lincoln, Searcy, Tuscaloosa (tỉnh Quảng Nam) (4-1 đến 9-2-1967)

Trong tháng 1-1967, Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/5 mở liên tiếp hai chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại tỉnh Quảng Nam; trong đó, chiến dịch Lincoln diễn ra từ ngày 4 đến 9-1; chiến dịch Tuscaloosa diễn ra từ ngày 23 đến 28-1 tại khu vực lòng chảo An Hòa phía nam thị xã Đà Nẵng.

Từ ngày 5-1 đến 2-2-1967, Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ liên tục mở loạt chiến dịch County Fair, tham gia công tác bình định nông thôn tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- chỉ huy Tiểu đoàn 2/1 mở chiến dịch County Fair 1-25, từ ngày 5 đến 8-1-1967
- chỉ huy Tiểu đoàn 3/1 mở chiến dịch County Fair 1-28, từ ngày 7 đến 9-1-1967.
- chỉ huy Tiểu đoàn 1/1 mở chiến dịch County Fair 1-29, từ ngày 9 đến 12-1-1967.
- chỉ huy Tiểu đoàn 2/1 mở chiến dịch County Fair 1-32, từ ngày 20 đến 22-1-1967.
- chỉ huy Tiểu đoàn 3/1 mở chiến dịch County Fair 1-30, từ ngày 29-1 đến 2-2-1967.

Từ ngày 31-1 đến 9-2-1967, Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 3/1 mở chiến dịch Searcy, tìm diệt quân Việt Cộng tại tỉnh Quảng Nam.

24- Các chiến dịch Liên Kết 80, Seine, Shark (tỉnh Quảng Ngãi) (5-1 đến 28-2-1967)

Trong tháng 1-1967, quân đồng minh cùng lúc mở ba chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Từ ngày 5 đến 14-1-1967, Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến (Thanh Long) Hàn quốc mở chiến dịch Seine.

Từ ngày 6-1 đến 28-2, Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ mở chiến dịch Shark.

Từ ngày 7 đến 10-1, Sư đoàn 2 bộ binh VNCH mở chiến dịch Liên Kết 80.

25- Chiến dịch Deckhouse 5/Sóng Thần (tỉnh Kiến Hòa) (6 đến 15-1-1967)

Từ ngày 6 đến 15-1-1967, Chiến đoàn đổ bộ Mỹ tại Việt Nam mở chiến dịch Deckhouse 5, phía Việt Nam gọi là cuộc hành quân Sóng Thần, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực ven biển quận Thanh Phú, tỉnh Kiến Hòa. Liên quân Việt Mỹ thành lập Chiến đoàn Bravo, gồm Tiểu đoàn 1/9 thủy quân lục chiến Mỹ và hai tiểu đoàn 3 và 4 TQLC VNCH. Đây là cuộc tấn công đầu tiên của lực lượng đổ bộ TQLC Mỹ tại chiến trường đồng bằng sông Cửu Long.

Sau khi tràn lên bãi Red Beach, quân đồng minh đã lùng sục kỹ dải bờ biển từ cửa sông Hàm Luông tới cửa sông Cổ Chiên là nơi theo nguồn tin tình báo có ít nhất ba tiểu đoàn cộng quân đang hoạt động. Quân đồng minh tập trung hỏa lực, kể cả một số đại bác trên các tàu chiến thuộc Hạm đội 7 và một số máy bay B-52 oanh tạc vào khu vực cộng quân, mở đường cho hàng trăm xe tăng, thiết giáp, dẫn đường cho TQLC Mỹ và VNCH đổ bộ vào xã Thạnh Phong bao vây tiêu diệt cộng quân. Sau gần 10 ngày hành quân, quân Mỹ chết 18 bị thương 26; quân quốc gia chết 35, bị thương 144; thiệt hại 2 xe quân sự, 1 tàu chiến. Cộng quân bỏ lại 285 xác, bị bắt và ra hàng 105, thiệt hại nhiều thiết bị quân sự.

26- Các chiến dịch Colby, Silver Lake (tỉnh Phước Tuy) (7 đến 28-1-1967)

Từ ngày 7 đến 19-1-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Silver Lake, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phước Tuy. Quân Mỹ tham chiến gồm 3 tiểu đoàn bộ binh 3/39, 2/60, 5/60, đã tấn công vào mật khu Hắc Dịch là nơi ẩn náu của Trung đoàn 274 cộng quân, nằm giữa xã Phú Mỹ và đồn điền Courteney. Đây là chiến dịch hành quân đầu tiên của Sư đoàn 9 từ khi sang Việt Nam.

Từ ngày 20 đến 28-1, Sư đoàn 9 chỉ huy 3 tiểu đoàn bộ binh 2/39, 4/39, 5/60 và Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh, mở tiếp chiến dịch Colby, tìm diệt cộng quân tại mật khu Phước Chi, thuộc tỉnh Phước Tuy.

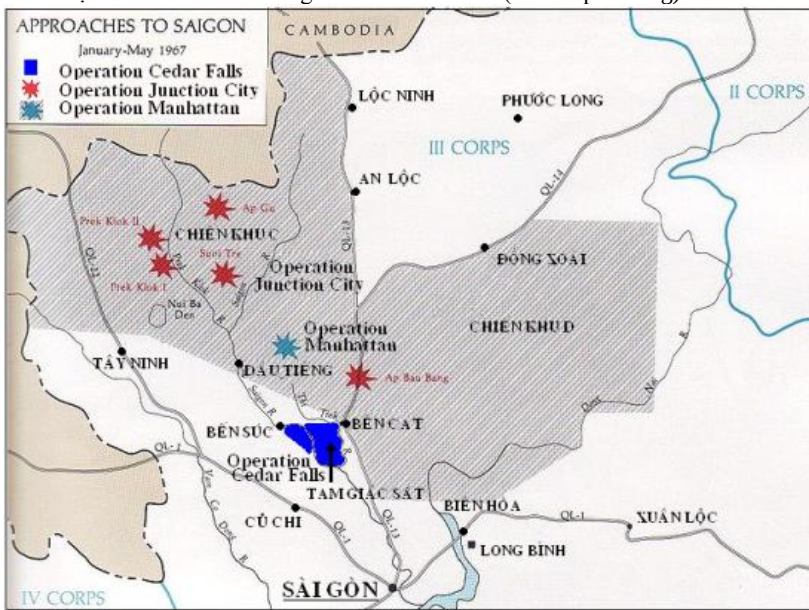
27- Chiến dịch Cedar Falls (tỉnh Hậu Nghĩa và Bình Dương) (8 đến 28-1-1967)

Để chuẩn bị bàn đạp tấn công tiếp theo vào căn cứ Dương Minh Châu và nói rộng vành đai an ninh ở cửa ngõ phía bắc Sài Gòn, từ ngày 8 đến 28-1-1967, Quân đoàn 2 dã chiến Mỹ mở cuộc hành quân Cedar Falls, tập trung tấn công mạnh vào vùng Tam Giác Sắt (Bến Cát – Bến Súc – Phú Hòa), giáp ranh hai tỉnh Hậu Nghĩa-Bình Dương, phía tây bắc trung tâm Sài Gòn khoảng 40 cây số. Tại đây đang có Trung đoàn 2/Sư đoàn 9 cộng quân đang bảo vệ cơ quan Thành ủy, Bộ tư lệnh Sài Gòn Gia Định.

Quân đồng minh gồm 6.000 quân của 4 lữ đoàn Mỹ và 4.000 quân thuộc 3 chiến đoàn VNCH, có 100 xe tăng, 40 tàu chiến, 100 đại bác và nhiều máy bay yểm trợ. Quân Mỹ tham chiến gồm Lữ đoàn 1 và Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 bộ binh, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 25 bộ binh và Lữ đoàn 196 bộ binh.



Chiến dịch Cedar Falls tấn công Khu Tam Giác Sắt (en.wikipedia.org)



Tấn công mật khu Việt Cộng; Lữ đoàn 173 Mỹ trong cuộc hành quân Cedar Falls (<http://thevietnamwar123.wikispaces.com>)



Dân chúng bị tạm cách ly trong khu vực chiến dịch Cedar Falls; Điểm tập trung tù binh Việt Cộng của Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ trong chiến dịch Cedar Falls (www.history.army.mil)

Ngày 8-1, Lữ đoàn 2 và Lữ đoàn 196 Mỹ thiết lập những chốt chặn dọc theo sông Sài Gòn từ đồn điền Fihol tới khu rừng Hồ Bò. Cùng lúc đó, Lữ đoàn 1 Mỹ đột kích mãnh liệt vào khu làng Bến Súc, di tản hết cư dân và triệt phá toàn bộ nhà cửa trong làng trong khi Lữ đoàn 3 từ Lai Khê mở cuộc tập kích đường không xuống khu rừng Thanh Điền. Phát hiện có biến, ngay trong ngày 8-1, cơ quan Thành uỷ – Bộ tư lệnh Việt Cộng rút trước về Mỏ Vẹt, Cambodia, chỉ để Trung đoàn 2 ở lại bọc hậu. Lữ đoàn 173 Mỹ cho hai tiểu đoàn 2/503, 4/503, cùng với hai tiểu đoàn 2/11, 3/11 của Trung đoàn 11 thiết kỵ chiếm lĩnh Bến Cát rồi quét tới Rạch Bắp xuyên ngang và cắt đôi khu Tam Giác Sắt. Tiểu đoàn 1/503 bộ binh và Tiểu đoàn 1/4 kỵ binh Mỹ cùng với Tiểu đoàn 35 biệt động quân Việt Nam vừa hoàn thành chiến dịch Niagara Falls, che chắn cạnh phía tây khu Tam Giác tại khu rừng Cậu Dinh.

Quân đồng minh đã đụng độ với cộng quân Đông Nam Bộ, tỉnh Thủ Dầu Một, Gia Định hàng chục cuộc giao tranh lớn nhỏ. Trung đoàn 2 bị thiệt hại nặng, chỉ còn lại gần 300 quân rút được về căn cứ Dương Minh Châu mới. Ngày 26-1, quân đồng minh kiểm soát hoàn toàn khu vực Tam Giác.

Quân đồng minh phát hiện một hệ thống địa đạo dày đặc, và lần đầu tiên sử dụng các toán ‘tunnel rats’ (chuột cống), là biệt danh dành cho các binh sĩ tình nguyện, được huấn luyện kỹ thuật thám thính và phá hủy địa đạo. Sở chỉ huy chiến dịch đồng minh cho 600 quân đặc nhiệm công binh, trang bị súng phun lửa tập trung phát quang bụi rậm, triệt hạ các căn cứ cộng quân trên mặt đất, phá giao thông hào, dùng xe tăng hạng nặng và 50 xe ủi hạng nặng để cày phá, ủi sập hầm, đặt mìn phá được 64 hệ thống hầm ngầm với tổng số 9 km bề dài. Hệ thống địa đạo Củ Chi bị xóa sổ về cơ bản.

Kết quả, quân Mỹ chết 68, bị thương 192; quân VNCH chết 147, bị thương 473; thiệt hại 24 xe quân sự các loại, 8 máy bay. Cộng quân bỏ lại trăn 1.075 xác, bị bắt 250, thiệt hại rất nhiều thiết bị quân sự.

Sau khi quân đồng minh rời khỏi khu vực, Việt Cộng quay trở lại và tái dựng lại khu địa đạo. Chu trình này được lặp đi lặp lại nhiều lần trong suốt cuộc chiến. Trong những lần tấn công sau đó, quân đồng minh áp dụng nhiều chiến thuật và phương sách mới để khắc phục, như tập trung cơ động bằng trực thăng vận đồ bộ nhanh hơn, sử dụng mìn chống địa đạo..., vì thế tuy không thể triệt hạ hoàn toàn ‘chiến thuật địa đạo’ của Việt Cộng, nhưng đã làm cho thiệt hại thực tế của đối phương ngày càng tăng kèm theo tần suất các lần tuần tra, ngăn chặn, tấn công ngày càng dày đặc để phần nào vô hiệu hóa tiềm lực đối phương.

28- Các chiến dịch Caloundia, Camden, Seymour, Wollongong (tỉnh Phước Tuy) (9 đến 31-1-1967)

Trong tháng 1-1967, Chiến đoàn 1 Úc mở cùng lúc và liên tiếp bốn cuộc hành quân tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phước Tuy.

- mở chiến dịch Caloundia trong hai ngày 9 và 10-1.
- mở chiến dịch Wollongong từ ngày 10 đến 28-1.
- mở chiến dịch Camden từ ngày 14 đến 18-1.
- chỉ huy Tiểu đoàn 6 mở chiến dịch Seymour từ ngày 28 đến 31-1.

29- Chiến dịch Dân Chí 275/B (tỉnh Chương Thiện) (14 đến 16-1-1967)

Từ ngày 14 đến 16-1-1967, Sư đoàn 21 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Dân Chí 275/B, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Chương Thiện.

30- Chiến dịch Lam Sơn 142 (tỉnh Quảng Trị) (14 đến 21-1-1967)

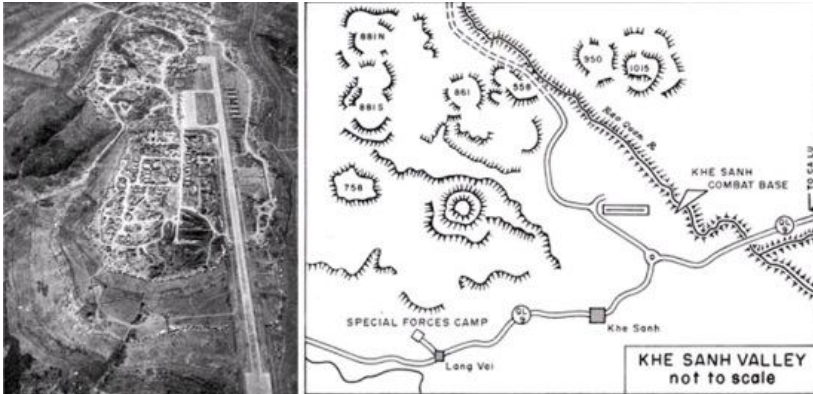
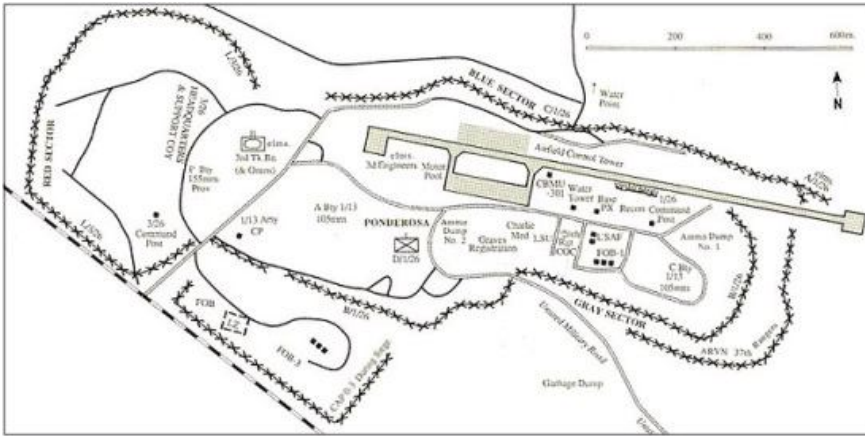
Từ ngày 14 đến 21-1-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Lam Sơn 142, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.

31- Chiến dịch Intosh Joyce 2 (tỉnh Biên Hòa) (16 và 17-1-1967)

Trong hai ngày 16 và 17-1-1967, quân Mỹ mở chiến dịch Intosh Joyce 2, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Biên Hòa.

32- Giao tranh ở Khe Sanh (tỉnh Quảng Trị) (tháng 1 đến tháng 5-1967)

Khu vực đèo Lao Bảo thuộc tỉnh Quảng Trị là nơi sinh sống của người thiểu số Bru. Từ năm 1960, biệt kích Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa thường xuyên hành quân ngang qua đây để thám kích tuyến đường mòn Trường Sơn của cộng quân.



Khu vực Khe Sanh; Trong khói lửa đạn bom; Thung lũng Khe Sanh nhìn từ đất Lào (photo credit: James Wodecki, from 'Remembrances of Khe Sanh')

Tháng 7-1962, đơn vị Green Berets thuộc Lực lượng đặc biệt số 1 Mỹ đến làng Khe Sanh, thành lập một vành đai bảo vệ và mở nhiều chuyến xâm nhập thám thính sâu vào lãnh thổ Lào. Quân Mỹ không được phép hành quân công khai sang Lào nên vạch kế hoạch xây dựng ở Khe Sanh một căn cứ lớn khống chế cả khu vực giới tuyến và khu biên giới Việt Lào, ngăn chặn mọi hoạt động của quân Việt Cộng sử dụng đường mòn Trường Sơn để Nam xâm. Tháng 9-1962, các kỹ sư Quân lực Việt Nam Cộng Hòa sử dụng trực thăng US và O-1B chở vật liệu thiết lập tại đây một sân bay quân sự nhỏ.

Cuối năm 1964, quân Mỹ mở rộng thành một khu căn cứ gọi là căn cứ Khe Sanh, trấn giữ vùng miền Trung Đông Dương, làm nơi xuất phát các cuộc hành quân ngăn chặn cộng quân xâm nhập từ Bắc vào Nam. Toán thám báo truyền tin do thiếu tá Alfred M. Grey chỉ huy hoạt động mạnh trong năm 1964 tại chân núi Móng Hồ. Mỹ đặt tại Khe Sanh một trung tâm huấn luyện Lực lượng đặc biệt, một mạng lưới tình báo, một toán đặc nhiệm không quân chuyên sử dụng phi cơ 'chong chóng' Tigerhound, một toán cố vấn chiến lược CIA chuyên hợp tác với hồi chánh viên cộng quân.

Đôi bên đã có nhiều cuộc giao tranh tại khu vực đường 9 – Lao Bảo – Khe Sanh – Làng Vây. Ngày 26-3-1964, một toán biệt kích thuộc lực lượng A Team của Mỹ tại Khe Sanh lọt vào một ổ phục kích của cộng quân. Đại úy trưởng toán Floyd Thomson bị bắt, trở thành tù binh bị giam giữ lâu nhất trong cuộc chiến. Tháng 4-1965, tin tình báo cho biết cộng quân xuất hiện nhiều ở làng Khe Sanh và quanh đó. Việc này làm tăng bất ổn cho Vùng 1 chiến thuật, vì thế, Lực lượng đặc biệt đổ thêm quân lên Cao nguyên để tái lập quyền kiểm soát của căn cứ.

Ngày 22-5-1965, Lực lượng đặc biệt Mỹ tại Khe Sanh chạm súng và tiêu diệt một toán trinh sát cộng quân. Ngày 3-1-1966, cộng quân pháo một loạt pháo 120 ly vào khu căn cứ, là lần đầu tiên cộng quân sử dụng đạn pháo 120 ly trong chiến tranh Đông Dương.

Năm 1966, lực lượng SOG Mỹ đóng ở Phú Bài (tỉnh Thừa Thiên) thường xuyên dùng Khe Sanh làm nơi xuất phát các cuộc hành quân sâu vào đất đối phương và có 3 lính Mỹ thuộc lực lượng Delta bị mất tích. Cũng trong năm 1966, cộng quân nhiều lần dùng trọng pháo bắn vào khu căn cứ Khe Sanh, nhưng gây thiệt hại không đáng kể vì lực lượng tấn công không lớn trong khi máy bay Mỹ thường xuyên oanh kích bảo vệ khu vực nên cộng quân khó thể xâm nhập lại gần. Tháng 6-1966, các toán kỹ sư thuộc Lực lượng thủy quân lục chiến Mỹ, và Tiểu đoàn 10 (Sea Bee Hải Quân) kéo đến Khe Sanh mở rộng hệ thống căn cứ phòng thủ, sân bay. Tháng 10-1966, đại tướng Westmoreland điều Tiểu đoàn 1/3 Mỹ đến tăng cường cho Khe Sanh. Từ ngày 19-12-1966, Lực lượng đặc biệt Mỹ dời căn cứ đến Làng Vei (tức Làng Vây), nằm về phía tây gần căn cứ Khe Sanh.

Ngày 18-1-1967, Toán 3 thám kích TQLC Cọp Biển của Mỹ đụng độ một đơn vị Việt cộng, làm chết 1 lính Mỹ. Hai ngày 26 và 27-1-1967, TQLC Mỹ chạm trán cộng quân làm rơi 4 trực thăng. Ngày 6-2-1967, Tiểu đoàn 1/9 Mỹ được điều tăng cường, đến 25-2 thì đụng độ cộng quân cách sân bay Khe Sanh chỉ 1.500 mét về phía tây. Ngày 16-3-1967, Đại đội E/219 TQLC Mỹ giao tranh với cộng quân, và chết 18 quân. Ngay sau đó, các phi cơ Tigerhound phát hiện cộng quân điều quân ngày càng đông tập trung về một ngọn đồi gần khu vực Khe Sanh.

Tính đến tháng 4-1967, quân đồng minh đóng tại Khe Sanh gồm một đại đội TQLC Mỹ, một pháo đội 105 ly, hai đại bác 155 ly, vài khẩu cối, đóng tại căn cứ chánh Khe Sanh; một đại đội địa phương quân VNCH và một trung đội TQLC Mỹ đóng tại căn cứ làng Khe Sanh (cách căn cứ chánh Khe Sanh 3,5 cây số). Gần đó có hai căn cứ hỏa lực Carroll và Rock Pile đặt hai phân đội pháo 155 ly và 175 ly, yểm trợ cho toàn khu vực.

Ngày 24-4-1967, Đại đội Bravo/Tiểu đoàn 1/Trung đoàn 9/Sư đoàn 3 TQLC Mỹ hành quân lục soát quanh vùng đồi 516 và 861, phát hiện một tổ trinh sát cộng quân tại phía bắc đồi 861. Cộng quân chết 2. Quân Mỹ chết 1. Nhưng ngay sau đó một tiểu đội trinh sát Mỹ thuộc Đại đội Bravo lại lọt vào ổ phục kích khoảng một trung đội cộng quân. Quân Mỹ chết 6, bị thương 3. Suốt ngày hôm đó, đôi bên liên tục chạm trán nhau. Cộng quân đông khoảng một tiểu đoàn trong khi quân Mỹ có một đại đội nhưng được trực thăng và pháo binh hỗ trợ. Quân Mỹ pháo tổng cộng 660 quả đạn 105 ly và có 8 phi vụ không yểm ném 6.500 cân bom vào đội hình cộng quân. Sáng 25-4, Tiểu đoàn 3/3 TQLC Mỹ nhảy dù xuống căn cứ chính Khe Sanh. Cộng quân rút hẳn khỏi khu vực, chết tổng cộng 72, bị thương 95. Quân Mỹ chết 14, mất tích 2, bị thương 18.

Ngày 26-4, có thêm Tiểu đoàn 2/3 TQLC; ngày 27, có thêm Pháo đội B thuộc Tiểu đoàn 1/12 pháo binh Mỹ đến tăng cường

Ngày 28-4, có pháo binh yểm trợ, Tiểu đoàn 2 tiến chiếm đồi 861, Tiểu đoàn 3 chiếm đồi 881. Những ngày sau đó, lực lượng Cọp Biển Mỹ lần lượt rải quân trấn giữ các ngọn đồi 861, 881 Bắc, 881 Nam quanh căn cứ chính Khe Sanh.

Trong thời gian từ 28-4 đến 12-5, quân Mỹ chạm trán lẻ tẻ hàng chục trận với lực lượng cỡ hai trung đoàn cộng quân trong khu vực. Quân Mỹ chết 155, bị thương 260. Cộng quân bỏ lại trận 940 xác, bị thương gần 2.000.

Từ 13-5, ba tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 26/Sư đoàn 5 TQLC Mỹ đến thay thế Trung đoàn 3, nhưng suốt mùa mưa năm 1967, cộng quân ngưng hẳn mọi hoạt động tại Khe Sanh để tập trung binh lực tại Lào-Cambodia chuẩn bị đánh lớn. Vì thế tại Khe Sanh chỉ còn Tiểu đoàn 1/26 trấn giữ. Nhưng từ tháng 11, cộng quân lại gia tăng hoạt động tại đây, nên có thêm Tiểu đoàn 3/26 đến tăng cường.

33- Vụ khủng bố ám sát giáo sư Nguyễn Văn Bông (đầu năm 1967)

Đầu năm 1967, Lực lượng an ninh T4 Việt Cộng đặt mìn ám sát viện trưởng Học viện Quốc gia hành chánh Nguyễn Văn Bông ngay giữa Sài Gòn. Nguyễn Văn Bông là một chánh khách gốc miền Nam, lãnh tụ Đảng Tân Đại Việt, sau đổi tên thành Đảng Cấp tiến. Nguyễn Văn Bông vừa được liên danh tổng thống vừa đắc cử Nguyễn Văn Thiệu – Nguyễn Cao Kỳ dự định chọn làm thủ tướng nên là đối tượng cộng quân phải khủng bố tiêu diệt cho bằng được.

34- Cuộc biểu tình ở Quảng Ngãi (20-1-1967) và ở Sài Gòn (2-1967)

Các cuộc hành quân truy quét của quân lực Việt Nam, Mỹ và Đại Hàn cuối năm 1966 làm cho cộng quân miền Trung thiệt hại nặng nề. Vì thế, ngày 20-1-1967 cộng quân tổ chức một cuộc biểu tình tại tỉnh lỵ Quảng Ngãi nhằm đấu tranh chánh trị.

Vào ngày này, mặt vụ Việt Cộng huy động gần 400 nông dân kéo vào tỉnh lỵ và một số thị trấn, phản đối Mỹ và Đại Hàn giúp đỡ quân quốc gia chống lại cộng quân. Khoảng 100 người gồm người già và phụ nữ bồng con nhỏ, nhiều người đeo khăn tang, kéo ra quốc lộ 1 nằm ngời la liệt trên đường, ngăn cản không cho xe cộ qua lại và không cho đoàn xe thiết giáp đi hành quân, hô khẩu hiệu “*bọn xâm lược Mỹ rút đi*”. Hàng ngàn người kéo đến căn cứ Chu Lai, la ó phản đối lính Hàn trong căn cứ.

Suốt trong tháng 2-1967, cộng quân nằm vùng huy động 420 công nhân Việt Nam làm việc tại hãng thầu RMK-BRJ tụ tập hội họp, lấy quyết nghị, cử đại biểu đưa ra yêu sách với giới chủ Mỹ đòi phải tăng lương, chống sa thải công nhân, nếu không sẽ đồng loạt tổng bãi công. Cộng quân thường xuyên trợ cấp một số tài chánh, lương thực thực phẩm để công nhân đấu tranh nhằm cản trở việc xây dựng các công trình quân sự của Mỹ.

35- Các chiến dịch Ma Doo 1, Peng Ma (tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa) (21-1 đến 4-3-1967)

Từ ngày 21-1 đến 6-2-1967, Sư đoàn 9 bộ binh (Bạch Mã) Hàn Quốc chỉ huy Trung đoàn 28 bộ binh mở chiến dịch Ma Doo 1, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phú Yên.

Từ ngày 29-1 đến 4-3, Sư đoàn Bạch Mã mở chiến dịch Peng Ma, tìm diệt Trung đoàn 18B cộng quân tại khu vực núi Hòn Bà, ở đông bắc tỉnh lỵ Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Quân Hàn tham chiến gồm 4 tiểu đoàn của hai trung đoàn 29 và 30 thuộc Sư đoàn Bạch Mã.

36- Chiến dịch Stark (Vùng 3 chiến thuật) (22-1 đến 2-2-1967)

Từ ngày 22-1 đến 2-2-1967, Biệt đội Project Omega Mỹ triển khai thực hiện chiến dịch Stark tại địa bàn Vùng 3 chiến thuật.

37- Hội nghị 13 Trung ương Đảng Việt Cộng chuẩn bị tổng tấn công (23-1-1967)

Từ năm 1965, quân Mỹ và các nước đồng minh khác vào miền Nam Việt Nam cùng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa chiến đấu ngăn chặn không cho miền Nam rơi vào tay cộng sản. Tuy nhiên, nhờ sự chi viện to lớn của Liên Xô, Trung Cộng và cả hệ thống xã hội chủ nghĩa quốc tế, quân Việt Cộng dù thiệt hại về nhân mạng và binh lực rất lớn mà không chiếm được miền Nam nhưng vẫn làm cho xứ này liên tục bất ổn. Cuộc chiến của khối cộng sản triển khai không chỉ về quân sự mà còn về đấu tranh chánh trị, ngoại giao, tuyên truyền phản chiến, không chỉ riêng tại chiến trường Đông Dương mà còn là cuộc đối đầu sinh tử giữa hai thể giới tự do và cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Từ cuối năm 1966, dù vẫn đang chống nhau nhưng cả Liên Xô và Trung Cộng đều thúc giục cộng sản Bắc Việt phải tập trung nỗ lực tối đa dứt điểm cuộc chiến nhằm giảm bớt gánh nặng chiến phí để đủ sức chạy đua với Mỹ và tập trung cho cải thiện kinh tế trong nước đang khó khăn chật chội.

Ngày 2-1-1967, Việt Cộng tổ chức Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ cứu nước lần 4, tham dự có hơn 500 anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ thuộc tất cả các ngành trong cả nước.

Ngày 23-1-1967, Hội nghị 13 Trung ương Đảng Việt Cộng thông qua *Nghị quyết về công tác đấu tranh ngoại giao, chủ động tiến công địch phục vụ sự nghiệp chống Mỹ cứu nước*. Tổng kết hội nghị, bí thư thứ nhất Lê Duẩn chỉ rõ: *Khi phát động tổng tấn công, đồng bào miền Nam sẽ đồng loạt tổng nổi dậy tham gia cách mạng, giành lấy chính quyền*. Có sự nhất trí ủng hộ hiếm thấy của hai đoàn cổ vũ Liên Xô và Trung Cộng, Hội nghị 13 đề ra các giải pháp chiến lược:

– Liên Xô và Trung Quốc giúp nhân lực và tài lực thúc đẩy phong trào phản chiến quốc tế, trọng điểm là tại Mỹ.

– Liên Xô và Trung Quốc tập trung trang bị quân sự, quân Việt Cộng tập trung binh lực mở cuộc tổng tấn công và nổi dậy giải phóng miền Nam trong Xuân Hè 1968, chậm lắm là giữa năm 1969.

– Miền Bắc chuẩn bị sẵn các mặt để tiếp quản bộ máy cai trị miền Nam ngay sau giải phóng. Nhiều hoạt động bí mật được gấp rút chuẩn bị như dự trù nhân sự các ngành, tập huấn cán bộ... Việc in tiền ‘Việt Nam thống nhất’ cũng được Trung Cộng giúp, từ cuối năm 1966 đã thông qua mẫu tiền Việt Nam thống nhất, năm 1967 đã in tiền hàng loạt.

38- Các chiến dịch Bullseye 5, Root 2 (tỉnh Bình Định) (23 đến 31-1-1967)

Từ ngày 23 đến 25-1-1967, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/5 kỵ binh mở chiến dịch Root 2, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực phía tây Kannack, tỉnh Bình Định.

Từ ngày 27 đến 31-1, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ phối hợp với Trung đoàn 40/Sư đoàn 22 bộ binh VNCH mở chiến dịch Bullseye 5, tiến hành hoạt động tuần tra thám báo tại khu vực tây nam đồng bằng Bồng Sơn, thuộc tỉnh Bình Định.

39- Các chiến dịch Cleveland, Desoto, Trinity (Vùng 1 chiến thuật) (24-1 đến 7-4-1967)

Cuối tháng 1-1967, Trung đoàn 4/Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ mở liên tiếp hai cuộc hành quân tìm diệt quân Việt Cộng tại phía nam Vùng 1 chiến thuật.

– chỉ huy Tiểu đoàn 2/4 mở chiến dịch Cleveland trong hai ngày 24 và 25-1 tại Quảng Nam.

– chỉ huy Tiểu đoàn 1/7 mở chiến dịch Trinity từ ngày 30-1 đến 1-2-1967 tại tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 26-1, một tiểu đoàn TQLC Mỹ mở cuộc hành quân truy quét cộng quân tại xã Xuyên Thanh (tỉnh Quảng Nam) đã lọt vào ổ phục kích của Tiểu đoàn 1/Tinh đội Quảng Đà. Giao tranh giáp lá cà diễn ra, khiến quân Mỹ chết 35, bị thương 108; cộng quân bỏ lại trận 95 xác, bị thương 183.

Ngày 26-1, Chiến đoàn đổ bộ Mỹ tại Việt Nam chỉ huy Tiểu đoàn 3/7 TQLC từ căn cứ Chu Lai hành quân về Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, để phối hợp với Tiểu đoàn 4/4 của Sư đoàn 2 bộ binh VNCH mở chiến dịch Desoto, là một hoạt động bình định nông thôn và tìm diệt quân Việt Cộng tại quận Đức Phổ, kéo dài đến 7-4-1967.

Ngày 16-2, có thêm Tiểu đoàn 1/4 TQLC Mỹ mở chiến dịch Deckhouse 6 ở đồng muối Sa Huỳnh và phối hợp một thể với chiến dịch Desoto. Đến 26-2, có thêm Tiểu đoàn 1/5 TQLC Mỹ tham gia chiến dịch Desoto/Deckhouse 6 ở tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả trong chiến dịch Desoto/Deckhouse 6, quân Mỹ chết 118; quân VNCH chết 86. Việt Cộng bỏ lại trận 383 xác.

40- Chiến dịch Farragut 1 (tỉnh Ninh Thuận) (26-1 đến 16-2-1967)

Từ ngày 26-1 đến 16-2-1967, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ mở chiến dịch Farragut 1, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Sau khi di chuyển về đóng quân tại Phan Rang, Lữ đoàn 1 huy động tất cả tiểu đoàn của mình tập kích đường không xuống vùng đồi núi phía bắc cách tỉnh lỵ Phan Rang 25 cây số là nơi theo tin thám báo có nhiều doanh trại cộng quân đang tập trung tại đây.

41- Chiến dịch Palm Beach (tỉnh Định Tường) (28-1 đến 31-5-1967)

Tối 9-1-1967, đặc công Việt Cộng gài mìn đánh chìm tàu Jamaica Bay đang neo đậu tại công trình xây dựng căn cứ Giang lực lưu động ở Đồng Tâm, làm 2 lính Mỹ chết.

Từ ngày 28-1 đến 31-5-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ chỉ huy 4 tiểu đoàn bộ binh 3/39, 2/60, 3/60, 5/60, mở chiến dịch Palm Beach tại địa bàn tỉnh Định Tường, trong đó các tiểu đoàn thay phiên nhau bảo vệ an ninh cho công trình xây dựng căn cứ Đồng Tâm.

Trong hai ngày 2 và 3-5, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9 Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 3/47 và 3/60 hành quân tìm diệt cộng quân tại khu vực Ấp Bắc, tỉnh Định Tường, nằm ở phía tây bắc căn cứ Đồng Tâm. Đây là chiến dịch hành quân đầu tiên của Lữ đoàn này tại đồng bằng sông Cửu Long.

Vào hai ngày 15 và 16-5, Lực lượng giang thuyền lưu động Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 3/47 và 4/47 hành quân tấn công mật khu Cẩm Sơn của Việt Cộng. Hai ngày 18 và 19-5, Lực lượng giang thuyền lưu động lại chỉ huy hai tiểu đoàn 3/47 và 4/47 tập kích vào mật khu 470 của Việt Cộng.

Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 149; cộng quân bỏ lại trận 570 xác.

42- Chiến dịch Big Spring (tỉnh Long Khánh) (29-1 đến 16-2-1967)

Từ ngày 29-1 đến 16-2, Lữ đoàn 173 không vận Mỹ (với 2 tiểu đoàn bộ binh 1/503, 2/503) và Lữ đoàn 1/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ (với hai tiểu đoàn bộ binh 2/39, 4/39) phối hợp mở chiến dịch Big Spring, tìm diệt quân Việt Cộng tại chiến khu Đ ở phía bắc căn cứ phòng vệ dân sự Xóm Cát, thuộc tỉnh Long Khánh.

43- Chiến dịch Clay (tỉnh Quảng Tín) (31-1 đến 3-2-1967)

Từ ngày 31-1 đến 3-2-1967, Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/5 mở chiến dịch Clay, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Tín.

44- Chiến dịch Long Phi 999/A (tỉnh Kiến Phong) (31-1 đến 1-2-1967)

Từ ngày 31-1 đến 1-2-1967, Sư đoàn 9 bộ binh VNCH mở chiến dịch Long Phi 999/A, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Kiến Phong.

45- Một số tình hình trong tháng 2-1967

Vào lúc 7 giờ sáng ngày 8 đến 12-2-1967, quân đồng minh quyết định đơn phương ngừng bắn 4 ngày nhân dịp Tết Nguyên đán.

Trong tháng 2-1967, có 2 trại biệt kích (CIDG) Việt Mỹ mới đi vào hoạt động gồm: Biệt đội A-411 tại Mỹ Phước Tây (1-2), Biệt đội A-322 tại Prek Klok (26-2).

Các đơn vị Mỹ sang Việt Nam trong tháng 2-1967 gồm: Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh và Tiểu đoàn 1/84 pháo binh (2-2, đóng ở trại Bearcat, Long Thành); Tiểu đoàn 1/9 thủy quân lục chiến (5-2, đóng ở Đông Hà); Phi đoàn 8 ném bom (11-2, đóng ở Phan Rang); Phi đoàn 235 tiêm kích TQLC (15-2, đóng ở Đà Nẵng); Phi đoàn trực thăng 361 TQLC (16-2, đóng ở Ngũ Hành Sơn); Đại đội 176 không yểm (20-2, đóng ở Phú Hiệp); Tiểu đoàn 3/9 TQLC (28-2, đóng ở Đông Hà). Các đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm: Tiểu đoàn 1/3 TQLC (8-2); Phi đoàn 13 ném bom (11-2); Phi đoàn trực thăng 263 TQLC (15-2); Phi đoàn 115 tiêm kích tấn công TQLC (15-2).

Các đơn vị Mỹ thay đổi vị trí đóng quân trong tháng 2-1967 gồm có: Sư đoàn 1 bộ binh chuyển tới Lai Khê; Lữ đoàn 1/Sư đoàn 4 bộ binh chuyển tới Camp Enari, Pleiku (20-2); Tiểu đoàn 3/12 bộ binh và Tiểu đoàn 6/29 pháo binh chuyển tới Camp Enari (20-2); Tiểu đoàn 5/60 bộ binh chuyển tới Bình Phước; Tiểu đoàn 70 công binh chiến đấu chuyển tới Quy Nhơn; Đại đội 129 không yểm chuyển tới Sông Mao (25-2).

46- Giao tranh ở khu giới tuyến (tháng 2-1967)

Tháng 2-1967, Bộ tư lệnh quân đồng minh đưa ba sư đoàn 1, 3, 5 thủy quân lục chiến Mỹ và hai chiến đoàn Việt Nam ra sát phía nam khu phi quân sự, xây dựng hệ thống cứ điểm gồm những công sự vững chắc, trong đó có căn cứ hỏa lực gồm bảy pháo đội với 8 khẩu 175 ly ở điểm cao 241. Từ căn cứ này, pháo binh đồng minh liên tục tung hỏa lực vòng cung từ Đông Hà qua các xã phía bắc khu phi quân sự đến phía tây quốc lộ 9, nã vào giữa đội hình cộng quân đang vượt vĩ tuyến 17 nam xâm.

Cùng lúc, Mỹ cũng cho máy bay B-52 và máy bay cường kích ném bom phá hủy các trận địa pháo của Trung đoàn 84B pháo tên lửa ĐKB, Trung đoàn 238 tên lửa đất đối đất, Trung đoàn 164 pháo binh Quân khu 4, pháo binh Sư đoàn 324 bộ binh, làm các đơn vị này thiệt hại nặng, không còn khả năng hỗ trợ các cuộc Nam xâm của bộ binh trong suốt thời gian dài.

47- Các chiến dịch North Carolina, South Carolina, Tennessee (Vùng 1 chiến thuật) (1 đến 28-2-1967)

Từ ngày 1 đến 28-2-1967, Lực lượng thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn bản bộ mở cùng lúc ba chiến dịch North Carolina, South Carolina và Tennessee, liên tục cho quân tăng viện cho các khu vực chiến sự khẩn cấp tại Vùng 1 chiến thuật.

48- Các chiến dịch Chinook 2, Highrise, Lam Sơn 142/AB/P3, Prairie 2 (tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên) (1-2 đến 23-9-1967)

Từ ngày 1-2 đến 23-9-1967, Sư đoàn 1 bộ binh VNCH mở chiến dịch Lam Sơn 142/AB/P3, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên.

Sau khi hoàn thành chiến dịch Prairie 1, từ ngày 1-2 đến 18-3-1967, Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ tiếp tục mở chiến dịch Prairie 2, tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Quảng Trị. Quân Mỹ gồm các tiểu đoàn TQLC 2/3, 3/3, 3/4, 1/9, 2/9 đã ngăn chặn cuộc xâm nhập của quân Bắc Việt xuống phía nam khu phi quân sự, đặc biệt là vào vùng 'leatherneck square' (tứ giác của thủy quân lục chiến Mỹ) gồm bốn góc là Đông Hà, Gio Linh, Cồn Tiên và Cam Lộ. Tính chung trong chiến dịch Prairie 2, quân Mỹ chết 129; cộng quân bỏ lại trận 693 xác.

Từ ngày 19-2 đến 4-4, Trung đoàn 9/Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy 3 tiểu đoàn 1/9, 2/9 và 3/26, mở chiến dịch Chinook 2, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực 'Street Without Joy' ở phía bắc quận Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Từ ngày 25-2-1967, Không lực Mỹ tại Việt Nam được tổng thống Johnson cho phép mở chiến dịch Highrise, lần đầu tiên được sử dụng máy bay và pháo binh tấn công các vị trí xâm nhập của quân Bắc Việt vào khu phi quân sự tại phía bắc tỉnh Quảng Trị.

Đêm 26-2, cộng quân Quân khu 4 và tỉnh Quảng Trị mở một loạt tấn công vào các vị trí đại bác tầm xa, các căn cứ Việt-Mỹ và một sân bay phía bắc quốc lộ 9 (tỉnh Quảng Trị). Giao tranh ác liệt xảy ra trong đêm, đến sáng sớm, cộng quân rút lui. Kết quả, quân Mỹ chết 16, bị thương 64; quân VNCH chết 76, bị thương 174; thiệt hại 12 thiết giáp. Cộng quân bỏ lại trận 820 xác, bị bắt và ra hàng 53.

49- Giao tranh ở Khu 5 (tháng 2-1967)

Trong tháng 2-1967, quân đồng minh gồm 27 tiểu đoàn Mỹ và 21 tiểu đoàn Hàn Quốc liên tiếp mở 37 cuộc hành quân vừa và nhỏ tấn công các trung đoàn và tiểu đoàn cộng quân tại nhiều vùng giáp ranh giữa đồng bằng và rừng núi Trung phần. Ở đồng bằng Trung phần, 54 tiểu đoàn VNCH liên tiếp mở 42 cuộc hành quân bình định, truy quét cộng quân và giữ vững an ninh cho 300 thôn xã với hơn 200.000 dân trong vùng trước đây thường bị cộng quân quấy nhiễu. Đồi bên đã giao tranh nhiều trận lớn ở Long Giang, Xuân Sơn (tỉnh Bình Định), Quảng Thạch (tỉnh Quảng Nam), Trung Phước, tuyến đường Hương An-Bà Rén...

50- Các chiến dịch Independence, Lafayette, Lanoke, Pulaski, Stone (tỉnh Quảng Nam) (1 đến 28-2-1967)

Trong tháng 2-1967, Lực lượng thủy quân lục chiến Mỹ mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 1 đến 9-2, mở chiến dịch Independence, quân Mỹ gồm 5 đại đội TQLC của các tiểu đoàn 1/1, 2/4, 2/5, 1/26, 2/26 (mỗi tiểu đoàn có một đại đội) đã lùng sục bờ phía nam sông Vu Gia.

Từ ngày 2 đến 22-2, Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ mở liên tiếp hai chiến dịch:

– chỉ huy 3 tiểu đoàn 1/1, 2/1, 3/1, mở chiến dịch Lafayette từ ngày 2 đến 7-2.

– chỉ huy 3 tiểu đoàn 1/1, 2/1, 3/1, mở chiến dịch Stone từ ngày 10 đến 22-2, hành quân tìm diệt Tiểu đoàn R20 Việt Cộng tại cù lao Gò Nổi, cách trung tâm Đà Nẵng 20 cây số về phía nam

Từ 23 đến 27-2, Trung đoàn 4/Sư đoàn 3 TQLC chỉ huy Tiểu đoàn 2/4 mở chiến dịch Pulaski.

Từ 25 đến 28-2, Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 TQLC chỉ huy Tiểu đoàn 2/5 mở chiến dịch Lanoke.

51- Các chiến dịch Farragut 2, Gatling (tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận) (1-2 đến 23-3-1967)

Từ ngày 1 đến 15-2-1967, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/327 và 2/502 mở chiến dịch Gatling, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đây là chiến dịch phối hợp với chiến dịch Farragut. Hai tiểu đoàn Mỹ bay tới Bảo Lộc rồi đột kích vào một hội nghị chính trị cao cấp của Việt Cộng tại một khu rừng thông phía đông bắc thị trấn Tân Rai.

Từ ngày 17-2 đến 23-3, Lữ đoàn 1/101 Mỹ tiếp tục thực hiện pha 2 chiến dịch Farragut, tìm diệt cộng quân ở địa bàn Vùng 2 chiến thuật. Ngày 17-2, Lữ đoàn 1/101 cho Tiểu đoàn 2/502 bộ binh đổ quân trực thăng vận lùng sục kỹ khu vực từ tỉnh lỵ Bảo Lộc tới quận Di Linh thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong khi phần còn lại của Lữ đoàn tập trung lùng sục khu rừng Lê Hồng Phong ở phía tây tỉnh lỵ Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

52- Các chiến dịch Beaumaris, Beechmont, Bribie, Dalby, Kirribilli, Renmark, Tamborine (tỉnh Phước Tuy) (1 đến 27-2-1967)

Trong tháng 2-1967, Chiến đoàn 1 Úc đóng ở căn cứ Núi Đất đã liên tiếp mở 7 chiến dịch hành quân tuần tra bảo vệ an ninh và tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phước Tuy.

– chỉ huy Tiểu đoàn 6 mở chiến dịch Tamborine từ ngày 1 đến 8-2, tìm diệt cộng quân.

– chỉ huy Tiểu đoàn 6 mở chiến dịch Beechmont từ ngày 5 đến 12-2, hành quân tuần tra xung quanh căn cứ Núi Đất để bảo vệ an ninh trong thời gian đơn phương ngưng bắn dịp Tết.

– chỉ huy Tiểu đoàn 5 mở chiến dịch Beaumaris từ ngày 12 đến 14-2, bao vây khu vực Đất Đỏ để cách ly địa bàn và tìm diệt cộng quân.

– chỉ huy Tiểu đoàn 6 mở chiến dịch Dalby trong ngày 16-2, mở cuộc đột kích bất ngờ bằng trực thăng vận vào đội hình cộng quân tại địa bàn tỉnh.

– chỉ huy Tiểu đoàn 6 mở chiến dịch Bribie trong hai ngày 17 và 18-2, tìm diệt cộng quân.

– chỉ huy Tiểu đoàn 5 mở chiến dịch Renmark từ ngày 18 đến 22-2, tìm diệt cộng quân.

– chỉ huy Tiểu đoàn 6 mở chiến dịch Kirribilli từ ngày 23 đến 27-2, tìm diệt cộng quân tại khu vực đông bắc căn cứ Núi Đất.

53- Chiến dịch Rừng Sắt (tỉnh Gia Định) (2 đến 8-2-1967)

Từ ngày 2 đến 8-2-1967, Tiểu đoàn 1 thủy quân lục chiến VNCH mở chiến dịch Rừng Sắt, tìm diệt quân Việt Cộng tại Biệt khu Rừng Sắt, trong địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định.

54- Chiến dịch Lauren, Suitland, Tucson, Williston (Vùng 3 chiến thuật) (2 đến 21-2-1967)

Trong tháng 2-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ huy động các lữ đoàn bản bộ, mở liên tiếp các chiến dịch hành quân tại địa bàn ba tỉnh Biên Hòa, Bình Dương, Bình Long.

Từ ngày 2 đến 12-2, Lữ đoàn 3/1 bộ binh Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn bộ binh 1/28, 2/16, 1/2, 2/2, 1/16, 2/28, Tiểu đoàn 1/4 kỵ binh, mở chiến dịch Williston, tuần tra bảo vệ an ninh quốc lộ từ An Lộc tới Bến Cát và từ An Lộc tới Minh Thạnh, thuộc tỉnh Bình Long.

Từ ngày 14 đến 21-2, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Tucson, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Dương. Quân Mỹ tham chiến gồm hai lữ đoàn 1 và 3 của Sư đoàn 1 bộ binh và Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh của Sư đoàn 9 bộ binh. Để chuẩn bị cho chiến dịch Junction City, quân Mỹ đã chọc nhử cho cộng quân tấn công lộ diện bằng cách cho Tiểu đoàn 3/5 đột kích vào phân khu bắc của mặt khu Long Nguyên giữa Minh Thạnh và Bàu Long và rìa phía đông của khu đồn điền cao su Michelin.

Trong hai ngày 16 và 17-2, Lữ đoàn 3/1 bộ binh Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 2/16, 1/18 mở chiến dịch Lauren, hành quân bao vây, cách ly địa bàn và tìm diệt cộng quân tại tỉnh Bình Dương.

Trong hai ngày 19 và 20-2, Lữ đoàn 3/1 bộ binh Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/16 mở chiến dịch Suitland, bao vây địa bàn và tìm diệt cộng quân tại khu rừng Cò Mi, tỉnh Biên Hòa.

55- Chiến dịch Gadsen (tỉnh Tây Ninh) (2 đến 14-2-1967)

Để chuẩn bị cho chiến dịch Junction City, từ ngày 2 đến 14-2-1967, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh và Lữ đoàn 196 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Gadsen, thiết lập các chốt chặn để kiểm soát những hành lang qua lại biên giới Cambodia. Xuất phát từ Trảng Súp, Lữ đoàn 3/4 quét mạnh về phía tây tới Xóm Giữa, trong khi quân Lữ đoàn 196 từ Trại Bí đánh mạnh qua Rạch Bến Đá tới Lò Gò. Hai lữ đoàn đã hình thành chung một mũi trong trận tuyến hình móng ngựa từ quốc lộ 22 tới quốc lộ 4 để chuẩn bị cho chiến dịch Junction City.

56- Cuộc tấn công tổng kho Long Bình (tỉnh Biên Hòa) (4-2-1967)

Từ ngày 2-1-1967, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh đã hành quân càn quét khu vực Bến Súc – Củ Chi, gây cho quân Việt cộng tổn thất rất lớn.

Để trả đũa lại, đêm 4-2-1967, cộng quân Đông Nam bộ pháo kích dữ dội vào khu căn cứ hậu cần Long Bình (Biên Hòa) làm cho 4 kho bị phá hủy, hơn 800.000 đạn đại bác 105 ly, 155 ly, 200 ly bị nổ, khoảng 12 binh sĩ chết và bị thương.

57- Chiến dịch Muncie (tỉnh Long Khánh) (4 đến 14-2-1967)

Từ ngày 4 đến 14-2-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 3/11 mở chiến dịch Muncie, bảo vệ an ninh cho lực lượng công binh làm việc tại khu phi trường Courteney (Cẩm Mỹ) thuộc tỉnh Long Khánh.

58- Các chiến dịch Hoa Xuân 503, Hoa Xuân 532, Phóng Hỏa 3, Sóng Thần 9 (tỉnh Bình Định) (5-2 đến 18-4-1967)

Trong tháng 2-1967, Sư đoàn 22 bộ binh VNCH mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Định.

– mở chiến dịch Hoa Xuân 532 từ ngày 5 đến 7-2-1967.

– mở chiến dịch Phóng Hỏa 3 từ ngày 9 đến 17-2-1967. Sư đoàn 22 có sự không yểm của quân Mỹ đã giao tranh 15 trận lớn nhỏ với cộng quân Quân khu 5. Kết quả, quân Mỹ chết 13, bị thương 102; quân VNCH chết 95, bị thương 210; thiệt hại 7 máy bay. Cộng quân bỏ lại trận 520 xác, bị thương 840, bị bắt 64, thiệt hại nhiều thiết bị quân sự.

– chỉ huy Trung đoàn 40 mở chiến dịch Hoa Xuân 503 từ ngày 12 đến 28-2-1967, tại quận Tam Quan, lưu vực sông Lại Giang, và cũng để phối hợp với chiến dịch Pershing của Mỹ.

Từ ngày 14-2 đến 18-4, Chiến đoàn Bravo thủy quân lục chiến VNCH chỉ huy hai tiểu đoàn 2 và 3, mở chiến dịch Sóng Thần 9, tìm diệt cộng quân tại khu vực Bồng Sơn và cũng nhằm phối hợp với chiến dịch Pershing của quân Mỹ.

59- Các chiến dịch Brandywine, Bunker Hill, Chapman, Green Leaf, Kittyhawk 1, Pittsburg, River Raider 1 (Vùng 3 chiến thuật và tỉnh Định Tường) (6-2 đến 13-6-1967)

Trong tháng 2-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ mở liên tiếp các chiến dịch hành quân tại địa bàn các tỉnh Biên Hòa, Bình Dương, Định Tường, Gia Định, Long Khánh.

Từ ngày 6 đến 24-2, Sư đoàn 9 Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn bộ binh 2/39, 2/47, 3/47, và Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh, mở chiến dịch Green Leaf, tìm diệt quân Việt Cộng tại ấp Bình Sơn, thuộc tỉnh Biên Hòa.

Từ ngày 14-2 đến 18-5, Sư đoàn 9 chỉ huy Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh và Tiểu đoàn 3/11 thiết kỵ mở chiến dịch Kittyhawk 1, tuần tra bảo vệ an ninh cho công trình lắp đặt hệ thống đường dây viễn thông tại các khu vực Gia Ray, Blackhorse, thuộc địa bàn tỉnh Long Khánh.

Từ ngày 16-2 đến 20-3, Sư đoàn 9 chỉ huy Tiểu đoàn 3/47, phối hợp với Giang đoàn 91 xung phong thuộc Chiến đoàn 117 Hải quân Mỹ, mở chiến dịch River Raider 1, lục soát tìm diệt cộng quân tại Biệt khu Rừng Sát thuộc địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định, để bảo vệ tuyến giang vận trên sông Lòng Tàu và nhằm thử nghiệm mô hình Lực lượng giang thuyền lưu động mới đề ra.

Từ ngày 16-2 đến 13-6, Sư đoàn 9 chỉ huy Tiểu đoàn 4/47 mở chiến dịch Chapman, lùng sục tìm diệt cộng quân tại Biệt khu Rừng Sát và quận Nhơn Trạch, giáp ranh hai tỉnh Gia Định, Biên Hòa.

Trong ngày 16-2, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Bunker Hill, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường.

Ngày 20-2, Lữ đoàn 3/9 mở chiến dịch Brandywine, tìm diệt cộng quân tại tỉnh Định Tường.

Từ ngày 25-2 đến 2-3, Sư đoàn 9 chỉ huy 2 tiểu đoàn 4/39 và 2/47 mở chiến dịch Pittsburg, tìm diệt quân Việt Cộng tại phía nam Chiến khu Đ, thuộc địa bàn phía bắc tỉnh Biên Hòa và đông bắc tỉnh Bình Dương.

60- Quân đội Mỹ bắt đầu rải thuốc khai quang (6-2-1967)

Để chống lại việc cộng quân ẩn náu trong các khu rừng cây rậm rạp và dùng đó làm nơi tấn công đánh phá lực lượng đồng minh, vào ngày 6-2-1967, quân đội Mỹ lần đầu tiên sử dụng máy bay rải thuốc phát quang xuống các rừng cây ở phía Nam vùng phi quân sự, với mục đích làm trụi hết lá cây, xóa bỏ nơi ẩn náu của cộng quân.



Mỹ phát quang hai bên đường lộ; Máy bay rải thuốc khai quang

61- Chiến dịch Lam Sơn 67 (tỉnh Bình Dương và Biên Hòa) (7-2-1967 đến 31-1-1968)

Từ ngày 7-2-1967 đến 31-1-1968, hai sư đoàn 5 và 18 bộ binh VNCH phối hợp với Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Lam Sơn 67, tuần tra bảo vệ an ninh và tiến hành chương trình bình định nông thôn tại khu rừng Ông Đông thuộc địa bàn giáp ranh hai tỉnh Bình Dương và Biên Hòa. Quân VNCH gồm 4 tiểu đoàn bộ binh. Quân Mỹ gồm 3 tiểu đoàn bộ binh 2/16, 1/18, 2/18.

62- Chiến dịch Giant Dragon, Lam Sơn 81, Rio Grande (tỉnh Quảng Ngãi) (7 đến 22-2-1967)

Từ ngày 7 đến 22-2-1967, lần đầu tiên tại Vùng 1 chiến thuật, quân đồng minh đã mở một chiến dịch phối hợp quân ba nước Việt – Mỹ – Hàn, mang mật danh Rio Grande (Mỹ) – Lam Sơn 81 (Việt) – Giant Dragon (Hàn), tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực tây bắc tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Quân Mỹ tham chiến gồm Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến; quân Hàn gồm hai tiểu đoàn 1 và 2 của Lữ đoàn 2 TQLC; quân VNCH gồm hai tiểu đoàn 21, 37 biệt động quân, ba tiểu đoàn 1, 7, 8 nhảy dù và Tiểu đoàn 4/4 thuộc Sư đoàn 2 bộ binh.

63- Tổng thống Johnson đề nghị Việt Cộng thương lượng (8-2-1967) – Việt Cộng bác bỏ

Ngày 2-2-1967, tổng thống Johnson tuyên bố không ‘có dấu hiệu nghiêm túc nào cho thấy đối phương chịu chấm dứt chiến tranh’ (serious indications that the other side is ready to stop the war).

Ngày 8-2-1967, Johnson gửi cho Hồ Chí Minh một lá thư, nguyên văn:

Ngày 8 tháng Hai 1967

Kính gửi chủ tịch Hồ Chí Minh – Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa

Thưa Ngài,

Tôi viết cho Ngài với niềm hi vọng là cuộc chiến Việt Nam có thể chấm dứt. Cuộc chiến này đã gây tổn thất nặng nề – về sinh mạng, về thương tích, về tài sản và tình trạng khốn khổ của con người. Nếu chúng ta không tìm được một giải pháp hòa bình và công chính, lịch sử sẽ nghiêm khắc phán xét chúng ta.

Vì vậy, tôi tin rằng cả hai chúng ta đều có một nghĩa vụ nặng nề là sốt sắng tìm kiếm con đường đưa đến hòa bình. Chính vì cần đáp ứng nghĩa vụ đó mà tôi trực tiếp viết cho Ngài.

Từ mấy năm qua, chúng tôi đã cố gắng bằng nhiều cách và qua một số đường liên lạc chuyển đến Ngài và các cộng sự viên của Ngài điều mong muốn của chúng tôi đạt được một giải pháp hòa bình. Vì những lý do nào đó, những nỗ lực đó đã không đem lại kết quả nào.

Có thể là những ý nghĩ của phía chúng tôi và của phía Ngài, thái độ của chúng tôi và của phía Ngài, đã bị bóp méo hay ngộ nhận khi chúng đi ngang những đường liên lạc khác nhau ấy. Quả thật việc thông tin liên lạc gián tiếp luôn luôn nguy hiểm.

Có một cách vượt qua được khó khăn này để tiến tới việc tìm kiếm một giải pháp hòa bình. Đó là việc chúng ta thu xếp những cuộc hội đàm trực tiếp giữa những đại diện được tin cậy trong một khung cảnh yên ổn và xa cách mọi nguồn quảng bá. Những cuộc hội đàm này sẽ không được dùng như một hoạt động tuyên truyền mà phải là một nỗ lực nghiêm túc để tìm kiếm một giải pháp khả thi và có thể được cả hai bên chấp thuận.

Trong hai tuần qua, tôi có ghi nhận những điều công bố bởi các đại diện chánh phủ của Ngài, gợi ý rằng phía Ngài sẵn sàng thương thuyết song phương trực tiếp với các đại diện của Chánh phủ Mỹ, với điều kiện là chúng tôi ngưng các cuộc oanh tạc 'vô điều kiện' và vô thời hạn trên xứ sở của Ngài và cũng ngưng mọi hoạt động quân sự. Vào ngày chót, có những giới đứng đắn và có trách nhiệm đã đoan chắc với chúng tôi một cách gián tiếp rằng đây quả thật là đề nghị của Ngài.

Tôi xin thành thật nói rằng tôi thấy có hai khó khăn lớn trong đề nghị của Ngài. Vì lập trường công khai của Ngài, một hành động như thế từ phía chúng tôi sẽ không tránh khỏi gây nên sự suy đoán khắp nơi trên thế giới rằng các cuộc thảo luận đang diễn ra, và sẽ làm phương hại đến tánh cách riêng tư và kín đáo của những cuộc thảo luận ấy. Thứ hai là sẽ không tránh khỏi mối quan ngại sâu sắc về phía chúng tôi là liệu Chánh phủ của Ngài có lợi dụng hành động ấy của chúng tôi để tăng cường vị thế quân sự của phía Ngài hay không.

Mặc dù những khó khăn đó, tôi vẫn chuân bị tiến đến việc chấm dứt xung đột, xa hơn cả điều Chánh phủ Ngài đã đề nghị trong những lời tuyên bố công khai hay qua những đường dây ngoại giao riêng. Tôi chuân bị ra lệnh ngưng oanh tạc trên xứ sở của Ngài và ngưng gia tăng các lực lượng quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam ngay khi tôi được cam kết là sự thâm nhập miền Nam bằng đường bộ hay đường biển đã ngưng. Tôi tin rằng những hành động kiềm chế này của cả hai bên sẽ khiến chúng ta có thể có những cuộc thảo luận riêng tư và nghiêm chỉnh sớm dẫn đến hòa bình.

Tôi đưa đề nghị này cho Ngài bây giờ với một cảm nghĩ khẩn cấp rõ rệt vì những ngày nghỉ Tết sắp tới ở Việt Nam. Nếu Ngài có thể chấp nhận đề nghị này thì tôi không thấy có lý do gì mà nó không có hiệu lực vào cuối những ngày nghỉ Năm Mới hay Tết. Đề nghị của tôi sẽ được thêm nhiều sức mạnh nếu các nhà lãnh đạo quân sự của Ngài và các nhà đối tác bên Chánh phủ miền Nam Việt Nam có thể mau chóng thương thảo về một cuộc gia hạn đình chiến ngày Tết.

Về địa điểm cho những cuộc thảo luận song phương, tôi đề nghị có nhiều nơi. Chẳng hạn, chúng ta có thể cho các đại diện của chúng ta gặp nhau ở Moscow là nơi đã có những cuộc tiếp xúc. Họ có thể gặp nhau ở một nước khác như Miến Điện. Có thể Ngài đã nghĩ đến những cách thu xếp hay địa điểm khác, tôi sẽ có thỏa thuận với đề nghị của Ngài.

Điều quan trọng là chấm dứt một cuộc xung đột đã chồng chất gánh nặng lên hai dân tộc chúng ta, và trên hết là dân chúng miền Nam Việt Nam. Nếu Ngài có những ý kiến gì về những điều mà tôi đề nghị, tôi rất cần nhận được những ý kiến đó sớm chừng nào hay chừng nấy.

Trân trọng kính chào,

Lyndon B. Johnson.

Từ ngày 8 đến 10-2, một nhóm các nhà tôn giáo Mỹ bắt đầu một chiến dịch cầu nguyện khắp thế giới với chủ đề 'Fast for Peace' (nhanh tiến đến hòa bình).

Từ ngày 8 đến 12-2, các nhà chức trách Việt Nam Cộng Hòa và đại diện Mặt trận Giải phóng của Việt Cộng cùng tuyên bố hưu chiến trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Mùi.

Ngày 15-2, Hồ Chí Minh trả lời bằng một lá thư, nguyên văn

Kính gửi tổng thống Lyndon B. Johnson – Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ

Thưa Ngài,

Tôi nhận được thư của Ngài ngày 10 tháng Hai 1967. Đây là phúc đáp của tôi:

Việt Nam ở cách xa nước Mỹ hàng chục ngàn dặm. Dân Việt Nam chưa bao giờ làm điều gì hại cho nước Mỹ.

Nhưng trái với những lời hứa của đại diện nước Mỹ tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954, Chính phủ Mỹ đã không

ngừng can thiệp vào Việt Nam; chính phủ đó đã mở một cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam và gia tăng cường độ nhằm kéo dài sự chia cắt Việt Nam và biến Nam Việt Nam thành một tân thuộc địa và một căn cứ quân sự của nước Mỹ. Đã hơn hai năm nay, Chính phủ Mỹ đã dùng các lực lượng không quân và hải quân để gây chiến với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, một nước độc lập có chủ quyền.

Chính phủ Mỹ đã phạm tội ác chiến tranh, tội ác chống lại hòa bình và chống lại loài người. Ở Nam Việt Nam, một nửa triệu binh sĩ Mỹ và chư hầu đã sử dụng những vũ khí vô nhân đạo nhất và những phương pháp chiến tranh dã man nhất, như bom lửa, chất độc hóa học và hơi ngạt, để tàn sát đồng bào chúng tôi, phá hủy mùa màng và san bằng các làng mạc.

Ở miền Bắc Việt Nam, hàng ngàn máy bay Mỹ đã trút hàng trăm ngàn tấn bom, phá hủy các thành phố, làng mạc, nhà máy, đường xá, cầu cống, đê điều, đập nước, và ngay cả nhà thờ, chùa chiền, nhà thương, trường học. Trong thông điệp của Ngài, Ngài tỏ vẻ buồn phiền về những nỗi đau khổ và tàn phá ở Việt Nam. Tôi xin hỏi Ngài: Ai đã gây ra những tội ác ghê tởm này? Đó là binh sĩ Mỹ và chư hầu. Chính phủ Mỹ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tình trạng cực kỳ nghiêm trọng ở Việt Nam.

Chiến tranh xâm lược Mỹ chống nhân dân Việt Nam là một thách thức đối với các nước thuộc khối Xã hội chủ nghĩa, một đe dọa đối với phong trào dân tộc độc lập và một mối nguy cho hòa bình ở Á châu và thế giới.

Nhân dân Việt Nam yêu chuộng độc lập, tự do và hòa bình. Nhưng trước cuộc xâm lược của Mỹ, họ đã đứng lên, đoàn kết muôn người như một. Không sợ hi sinh và gian khổ, họ quyết tâm kháng chiến cho đến khi giành được độc lập, tự do và hòa bình thật sự. Chính nghĩa của chúng tôi được nhân dân toàn thế giới bày tỏ thiện cảm và ủng hộ mạnh mẽ, kể cả những thành phần rộng lớn của nhân dân Mỹ.

Chính phủ Mỹ đã mở cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Chính phủ ấy phải chấm dứt xâm lược. Đó là cách duy nhất để khôi phục hòa bình. Chính phủ Mỹ phải ngưng vĩnh viễn và vô điều kiện những cuộc oanh tạc và tất cả mọi hành động gây chiến chống Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, rút hết quân sĩ Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, và để cho nhân dân Việt Nam giải quyết lấy các vấn đề của họ. Đó là nội dung căn bản của lập trường bốn điểm của Chính phủ VNDCCH, thể hiện những nguyên tắc- căn bản và những điều khoản dự liệu của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Việt Nam. Đó là cơ sở của một giải pháp chính trị đúng đắn cho vấn đề Việt Nam.

Trong thông điệp của Ngài, Ngài đề nghị những cuộc hội đàm trực tiếp giữa VNDCCH và Hoa Kỳ. Nếu Chính phủ Mỹ thật sự muốn có những cuộc hội đàm này, trước hết chính phủ ấy phải ngưng vô điều kiện các vụ oanh tạc và mọi hành động gây chiến khác chống VNDCCH. Chỉ sau khi có sự chấm dứt vô điều kiện các vụ oanh tạc và các hành động gây chiến khác của Mỹ chống VNDCCH thì VNDCCH và nước Mỹ mới ngồi vào bàn thương thuyết và thảo luận các vấn đề liên quan tới hai bên.

Nhân dân Việt Nam sẽ không bao giờ chịu khuất phục trước sức mạnh, họ sẽ không bao giờ chấp thuận thương thuyết dưới sự đe dọa của bom đạn.

Chính nghĩa của chúng tôi tuyệt đối đúng. Hi vọng rằng Chính phủ Mỹ sẽ hành động theo lý trí.

Hồ Chí Minh.

Ngày 15-2, sau sự thất bại của những nỗ lực ngoại giao kêu gọi đàm phán tìm hòa bình, tổng thống Johnson thông báo Mỹ sẽ tiếp tục đầy đủ quy mô của chiến dịch ném bom miền Bắc Việt Nam.

64- Chiến dịch Crystal, Pershing (tỉnh Bình Định-Quảng Ngãi) (12-2-1967 đến 18-1-1968)

Từ ngày 12-2-1967 đến 18-1-1968, Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ mở chiến dịch Pershing, tìm diệt Sư đoàn 610 Bắc Việt và thực hiện chương trình bình định nông thôn dài hạn tại địa bàn tỉnh Bình Định. Quân Mỹ tham chiến gồm Sư đoàn 1 kỵ binh và Lữ đoàn 3/Sư đoàn 25 bộ binh.

Lữ đoàn 3/25 Mỹ thực hiện chiến dịch hành quân Crystal tại hai thung lũng Kim Sơn và Suối Cá, trong khi hai lữ đoàn 1 và 2 thuộc Sư đoàn 1 kỵ binh tập kích đường không xuống bãi đáp English để bao vây và tiêu diệt Trung đoàn 22 Bắc Việt. Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 để một tiểu đoàn ở lại bảo vệ căn cứ An Khê và tung toàn bộ lực lượng còn lại liên tục tuần tra khu vực từ Bồng Sơn tới Phù Mỹ.

Tham gia đội hình chiến dịch Pershing, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ vừa trở về từ Kontum đã chỉ huy ba tiểu đoàn 5/7, 2/8, 2/12 mở các cuộc không tập từ ngày 7 đến 21-8-1967 vào thung lũng Sông Vệ tỉnh Quảng Ngãi, ở phía bắc căn cứ phòng vệ dân sự Gia Vực.

Tính chung trong chiến dịch, quân Việt Cộng bỏ lại trận 5.401 xác.

65- Chiến dịch Sam Houston 1&2 (tỉnh Kontum) (12-2 đến 15-3-1967)

Từ ngày 12 đến 21-2-1967, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/35 mở chiến dịch Sam Houston 1, tập kích đường không xuống bãi đáp 501 rồi lùng sục tìm diệt quân Việt Cộng từ sông Nam Sathay tới sông Se San thuộc địa bàn tỉnh Kontum. Trong pha 1 chiến dịch, cộng quân bỏ lại trận 733 xác.

Từ ngày 21-2 đến 15-3-1967, Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ mở tiếp pha 2 chiến dịch Sam Houston. Lữ đoàn 1/Sư đoàn 4 vừa từ tỉnh Phú Yên đổ quân lên Tây Nguyên đã cho hai tiểu đoàn bộ binh phối hợp với Lữ đoàn 2 lùng sục kỹ khu vực phía tây của Nam Sathay. Đồng thời, Lữ đoàn 1 cũng để một tiểu đoàn làm trừ bị tại bãi đáp Tango 3.

Trong hai pha chiến dịch, quân Mỹ đã đụng độ 24 trận với cộng quân Tây Nguyên và các tỉnh Gia Lai, Kontum. Trong đó ác liệt nhất là các trận đánh ở phía tây sông Sa Thầy và vùng phía nam quốc lộ 19. Kết quả toàn chiến dịch, quân Mỹ chết 169, bị thương 483; thiệt hại 14 máy bay các loại. Cộng quân bỏ lại trận 1.450 xác, bị bắt và ra hàng 133, thiệt hại nhiều thiết bị quân sự.

66- Chiến dịch Enterprise (tỉnh Long An) (13-2-1967 đến 11-3-1968)

Tiếp theo loạt chiến dịch Lanikai của Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ đóng căn cứ ở ngoại ô tỉnh lỵ Tân An đã mở chiến dịch Enterprise từ ngày 13-2-1967 đến 11-3-1968, là một hoạt động phối hợp dài ngày để tìm diệt cộng quân và tham gia thực hiện chương trình bình định nông thôn tại địa bàn tỉnh Long An. Ngoài lực lượng Sư đoàn 9 còn có Tiểu đoàn 2/14 của Lữ đoàn 1/Sư đoàn 25 bộ binh và Lữ đoàn 199 bộ binh Mỹ cùng tham gia chiến dịch này. Quân Mỹ thực hiện bình định trước tiên ở xã Bình Phước rồi sau đó mở rộng dần ra địa bàn xung quanh. Tính trong chiến dịch, quân Mỹ chết 51, bị thương 303; cộng quân bỏ lại trận 2.107 xác và 43 thương binh.

67- Chiến dịch Dân Chí 279 (tỉnh Bạc Liêu và Chương Thiện) (14 đến 16-2-1967)

Từ ngày 14 đến 16-2-1967, Sư đoàn 21 bộ binh VNCH mở chiến dịch Dân Chí 279, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn hai tỉnh Bạc Liêu và Chương Thiện.

68- Giao tranh ở tỉnh Quảng Ngãi (15 đến 19-2-1967)

Đêm 15-2-1967, Trung đoàn bộ binh 1 (Sư đoàn 2 Quân khu 5 Việt Cộng) pháo kích và tập kích vào căn cứ Quang Thạnh (xã Lam Sơn, quận Sơn Tịnh) cách tỉnh lỵ Quảng Ngãi 11 cây số về phía đông bắc, đang do Tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến/Lữ đoàn Thanh Long và một đại đội bộ binh của Sư đoàn Mãnh Hổ Hàn quốc trấn giữ. Sau hơn hai giờ ác chiến, cộng quân chiếm được căn cứ nhưng ngay sau đó phải rút lui vì viện binh từ Quảng Ngãi kéo lên. Kết quả, quân Hàn chết 47, bị thương 288; cộng quân bỏ lại trận 420 xác, bị thương 548. Từ ngày 17 đến 19-2, hai chiến đoàn Việt Nam Cộng Hòa mở cuộc hành quân tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực phía tây quận Sơn Tịnh (tỉnh Quảng Ngãi) đã đụng độ với cộng quân Quân khu 5 tổng cộng 8 trận lớn nhỏ. Kết quả, quân quốc gia chết 93, bị thương 166; cộng quân cộng quân bỏ lại trận 460 xác, bị thương 630.

69- Chiến dịch Deckhouse 6 (tỉnh Quảng Ngãi) (16-2 đến 3-3-1967)

Từ ngày 16-2 đến 3-3-1967, Chiến đoàn đổ bộ Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/4 thủy quân lục chiến mở chiến dịch Deckhouse 6, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực Núi Đàng, quận Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Tiểu đoàn 1/4 đã đổ bộ lên khu đồng muối Sa Huỳnh rồi kết hợp tác chiến với Tiểu đoàn 3/7 TQLC trong chiến dịch Desoto. Đến 26-2, có thêm Tiểu đoàn 1/5TQLC Mỹ tham gia chiến dịch Desoto/Deckhouse 6.

70- Chiến dịch Cửu Long 55 (tỉnh Kiến Hòa) (22 đến 27-2-1967)

Đêm 18-2-1967, Cộng quân Tây Nam Bộ và Tỉnh đội Bến Tre pháo kích và tập kích vào hàng loạt vị trí của quân Việt Nam Cộng Hòa tại tỉnh lỵ Trúc Giang (tỉnh Kiến Hòa), như sân bay Tân Thành, sở chỉ huy tiểu khu Kiến Hòa và hàng chục căn cứ quân sự thuộc tiểu khu. Đến sáng, cộng quân rút lui. Kết quả, quân quốc gia chết 68, bị thương 379, bị bắt 21; cộng quân bỏ lại trận 22 xác, 60 thương binh, bị bắt 18. Từ ngày 22 đến 27-2-1967, Sư đoàn 7 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Cửu Long 55, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Kiến Hòa.

71- Cuộc bãi công tại tổng kho Long Bình (tỉnh Biên Hòa) (21-2-1967)

Ngày 21-2-1967, cộng quân nằm vùng tổ chức cho 250 công nhân làm việc trong công trường Kho hậu cần lực lượng quân Mỹ ở Long Bình (Biên Hòa) bãi công để đòi chủ Mỹ tăng lương, phụ cấp. Việc này đã làm chậm trễ việc xây dựng kho bãi và gây khó khăn cho quân đội Mỹ trong cuộc chiến với quân Việt Cộng.

72- Các chiến dịch Darlac 21, Truy Kích (tỉnh Darlac và Lâm Đồng) (22 đến 27-2-1967)

Từ ngày 22 đến 27-2-1967, Sư đoàn 23 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Darlac 21, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Darlac.

Từ 24 đến 26-2, Sư đoàn 23 mở chiến dịch Truy Kích, tìm diệt cộng quân tại tỉnh Lâm Đồng.

73- Chiến dịch Junction City (tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Bình Long) (22-2 đến 14-5-1967)

Từ ngày 22-2 đến 14-5-1967, mở đầu cho cuộc tấn công chiến lược mùa khô lần thứ hai năm 1966-1967, Quân đồng minh Mỹ-Việt mở cuộc hành quân Junction City, truy quét quân Việt Cộng ở khu vực bắc Tây Ninh và tấn công căn cứ Dương Minh Châu lần thứ hai. Mục tiêu chiến dịch là tìm diệt các cơ quan thuộc Trung ương cục và Bộ tư lệnh Miền của Việt cộng đặt trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời truy tìm vị trí chính xác của Trung ương cục và Bộ tư lệnh Miền trên đất Cambodia để không kích; tiêu diệt đáng kể sinh lực cộng quân nhằm góp phần giải quyết chiến trường trước mùa mưa 1967, đảm bảo điều kiện thực hiện kế hoạch rút dần quân Mỹ và các đồng minh khác về nước vào cuối năm 1967 đúng như lời cam kết của đại tướng William Westmoreland trước Quốc hội Mỹ.

Đây được xem là cuộc hành quân phối hợp có quy mô lớn nhất từ trước tới nay tại Việt Nam.

Quân đồng minh do trung tướng Jonathan Simon, tư lệnh Quân đoàn 2 dã chiến Mỹ chỉ huy, gồm gồm 22 tiểu đoàn bộ binh nhảy dù Mỹ và 4 tiểu đoàn bộ binh VNCH với 45.000 quân, hơn 500 xe tăng, thiết giáp, hơn 200 khẩu pháo, hàng trăm máy bay chiến đấu, trong đó có 4 chiếc B52.

Các đơn vị Mỹ gồm: Sư đoàn 1 bộ binh, Sư đoàn 4 bộ binh, Sư đoàn 9 bộ binh, Sư đoàn 25 bộ binh (Tia chớp nhiệt đới), Lữ đoàn 196 bộ binh, Lữ đoàn 173 không vận, 2 tiểu đoàn biệt kích Mike Force; quân Việt Nam Cộng Hòa gồm: Lữ đoàn thủy quân lục chiến, 2 tiểu đoàn biệt động quân 35, 36; các đơn vị yểm trợ gồm 6 lữ đoàn pháo binh, 1 trung đoàn và 4 tiểu đoàn công binh. Phạm vi cuộc hành quân là khu vực rộng 1.500 cây số vuông nằm giữa con sông Sài Gòn về phía đông, sông Vàm Cỏ về phía tây, và biên giới Cambodia về phía bắc, là nơi đặt căn cứ Trung ương cục miền Nam và còn gọi là chiến khu Dương Minh Châu.

Từ đầu tháng 2-1967, quân đồng minh đã ráo riết chuẩn bị tấn công. Mỗi ngày, đồng minh huy động hàng ngàn chuyên xe chở đạn đến vị trí tập kết ở Hớn Quản, Minh Thạnh, Dầu Tiếng, Suối Đá, tỉnh lỵ Tây Ninh. Máy bay B-52 và máy bay chiến thuật liên tục ném bom, rải chất khai quang xuống các cánh rừng ở ven đường và ven sông, chuẩn bị đường tiến quân và bãi đổ bộ.

Pha một chiến dịch diễn ra từ ngày 22-2 đến 17-3-1967.

Đúng theo kế hoạch, quân đồng minh thiết lập một chốt chặn lớn hình móng ngựa ở phía bắc tỉnh Tây Ninh từ quốc lộ 22 tới quốc lộ 4, rồi tung hai cặp lữ đoàn từ hai đầu móng ngựa khép lại bao vây khóa chặt cộng quân để tiêu diệt. Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh và Lữ đoàn 196 bộ binh Mỹ đã chuẩn bị bố trí quân sẵn trong chiến dịch Gadsen (từ 2 đến 14-2) để hình thành mũi phía trái của móng ngựa cặp theo quốc lộ 22. Cùng lúc đó, Lữ đoàn 173 không vận Mỹ cũng tập kích đường không tới Katum, cùng với Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ (có tăng cường thêm Tiểu đoàn 1/4 kỵ binh) hình thành mũi bên phải móng ngựa và rải quân phía đông quốc lộ 4 từ núi Bà Đen tới Katum. Lữ đoàn 1/Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ không tập xuống sát biên giới Cambodia để khóa chặt phía bắc của móng ngựa giữa hai lữ đoàn 196 và 173. Ngoài ra, còn một chốt chặn nữa được thành lập, là Lữ đoàn 2/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ có tăng cường Tiểu đoàn 2/34 thiết giáp của Trung đoàn 11 thiết kỵ, sẽ từ phía nam móng ngựa đánh thốc lên để phối hợp tiêu diệt Bộ tư lệnh Miền và Trung ương cục Việt Cộng. Phía Việt Nam Cộng Hòa gồm hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến 1, 5/Chiến đoàn Alpha và hai tiểu đoàn biệt động quân 35, 36/Chiến đoàn Wallace cũng tham chiến bên cạnh đội hình Mỹ.

Sáng sớm 22-2-1967, Tiểu đoàn 2/503 của Lữ đoàn 173 nhảy dù xuống Chiến khu C phía bắc Katum. Ngay sau đó, quân đồng minh gồm 45.000 quân thuộc 9 lữ đoàn, ba trung đoàn Mỹ, ba tiểu đoàn Việt Nam, 1.000 xe cơ giới trong đó có 300 xe tăng, thiết giáp, 300 máy bay các loại, tập trung tấn công vào căn cứ Dương Minh Châu. Tuy nhiên bộ phận đầu não Trung ương cục đánh hơi có biến đã rút chạy sang đất Cambodia từ đêm 20-2, chỉ để lại một bộ phận chủ lực chiến đấu.

Kết hợp đồ quân bằng trực thăng với tiến quân bằng xe cơ giới từ nhiều hướng, quân đồng minh thực hành bao vây chiến dịch trên một khu vực rộng từ Bàu Cỏ – Đồng Pan, phía tây quốc lộ 22 đến sát biên giới Cambodia, từ đó tổ chức thành nhiều mũi thọc sâu vào căn cứ. Giao tranh dữ dội ở các khu vực Trảng A Lâu, Đồng Pan, Bàu Cỏ, Trảng Bàng. Đồi bên đưng độ ác liệt nhất trong trận Trảng A Lâu. Đêm 26-2-1967, Trung đoàn 1 chủ lực miền Đông Nam Bộ tập kích vào cụm quân Mỹ đóng dã ngoại tại khu vực Trảng A Lâu (Tây Ninh); đồi bên đánh giáp lá cà. Đến gần sáng, cộng quân chuẩn bị rút lui thì bị thêm một loạt pháo kích của quân Mỹ vào khu vực đội hình làm thương vong rất lớn. Kết quả, quân Mỹ chết 90, bị thương 301; cộng quân bỏ lại trận 561 xác

và 369 thương binh. Ngày 15-3, quân đồng minh tập trung lực lượng thành từng cụm lớn để chuẩn bị giai đoạn hai.

Từ ngày 18-3 đến 15-4-1967, quân đồng minh tiếp tục thực hiện pha 2 chiến dịch Junction City, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn ba tỉnh Bình Dương, Bình Long, Tây Ninh.

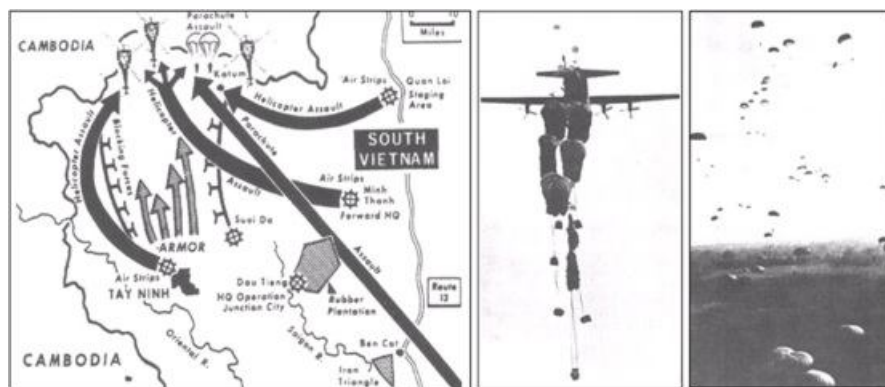
Ngày 18-3-1967, quân đồng minh mở cuộc tấn công theo hai hướng tiếp tục đánh vào khu vực đông bắc căn cứ Dương Minh Châu. Lực lượng chủ yếu của quân Mỹ trong chiến dịch từ quốc lộ 4 di chuyển về phía đông tới quốc lộ 13 để kiểm soát hoàn toàn khu vực. Hai lữ đoàn 1 và 2 của Sư đoàn 1 Mỹ lập chốt chặn ở phía bắc từ An Lộc tới Ấp Gu, trong khi Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ tập kích đường không xuống khu vực căn cứ hỏa lực Gold ở phía tây Suối Tre. Ở phía nam, Lữ đoàn 196 Mỹ kéo vào khu vực Suối Đá, trong khi Lữ đoàn 173 Mỹ tiến về Minh Thạnh để từ đây mở tiếp các cuộc tấn công. Lữ đoàn 1/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ vừa sang tới Việt Nam cũng cùng với Liên đội 3/5 kỵ binh Mỹ hành quân tuần tra dọc theo quốc lộ 13 từ An Lộc tới Lai Khê.

Ngày 19-3, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 9 Mỹ phát hiện và giao tranh với Trung đoàn 3 cộng quân tại Bàu Bàng. Ngày 20-3, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ giao tranh với hai trung đoàn 2, 16 tại Đồng Rùm. Ngày 31-3, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ giao tranh với hai trung đoàn 1, 16 tại Trảng Ba Vũng.

Trong trận chiến tại Ấp Gu (chiến khu C, Tây Ninh), Tiểu đoàn 1/26 bộ binh được chỉ huy bởi trung tá Alexander M. Haig, là người sau này sẽ trở thành bộ trưởng Ngoại giao (1981-82) dưới thời tổng thống Ronald Reagan. Chiều 30-3, Tiểu đoàn 1/26 nhảy dù xuống bãi đáp LZ George trong lòng chiến khu C của Việt Cộng rồi kiểm soát trận địa. Sáng 31-3, Tiểu đoàn 1/2 do trung tá William C. Simpson chỉ huy nhảy dù xuống bãi đáp George. Sau đó hai tiểu đoàn Mỹ lùng sục về phía tây nam. Lúc 13 giờ, quân Mỹ đụng độ với 3 tiểu đoàn Việt Cộng thuộc Trung đoàn 271/Sư đoàn 9 với khoảng 1.000 quân. Quân Mỹ vừa chiến đấu vừa gọi hỏa lực pháo binh, súng cối và trực thăng chi viện. Giao tranh đến ngày 1-4 thì cộng quân rút lui về lãnh thổ Campuchia, bỏ lại trận 491 xác, 5 thương binh và hơn 50 vũ khí các loại; sau này được kiểm chứng chết khoảng 609 quân. Quân Mỹ có 17 người thiệt mạng và 102 người bị thương.

Trong 53 ngày hành quân, quân đồng minh đã giao tranh 51 trận lớn nhỏ với cộng quân. Kết quả, quân Mỹ chết 282, bị thương 1.576; quân VNCH chết 176, bị thương 510; thiệt hại 100 xe quân sự (có 33 xe tăng M-41 và thiết giáp M-113), 22 khẩu pháo, 43 máy bay các loại. Cộng quân bỏ lại trận 2.728 xác, theo kiểm chứng có 3.680 quân thiệt mạng, bị thương 7.020, bị bắt 34, thiệt hại nhiều thiết bị quân sự và toàn bộ khu căn cứ.

Pha 3 chiến dịch Junction City diễn ra từ ngày 15-4 đến 14-5-1967. Suốt một tháng hầu như không phát hiện có tung tích cộng quân nên không xảy ra giao tranh trong khu vực hành quân. Quân Mỹ giảm dần lực lượng tham chiến. Áp dụng chiến thuật lữ đoàn cơ động, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ hành quân lùng sục kỹ khu vực giữa Suối Đá và Prek Kloc cho tới ngày 21-4 thì được thay bằng Lữ đoàn 1/Sư đoàn 9 Mỹ và Tiểu đoàn 36 biệt động quân VNCH cùng chuẩn bị mở các cuộc đột kích vào chiến khu C.





Trực thăng vận; Thiết xa tấn công; Bộ binh tấn công



Kết quả cuộc hành quân

74- Mỹ thả thủy lôi cửa sông ven biển Bắc Việt (23-2-1967)

Trong suốt năm 1966, Bắc Việt tăng cường sử dụng tàu thuyền để vận chuyển quân đội và thiết bị quân sự vào miền Nam. Ngày 23-2-1967, tổng thống Johnson ra lệnh thả thủy lôi ở một số vùng cửa sông ven biển Bắc Việt. Việc sử dụng các thủy lôi ném từ máy bay xuống đáy nước ở các cửa sông được lựa chọn được phía Mỹ coi là một cách hiệu quả để giảm lưu thông ven biển Bắc Việt.

Các hoạt động này bắt đầu vào tháng 3-1967, với nhiều loại mìn thả xuống các cửa sông. Các cảng nước sâu Hải Phòng, Hòn Gai và Cẩm Phả lúc này không được phép thả mìn.

Trong báo cáo tổng kết nhan đề *'Report on the war in Vietnam'* công bố vào tháng 7-1968, đô đốc tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương Ulysses S. Grant Sharp đã viết: *'Trong khi mức độ hiệu quả của các hoạt động thả mìn không thể được chứng minh cụ thể bởi vì thiếu thông tin tình báo mà Mỹ không có khả năng duy trì giám sát liên tục, sự suy giảm lưu thông hậu cần tại các khu vực này cho thấy các hoạt động có tác động đáng kể đến hoạt động của đối phương.'*

75- Giao tranh ở Đà Nẵng (27-2-1967)

Đêm 27-2-1967, cộng quân Quân khu 5 pháo kích vào sân bay Đà Nẵng, phá hủy 9 phản lực cơ, 6 đại bác, 10 xe quân sự, kho xăng 1 triệu lít, làm chết 5, bị thương 18 binh sĩ, nhân viên kỹ thuật, trong đó người Mỹ chết 2, bị thương 12. Quân Mỹ ném bom vào đội hình cộng quân làm chết 11, bị thương 45, phá hủy 8 đại bác.

76- Một số tình hình trong tháng 3-1967

Ngày 26-3-1967, Lực lượng Thủy bộ 3 Mỹ được lệnh chuẩn bị một kế hoạch bố trí, xây dựng và trấn giữ một hệ thống chướng ngại vật kiên cố ở phía nam khu phi quân sự nhằm ngăn chặn cộng quân Bắc Việt nam xâm. Lực lượng Thủy bộ 3 đã bắt đầu xây dựng hệ thống kiên cố này vào cuối năm 1967 dưới tầm đạn đại bác tấn công dữ dội của Bắc Việt từ phía bắc khu phi quân sự. Nỗ lực chống xâm nhập này được các cơ quan truyền thông gọi là 'phòng tuyến McNamara' hay Dye Maker và Project Nine. Một loạt cứ điểm kiên cố được xây dựng để đương đầu với quân Bắc Việt xâm nhập qua các hành lang, là nơi họ sẽ bị máy bay, pháo binh và bộ binh Mỹ phát hiện và tiêu diệt.

Trong tháng 3-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm có: Phi đoàn 223 tấn công thủy quân lục chiến (sang 3-3, đóng ở Chu Lai); Tiểu đoàn 4/60 pháo binh và Đại đội E/41 pháo binh (11-3, đóng ở Quy Nhơn); Tiểu đoàn 1/92 pháo binh (11-3, đóng ở Pleiku); Đại đội 187 không yểm (15-3, đóng ở Tây Ninh Tây); Đại đội 200 không yểm (15-3, đóng ở trại Bearcat, Long Thành); Tiểu đoàn 6/32 pháo binh (21-3, đóng ở Tuy Hòa). Trại biệt kích (CIDG) của Biệt đội A-433 đi vào hoạt động ở Mỹ An. Đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm: Phi đoàn 223 tấn công TQLC (1-3).

Liên đội 1/Trung đoàn không vụ đặc biệt Úc sang Việt Nam ngày 2-3, đóng ở Núi Đất.

Trong tháng 3-1967, các đơn vị Mỹ di chuyển vị trí đóng quân gồm: Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9 bộ binh chuyển tới Đồng Tâm (10-3); Tiểu đoàn 1/5 TQLC chuyển tới Chu Lai (3-3); hai tiểu đoàn 3/47 và 3/60 bộ binh chuyển tới Đồng Tâm (15-3); Đại đội 129 không yểm chuyển tới Đồng Bà Thìn (20-3); Đại đội 119 không yểm chuyển tới Camp Holloway; Đại đội 174 không yểm chuyển tới phi trường Lane (25-3).

77- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 3-1967)

Theo Đài Tiếng nói Việt Nam (Hà Nội), những tháng đầu năm 1967, Không quân Mỹ tiếp tục dùng máy bay oanh tạc các căn cứ quân sự và trọng điểm chiến lược Bắc Việt, trong số đó có một số chiếc bị bắn rơi. Ngày 1-3-1967, Bắc Việt tuyên bố Lực lượng phòng không tỉnh Thanh Hóa bắn rơi chiếc máy bay thứ 1.700 rơi trên miền Bắc. Ngày 9-3, phòng không tỉnh Nam Hà bắn rơi chiếc máy bay thứ 500 trên vùng trời quân khu 3. Ngày 24-3, phòng không tại Hải Phòng bắn rơi chiếc máy bay thứ 1.800 rơi trên miền Bắc. Các số liệu của Bắc Việt bị tài liệu của Mỹ bác bỏ và cho rằng chỉ nhằm mục đích tuyên truyền sai sự thật.

78- Chiến dịch Dân Chí 281/A (tỉnh Ba Xuyên) (1 đến 9-3-1967)

Từ ngày 1 đến 9-3-1967, Sư đoàn 21 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Dân Chí 281/A, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Ba Xuyên.

79- Các chiến dịch Dawes, Project Delta 4-67 (Vùng 2 chiến thuật) (3-3 đến 3-4-1967)

Từ ngày 3-3 đến 3-4-1967, Biệt đội Plan Omega Mỹ mở chiến dịch Dawes tại địa bàn Vùng 2 chiến thuật. Trong ngày 4-3-1967, Biệt đội B-52 Lực lượng đặc biệt Mỹ mở chiến dịch Project Delta 4-67, tiến hành thám báo cho Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ tại thung lũng An Lão, tỉnh Bình Định.

80- Các chiến dịch Blackjack 12/Oconee, Blackjack 23, Blackjack 32 (tỉnh Bình Định, Phước Tuy, Thừa Thiên, Quảng Nam) (5-3 đến 19-4-1967)

Trong tháng 3-1967, các biệt đội thuộc Lực lượng xung kích cơ động MIKE Mỹ đã mở liên tiếp các chiến dịch hành quân tại khu vực phụ cận địa bàn trú đóng.

Từ ngày 5-3 đến 3-4, Biệt đội A-218 mở chiến dịch Blackjack 23, tiến hành do thám và tìm diệt quân Việt Cộng tại thung lũng sông Suối Kon, thuộc tỉnh Bình Định.

Từ ngày 15-3 đến 3-4, Biệt đội A-304 mở chiến dịch Blackjack 32, tìm diệt cộng quân tại địa bàn phía đông tỉnh Phước Tuy.

Từ ngày 30-3 đến 19-4, Biệt đội A-100 mở chiến dịch Blackjack 12/Oconee, hành quân tuần tra và tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Quảng Nam và phía nam tỉnh Thừa Thiên.

81- Giao tranh ở tỉnh Quảng Tín và Quảng Trị (5 và 6-3-1967)

Đêm 5-3-1967, cộng quân Quân khu 5 pháo kích và tập kích vào sân bay Chu Lai, tỉnh Quảng Tín, phá hủy 3 phản lực cơ, 1 trạm ra đa, 2 xe quân sự, làm chết 4, bị thương 14 binh sĩ, nhân viên kỹ thuật Mỹ và chết 9, bị thương 23 binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa. Quân Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa truy kích làm chết 8, bị thương 33 cộng quân, phá hủy 6 đại bác.

Đêm 6-3, cộng quân Quân khu 4 pháo kích vào trận địa đại bác của Mỹ trên ngọn đồi 241, làm chết 2, bị thương 33 binh sĩ Mỹ, thiệt hại 4 đại bác 105 ly và 175 ly. Máy bay Mỹ truy kích làm chết 86, bị thương 45 cộng quân và phá hủy 4 đại bác.

82- Các chiến dịch Portsea, Syr (tỉnh Phước Tuy) (6-3 đến 17-4-1967)

Trong tháng 3-1967, Chiến đoàn 1 Úc mở liên tiếp hai chiến dịch hành quân tại địa bàn tỉnh Phước Tuy. Trong hai ngày 6 và 7-3, Chiến đoàn 1 Úc mở chiến dịch Syr, tìm diệt quân Việt Cộng.

Từ ngày 20-3 đến 17-4, Chiến đoàn 1 Úc phối hợp với hai tiểu đoàn 2/39, 2/47 của Lữ đoàn 1/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ, mở chiến dịch Portsea, hành quân tuần tra khai thông khu vực từ Bình Giã tới Núi Đất và Xuyên Mộc.

83- Chiến dịch Cumberland (tỉnh Biên Hòa) (7 đến 11-3-1967)

Từ ngày 7 đến 11-3-1967, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/16, phối hợp với Tiểu đoàn 35 biệt động quân Việt Nam, mở chiến dịch Cumberland, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn nhạy cảm thuộc sông Đồng Nai, tỉnh Biên Hòa.

84- Các chiến dịch Cai Cache 5/3, Makalapa, Waialua (tỉnh Hậu Nghĩa) (7-3 đến 21-4-1967)

Tỉnh Hậu Nghĩa nằm sát phía tây đô thành Sài Gòn và cũng giáp giới Cambodia nên là địa bàn trọng điểm của quân Việt Cộng xâm nhập từ vùng Mỏ Vẹt, Cambodia, đánh phá Việt Nam Cộng Hòa.

Trong hai năm 1966-67, Sư đoàn 25 bộ binh Việt Nam và Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ phối hợp liên tục mở các cuộc hành quân bình định và hoạt động dân sự vụ, triệt phá hoàn toàn các cơ sở nằm vùng và đẩy lui nhiều đợt

xâm nhập của cộng quân. Đáng kể nhất là cuộc hành quân quy mô của liên quân Việt-Mỹ suốt tháng 3-1967 truy kích một trung đoàn cộng quân tại khu vực phía tây tỉnh Hậu Nghĩa. Sau một tháng giao tranh, cộng quân bị đánh bật về vùng Mỏ Vẹt và Đồng Tháp Mười, bỏ lại trận 105 xác và 191 thương binh, bị bắt 62. Quân Mỹ chết 4, bị thương 27; quân VNCH chết 38, bị thương 85.

Trong đó từ ngày 7-3 đến 8-4-1967, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/27, 2/27, phối hợp với Tiểu đoàn 34 biệt động quân Việt Nam, mở chiến dịch Waiialua, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn phía tây tỉnh Hậu Nghĩa, nhằm triệt hạ tuyến vận chuyển hậu cần dọc theo sông Vàm Cỏ Đông từ Gò Dầu Hạ tới Hiệp Hòa.

Từ ngày 18-3 đến 21-4, Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ chỉ huy 4 tiểu đoàn 4/9, 4/23, 1/27, 2/27, phối hợp với Tiểu đoàn 1/50 của Sư đoàn 25 bộ binh Việt Nam, mở chiến dịch Makalapa, tìm diệt cộng quân tại khu vực phía tây nam quận ly Đức Hòa. Quân đồng minh đã lùng sục kỹ khu 'Cánh Đồng Khóm' xung quanh xã Lương Hòa để tìm diệt các đơn vị du kích Việt Cộng đang đánh phá trong vùng.

Trong hai ngày 24 và 25-3, Sư đoàn 25 bộ binh Việt Nam mở chiến dịch Cai Cache 5/3, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Hậu Nghĩa.

85- Chiến dịch Oh Jac Kyo 1, Peng Ma 2 (tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa) (7-3 đến 21-4-1967)

Từ ngày 7-3 đến 21-4-1967, Sư đoàn bộ binh Thủ đô (Mãnh Hổ) và Sư đoàn 9 bộ binh (Bạch Mã) Hàn Quốc mở chiến dịch Oh Jac Kyo 1, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phú Yên. Năm tiểu đoàn của hai trung đoàn 1 và 26/Sư đoàn Mãnh Hổ đã hành quân khai thông quốc lộ 1 từ phía nam Quy Nhơn xuống tỉnh Phú Yên trong khi Trung đoàn 28/Sư đoàn 9 hành quân từ Tuy Hòa theo quốc lộ 1 lên phía bắc hợp quân với Sư đoàn Mãnh Hổ. Rồi sau đó quân Hàn nắm quyền kiểm soát địa bàn chiến thuật của chiến dịch Adams để thay cho Lữ đoàn 1/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ rảnh tay chuyển quân lên vùng cao nguyên Trung phần.

Từ ngày 31-3 đến 16-4-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Hàn quốc mở chiến dịch Peng Ma 2, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

86- Chiến dịch Early, New Castle, Phi Phụng 5, Yuba (tỉnh Quảng Nam) (10 đến 25-3-1967)

Trong tháng 3-1967, các đơn vị quân đồng minh liên tục mở các chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 10 đến 12-3, Trung đoàn 4/Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/4 mở chiến dịch Yuba.

Trong hai ngày 12 và 13-3, Biệt khu Quảng Đà của Việt Nam Cộng Hòa chỉ huy Trung đoàn 51 bộ binh mở chiến dịch Phi Phụng 5.

Từ ngày 21 đến 25-3, Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/5 mở chiến dịch New Castle, tại khu vực phía bắc lòng chảo An Hòa.

Trong hai ngày 23 và 24-3, Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/1 mở chiến dịch Early.

87- Chiến dịch Lam Sơn 25 và Lam Sơn 25/2 (tỉnh Quảng Trị) (10 đến 29-3-1967)

Từ ngày 10 đến 14-3-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Lam Sơn 25, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Trị. Tiếp sau đó, từ ngày 16 đến 29-3, Sư đoàn 1 lại mở tiếp chiến dịch Lam Sơn 25/2.

88- Chiến dịch Rừng Sát 1 (tỉnh Gia Định) (11-3 đến 12-4-1967)

Từ ngày 11-3 đến 12-4-1967, Tiểu đoàn 4 thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Rừng Sát 1, tìm diệt quân Việt Cộng tại Biệt khu Rừng Sát, trong địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định.

89- Chiến dịch Sam Houston 3 (tỉnh Pleiku) (16-3 đến 5-4-1967)

Từ ngày 16-3 đến 5-4-1967, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ thực hiện pha 3 của chiến dịch Sam Houston, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực Plei Doc, thuộc tỉnh Pleiku, ở phía tây nam bãi đáp Tango 3, là nơi các toán thám báo vừa phát hiện rằng quân Bắc Việt đang tập trung quân chuẩn bị cho cuộc tấn công lớn vào quận ly Đức Cơ. Trong khi đó, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 4 vẫn ở lại căn cứ làm lực lượng trừ bị cho chiến dịch.

90- Các chiến dịch Beacon Hill, Prairie 3 (tỉnh Quảng Trị) (18-3 đến 20-4-1967)

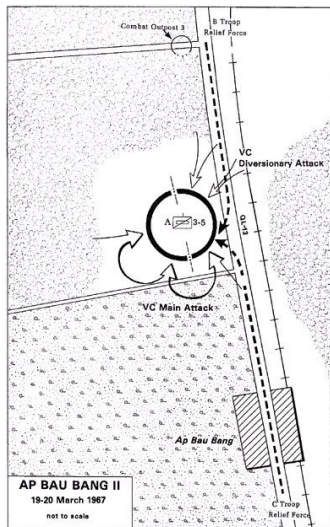
Từ ngày 18-3 đến 20-4-1967, Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy 8 tiểu đoàn 2/3, 3/3, 1/4, 3/4, 1/9, 2/9, 3/9, 2/26, mở chiến dịch Prairie 3, tiếp tục hành quân tìm diệt quân Việt Cộng dọc theo khu phi quân sự, từ Gio Linh tới Cam Lộ và Cồn Thiến, thuộc tỉnh Quảng Trị.

Từ ngày 20-3 đến 3-4-1967, Chiến đoàn đổ bộ/Sư đoàn 3 TQLC chỉ huy Tiểu đoàn 1/4 TQLC mở chiến dịch Beacon Hill, để hỗ trợ cho chiến dịch Prairie 3. Tiểu đoàn 1/4 đã đổ bộ lên phía bắc Cửa Việt rồi hành quân dọc theo bờ biển lên phía bắc tới khu phi quân sự tìm diệt quân Bắc Việt. Tính chung trong chiến dịch Prairie 3/Beacon Hill, quân Mỹ chết 16; cộng quân bỏ lại trận 334 xác.

91- Chiến dịch Intosh Joyce 4 (tỉnh Long Khánh) (18 đến 23-3-1967)

Từ ngày 18 đến 23-3-1967, Quân lực Mỹ mở chiến dịch Intosh Joyce 4, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Long Khánh.

92- Trận Bàu Bàng (tỉnh Bình Dương) (19-3-1967)



Ngày 19-3-1967, một chiến đoàn Mỹ gồm 3 tiểu đoàn bộ binh cơ giới có 114 xe quân sự hành quân trên quốc lộ 13 thì bộ phận Đại đội A/3/5 bộ binh lọt vào ổ phục kích của cộng quân Đông Nam Bộ tại khu vực Bàu Bàng (tỉnh Bình Dương). Hai đầu đoàn hành quân tổ chức phản kích và bao vây cộng quân. Giao tranh ác liệt, kết quả quân Mỹ chết 14, bị thương 32, thiệt hại 7 xe quân sự. Cộng quân bỏ lại trận 105 xác, bị thương 133, thiệt hại một số thiết bị quân sự.

93- Hội đàm thượng đỉnh Việt - Mỹ tại Guam (19 đến 21-3-1967)

Ngày 8-3-1967, Quốc hội Mỹ thông qua khoản ngân sách 4,5 tỷ đô la cho chiến tranh Việt Nam.

Từ ngày 19 đến 21-3-1967, tổng thống Johnson hội đàm với tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ tại đảo Guam. Tại cuộc họp, Johnson đề nghị các nhà lãnh đạo Việt Nam nhanh chóng tổ chức tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội lập hiến và sớm ổn định thể chế chánh trị hợp hiến tại Việt Nam Cộng Hòa.



Tổng thống Johnson tại cuộc hội đàm Guam 20-3-1967; Tổng thống Johnson và tổng thống Thiệu

94- Loạt trận ở tỉnh Quảng Trị – bốn chiến dịch hành quân ở Cồn Tiên (mùa hè 1967)

Sau khi bị liên quân Việt-Mỹ đánh bại trong trận chiến Hè Thu năm 1966 tại phía Nam sông Bến Hải, quân Việt Cộng buộc phải rút quân về hướng tây bắc Quảng Trị và tiến hành các cuộc tấn công quấy rối ở khu vực Cam Lộ và Khe Sanh cho đến đầu năm 1967.

Đêm 20-3-1967, cộng quân trở lại đánh phá khu giới tuyến, pháo kích dữ dội vào hàng loạt vị trí quân đồng minh, như căn cứ Mỹ ở Gio Linh, căn cứ các tiểu đoàn thủy quân lục chiến Mỹ và căn cứ Trung đoàn 2 bộ binh

Việt Nam Cộng Hòa ở Cồn Tiên (Côn Thiến) và Gio Linh. Đây là lần đầu tiên bộ đội pháo binh cộng quân ở Vĩnh Linh (bắc vĩ tuyến 17) công khai nã đại pháo vào căn cứ Cồn Tiên của quân đội Việt-Mỹ ở phía Nam vĩ tuyến 17, làm chết 3, bị thương 8 binh sĩ Mỹ. Trước đây, những gây hấn quân sự ở miền Nam đều thực hiện dưới danh nghĩa của Giải phóng quân thuộc Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chứ miền Bắc chưa công khai tấn công vào miền Nam như lần này.

Sáng 21-3, cộng quân phục kích đoàn xe chở đạn của TQLC Mỹ tại một địa điểm chỉ cách quận lỵ Gio Linh hơn ba cây số. Đây cũng là nơi vào ngày 18-3 vừa xảy ra cuộc giao tranh lớn giữa một lực lượng cộng quân với một đại đội TQLC Mỹ.

Đêm mùng 5 rạng sáng 6-4, cộng quân Quân khu Trị Thiên gồm 2 đại đội đặc công, 5 trung đội bộ binh mở cuộc tập kích vào căn cứ của Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa tại La Vang, ở phía nam tỉnh lỵ Quảng Trị ba cây số; cộng quân bỏ lại trận 133 xác.

Ngày 6-4, lực lượng lớn cộng quân gồm hai sư đoàn 324B và 341 vượt vĩ tuyến 17 tấn công cường tập vào cụm tuyến phòng thủ phía Nam sông Bến Hải của quân đồng minh, phá hủy một đồn cảnh sát Việt Nam Cộng Hòa và chiếm một số xã thuộc quận Trung Lương, địa đầu giới tuyến tỉnh Quảng Trị.

Đêm 6-4, cộng quân Quân khu Trị Thiên gồm Trung đoàn bộ binh 24/Sư đoàn 304, được tăng cường Tiểu đoàn bộ binh 3 (Sư đoàn 325), 2 tiểu đoàn công binh, 2 đội đặc công, mở cuộc tấn công vào 4 đại đội thám báo và 1 trung đội Mỹ đang chốt giữ điểm cao 230 và 320 (đồn chính) tại Làng Vây (tỉnh Quảng Trị), với ý định ban đầu là nhằm khai thông khu vực phía tây đường 9, tạo thế cho chiến dịch đường 9-Khe Sanh (20-1) sắp bắt đầu.

Cùng lúc đó, ba đại đội đặc công phối hợp với 2 đại đội và 1 trung đội bộ binh thuộc Trung đoàn 6 Trị Thiên mở cuộc tập kích vào căn cứ Từ Hạ ở tây bắc thành phố Huế 12 cây số.

Đến ngày 7-4, Trung đoàn 2/Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa và các tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 3 TQLC Mỹ, có phi pháo và hải pháo yểm trợ, đã đẩy lùi được các cuộc tấn công của đối phương, giữ vững cụm tuyến Cồn Tiên – Gio Linh. Cộng quân bị đánh giạt về phía tây bắc tỉnh Quảng Trị, nhưng cả khu vực Trị Thiên vẫn còn bị uy hiếp nặng nề.

Từ đó cho đến 30-4, giao tranh vẫn tiếp diễn. Hằng đêm đạn pháo cộng quân lại xối như mưa vào các căn cứ đồng minh. Đến trời sáng ngày thì cộng quân lại tìm mọi cách tránh né đạn bom từ máy bay và căn cứ đồng minh phản kích. Tuy quân số đông gấp bội nhưng cộng quân chịu tổn thất nặng nề, như chỉ riêng Sư 324B thương vong gần một phần ba quân số, trong khi quân đồng minh nhờ hỏa lực hùng hậu và căn cứ kiên cố nên tuy ít quân vẫn luôn giữ vững được trận địa.



Trực thăng ở mặt trận Cồn Tiên mùa hè 1967; Lính Mỹ tại căn cứ Cồn Tiên 8-10-1967

Vài ngày đầu tháng 5, cộng quân tạm ngừng để củng cố binh lực, rồi đến khuya 7-5 lại tiếp diễn đợt mới, khởi đầu bằng cuộc tấn công của hai tiểu đoàn K2 và K4 thuộc Trung đoàn 80 vào căn cứ TQLC Mỹ ở Cồn Tiên. Sau một giờ ác chiến, cộng quân bị đẩy lui, bỏ lại chiến địa 238 xác, nhiều đạn dược và 212 súng các loại, bị bắt 7 người. Cũng trong đêm đó, cộng quân cũng pháo kích dữ dội vào khu vực Gio Linh và Đông Hà. Trong đêm đó, quân Mỹ chết tổng cộng 36, bị thương 99.

Sáng 17-5, một đại đội TQLC Mỹ hành quân tuần tiễu ngoại vi Cồn Tiên đã chạm trán với một tiểu đoàn cộng quân. Máy bay từ căn cứ chi viện, phối hợp đẩy lui, làm chết 96, bị thương 144 cán binh cộng sản. Quân Mỹ chết 21, bị thương 28.

Từ ngày 18-5 đến 17-7, liên quân Việt Mỹ tổng cộng 15.000 người, khởi động cùng lúc ba cuộc hành quân phối hợp địa bàn để truy kích cộng quân:

- Cuộc hành quân Bean Charger của bộ binh Mỹ.
- Cuộc hành quân Hickory của TQLC Mỹ từ Hạm đội 7 đổ bộ.
- Cuộc hành quân Lam Sơn 54 của Sư đoàn 1 bộ binh VNCH có tăng cường bốn tiểu đoàn dù.

Trung đoàn 2/Sư đoàn 1 bộ binh VNCH phối hợp Cảnh sát quốc gia tỉnh Quảng Trị và TQLC Mỹ di tản 13.000 dân thuộc hai quận Trung Lương và Gio Linh về Cam Lộ.

Từ 24-5, giao tranh ác liệt chủ yếu diễn ra quanh căn cứ Cồn Tiên và các tiền đồn phía tây căn cứ này, trong đó trận đánh suốt ngày 25-5 trên đồi 117 cách Cồn Tiên năm cây số là thảm khốc nhất.

Đầu tháng 6-1967, cộng quân bao vây một đại đội TQLC Mỹ tại địa điểm cách Cồn Tiên sáu cây số. Quân Mỹ chết 13, bị thương 63. Ngay sau đó, liên quân Việt Mỹ mở rộng địa bàn ba cuộc hành quân truy kích đối phương. Bị thương vong nặng nề, cộng quân buộc phải giảm hẳn hoạt động quấy rối bộ binh nhưng vẫn tiếp diễn các trận pháo kích trong tháng sáu.

Đêm mùng một rạng sáng ngày 2-7, một trung đoàn cộng quân tấn công vào các tiền đồn quanh Cồn Tiên, cố chọc thủng tuyến phòng thủ của các đại đội TQLC Mỹ bảo vệ khu căn cứ. Không quân Mỹ tung hỏa lực mạnh đập vào đội hình, buộc đối phương phải rút lui, bỏ lại 65 xác. Quân Mỹ chết 51, bị thương 70, mất tích 34. Cùng lúc đó, cộng quân cũng pháo kích dữ dội vào các căn cứ Mỹ ở Gio Linh, Đông Hà.

Ngày 17-7, liên quân Việt Mỹ kết thúc ba cuộc hành quân cũ, để ngay trong hôm đó, Sư đoàn 3 TQLC Mỹ phối hợp với Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam thực hiện cuộc hành quân chung mang tên Victory 2, tiếp tục truy kích cộng quân quanh khu vực Cồn Tiên cho đến cuối tháng 7-1967. Đồi bên tiếp diễn gần 30 trận đánh, trong đó trận ác liệt nhất diễn ra suốt ngày x-7-1967 tại một địa điểm cách căn cứ chánh Cồn Tiên năm cây số về phía tây bắc. Từ đầu tháng 8-1967, cộng quân giảm hẳn hoạt động tại vùng giới tuyến để lợi dụng đất Lào chuyển sâu áp lực tấn công vào phía Nam, đồng thời gấp rút chuẩn bị cho kế hoạch Tổng tấn công Xuân Hè 1968.

Trong suốt chiến dịch, đại tướng tư lệnh quân lực Mỹ ở Việt Nam Westmoreland, thiếu tướng tư lệnh Vùng 1 chiến thuật Hoàng Xuân Lãm nhiều lần có mặt trực tiếp tại căn cứ Cồn Tiên để thị sát tình hình. Trong hồi ký, đại tướng Westmoreland kể lại: *Cồn Tiên lúc này trở thành mục tiêu số một. Giới bình luận thông tấn quốc tế nhất loạt gọi đây là một Điện Biên Phủ mới. Thật vậy, Cồn Tiên là vùng hẻo lánh. Binh sĩ suốt ngày phải ở trong các hầm bằng bao cát, trần giữ lỗ châu mai. Thời tiết khắc nghiệt, thường xuyên mưa to. Mưa dầm thì ngập ngụa bùn lầy, đất trời ảm đạm. Có lần tôi đến thị sát, trực thăng vừa chạm đất thì đạn pháo đã đập tới. Anh em binh sĩ không cho tôi bước ra. Một thủy quân lục chiến còn đùa : Thưa đại tướng, V.C. nó biết ông đến nên đón mừng đó. Thật vậy, sau nhiều lần bị áp lực chiến trường đè nặng, tinh thần gan dạ của anh em binh sĩ tại Cồn Tiên vẫn giữ vững, luôn lạc quan và chấp nhận vượt qua mọi gian khổ để hoàn thành mọi nhiệm vụ.* Năm 1968, Sư đoàn 5 cơ giới Mỹ chuyển đến trấn đóng khu vực Cồn Tiên.

95- Loạt trận ở các tỉnh Tây Ninh, Kiến Hòa, Quảng Tín (21 đến 24-3-1967)

Đương đầu chống lại cuộc hành quân Junction City của Mỹ (từ 22-2 đến 15-4-1967), đêm 21-3-1967, Sư đoàn bộ binh 9 cộng quân phản công vào Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ tại khu vực Đồng Rùm (tỉnh Tây Ninh). Kết quả, quân Mỹ chết 22, bị thương 77; cộng quân bỏ lại trận 104 xác và 215 thương binh; đôi bên thiệt hại một số thiết bị quân sự.

Ngày 23-3, một hải đội liên hợp của quân lực Việt-Mỹ hành quân tuần tra trên sông Hàm Luông đã lọt vào ổ phục kích của 1 trung đoàn cộng quân Tây Nam Bộ. Sau 5 giờ giao tranh, quân Mỹ chết 32, bị thương 14; quân cộng hòa chết 45, bị thương 24; thiệt hại 8 tàu chiến. Cộng quân bỏ lại trận 51 xác và 27 thương binh.

Đêm 24-3, một đoàn xe quân sự hơn 200 chiếc của quân lực Việt Mỹ trên đường hành quân từ Chu Lai đến Đà Nẵng theo quốc lộ 1 thì lọt vào ổ phục kích của cộng quân tại một điểm cách thị trấn Chu Lai 26 cây số về phía bắc. Sau 20 phút giao tranh, quân Mỹ chết 11, bị thương 1; quân VNCH chết 95, bị thương 206; cháy 54 xe, hư hỏng 28 xe. Cộng quân bỏ lại trận 76 xác và 145 thương binh.

96- Các chiến dịch Boone, Liên Kết 96, Perry, Quyết Thắng 56/G (tỉnh Quảng Ngãi) (25-3 đến 7-4-1967)

Từ ngày 25 đến 27-3-1967, Trung đoàn 7/Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/7 mở chiến dịch Perry, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Từ ngày 26-3 đến 4-4, Sư đoàn 2 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Quyết Thắng 56/G, tìm diệt cộng quân tại tỉnh Quảng Ngãi.

Từ ngày 31-3 đến 7-4, Sư đoàn 2 VNCH phối hợp với Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến Hàn Quốc và hai tiểu đoàn 1/5, 1/7 TQLC Mỹ mở chiến dịch Boone, tìm diệt cộng quân tại tỉnh Quảng Ngãi. Phía Việt Nam Cộng Hòa gọi chiến dịch này là cuộc hành quân Liên Kết 96.

97- Chiến dịch Đắc Tô (tỉnh Kontum) (26-3 đến 22-11-1967)

Từ ngày 26-3 đến 22-11-1967, Cộng quân Tây Nguyên mở chiến dịch Đắc Tô, liên tục tấn công quân lực Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh ở vùng Đắc Tô (tỉnh Kontum).

Lực lượng Mỹ gồm Sư đoàn 4 bộ binh, Lữ đoàn 173 không vận và quân Việt Nam gồm Chiến đoàn dù đóng tại đây cũng liên tục mở nhiều đợt hành quân truy quét cộng quân. Vì thế trong vòng 8 tháng, đôi bên đã bèn bĩ và kiên nhẫn giao tranh hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trên một vùng rừng núi Đắc Tô rộng chỉ 1.400 cây số vuông. Tính từ 26-3 đến 22-11-1967, tại đây quân Mỹ chết 180, bị thương 1.070; quân Việt Nam Cộng Hòa chết 358,

bị thương 785; thiệt hại 32 máy bay các loại. Cộng quân bỏ lại trận 2.523 xác và 4.824 thương binh, bị bắt và ra hàng 370 người.

98- Chiến dịch Long Phi 999/G (tỉnh Vĩnh Long) (26 và 27-3-1967)

Trong hai ngày 26 và 27-3-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Long Phi 999/G, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

99- Chiến dịch Hattiesburg (Vùng 3 chiến thuật) (26 đến 28-3-1967)

Từ ngày 26 đến 28-3-1967, quân Mỹ mở chiến dịch Hattiesburg, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn Vùng 3 chiến thuật.

100- Chiến dịch Summerall (tỉnh Khánh Hòa) (29-3 đến 29-4-1967)

Từ ngày 29-3 đến 29-4-1967, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ mở chiến dịch Summerall, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Quân Mỹ di chuyển bằng máy bay và quân xa từ Phan Rang (tỉnh Ninh Thuận) tới Khánh Dương (tỉnh Khánh Hòa), rồi từ đây, tập trung tuần tra dồn dập từ Khánh Dương tới Buôn Mĩ Ga.

101- Một số tình hình trong tháng 4-1967

Các đơn vị Mỹ di chuyển vị trí đóng quân trong tháng 4-1967 gồm: Tiểu đoàn 3/8 bộ binh chuyển tới trại Enari, Pleiku (2-4); các phi đoàn trực thăng thủy quân lục chiến 164, 263 và các tiểu đoàn TQLC 1/3, 2/3 chuyển sang Chiến đoàn đồ bộ (3-4); Phi đoàn 602 biệt kích đường không chuyển thành Không đoàn 56 biệt kích đường không (8-4); Tiểu đoàn 3/21 bộ binh chuyển tới Chu Lai (9-4); Trung đoàn 9 TQLC chuyển tới Đông Hà (12-4); Trung đoàn 5 TQLC chuyển tới Đà Nẵng; Trung đoàn 7 TQLC chuyển tới Đà Nẵng (13-4); Lữ đoàn 196 bộ binh nhẹ chuyển tới Chu Lai (13-4); các tiểu đoàn bộ binh 2/1, 4/31 và Tiểu đoàn 3/82 pháo binh chuyển tới Chu Lai (13-4); Tiểu đoàn 2/35 bộ binh chuyển tới Đức Phổ (15-4); Đại đội 71 không yểm chuyển tới Chu Lai (18-4); Tiểu đoàn 1/14 bộ binh chuyển tới Chu Lai (19-4); Lữ đoàn 3/Sư đoàn 25 bộ binh chuyển tới Đức Phổ (19-4); các tiểu đoàn bộ binh 2/9, 2/11, 1/35 và Đại đội B/3/4 kỵ binh chuyển tới Đức Phổ (19-4); Tiểu đoàn 588 công binh chiến đấu chuyển tới Tây Ninh (19-4); Tiểu đoàn 86 công binh chiến đấu chuyển tới trại Bearcat, Long Thành (20-4); Đại đội 178 không yểm chuyển tới Chu Lai (21-4); Đại đội 129 không yểm chuyển tới phi trường Lane (30-4); các tiểu đoàn bộ binh 2/3, 3/7, 4/12 chuyển tới Biên Hòa; các tiểu đoàn pháo binh 7/13, 1/30 chuyển tới Bồng Sơn; Tiểu đoàn 2/11 thiết kỵ và Tiểu đoàn 3/18 pháo binh chuyển tới Chu Lai; Tiểu đoàn 2/32 pháo binh chuyển tới Tây Ninh.

Trong tháng 4-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm: Phi đoàn 533 tấn công TQLC (sang 1-4, đóng ở Chu Lai); Tiểu đoàn 1/4 TQLC (2-4, đóng ở Đông Hà); Phi đoàn trực thăng 363 TQLC (4-4, đóng ở Ngũ Hành Sơn); Không đoàn 4258 ném bom (9-4, đóng ở U Tapao, Thái Lan); Phi đoàn 13 ném bom (11-4, đóng ở Phan Rang); Sở chỉ huy Chiến đoàn Oregon (12-4, đóng ở Chu Lai); Tiểu đoàn 1/27 pháo binh (14-4, đóng ở Phú Lợi); Đại đội 3/Lực lượng thám báo (25-4, đóng ở Phú Bài); Sở chỉ huy Trung đoàn 26 TQLC (26-4, đóng ở Khe Sanh); Sở chỉ huy Liên đoàn 41 pháo binh (29-4, đóng ở Phù Cát). Trại biệt kích (CIDG) Biệt đội A-344 đi vào hoạt động tại Da Diem Bunard (2-4).

Các đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm: Phi đoàn 214 tấn công TQLC (3-4); Tiểu đoàn 3/4 TQLC (11-4); Phi đoàn 8 ném bom (12-4); Phi đoàn 416 tiêm kích chiến thuật (15-4); Phi đoàn 10 tiêm kích (17-4).

Các đơn vị Úc sang Việt Nam gồm: Phi đoàn 2/Không lực hoàng gia (19-4, đóng ở Phan Rang); Tiểu đoàn 1 và 7/Trung đoàn hoàng gia (23-4, đóng ở Núi Đất). Các đơn vị Úc rời Việt Nam gồm: Tiểu đoàn 5/Trung đoàn hoàng gia (30-4); Pháo đội 103 dã chiến (30-4).

102- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 4-1967)

Ngày 20-4-1967, chiến dịch Rolling Thunder lần đầu tiên chọn mục tiêu là cảng Hải Phòng để ném bom, với hơn 100 máy bay. Trước đây, tổng thống Johnson không cho ném bom cảng vì quan ngại làm thiệt hại tàu của các nước khác.

Ngày 25-4-1967, hơn 300 lần/chiếc máy bay Mỹ không kích Hà Nội. Bộ Chính trị và các cơ quan quan trọng nhất của Bắc Việt di tản bằng máy bay sang Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Cộng) ngay trong các đêm 25 đến 27-4 để lánh họa sát thân.

103- Việt Nam Cộng Hòa ban hành Hiến pháp (1-4-1967)

Sau nhiều tháng soạn thảo, Ủy ban Soạn thảo hiến pháp hoàn thành bản dự thảo Hiến pháp gồm 117 điều, làm nền tảng pháp lý cho nền Đệ nhị cộng hòa. Dự thảo Hiến pháp được Ủy ban Lãnh đạo quốc gia và Ủy ban Hành pháp trung ương chấp thuận ngày 19-3-1967 và đệ trình lên Quốc hội. Sau khi bàn thảo và có vài điều chỉnh nhỏ, Quốc hội lập hiến thông qua Hiến pháp ngày 27-3. Ngày 1-4-1967, Hiến pháp được chủ tịch Quốc hội Phan Khắc Sửu ký ban hành.

Theo Hiến pháp 1967, Việt Nam là nước cộng hòa đang trong tình trạng chiến tranh chống cộng. Quyền lập pháp được trao cho Quốc hội gồm hai viện. Quyền hành pháp trao cho tổng thống dân cử nhiệm kỳ bốn năm và được thủ tướng do tổng thống chỉ định, điều hành Chính phủ và thi hành Hiến pháp. Quyền tư pháp do Tối cao pháp viện chung quyết.

104- Chiến dịch Andover (tỉnh Hậu Nghĩa) (1 đến 10-4-1967)

Từ ngày 1 đến 10-4-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ mở chiến dịch Andover, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực xã Tân Hòa, tỉnh Hậu Nghĩa. Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 42; quân Việt Cộng bỏ lại trận 459 xác.

Đêm 2-4, Tiểu đội cộng quân Biên Hòa pháo kích và tập kích vào căn cứ Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ tại Biên Hòa. Kết quả, quân Mỹ chết 3, bị thương 68, thiệt hại 20 xe quân sự trong đó có 11 thiết giáp, 2 trực thăng. Cộng quân bị phản kích bỏ lại trận 65 xác, 71 thương binh và 3 khẩu pháo.

105- Giao tranh ở các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên (5 và 6-4-1967)

Đêm mùng 5 rạng sáng 6-4, 2.500 cộng quân Quân khu Trị Thiên gồm 5 tiểu đoàn bộ binh và 2 đại đội đặc công mở cuộc tập kích vào căn cứ của Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa tại La Vang, ở phía nam tỉnh lỵ Quảng Trị 3 cây số. Giao tranh ác liệt diễn ra, kết quả, quân VNCH chết 32, bị thương 13, thiệt hại 12 xe quân sự, cháy 8 kho xăng và đạn. Cộng quân bỏ lại trận 55 xác và 76 thương binh; bị bắt 7.

Cũng đêm hôm đó, cộng quân pháo kích dữ dội vào trung tâm tỉnh lỵ Quảng Trị làm thiệt hại nhiều doanh trại quân đội, hàng loạt nhà dân, khiến 14 binh sĩ và 57 thường dân thiệt mạng, hàng trăm người bị thương. Một đại đội đặc công cộng quân thừa cơ hỗn loạn xâm nhập giải cứu hàng trăm tù binh đang giam tại tỉnh lỵ Quảng Trị. Đêm 6-4, cộng quân Quân khu Trị Thiên gồm Trung đoàn bộ binh 24/Sư đoàn 304, được tăng cường Tiểu đoàn bộ binh 3/Sư đoàn 325, 2 tiểu đoàn công binh, 2 đại đội đặc công, mở cuộc tấn công vào 4 đại đội thám báo và 1 trung đội thuộc Lực lượng đặc biệt Mỹ đang chốt giữ điểm cao 230 và 320 (đồn chính) tại Làng Vây (tỉnh Quảng Trị), với ý định ban đầu là nhằm khai thông khu vực phía tây đường 9, tạo thế cho chiến dịch đường 9 – Khe Sanh (20-1) sắp bắt đầu.

Đêm 6-4, cộng quân Trị Thiên gồm 3 đại đội đặc công phối hợp với 2 đại đội và 1 trung đội bộ binh thuộc Trung đoàn 6 Trị Thiên mở cuộc tập kích vào căn cứ Từ Hạ ở tây bắc thành phố Huế 12 cây số. Đây là căn cứ của Trung đoàn 3/Sư đoàn 1 bộ binh VNCH. Giao tranh ác liệt diễn ra, kết quả, quân VNCH chết 25, bị thương 53, thiệt hại 10 xe quân sự, 1 khẩu đại bác hạng nặng. Cộng quân bỏ lại trận 66 xác và 42 thương binh.

106- Chiến dịch Harvest Moon 2 (tỉnh Phước Long) (2-4 đến 9-5-1967)

Từ ngày 2 đến 5-4-1967, Liên đội dù 5 Lực lượng đặc biệt Mỹ mở chiến dịch Harvest Moon 2, để bảo vệ an ninh cho việc thiết lập một trại biệt kích (CIDG) mới tại Da Diem Bunard cho Biệt đội A-344. Liên đội 5 đã cho Biệt đội A-503 nhảy dù xuống bãi đáp Bellmont rồi hành quân tới khu căn cứ mới để thực hiện kế hoạch bảo vệ. Sau đó, từ ngày 5-4 đến 9-5-1967, có thêm Tiểu đoàn 1/16 của Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ tham gia chiến dịch Harvest Moon 2.

107- Các chiến dịch Beacon Star, Big Horn, Firebreak, Prairie 4, Shawnee (tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên) (4-4 đến 31-5-1967)

Trong tháng 4-1967, Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ huy động các trung đoàn bản bộ mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên.

Từ ngày 4 đến 21-4, Trung đoàn 4/Sư đoàn 3 chỉ huy 5 tiểu đoàn 2/4, 1/9, 2/9, 3/9, 2/26, mở chiến dịch Big Horn, tìm diệt cộng quân dọc theo sông Ô Lâu, thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Từ ngày 5 đến 30-4, Trung đoàn 4 Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/4 mở chiến dịch Firebreak, tìm diệt cộng quân tại khu phi quân sự và Cổ Thành Quảng Trị.

Từ ngày 19-4 đến 31-5, Sư đoàn 3 chỉ huy bảy tiểu đoàn 2/3, 3/3, 1/4, 3/4 1/9, 2/9, 3/9, mở chiến dịch Prairie 4, tiếp tục tìm diệt quân Việt Cộng dọc theo khu phi quân sự thuộc tỉnh Quảng Trị. Hai tiểu đoàn 3/3 và 3/9 hành

quân tìm diệt phía tây trục Cam Lộ – Cồn Thiến, trong khi hai tiểu đoàn 1/4 và 1/9 lùng sục khu vực chân núi trong tỉnh Quảng Trị.

Từ ngày 24-4 đến 11-5 đã diễn ra loạt trận đánh ác liệt kéo dài ở khu đồi Khe Sanh. Sư đoàn 3 TQLC được Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ chỉ thị điều quân tới tăng cường cho căn cứ Khe Sanh, do nắm được nguồn tin cộng quân sắp tập trung lực lượng tập kích phi trường Khe Sanh. Sư đoàn 3 liền cho Tiểu đoàn 3/3 tới Khe Sanh để trực tiếp bảo vệ các ngọn đồi 861, 881 nam, 881 bắc. Sau đó, Tiểu đoàn 1/9 TQLC từ địa bàn chiến dịch Prairie và Tiểu đoàn TQLC 2/3 từ Chiến đoàn đổ bộ Bravo cũng được điều tới Khe Sanh tăng viện cho Tiểu đoàn 3/3 trấn giữ khu đồi. Tính chung trong chiến dịch Prairie 4, cộng quân bỏ lại trận 489 xác.

Từ ngày 22-4 đến 12-5, Sư đoàn 3 TQLC chỉ huy Chiến đoàn đổ bộ Bravo (mới được thành lập từ Tiểu đoàn 2/3 TQLC) mở chiến dịch Beacon Star. Quân Mỹ đã đổ bộ lên bãi biển giáp ranh giữa hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên, rồi lùng sục khu vực xung quanh dọc theo sông Ô Lâu, được mệnh danh là ‘Street Without Joy’ (con đường xúi quẩy). Tính chung trong chiến dịch Beacon Star, quân Mỹ chết 24; quân Việt Cộng bỏ lại trận 469 xác.

Từ ngày 22-4 đến 15-5, Trung đoàn 4/Sư đoàn 3 chỉ huy Tiểu đoàn 2/26 mở chiến dịch Shawnee, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên. Quân Mỹ đã lùng sục khu vực dọc theo quốc lộ 1 và sông Thác Mã và rừng núi phía tây nam các làng Cổ Bi, Thanh Tân, quận Phong Điền, để tìm diệt một tiểu đoàn cộng quân đang hoạt động trong vùng.

108- Các chiến dịch Beaver Cage, Canyon, County Fair 1-34, Dixie, Grand, Humboldt, Tippercanoe, Union 1 (tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi) (5-4 đến 17-5-1967)

Trong tháng 4-1967, Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ huy động các trung đoàn bản bộ mở liên tiếp các chiến dịch hành quân tại ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi phía nam Vùng 1 chiến thuật.

Trong đó, Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 mở cùng lúc và liên tiếp ba chiến dịch.

– chỉ huy ba tiểu đoàn 1/1, 2/5, 1/26, mở chiến dịch Canyon từ ngày 5 đến 10-4, tại khu vực Hội An và vùng giáp ranh hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Tín.

– chỉ huy Tiểu đoàn 2/5 mở chiến dịch Dixie từ ngày 7 đến 10-4 tại tỉnh Quảng Nam.

– chỉ huy Tiểu đoàn 1/5 mở chiến dịch Tippercanoe từ ngày 13 đến 17-4 tại tỉnh Quảng Ngãi.

Từ ngày 13 đến 17-4, Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 TQLC chỉ huy Tiểu đoàn 3/1 mở chiến dịch Humboldt, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 19 đến 21-4, Sư đoàn 1 chỉ huy Tiểu đoàn 1/1 TQLC Mỹ phối hợp với Tiểu đoàn 4/5 bộ binh VNCH mở chiến dịch County Fair 1-34, thực hiện chương trình bình định nông thôn tại tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 21-4 đến 17-5, Sư đoàn 1 TQLC Mỹ phối hợp với Liên đoàn 1 biệt động quân VNCH mở chiến dịch Union 1, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực giáp ranh hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Tín. Quân Mỹ tham chiến gồm 6 tiểu đoàn 1/1, 2/1, 3/1, 1/3, 1/5, 3/5. Mục tiêu tìm diệt là Sư đoàn 3 Bắc Việt đang hoạt động tại thung lũng Quế Sơn. Sau khi chiếm lĩnh núi Lộc Sơn, quân Mỹ truy quét về phía đông bắc trong khi quân Việt Nam Cộng Hòa từ Thăng Bình truy quét về thung lũng Quế Sơn. Trong chiến dịch Union 1, quân Mỹ chết 53, bị thương 211; quân VNCH chết 41, bị thương 163; cộng quân bỏ lại trận 965 xác và 82 thương binh.

Từ ngày 21 đến 25-4, Trung đoàn 7/Sư đoàn 1 TQLC chỉ huy Tiểu đoàn 3/7 mở chiến dịch Grand, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 28-4 đến 12-5, Chiến đoàn đổ bộ Alpha Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 TQLC mở chiến dịch Beaver Cage, tìm diệt quân Việt Cộng tại thung lũng Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, nhằm phối hợp với chiến dịch Union 1.

109- Chiến dịch Francis Marion (tỉnh Pleiku) (5-4 đến 12-10-1967)

Để tổ chức và sắp xếp lại lực lượng sau chiến dịch Sam Houston, Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ đã mở chiến dịch Francis Marion từ ngày 5-4 đến 12-10-1967 tại cùng một địa bàn như cũ thuộc tỉnh Pleiku. Từ bãi đáp Jackson Hole, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 4 đã kiểm soát khu vực từ Đức Cơ dài về phía bắc tới Plei Djereng, trong khi Lữ đoàn 2/4 tại bãi đáp Oasis hoạt động khu vực phía nam Đức Cơ khắp thung lũng Ia Drang và quanh vùng Plei Me. Lữ đoàn 173 không vận Mỹ vừa từ Vùng 3 chiến thuật bay ra tăng cường đã tham gia chiến dịch dưới quyền chỉ huy chung của Sư đoàn 4.

Từ ngày 1 đến 18-6, Sư đoàn 4 và Lữ đoàn 173 hành quân tìm diệt cộng quân tại khu vực tây nam đồn điền Catecka trong thung lũng Ia Drang, tỉnh Pleiku. Đến 18-6, Lữ đoàn 173 cắt hai tiểu đoàn 1/503 và 2/503 rút khỏi địa bàn chiến dịch Francis Marion để không vận xuống phi trường Dak To tham gia chiến dịch Greeley ở Kontum.

Để đối phó với hoạt động gia tăng của cộng quân ở khu vực phía bắc dãy núi Chu Pong trong thung lũng Ia Drang, ngày 10-7, Sư đoàn 4 cho Tiểu đoàn 1/12 nhảy dù tới đây để hoạt động thám báo và chọc nhử cho cộng quân lộ diện rồi cho máy bay ném bom tiêu diệt.

Sư đoàn 4 thực hiện pha cuối của chiến dịch Francis Marion từ ngày 24-9 đến 12-10-1967. Trong khi Lữ đoàn 1/4 nỗ lực kiểm soát chặt chẽ vùng biên giới, thì Lữ đoàn 2/4 tập kích vào thung lũng Dak Pihao (tức Dak Payou) ở phía đông tỉnh Pleiku để cắt đứt các tuyến xâm nhập của Việt Cộng từ Cambodia sang. Tính chung trong chiến dịch, cộng quân bỏ lại trận 1.203 xác.

110- Hội đàm giữa lãnh đạo Trung Cộng và Việt Cộng (Bắc Kinh, 7 đến 12-4-1967)

Tháng 4-1967, phái đoàn Việt Cộng do thủ tướng Phạm Văn Đồng và bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp dẫn đầu, sang thăm Bắc Kinh và có nhiều cuộc hội đàm với các nhà lãnh đạo Trung Cộng (Bài dịch của Ngọc Thu từ Cold War International History Project – Woodrow Wilson Center).

Ba cuộc thảo luận giữa Chu Ân Lai với Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp (Bắc Kinh, 7-4-1967)

Thảo luận giữa Chu Ân Lai, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp (1)

Mô tả: Chu Ân Lai nhận xét về tính cách quân sự của Mỹ.

– Chu Ân Lai: Kinh nghiệm và truyền thống Mỹ dựa trên cuộc chiến giành độc lập, mà họ đã chiến đấu 190 năm trước. Cũng có cuộc nội chiến cách nay gần 100 năm. Suốt thời Đệ nhất và Đệ nhị Thế chiến, họ đạt nhiều (chiến thắng) ở giai đoạn cuối. Trong Đệ nhị Thế chiến, Mỹ đã đổ bộ (vào châu Âu) vào lúc Hitler đã suy yếu đáng kể. Họ sử dụng nhiều pháo binh, như thế họ đang tiến hành tập trận. Người chỉ huy ở mặt trận phía Tây lúc đó là Eisenhower, và tham mưu trưởng Quân đội Hoa Kỳ là (tướng George C.) Marshall. Marshall rất tự hào về kế hoạch đổ bộ, (tài liệu) dài hàng trăm trang. Có lần tôi hỏi ông ta đã đọc bản kế hoạch đó chưa. Ông ta nói rằng ông ta chỉ đọc đề cương. Mỗi phần (đề cương), ông ta chỉ đọc phần có liên quan đến ông ta.

Ghi chú: 1. Võ Nguyên Giáp (1912 -) là người thành lập đơn vị đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam vào năm 1944 và giữ chức tổng tư lệnh trong suốt chiến tranh Đông Dương. Suốt thập niên 1960 và gần suốt thập niên 1970 ông là phó thủ tướng, bộ trưởng Bộ Quốc phòng, và tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam. Văn Tiến Dũng được cho là đã thay thế ông làm bộ trưởng Quốc phòng và tổng tư lệnh năm 1980, nhưng theo từ điển quân đội, xuất bản năm 1996 tại Hà Nội nói rằng, ông Dũng đã thay thế (ông Giáp) từ đầu năm 1978. Nếu điều này chính xác, thì ông Giáp không chịu trách nhiệm về quyết định xâm chiếm Campuchia, hoặc bảo vệ Việt Nam chống lại cuộc tấn công của Trung Quốc năm 1979. Ông Giáp vẫn còn trong Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam cho đến năm 1982 và còn chức ủy viên Trung ương Đảng cho đến năm 1991.

Đây là cuộc họp thứ ba giữa phái đoàn Trung Quốc và Việt Nam. Trong cuộc họp này, Võ Nguyên Giáp đã mô tả tình hình quân sự ở Việt Nam và mục tiêu chiến lược của Mỹ. Hai cuộc họp đầu tiên được tổ chức từ 11:30 sáng (không rõ kết thúc lúc mấy giờ) và từ 3:30-06:30 chiều ngày 29-3-1967. Phái đoàn Việt Nam đã đi thăm Liên Xô và sau đó trở về Bắc Kinh.

Thảo luận giữa Chu Ân Lai, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp (7-4-1967) (2)

Mô tả: Chu Ân Lai củng cố cam kết của ông ta và của Trung Quốc đối với cuộc chiến tại Việt Nam, mặc dù ông ta gần bảy mươi tuổi.

– Phạm Văn Đồng: Một số chiến lược chúng tôi đang áp dụng ở chiến trường miền Nam Việt Nam là làm theo những điều các ông đề nghị với chúng tôi trong quá khứ. Điều này cho thấy chiến lược quân sự của chúng tôi, cũng như của các ông, là đúng đắn, và cũng có những diễn biến mới.

– Chu Ân Lai: Không chỉ có các chiến lược của các ông có những diễn biến mới, mà còn có những sáng tạo mới. Những người đến muộn trở thành người tới trước. Đây là điều (Mao) Chủ tịch đã nói. Tôi viết cho các ông vài lời: những người đến muộn trở thành người đến đầu tiên... Chúng tôi đã không đánh một cuộc chiến nào trong suốt 14 năm. Cả ba chúng tôi đã già rồi. Tôi gần bảy mươi tuổi rồi. Đồng chí Diệp Kiếm Anh (2) bảy mươi tuổi rồi. Đồng chí Trần Nghị thì sáu mươi bảy tuổi. Chúng tôi vẫn muốn đánh, nhưng chúng tôi không còn nhiều thời gian.

– Diệp Kiếm Anh: Đó là quy luật của tự nhiên.

– Chu Ân Lai: Mặc dù tôi đã già, nhưng tham vọng của tôi vẫn còn đó. Nếu cuộc chiến ở miền Nam không kết thúc trong năm tới, tôi sẽ đến thăm các ông và quan sát xung quanh.

– Diệp Kiếm Anh: Con ngựa già ở trong chuồng vẫn mơ đến những thành tích anh hùng; trái tim của một người anh hùng lúc tuổi già của ông ấy kiên cường hơn bao giờ hết.

– Chu Ân Lai: Chủ tịch Mao đã trích dẫn những (lời này) từ một bài thơ của Tào Tháo (3) trong một bức thư gửi cho đồng chí Vương Quan Lan (4). Một nhân vật lịch sử trong thời kỳ phong kiến vẫn có khát vọng của mình, còn chúng ta, những người vô sản, thì sao?

Ghi chú: 1. Đây là cuộc họp thứ tư giữa phái đoàn Trung Quốc và Việt Nam. Võ Nguyên Giáp bắt đầu cuộc họp bằng cách tiếp tục giới thiệu về tình hình quân sự ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam và chiến lược của Việt Nam.

Diệp Kiếm Anh: là phó chủ tịch Quân ủy Trung ương và là ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tào Tháo: là một chính trị gia và là lãnh chúa thời Tam quốc của Trung Quốc (thế kỷ thứ 2-3).

Vương Quan Lan: là thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và phó giám đốc Sở Nông thôn? (Deputy Head of the Rural Affairs Department) thuộc Trung ương ĐCS TQ. Ông bị bệnh tật kinh niên hồi thập niên 1950 và đầu thập niên 1960, và Mao đã viết một lá thư khuyên ông ta nên kiên nhẫn trong việc đối phó với bệnh tật của mình.

Thảo luận giữa Chu Ân Lai và Phạm Văn Đồng (7-4-1967)

Mô tả: Đề nghị của Liên Xô gia tăng viện trợ cho Việt Nam qua ngả Trung Quốc.

– Phạm Văn Đồng: Các đề nghị của (Liên Xô) là: (1) Trung Quốc tăng hạn ngạch cho các lô hàng viện trợ của Liên Xô giúp (Việt Nam) qua ngả Trung Quốc từ 10.000-30.000 tấn một tháng. Nếu cần, Liên Xô sẽ gửi một số đầu máy xe lửa tới Trung Quốc. (2) Trung Quốc dành riêng 2 hoặc 3 cảng ở miền Nam để giao hàng viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam. Nếu cần nhiều thiết bị hơn cho các cảng này, Liên Xô sẽ trả tất cả chi phí (*).

(*) Chu Ân Lai có trả lời vấn đề này trong buổi thảo luận ngày 10-4-1967.

Thảo luận giữa Chu Ân Lai và Phạm Văn Đồng (Bắc Kinh, 10-4-1967)

Mô tả: Chu Ân Lai thảo luận việc mở rộng chiến tranh Việt Nam, cũng như phát triển mặt trận mới ở Campuchia; cũng có một cuộc thảo luận về Hoàng thân Sihanouk và Lon Nol.

– Chu Ân Lai: ...Về việc vận chuyển hàng quá cảnh, thỏa thuận hạn ngạch là 10.000 tấn một tháng. Bây giờ, họ muốn tăng lên 30 ngàn. Tuy nhiên, họ không đề cập đến mặt hàng cụ thể nào, nên chúng tôi không muốn trả lời đề nghị một cách rõ ràng... Về các mặt hàng quân sự của Liên Xô, Liên Xô nên thông báo trước cho Việt Nam, và Việt Nam sẽ xem xét liệu lợi ích có phù hợp và hiệu quả hay không. Có nghĩa là các ông sẽ không lấy hết tất cả mọi thứ. Lúc đó, các ông sẽ thông báo cho chúng tôi (số lượng). Cuối cùng, chúng tôi sẽ phải kiểm tra. Nếu đúng, chúng tôi sẽ tăng hạn ngạch.

Hiện cảng Hải Phòng không bị phong tỏa. Do đó, việc sử dụng các cảng của Trung Quốc chưa được xét đến. Liên Xô đã từng nói rằng, Mỹ sẽ không tấn công tàu của Liên Xô. Tất nhiên, trong trường hợp cảng Hải Phòng bị phong tỏa, và không còn có cảng nào khác có thể cập bến ở Việt Nam, các chuyến hàng nước ngoài đến Việt Nam sẽ phải được vận chuyển qua các cảng của Trung Quốc. Chúng tôi có một thỏa thuận cho dự phòng này. Về lợi ích của các cảng Trung Quốc đối với hàng viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam, chúng tôi sẽ cân nhắc tình hình và hoàn cảnh thực tế và sau đó thương lượng một thỏa thuận khác. Liên Xô muốn vào các cảng của Trung Quốc không chỉ vì các lô hàng viện trợ cho Việt Nam, mà còn có các động cơ khác sau này.

– Phạm Văn Đồng : ...

– Chu Ân Lai: Có một mặt trận khác là Campuchia. Campuchia thì gắn liền với nước Pháp như Lào và miền Nam Việt Nam gắn với Mỹ. Pháp đã xác định không bỏ mặc Campuchia. Đôi khi Sihanouk chửi chúng tôi vì bức tức, điều đó dễ hiểu. Chúng tôi phải giành cho được sự cảm thông của ông ta, nhưng cùng lúc, chúng ta phải hiểu bản chất của ông ta. Mỗi liên hệ như thế này: bởi vì Pháp sẽ không bỏ mặc Campuchia, thì Campuchia cũng sẽ không bỏ mặc chúng ta. Nếu Campuchia làm như thế, sẽ mâu thuẫn với chính phủ liên minh ở miền Nam Việt Nam, trong đó phe thân Pháp sẽ được mời dự phần. Và nếu quan hệ Campuchia với Trung Quốc xấu đi, ảnh hưởng của Pháp ở vùng Viễn Đông sẽ tiếp tục giảm, do đó vị thế của Pháp trong quan hệ với Mỹ bị suy yếu. Khả năng để Mỹ để mở một mặt trận khác ở Campuchia là không lớn. Vì vậy, gây áp lực lên Campuchia có thể làm cho họ đồng ý với các chính sách của chúng ta.

Gần đây, Thủ tướng Úc (Harold Holt), thăm Campuchia. Ông ấy hỏi Sihanouk rằng Campuchia có giúp Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam hay không. Sihanouk không hoàn toàn phủ nhận điều (này), nói rằng ông ấy giúp một chút trong vấn đề vận chuyển. Tôi biết Sihanouk hơn 10 năm nay và thấy rằng ông ta khôn hơn Sukarno (1). Có lẽ Sukarno sợ phong trào nhân dân, nhưng Sihanouk thì không sợ.

Khả năng giành được sự cảm thông của Sihanouk thì rất tốt. Tuy nhiên, cùng lúc chúng ta phải cân nhắc khả năng phong tỏa. Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng việc vận chuyển trang thiết bị trong mùa mưa này không chỉ cho năm nay, mà nên vận chuyển cho nhu cầu năm tới. Chúng tôi luôn luôn khai thác các cơ hội khi có sẵn.

- Võ Nguyên Giáp: Hiện Mỹ muốn sử dụng phe thân Mỹ tại Campuchia để tiến hành phá hoại và đảo chánh. Ông có ý kiến gì về vấn đề này?
- Chu Ân Lai: Chúng ta không loại trừ khả năng đảo chính. Sihanouk cũng giống như Sukarno đến mức ông ta trấn áp tất cả các mâu thuẫn để nắm giữ quyền lực. Tuy nhiên, ông ta không giống Ne Win (2) người kiểm soát các lực lượng vũ trang. Cùng lúc, Ne Win ngày càng quan trọng đối với các phe phái ở Miến Điện, và vì thế càng không được lòng dân. Tôi đã nói chuyện với ông ta nhiều lần về chiến lược cầm quyền, khuyên ông ấy giới hạn số đối thủ. Những gì tôi biết về ông ta qua U Thant (3) đó là ông ta dễ lĩnh hội từ người Mỹ, nhưng người Anh và người Pháp thì ở một mức độ thấp hơn. Ông ấy cũng duy trì quan hệ với Trung Quốc và Liên Xô.
- Phạm Văn Đồng: Còn tình trạng nội chiến ở Miến Điện?
- Chu Ân Lai: Các phong trào cách mạng ở đó không phát triển nhanh và có một số thay đổi trong chính sách của Đảng. Điều kiện và tình hình ở đó thì tốt, nhưng tôi không hiểu tại sao cuộc cách mạng đã không phát triển.
- Phạm Văn Đồng: Ông nghĩ sao về Lon Nol? (4)
- Chu Ân Lai: Ông ta không đáng tin cậy.
- Phạm Văn Đồng: Ông ta đã dùng những lời lẽ tốt đẹp để nói về Trung Quốc với chúng tôi.
- Chu Ân Lai: Ông ta cũng đã nói như thế với chúng tôi. Ông ta cũng nói rằng ông ta có mang dòng máu Trung Quốc. Phoumi Noursavan (5) cũng nói rằng ông ta có dòng máu Trung Quốc. Nhưng máu của họ là máu phong kiến, tư bản.
- Trần Nghị: Lon Nol là người ủng hộ Mỹ. Sihanouk cũng biết điều này.
- Chu Ân Lai: Một lần, Lon Nol đến thăm Trung Quốc và ông ta để lại một số ấn tượng. Nếu chúng ta chi tiền cho ông ta, ông ta có thể bị lợi dụng một thời gian. Mẹ của Sihanouk cũng đang làm chính trị, cái cách mà một số hoàng hậu Trung Quốc đã làm. Hai mẹ con đối nghịch với nhau. Nhưng họ cũng lợi dụng lẫn nhau. Bất lợi của Sihanouk đó là, không giống như Ne Win, ông ta không kiểm soát các lực lượng vũ trang.
- Phạm Văn Đồng: ...
- Chu Ân Lai: Theo như đánh giá của chúng tôi về triển vọng của cuộc chiến, chúng tôi thực sự cần xem xét hai hoặc ba khả năng. Trước tiên, cuộc chiến tranh có thể tiếp tục và thậm chí có thể mở rộng hơn nữa. Quy luật của chiến tranh thường không thể quyết định bởi lòng người, không do ý muốn của người dân quyết định, không phải bởi kẻ thù, cũng không phải bởi chúng ta. Chiến tranh có quy luật riêng của nó. Ngay cả khi kẻ thù muốn dừng lại, cũng rất khó để cho họ dừng. Vì vậy, khi chúng tôi đánh giá triển vọng của cuộc chiến, chúng ta nên chuẩn bị cho việc tiếp tục cuộc chiến và mở rộng chiến tranh hơn nữa. Một khả năng khác là kẻ thù có thể phong tỏa bờ biển. Nếu kẻ thù bắt đầu phong tỏa toàn bộ, thì có nghĩa là đang chuẩn bị cho việc mở rộng chiến tranh, một cuộc chiến tổng lực toàn diện. Nhưng nếu kẻ thù sử dụng một cuộc phong tỏa để buộc các ông phải thỏa hiệp và nếu các ông từ chối thỏa hiệp, thì ông ta sẽ làm gì? Kẻ thù phải có một kế hoạch gì đó tiếp theo. Việc phong tỏa toàn bộ dọc bờ biển không phải là một vấn đề đơn giản, bởi điều này cần triển khai nhiều tàu. Hành động này sẽ là một hoạt động rất lớn, và sẽ gây nhiều căng thẳng trong quan hệ của kẻ thù với các nước khác. Khả năng thứ ba là điều mà hai ông vừa đề cập đến: đó là mùa khô năm tới sẽ là thời điểm quan trọng, và các ông có thể đánh bại đối phương, buộc họ phải nhận lấy sự thất bại và rút khỏi Việt Nam. Có thể nào cuộc chiến sẽ không kết thúc, cũng không mở rộng, mà sẽ tiếp tục như hiện nay? Điều này không thể nào xảy ra. Sớm hay muộn, cuộc chiến tranh sẽ kết thúc, chỉ là vấn đề thời gian khi nào. Không thể nào cuộc chiến tranh sẽ được kéo dài như thế này, không thắng cũng không bại (nguyên văn: không chết cũng không sống). Đối với câu hỏi về vấn đề đấu tranh chính trị, rõ ràng là đấu tranh chính trị nên tiếp tục trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Chiến tranh là hình thức cao nhất của sự phát triển đấu tranh chính trị, do vậy, không thể tiến hành cuộc chiến tranh mà không tiến hành đấu tranh chính trị. Để tăng cường tuyên truyền quốc tế, để chiến thắng sự cảm thông, để làm suy yếu và chia rẽ kẻ thù, và để tận dụng các mâu thuẫn sa sút của kẻ thù, là tất cả các hình thức khác nhau về đấu tranh chính trị. Các ông đã làm được những điều này trong quá khứ và các ông phải tiếp tục làm như vậy trong tương lai.
- Ghi chú: 1. Sukarno: (1901-1970) chủ tịch nước Cộng hòa Indonesia 1945-1967. Bị mất quyền vào tay tổng thống Suharto trong một cuộc đảo chính quân sự hồi tháng 10-1965.
- Ne Win: (1911-2002) tướng Miến Điện, người đứng đầu nước Miến Điện (Myanmar) từ năm 1962-1981.
- U Thant: (1909-1974) người Miến Điện; tổng thư ký Liên Hiệp Quốc năm 1962-1971.
- Lon Nol: (1913-1985) tướng trong Quân đội Campuchia, thủ tướng từ năm 1966 đến tháng 4-1967. Trở lại nắm quyền trong chính phủ hồi tháng 4 năm 1968, đầu tiên là bộ trưởng Quốc phòng và sau đó là quyền thủ

tướng. Bỏ nhiệm làm thủ tướng vào tháng 8-1969. Nằm quyền trong một cuộc đảo chính vào ngày 18-3-1970, trong khi Sihanouk ở nước ngoài. Lon Nol là tổng thống Cộng hòa Khmer 1972-1975.

Phoumi Noursavan: tướng Lào, một người mạnh mẽ, thuộc cánh hữu trong chính phủ từ 1960-1965.

Thảo luận giữa Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Phạm Văn Đồng (Bắc Kinh, 10-4-1967)

Mô tả: Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông giải quyết vấn đề khó khăn của Trung Quốc-Hồng vệ binh.

– Chu Ân Lai: Đa số Hồng vệ binh Trung Quốc đã vượt biên giới vào Việt Nam, là tốt. Họ đã đến Việt Nam bởi vì họ muốn chiến đấu chống Mỹ. Nhưng họ đã không tôn trọng các quy tắc của hai nước chúng ta, nên gây một số chuyện phức tạp. Chúng tôi xin lỗi các ông về vấn đề này.

– Mao Trạch Đông: Một số Hồng vệ binh không biết biên giới quốc gia có nghĩa là gì. Trong số những người đến Việt Nam, hầu hết đến từ Giang Tây, một số người đến từ Vân Nam. Các ông không cần phải đề phòng họ. Chỉ cần giải thích với họ và sau đó giao họ lại cho chúng tôi.

Thảo luận giữa phái đoàn Trung Quốc và Việt Nam (Bắc Kinh, 11-4-1967)

Mô tả: Chu Ân Lai kể lại mối quan hệ trước đây liên quan đến Đài Loan và Quốc Dân đảng, Mỹ và Liên Xô trong bối cảnh lịch sử hiện tại của Trung Quốc. Ông ta cũng nhấn mạnh sự cần thiết trong việc hỗ trợ Campuchia.

– Chu Ân Lai: ...Vì vậy, chúng tôi cho rằng chiến thắng càng gần hơn, thì cuộc đấu tranh của các ông với Liên Xô càng quyết liệt hơn. Bởi vì khi các ông tiến gần đến chiến thắng, Mỹ muốn gây áp lực nhiều hơn để chấm dứt chiến tranh, để họ có thể có phần ở miền Nam Việt Nam, không phải mất hoàn toàn. Hiện tại Pháp chỉ trích Mỹ, nhưng khi các ông tiến gần tới chiến thắng, Pháp có thể đến gần hơn với Mỹ, và các quốc gia dân tộc khác muốn thỏa hiệp, có thể đến nói chuyện như Mỹ.

Trung Quốc có một câu châm ngôn rằng, bạn thực sự bắt đầu một cuộc hành trình dài 100 dặm sau khi đã đi được 90 dặm đầu. Bởi vì 10 dặm cuối cùng luôn khó khăn như đi 90 dặm đầu tiên. Trên một con đường bằng phẳng, các ông không thể nhìn thấy rõ, nhưng các ông sẽ nhìn thấy rõ hơn khi các ông leo núi Hy Mã Lạp Sơn. Chúng tôi tin rằng các ông sẽ cố gắng hết sức để giành thắng lợi cuối cùng và chúng tôi sẽ khuyến khích người dân thế giới để hỗ trợ các ông. Nhưng Liên Xô sẽ bỏ cuộc.

Ở đây, tôi muốn nói cho các ông biết sự thật: ngay cả Stalin đã một lần làm như vậy. Năm 1945, Nhật đầu hàng. Mỹ hỗ trợ Tưởng Giới Thạch. Liên Xô chiến thắng, nhưng bị thiệt hại trong cuộc chiến rất lớn. Vì vậy, Hội nghị Yalta là một trong những thỏa hiệp về phạm vi ảnh hưởng giữa Liên Xô và Mỹ sau Đệ nhị Thế chiến. Đó là một hội nghị sai lầm. Xem sự thỏa hiệp là một chiến thuật đúng đắn, nhưng thật là sai lầm khi xem nó như một chính sách. Hai quả bom nguyên tử của Mỹ đã làm Stalin bàng hoàng, làm cho ông ta sẵn sàng cho một thỏa hiệp. Vì vậy, ông ta đã ký một thỏa thuận với Tổng Từ Văn (1) công nhận Mỹ có ảnh hưởng lớn nhất ở Trung Quốc, để đổi lấy sự công nhận của Mỹ về ảnh hưởng của Liên Xô ở vùng Đông Bắc (Trung Quốc) và ở Tân Cương cũng như Mông Cổ.

Stalin đã gửi một bức điện cho đồng chí Mao Trạch Đông, nói rằng, đảng Cộng sản Trung Quốc cần hợp tác với Quốc Dân đảng, (và) không bắt đầu một cuộc chiến bởi vì điều này có thể dẫn đến sự hủy diệt của dân tộc Trung Hoa. Rõ ràng là Stalin cảm thấy bị đe dọa do hai quả bom nguyên tử của Mỹ. Vào thời điểm đó, Lục Định Nhất (Lu Dingyi) (2), Stalin cũng đề nghị rằng đồng chí Mao Trạch Đông nên đến Trùng Khánh đàm phán với Tưởng (Giới Thạch). Và không lâu sau đó, có một tin về lời mời chuyển đến đồng chí Mao từ Tưởng. Lúc đó, chúng tôi đối mặt với thực tế là Cộng sản Quốc tế không còn tồn tại; cũng như họ không giữ vai trò trong việc ban hành các hướng dẫn chung. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng Trung Quốc là một phần của phong trào chung, và chúng tôi phải phục vụ mục đích chung. Dựa trên những suy nghĩ của đồng chí Mao Trạch Đông, chúng tôi giữ cho nội chiến không thể tiêu diệt dân tộc Trung Hoa. Chúng tôi cũng có thể chứng minh rằng nội chiến là do Quốc Dân đảng, chứ không phải do Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng vấn đề vào thời điểm đó là, liệu đồng chí Mao Trạch Đông có nên đến Trùng Khánh hay không. Nếu không, người ta cho rằng đảng Cộng sản Trung Quốc chịu trách nhiệm cho cuộc nội chiến.

Vì vậy, bây giờ các ông thấy, những suy nghĩ của Khrushchev đều có nguồn gốc của nó. (Sau đó) Khrushchev làm cho người Trung Quốc giết người Ấn Độ, nên cuộc xung đột biên giới Trung-Ấn do Trung Quốc gây ra. Dĩ nhiên, Stalin không nói như thế. Cho nên đồng chí Mao Trạch Đông quyết định đi Trùng Khánh. Vào thời điểm đó, toàn bộ lập trường của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thống nhất: các thông điệp phản đối các cuộc đàm phán được gửi từ mọi miền đất nước tới ủy ban trung ương. Nhưng đồng chí Mao, đồng chí Vương Nhượng Phi (3) và tôi đã khởi hành. Lúc đó, đồng chí Mao bổ nhiệm Lưu Thiếu Kỳ để thay mặt mình. Chuyện này đã 22 năm rồi.

Kết quả của chuyến đi Trùng Khánh của chúng tôi là, một mặt, Tưởng ký thỏa thuận, và mặt khác, bắt đầu nội chiến. Sau khi ký, đồng chí Mao trở về vùng giải phóng và một nhóm đàm phán gồm ba người, Trương Trung Trị, (phái viên Mỹ, George C.) Marshall, và Chu Ân Lai vẫn ở Trùng Khánh. Nhiều cuộc đàm phán đã được tiến hành và nhiều thỏa thuận đã được ký. Nhưng tháng 7-1946, Quốc Dân đảng phát động các cuộc tấn công quy mô lớn, trước hết là vào quân lính do đồng chí Trần Nghị chỉ huy ở vùng giải phóng của Bắc Giang Tô. Quân của Tưởng chiếm đóng một số thành phố, đặc biệt là Trương Gia Khẩu, Andong... Nghĩ rằng chắc chắn có thể giành chiến thắng, họ triệu tập hội nghị của Quốc hội bù nhìn mà không tham khảo chúng tôi. Chúng tôi, những người đàm phán, lúc đó trở lại Duyên An.

Đầu năm 1947, Hồ Tông Nam (4) tiến hành một cuộc tấn công vào Duyên An, và chưa đầy sáu tháng, vào tháng 7-1947, ông ta chiếm các thị xã, thành phố trong khu vực này. Lúc đó, đồng chí Mao chỉ huy chiến tranh du kích ở Thiểm Bắc, đồng thời lãnh đạo cuộc đấu tranh trên toàn quốc. Tôi ở bên đồng chí Mao. Một bác sĩ Liên Xô (5) đi cùng chúng tôi lúc đó, chuyển một thông điệp từ Stalin, mong đồng chí Mao đến Moscow. Không biết tại sao, chúng tôi nghĩ rằng (họ muốn đồng chí Mao đi đến) đó là để thảo luận về việc tiến hành cuộc chiến. Tuy nhiên, do tình hình trong nước, đồng chí Mao không thể đi.

Ngay sau đó, chúng tôi nhận được tin quân đội dưới quyền chỉ huy của đồng chí Lưu Bá Thừa (6) đã vượt sông Hoàng Hà và tấn công khu vực núi Đại Biệt Sơn. Điều này xảy ra chỉ một năm sau khi nội chiến bắt đầu. Trước đó, gần như tất cả các thành phố và thị trấn đã được giải phóng (khỏi Nhật Bản) bị mất vào tay quân Tưởng. Cho nên, đa số quân của Tưởng lúc đó bận rộn trong các khu vực mới chiếm đóng.

Khi quân của Lưu Bá Thừa tấn công khu vực miền núi Đại Biệt Sơn, điều này dường như đánh vào tâm can của Tưởng. Ông ta rất sợ hãi và đã phải sử dụng một mưu mẹo. Qua Tổng Tử Văn, em trai của bà Tống Mỹ Linh (7), Tưởng đã gặp Federenko, lúc đó là Đại biện Liên Xô, yêu cầu Moscow thông báo cho ĐCS Trung Quốc rằng, ông ta sẵn sàng đàm phán nhằm chấm dứt chiến tranh. Vào thời điểm đó, mặc dù Tưởng bị đánh bại, nhưng ông ta vẫn còn hưởng lợi. Liên Xô chuyển thông điệp của ông ta cho chúng tôi và cho rằng chúng tôi nên đi đàm phán. Với Tưởng, chúng tôi không đóng cửa để đàm phán.

Khi tôi rời Nam Kinh vào cuối tháng 10-1946, đồng chí Đồng Tất Vũ (8) rời Nam Kinh vào tháng 1-1947, tôi nói đó là Quốc Dân đảng đã đóng cửa để đàm phán. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng, sẽ là bất lợi nếu các cuộc đàm phán bắt đầu vào tháng 7-1947. Bởi vì, như các ông đã nói, việc cân bằng lực lượng không có lợi cho chúng tôi. Kết quả là, chúng tôi tiếp tục chiến đấu cho đến năm 1949, năm mà chúng tôi có thể bảo đảm chiến thắng một cách quyết định.

Vào lúc đó, Tưởng đã rút lui và kêu Lý Tông Nhân (9) thay mặt ông ta đàm phán. Được thôi! Chúng tôi chấp nhận đàm phán và đưa ra một số nguyên tắc. Trương Trung Trị (10) dẫn đầu phía Quốc Dân đảng. Ông ta đến Bắc Kinh và các cuộc đàm phán diễn ra trong 20 ngày. Chúng tôi đề nghị (một dự thảo với) 8 chương và 24 điều khoản.

Trong khi đó, lực lượng vũ trang của chúng tôi đã sẵn sàng vượt sông Dương Tử. Nếu dự thảo được ký, sẽ không có chuyện gì xảy ra. Nếu không, chúng tôi sẽ vượt sông. Phái đoàn Quốc Dân đảng đồng ý ký vào bản dự thảo, nhưng khi đưa trở lại Nam Kinh, dự thảo đã bị Đại sứ Mỹ từ chối. Vì vậy, Lý (Tông Nhân) đã rút lui và một triệu binh sĩ của chúng tôi vượt sông Dương Tử.

Trong suốt chiến dịch, quân đội dưới quyền chỉ huy của đồng chí Lâm Bưu đã chiếm Vũ Hán. Có một tiến triển khôi hài: khi các cuộc đàm phán đang diễn ra, Lý Tông Nhân chuyển chính quyền của ông ta đến Quảng Châu, (và) Đại sứ Liên Xô đã đi với ông ta. Tuy nhiên, đồng nhiệm Mỹ vẫn ở lại Nam Kinh. Khi Nam Kinh được giải phóng, ông ta vẫn ở đó. Ông ta nói với một trí thức Trung Quốc rằng, nếu Chính phủ Cộng sản Trung Quốc muốn có quan hệ ngoại giao với Mỹ, thì Mỹ sẽ không rút Đại sứ quán khỏi Trung Quốc, và thậm chí sẽ là nước đầu tiên công nhận nước Trung Quốc mới và sẵn sàng viện trợ cho Trung Quốc trị giá \$5 tỷ đô la. Đại sứ Mỹ muốn mua chúng tôi, nhưng quân giải phóng không quan tâm, đột kích khu dinh thự (sứ quán) và ông ta đã trốn thoát. Nước Anh thì ngó ngàng hơn, gửi một tàu chiến đến bắn vào chúng tôi. Chúng tôi đã kết liễu chiếc tàu này.

Tuy nhiên, ở mức độ nào, chúng tôi vẫn nghĩ rằng Stalin là nhà Marxist Leninist vĩ đại. Sau khi Thượng Hải được giải phóng, Lưu Thiếu Kỳ đã đến Moscow. Stalin đã tự phê bình – một cách ngấm ngấm – hỏi câu hỏi này: ‘Điện tín của tôi gửi hồi tháng 8-1945 có gây cản trở cuộc chiến tranh giải phóng của các ông không?’ Lưu Thiếu Kỳ trả lời ‘Không’ và đã không nói thêm (điều gì) nữa. Có lẽ đồng chí Giang Thanh (11) cũng có mặt tại cuộc họp đó vì bà ta đang ở Moscow để trị bệnh.

Khi nâng cốc chúc mừng, Stalin thậm chí còn nói: ‘Bây giờ tôi đã quá già. Mối quan ngại của tôi bây giờ là, sau khi tôi chết, các đồng chí này – ông ta chỉ vào Voroshilov, Molotov và những đồng chí khác – sẽ sợ chủ nghĩa đế quốc’. Lý do Stalin nói như vậy là vì ông ta chưa hết lo lắng về bom nguyên tử. Nhưng có lẽ, vấn đề

bom nguyên tử đã cho ra một số giải pháp như nó đã có vào thời điểm năm 1949, chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc 5 năm (trước), Cách mạng Trung Quốc đã kết thúc, nhưng Mỹ đã không sử dụng vũ khí nguyên tử. Điều mà Stalin đã nói bây giờ trở thành sự thật. Đó là để hỗ trợ quan điểm của tôi, rằng các ông càng đến gần chiến thắng, (các ông) sẽ càng bị những người xét lại Xô Viết phản bội cản trở – những người này chắc chắn không thể so sánh với Stalin. Có lẽ tôi hơi cường điệu. Sẽ tốt hơn nếu dự đoán này không thành sự thực. Nhưng tôi dựa trên kinh nghiệm quá khứ để cảnh báo các ông.

– Võ Nguyên Giáp: Người ta nói rằng khi quân giải phóng đến sông Dương Tử, Stalin khuyên các ông không nên tiến thêm về phía Nam. Có thật vậy không?

– Chu Ân Lai: Quân đội của chúng tôi tấn công Đại Biệt Sơn vào giữa năm 1947 và vượt sông Dương Tử vào năm 1949. Đại sứ quán Liên Xô cùng với Chính phủ (Quốc gia) của Lý Tông Nhân đến Quảng Châu. Lúc đó, Tưởng đã ở Ninh Ba. Đại sứ quán Mỹ vẫn ở lại Nam Kinh.

Đại sứ Mỹ ở lại Nam Kinh bởi vì ông ta hiểu rằng Tưởng không thể ngăn chúng tôi. Nhưng Liên Xô đã đi đến Quảng Châu bởi vì tình báo Liên Xô dự đoán rằng quân giải phóng không thể vượt sông Dương Tử. Theo họ, nếu chúng tôi làm như thế, Mỹ sẽ can thiệp, và sử dụng bom nguyên tử. Vì vậy, họ tin rằng sông Dương Tử cuối cùng sẽ là đường phân chia: miền Bắc sẽ do ĐCS Trung Quốc kiểm soát và miền Nam do Quốc Dân đảng. Mỹ thì nghĩ khác: nếu họ hỗ trợ Tưởng, tình hình sẽ không khác hơn. Nếu họ can thiệp, họ sẽ có thêm một gánh nặng khi các vấn đề châu Âu đã không được giải quyết.

– Phạm Văn Đồng: ...

– Chu Ân Lai: Bây giờ tôi chuyển sang vấn đề thứ hai. Các ông đã nghe nói về những sự cố gần đây ở Battambang. Người ta nói rằng điều này là do các phần tử đỏ (Khơ me Đỏ?) gây ra. Tuy nhiên, có lẽ nó đã được gây ra bởi các lực lượng do Mỹ hậu thuẫn với mục đích chia rẽ các lực lượng của chúng ta (12).

– Phạm Văn Đồng: Có thể lắm. Khu vực này dưới sự ảnh hưởng của nhóm Sơn Ngọc Thành (13) đến từ Thái Lan.

– Trần Nghị: Không phải dưới sự ảnh hưởng của Đảng Campuchia?

– Phạm Văn Đồng: Liên quan đến Đảng Campuchia, chúng tôi không thể nói liệu họ có bất kỳ vai trò nào (trong sự cố này) hay không.

– Chu Ân Lai: Có nghi ngờ nào về vũ khí chúng tôi gửi cho các ông qua đường Campuchia đã được Đảng Campuchia phân phát cho người Trung Quốc (sống ở Campuchia) hay không?

– Phạm Văn Đồng: Không, có lẽ đây là vũ khí cũ. Nhưng chúng tôi không chắc lắm. Khi chúng tôi trở về Hà Nội, chúng tôi sẽ hỏi và sau đó thông báo cho các ông về điều này.

– Chu Ân Lai: Ngày 30-9, Douc Rasy, phó thủ tướng Campuchia nói rằng, Lon Nol có thể cải tổ nội các của ông ta. Sihanouk đã từng nói rằng Lon Nol nên mời một số phần tử đỏ (Khơ me Đỏ?) vào nội các, theo đó Chau Seng (14) sẽ được bổ nhiệm làm phó thủ tướng phụ trách tài chính, So Nem (15) sẽ thay thế Douc Rasy và sẽ là bộ trưởng Bộ Kế hoạch. Có lẽ So Nem thật sự là một người tả khuynh, vì vậy ông ta đã bị từ chối. Chau Seng thuộc phe Sihanouk. Tuy nhiên, ông ta được cho là tả khuynh. Ông ta cũng nói rằng, nội các Lon Nol phải được cải tổ. Ông ta đề nghị một danh sách các ứng cử viên nhưng Lon Nol không đồng ý. Thông tin này do Meyer (16) tiết lộ. Nếu nội các Lon Nol sụp đổ, Sihanouk sẽ mời Penn Nouth (17) là người trung lập, để thành lập chính phủ.

Vào ngày 4-4-1967, Quốc hội Campuchia đã tổ chức một phiên họp khẩn cấp. Một nghị quyết cho phép Sihanouk có đặc quyền đã được thông qua sau các cuộc tranh luận nảy lửa. Một số người đã tổ chức biểu tình ở trước Cung điện Hoàng gia. Sau đó họ được mời vào bên trong cung điện và đã được hoàng hậu đón tiếp. Sihanouk công bố nghị quyết Quốc hội và nói rằng ông ấy đã được xác định là người trung lập, chống cả những người cánh tả lẫn cánh hữu.

Đại sứ quán của chúng tôi đi đến kết luận rằng ông ta chủ yếu chống những người cánh tả. Nhưng tại sao ông ta bổ nhiệm Penn Nouth để lập chính phủ? Có một số mâu thuẫn ở đây. Sau đó, hoàng hậu kêu gọi người dân đoàn kết chống lại kẻ thù. Tại tỉnh Kamdan, đã có truyền đơn chống lại Khimsamthan người có thể là cánh tả. Và tại Kompong Chom và Stungstreng, đã có các cuộc biểu tình ủng hộ chính sách Sihanouk chống lại những người cánh tả.

Tóm lại, tình hình vẫn đang thay đổi sau sự kiện Battambang. Ở Campuchia, có hai nội các: một nội các chính thức và một nội các vô hình. Nội các vô hình đã viết: 'Đất nước chúng ta đang bị đe dọa. Việt Minh đang mở mặt trận ở Battambang. Chúng ta phải đối phó với kẻ thù ở hai mặt trận: chống lại người Khmer cấp tiến và chống lại các phần tử Đỏ (Khơ me Đỏ?). Trong quá khứ, Chính phủ Campuchia chỉ chiến đấu chống lại đế quốc Mỹ và bây giờ còn có đế quốc Cộng sản. Thái độ của chúng ta đối với những người Cộng sản luôn đúng. Vậy tại sao bây giờ họ lại tấn công chúng ta?'

Tại sao Campuchia có thái độ như thế đối với Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam? Lý do mà tôi thấy đó là: Mặt trận DTGPMNVN cố gắng để kéo quân Mỹ đến biên giới Campuchia, làm cho lính Campuchia bắn vào họ (lính Mỹ), do đó làm cho Campuchia tham gia vào cuộc chiến. Mặt trận DTGPMNVN cố tình ra lệnh cho hơn 2.000 người đến Campuchia tị nạn. Có 7 bác sĩ hoạt động trong số những người này, để chăm sóc y tế và tác động đến người Campuchia.

Lon Nol bị những người cánh tả chỉ trích và ông ta cũng không hài lòng. Lon Nol nói rằng vì tình hình nghiêm trọng, ông ta ngưng giúp Mặt trận DTGPMNVN. Tuy nhiên, ông ta không đề cập vũ khí đã đến Campuchia. Ông ta cũng ngưng vận chuyển gạo. Ngoài ra, Lon Nol ra lệnh kiểm soát chặt chẽ về buôn lậu biên giới để đe dọa Mặt trận DTGPMNVN. Tuy nhiên, điều này chỉ mang tính hình thức, thực chất không có gì quan trọng.

– Võ Nguyên Giáp: Một số trường hợp xảy ra gần đây ở khu vực biên giới giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia. Gồm có: một cuộc tấn công do một tiểu đoàn Mỹ vượt biên giới. Lực lượng Quân Giải phóng của chúng tôi đã giúp các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang Campuchia chống trả lại. Các tiểu đoàn Mỹ đã phải rút lui. Trong Chiến dịch Junction City của Mỹ, thường dân và quân đội Việt Nam di tản sang Campuchia.

– Phạm Văn Đồng: Một số bác sĩ y tế Việt Nam đến đó để điều trị cho người dân (Campuchia). Tuy nhiên, chúng tôi phải rất cẩn thận về vấn đề này.

– Chu Ân Lai: Đúng vậy. Bởi vì hiểu lầm có thể bắt nguồn từ những vấn đề nhỏ. Theo các nguồn tin của chúng tôi, những người đại diện của Mặt trận DTGPMNVN, với chỉ thị từ Mặt trận, gặp gỡ đại diện của phe ‘nhân dân’ ở Campuchia (ghi chú của biên tập: Khmer Đỏ, do Pol Pot lãnh đạo) và trao đổi ý kiến với họ về tình hình ở Campuchia. Bất đồng chủ yếu về chính sách đối phó với Lon Nol. Chúng ta chinh phục tình cảm của Lon Nol, nhưng họ phản đối ông ta. Đấu tranh có thể được gia tăng, nhưng không cần thiết tiến hành đấu tranh vũ trang ở Campuchia. Vào lúc này, ưu tiên hàng đầu của Việt Nam là chiến thắng.

Nếu các khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia bị phong tỏa, các lực lượng vũ trang ở miền Nam Việt Nam sẽ phải đối mặt với khó khăn, (và) lúc đó lực lượng cách mạng Campuchia sẽ không tiến lên. Cuộc đấu tranh của Việt Nam là vì lợi ích chung của các dân tộc Đông Dương và Đông Nam Á, và chiến thắng của cuộc đấu tranh này mang tính quyết định. Trong trường hợp này, đấu tranh của Campuchia, thậm chí đấu tranh vũ trang, hạn chế các mục tiêu. Vì vậy, ngay cả trong trường hợp có được chiến thắng, chiến thắng đó cũng bị hạn chế, về bản chất không dứt khoát, chưa nói đến việc những chiến thắng đó có thể bị mất dễ dàng. Vì vậy, về vấn đề này, phải biết làm thế nào để đặt lợi ích tổng thể lên trên những hạn chế.

Tuy nhiên, nếu cuộc đấu tranh này khởi đầu từ người dân, thì câu chuyện sẽ khác đi. Trong trường hợp đó, cuộc đấu tranh này không thể chống lại được, bởi vì tự nhiên người dân sẽ đứng lên chống lại áp bức. Họ sẽ phải trải qua đàn áp, nhưng họ cũng sẽ học những bài học. Công việc của một đảng cách mạng là lãnh đạo cuộc đấu tranh. Tóm lại, trong trường hợp cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt Nam thành công, có hy vọng cho cuộc đấu tranh ở Campuchia. Lý luận này nên được thể hiện rõ ràng cho phe ‘nhân dân’ ở Campuchia.

– Phạm Văn Đồng: Chúng tôi thường cố gắng thuyết phục họ. Và chúng ta phải tiếp tục làm như vậy.

– Chu Ân Lai: Đúng vậy, như mỗi bên đều có sự độc lập của nó.

– Võ Nguyên Giáp: Nhưng trước khi họ đồng ý với chúng tôi.

– Phạm Văn Đồng: Chúng tôi vẫn không biết rõ, ở mức độ nào thì cuộc đấu tranh được tổ chức, và ở mức độ nào thì bị khiêu khích bởi kẻ thù.

– Võ Nguyên Giáp: Các đồng chí của chúng tôi ở miền Nam đã gửi người đi nói chuyện với phe ‘nhân dân’.

– Phạm Văn Đồng: Thông tin Mặt trận Dân tộc giải phóng liên lạc với phe ‘nhân dân’ là đúng, bởi vì chúng tôi yêu cầu Trung ương Cục miền Nam liên hệ trực tiếp với phe này.

– Chu Ân Lai: Đồng chí Nguyễn Thương (18) nói rằng, cần phát triển quan hệ tốt đẹp với Campuchia. Tôi thấy hai khả năng. Một là, Sihanouk sử dụng tình hình này để gây áp lực lên các lực lượng cách mạng Campuchia nhằm cân bằng các lực lượng cánh tả và cánh hữu. Đây là chiến thuật mà ông ấy thường sử dụng đến. Hai là, cho thấy chính sách trung lập của ông ta: tất cả các lực lượng ở Campuchia, dù là thân Trung Quốc và thân Việt Nam hay thân Mỹ, đều do ông ta kiểm soát. Nói chung, như tôi đã nói với các ông trước đây, chúng ta phải chinh phục tình cảm của ông ấy, đồng thời sẵn sàng cho việc cung cấp hàng hóa qua ngã Campuchia khi tình hình cho phép. Do đó cần phải duy trì liên lạc thường xuyên với Tổng Tham mưu Trung Quốc và Bộ Giao thông Vận tải và Truyền thông.

Ghi chú: 1. Tống Tử Văn: là em vợ của Tướng Giới Thạch và là thủ tướng và bộ trưởng Ngoại giao Trung Hoa Dân Quốc.

Lục Định Nhất: là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc, ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng, vụ trưởng Vụ Tuyên truyền Trung ương ĐCS TQ, và phó thủ tướng Trung Quốc cho đến khi bị thanh trừng hồi đầu năm 1966.

Vương Nhược Phi: là ủy viên Bộ Chính trị ĐCS TQ, chết trong một tai nạn máy bay năm 1946.

Hồ Tông Nam: là một trong những vị tướng hàng đầu của Quốc Dân đảng.

A.Y. Orlov (? -1949): còn có tên là Zhelepin và Terebin, viên chức tình báo quân đội Xô Viết, từng phục vụ như người liên lạc với lãnh đạo ĐCS TQ ở Úc Nam và sau đó ở miền bắc Sơn Tây và Hà Bắc.

Lưu Bá Thừa: là một trong những người chỉ huy quân sự quan trọng nhất của ĐCS TQ trong nội chiến Trung Quốc 1946-1949.

Tổng Khánh Linh: là vợ của Tôn Trung Sơn và là chị vợ của Tưởng Giới Thạch. Bà là thành viên duy nhất trong gia đình họ Tổng ủng hộ Cộng sản.

Đổng Tất Vũ: trong thập niên 1940, là ủy viên Bộ Chính trị và là phó tổng bí thư Văn phòng phía Nam của ĐCS TQ, đứng hàng thứ hai sau Chu Ân Lai.

Lý Tông Nhân: quyền tổng thống của chính phủ Trung Hoa Dân quốc năm 1949 sau khi Tưởng Giới Thạch từ chức của vào tháng Giêng năm đó.

Trương Trị Trung: là trưởng phái đoàn đại diện cho Chính phủ Quốc gia tại các cuộc đàm phán hòa bình với Trung Cộng vào mùa Xuân năm 1949.

Giang Thanh: người vợ thứ ba của Mao Trạch Đông (vợ thứ tư, nếu tính luôn bà La Thị do cha mẹ Mao cưới ở quê nhà, nhưng không sống chung), đang ở Moscow để chữa bệnh hồi mùa Hè năm 1949.

Tham khảo ‘Cuộc nổi dậy Samlaut’ đầu năm 1967 ở tỉnh miền Tây Battambang, được nhắm tới chống lại chủ trương của Lon Nol, lúc đó là thống đốc tỉnh, thu mua lúa gạo với giá rất thấp so với giá thị trường.

Sơn Ngọc Thành: lãnh đạo phong trào quốc gia nhỏ ở Campuchia hồi thập niên 1930, giữ chức thủ tướng trong một thời gian ngắn từ tháng 8 đến tháng 10-1945, chống lại Thái tử Sihanouk trong thập niên 1960, và làm thủ tướng một lần nữa dưới thời Lon Nol từ tháng 3 đến tháng 10-1972.

Chau Seng: chính trị gia cánh tả Campuchia.

Sơn Ngọc Minh (Achar Mean) (1920-1972), một tu sĩ Phật giáo Campuchia, bút danh của ông được lấy từ hai người anh hùng của ông là Sơn Ngọc Thành và Hồ Chí Minh khi ông tham gia cuộc đấu tranh chống Pháp.

Chủ tịch Mặt trận Issarak Khmer hồi thập niên 1950. Sau Hiệp định Geneva năm 1954, ông và 500 người Campuchia khác sống lưu vong ở miền Bắc Việt Nam. Nhiều người trong số họ đã trở lại chiến đấu chống lại Khmer Đỏ năm 1971-72, và biến mất ngay sau đó. Tin đồn ở Việt Nam là Sơn Ngọc Minh đã bị Ieng Sary đầu độc chết tại Bắc Kinh.

Charles Meyer: một cố vấn thân cận của Sihanouk.

Penn Nouth (1906 – 1985): là cố vấn chính trị thân cận nhất của Sihanouk, làm thủ tướng 1948-1949, 1952-1955, 1958, 1961-1962, và 1967-1969. Ông cũng đứng đầu Chính phủ Hoàng gia Liên minh các Dân tộc Campuchia, thành lập tại Bắc Kinh hồi tháng 5 năm 1970 và chào đón Sihanouk khi ông ta trở về Campuchia năm 1975.

Nguyễn Thượng: hành nghề ngoại giao và luật sư, sau khi làm đại sứ ở Guinea, trở thành đại diện Bắc Việt ở Campuchia vào năm 1966, và là đại sứ khi Bắc Việt công nhận Campuchia vào tháng 8-1967. Phục vụ cho đến 1975 (từ năm 1970 với Chính phủ Hoàng gia Liên minh các Dân tộc Campuchia – GRUNK – của Sihanouk). Sau đó làm chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam (đến năm 1989).

Thảo luận giữa Mao Trạch Đông với Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp (Bắc Kinh, 11-4-1967)

Mô tả: Mao Trạch Đông khuyến khích Phạm Văn Đồng tiếp tục chiến đấu và ca ngợi Việt Nam về khả năng phục hồi, không những trong cuộc chiến chống lại người Mỹ, mà còn chống Pháp và Nhật.

– Phạm Văn Đồng: Chúng tôi rất vui khi thấy Mao Chủ tịch khỏe mạnh.

– Mao Trạch Đông: Chỉ bình thường, không khỏe lắm... Trong tất cả các ông ở đây, có ai ở miền Nam không?

– Võ Nguyên Giáp: Đồng chí Phạm Văn Đồng là người miền Nam.

– Phạm Văn Đồng: Quê tôi ở tỉnh Quảng Ngãi (miền Trung Việt Nam), nơi mà mọi người đang chiến đấu dữ dội chống lại kẻ thù.

– Võ Nguyên Giáp: Chỉ trong một năm, người dân Quảng Ngãi bắn rơi gần 100 máy bay trực thăng. Họ đang chiến đấu rất ác liệt để chống lại quân đội bù nhìn, quân Mỹ và Nam Hàn.

– Mao Trạch Đông: Khi các ông chiến đấu, các ông có được kinh nghiệm, các ông hiểu được quy luật. Nếu các ông không chiến đấu các ông sẽ không có được kinh nghiệm, sẽ không biết được quy luật... Nhiều hay ít, nó tương tự như kháng chiến chống Pháp của các ông.

- Phạm Văn Đồng: Hiện tại, chúng tôi chiến đấu tốt hơn và trận chiến hiện nay thì khốc liệt hơn.
- Mao Trạch Đông: Vì vậy, tôi mới nói bây giờ các ông biết quy luật.
- Phạm Văn Đồng: Chúng tôi mới bắt đầu có được như vậy.
- Mao Trạch Đông: Vấn đề dĩ nhiên là trong quá trình tiến triển, những thay đổi có thể xảy ra. Những năm khó khăn nhất là 1956-1959... Năm 1960 có một số thay đổi thuận lợi. Từ 1960-1961, các lực lượng vũ trang vẫn còn nhỏ. Nhưng trong năm 1963 và 1964, tình hình đã thay đổi. Và bây giờ, năm 1965 và 1966, các ông đã hiểu rõ quy luật hơn, dựa trên kinh nghiệm chiến đấu chống Pháp, Nhật, và hiện nay là quân đội Mỹ. Các ông cũng đã chiến đấu chống Nhật, phải không?
- Võ Nguyên Giáp: Có, chúng tôi đã chống Nhật nhưng không nhiều, chỉ trong một cuộc chiến tranh du kích với quy mô nhỏ. Trong cuộc chiến của chúng tôi chống lại người Mỹ, chúng tôi luôn nhớ lời của các ông: cố gắng bảo tồn và phát triển lực lượng, vững chắc tiến về phía trước.
- Mao Trạch Đông: Chúng tôi có một câu châm ngôn: ‘nếu giữ cho núi xanh, bạn sẽ không bao giờ phải lo thiếu củi’, Mỹ sợ chiến thuật của các ông. Họ mong các ông sẽ đưa các lực lượng bình thường ra chiến đấu, để họ có thể tiêu diệt các lực lượng chính của các ông. Nhưng các ông đã không bị lừa. Chiến đấu một cuộc chiến tranh tiêu hao giống như đang ăn: (cách tốt nhất) là không cắn một miếng quá lớn. Chiến đấu với quân đội Mỹ, các ông có thể cắn một miếng cỡ như một trung đội, một đại đội, hoặc một tiểu đoàn. Đối với quân đội chế độ bù nhìn, các ông có thể cắn cỡ một trung đoàn. Nghĩa là chiến đấu tương tự như đang ăn, các ông nên cắn một miếng sau một miếng khác. Sau cùng, chiến đấu không phải là một nhiệm vụ quá khó. Cách tiến hành cũng tương tự như cách các ông ăn. ...Người ta nói với tôi rằng các ông muốn xây một đường sắt 100 km mới, các đối tác Trung Quốc của chúng tôi đồng ý giúp các ông?
- Chu Ân Lai: Chúng tôi đã thảo luận về vấn đề này. Một số người sẽ được gửi (tới Việt Nam) để thực hiện một nghiên cứu khả thi.
- Mao Trạch Đông: Không quá dài, ngắn hơn khoảng cách từ Bắc Kinh tới Thiên Tân.
- Phạm Văn Đồng: Chúng tôi sẽ thực hiện các nghiên cứu khả thi cùng với các đồng chí Trung Quốc.
- Mao Trạch Đông: Được rồi, vì lợi ích chiến tranh. Còn vấn đề cung cấp lương thực thì sao?
- Chu Ân Lai: Chúng tôi đã trao đổi với đồng chí Lý Tiên Niệm (1). Chúng tôi sẽ cung cấp 100.000 tấn gạo, 50.000 tấn ngô.
- Phạm Văn Đồng: Nên chỉ trong năm nay, Trung Quốc đã giúp Việt Nam khoảng 500.000 tấn lương thực. Sự giúp đỡ này là rất lớn.
- Mao Trạch Đông: Chúng tôi có thể giúp các ông. Năm ngoái chúng tôi được mùa.
- Phạm Văn Đồng: Cảm ơn Mao Chủ tịch.
- Mao Trạch Đông: Nếu ông muốn nói lời cảm ơn, ông nên nói với nông dân chúng tôi... Sau này, khi ông ăn tối với đồng chí Chu, ông có thể hỏi đồng chí Vĩ Quốc Thanh về việc đồng chí ấy đã bị Hồng Vệ binh chỉ trích như thế nào. Tôi biết đồng chí Vĩ vì đồng chí ấy thường xuyên thăm và báo cáo cho tôi khi đồng chí ấy trở lại từ các chuyến làm việc ở Việt Nam. Ai hiện là đại sứ mới của Việt Nam (tại Bắc Kinh)?
- Chu Ân Lai: Đồng chí Ngô Minh Loan (2).
- Mao Trạch Đông: (Loan) thuộc nhân vật (Trung Quốc) nào?
- Chu Kỳ Văn: Giống chim Phượng Hoàng.
- Mao Trạch Đông: loại chim này rất mạnh.
- Phạm Văn Đồng: Đồng chí Loan sẽ cố gắng hết sức để tiếp tục công việc của đồng chí Trần Tử Bình (3), nghĩa là, tăng cường tình hữu nghị giữa hai nước.
- Mao Trạch Đông: Tôi lấy làm tiếc vì đồng chí Trần Tử Bình qua đời.
- Phạm Văn Đồng: Chúng tôi cũng rất đau buồn về chuyện này.
- Mao Trạch Đông: Ông ấy bị bệnh gì vậy?
- Phạm Văn Đồng: Cùng loại bệnh mà ông ấy bị trước và sau khi trở về nhà, ông quá bận rộn.
- Võ Nguyên Giáp: Ông ấy qua đời sau khi bị cảm nặng. Ông ở cùng bệnh viện với Đại sứ Chu Kỳ Văn.
- Chu Kỳ Văn: Bệnh viện Hữu Nghị. Tôi cũng bị cao huyết áp.
- Phạm Văn Đồng: Hôm nay, chúng tôi thực hiện chuyến viếng thăm đáp lễ với các ông, Mao Chủ tịch, Phó Chủ tịch Lâm (Bưu) và các đồng chí khác. Một lần nữa, cảm ơn các ông rất nhiều.
- Mao Trạch Đông: Các ông đã dừng cảm chiến đấu ở cả hai miền Nam Bắc.
- Phạm Văn Đồng: Đó là vì chúng tôi đang học tư duy quân sự của Mao Chủ tịch.
- Mao Trạch Đông: Không nhất thiết như vậy. Không có nó, các ông vẫn có thể giành được chiến thắng. Trong quá khứ, các ông chiến đấu chống Nhật, Pháp. Bây giờ các ông đang chiến đấu chống Mỹ.

– Phạm Văn Đồng: Cảm ơn chính sách quân sự của Đảng chúng ta và cũng cảm ơn tư duy quân sự của Mao Trạch Đông.

– Võ Nguyên Giáp: Tôi còn nhớ, một thời trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng chí Chu đã gửi Hồ Chủ tịch một bức điện như thế này: ‘Bây giờ không phải là thời điểm thích hợp để có một giải pháp hòa bình. Ông nên tiếp tục chiến đấu’. (Ghi chú: ông Giáp đề cập đến cuối năm 1949 hoặc tháng 1-1950).

– Chu Ân Lai: Vào thời điểm đó, Pháp sắp công nhận chúng tôi. Nhưng vì chúng tôi công nhận Việt Nam, họ đã phớt lờ chúng tôi. Như Lenin đã dạy, các nước lớn có trách nhiệm khuyến khích cuộc cách mạng thế giới. Lúc đó cuộc cách mạng thắng lợi tại Nga, nên Lenin nghĩ tới Trung Quốc và Ấn Độ. Bây giờ, mong muốn của Lenin đã có được phần nửa: cuộc cách mạng Trung Quốc đã thành công. Tuy nhiên, thực tế chưa phát triển theo cách mà mọi người muốn. Một số nước nhỏ hơn đã có được chiến thắng trước đó. Chiến thắng tại Triều Tiên có được theo sau chiến thắng ở Việt Nam.

Ghi chú: 1. Lý Tiên Niệm là ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, và là phó thủ tướng kiêm bộ trưởng Tài chính của Trung Quốc.

Ngô Minh Loan là ủy viên dự khuyết Đảng Lao Động Việt Nam từ năm 1960-1976, và là đại sứ Việt Nam tại Bắc Kinh từ năm 1967-1969. Đã từng giữ chức thứ trưởng Bộ Công Nghiệp nhẹ từ năm 1959-1967. Năm 1968, viếng thăm Pakistan như là ‘đặc phái viên’ và đã hội đàm với tổng thống Ayub Khan. Từ năm 1969-1971 bộ trưởng Bộ Lương thực và Thực phẩm, giữ chức bộ trưởng đến năm 1976.

Trần Tử Bình (bí danh Phạm Văn Phú) (1907-1967), thành viên lâu đời của Đảng Cộng sản Đông Dương, tổng thanh tra Quân đội Nhân dân Việt Nam trong ba năm thời Chiến tranh Đông Dương. Trần Tử Bình kế nhiệm Hoàng Văn Hoan làm đại sứ Bắc Việt tại Trung Quốc từ năm 1957 và phục vụ cho đến khi mất năm 1967; Ngô Minh Loan thay thế.

Chu Ân Lai nói chuyện với Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp (Bắc Kinh, 11-4-1967)

– Chu Ân Lai : Trung Quốc có một câu châm ngôn nổi tiếng: chỗ đánh dấu 90 dặm là nửa chặng đường của cuộc hành trình dài 100 dặm. Có nghĩa là du khách đã đi được 90 dặm và còn 10 dặm nữa là xong. Nhưng 10 dặm còn lại là chặng đường khó khăn nhất cho người lữ hành. Leo núi cũng tương tự như vậy. Ví dụ như leo núi Hy Mã Lạp Sơn, đoạn cuối cùng là khó khăn nhất.

Chúng tôi tin rằng, chắc chắn các ông sẽ giành thắng lợi cuối cùng. Chúng tôi sẽ vận động nhân dân cả thế giới hỗ trợ các ông giành chiến thắng. Tuy nhiên, Liên Xô chắc chắn muốn các ông dừng lại nửa chừng. Họ đã làm như vậy dưới thời Stalin. Sau khi Nhật đầu hàng năm 1945, Hoa Kỳ hỗ trợ Tưởng Giới Thạch. Lúc đó, Liên Xô chịu tổn thất lớn trong chiến tranh. Họ đã ký kết thỏa thuận Yalta, chia khu vực ảnh hưởng với Hoa Kỳ.

Thỏa thuận Yalta là sai. Về chiến thuật, thỏa thuận này hợp lý, nhưng về chính sách, thì không đúng.

Việc cho nổ hai quả bom nguyên tử đặc biệt đã gây sốc cho Liên Xô. Liên Xô đã sẵn sàng ký một thỏa thuận với Tưởng Giới Thạch, công nhận thực tế rằng Hoa Kỳ có phạm vi ảnh hưởng lớn nhất ở Trung Quốc. Ngược lại, Liên bang Xô viết muốn duy trì lợi ích đặc biệt của Nga ở vùng Đông Bắc và Tân Cương và bảo vệ nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ.

Lúc đó, Stalin đánh điện cho đồng chí Mao Trạch Đông, nói rằng Đảng Cộng sản Trung Quốc nên hợp tác với Quốc Dân đảng thay vì bắt đầu một cuộc nội chiến và rằng nếu Đảng Cộng sản Trung Quốc phát động nội chiến, đất nước Trung Quốc sẽ bị hủy hoại. Rõ ràng là Liên Xô đã bị bom nguyên tử đe dọa.

Chúng tôi nói rằng Stalin vẫn còn xứng đáng là một người Marxist-Leninist, vì ông ta có khả năng nhận ra lỗi lầm của mình. Sau khi giải phóng Thượng Hải, Lưu Thiệu Kỳ đến Moscow, nơi Stalin đã tự phê bình một cách âm thầm. Ông ta hỏi liệu bức điện tin ông gửi đến đồng chí Mao Trạch Đông hồi tháng 8-1945 có làm suy yếu tiến trình chiến tranh giải phóng của Trung Quốc hay không. Lưu Thiệu Kỳ trả lời là không. Chắc chắn là không. Một lần, trong một bữa tiệc, Stalin đã nâng cốc, tuyên bố rằng ông ta đã già và rất sợ, sau khi chết những người đồng chí này (nói với Voroshilov, Molotov, Khrushchev và những người đang có mặt) sẽ sợ chủ nghĩa đế quốc. Bây giờ chúng ta có thể thấy rằng những tiên đoán của Stalin đã chứng minh đúng sự thật.

Thảo luận giữa Chu Ân Lai, Trần Nghị, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp (Bắc Kinh, 12-4-1967)

Mô tả: Chu Ân Lai bàn về đấu tranh giai cấp hiện tại ở Trung Quốc.

– Chu Ân Lai: ...Trong mười năm qua, chúng tôi đã tiến hành một cuộc chiến tranh khác, một cuộc chiến không đổ máu: đấu tranh giai cấp. Nhưng thực tế là, trong số các tướng tá của chúng tôi, có một số người, (mặc dù) không phải tất cả, biết rất rõ làm thế nào để tiến hành một cuộc chiến tranh đổ máu, (nhưng) bây giờ không biết làm cách nào để tiến hành một cuộc chiến không đổ máu. Thậm chí họ coi thường quần chúng. Một ngày nọ, khi chúng tôi đang ở trên máy bay, tôi đã nói với ông rằng, cách mạng văn hóa của chúng tôi lần

này là nhằm lật đổ một nhóm người cầm quyền trong đảng, những người muốn đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Cách mạng văn hóa cũng nhằm tiêu diệt các lực lượng cũ, văn hóa cũ, hệ tư tưởng cũ, phong tục tập quán cũ, đã không còn phù hợp với cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong một bài phát biểu hồi năm ngoái, đồng chí Lâm Bưu nói: Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải tiêu diệt 'quyền sở hữu tư nhân' của giai cấp tư sản, xây dựng 'quyền sở hữu công cộng' của giai cấp vô sản. Vì vậy, để giới thiệu về hệ thống 'sở hữu công cộng', các ông dựa vào ai? Dựa vào kinh nghiệm 17 năm sau giải phóng, đồng chí Mao Trạch Đông cho rằng, sau khi cướp chính quyền, giai cấp vô sản sẽ loại bỏ các 'quyền sở hữu tư nhân' của giai cấp tư sản. Nhưng quá trình này sẽ bị bỏ dở nửa chừng nếu dựa vào phương thức lãnh đạo 'từ trên xuống'.

Như tôi đã nói với các ông, trong xã hội chúng tôi, 'sở hữu tư nhân' vẫn còn tồn tại. Nó tồn tại không chỉ do ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản quốc tế, mà còn do thực tế là trong nước có những tàn tích của giai cấp tư sản, của chế độ phong kiến, và các nhà tư bản mới nổi lên, những tay đầu cơ, những kẻ tham ô...

Một nhân tố lớn hơn là ở nông thôn, có một số lớn nông dân thuộc giai cấp tiểu tư sản. Họ là tiểu tư sản không những trong suy nghĩ, mà còn qua hành động của họ. Và vẫn còn tồn tại quyền sở hữu tư nhân, đất đai do tư nhân làm chủ, thị trường tự do, tự do buôn bán. Vì vậy, chủ nghĩa tư bản có thể tái phát bất cứ lúc nào. Hơn nữa, ở Trung Quốc các tàn dư và ảnh hưởng hàng ngàn năm của chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản có mặt khắp mọi nơi. Như đồng chí Mao đã nói, nếu cây chổi không tốt, bụi bặm không bị quét sạch, và ngay cả khi nó bị quét, thì cũng sẽ có bụi mới. Tất cả các yếu tố nói trên là mảnh đất màu mỡ cho sự phục hồi của chủ nghĩa tư bản và sự xuất hiện của chủ nghĩa xét lại.

Trong 17 năm qua, chúng tôi đã đấu tranh chống lại 'ba chống' (chống đảng, chống dân, chống chủ nghĩa xã hội: ND), và bây giờ có ba chống mới. Chúng tôi đã cải tạo các nhà tư bản, nhưng bây giờ trong đảng của chúng tôi, có những nhà tư bản mới. Chúng tôi đã chỉ trích những người cánh hữu, nhưng bây giờ có những người cánh hữu mới trong đảng của chúng tôi. Những người cầm quyền trong đảng đi theo con đường tư bản chủ nghĩa đã bị truất phế. Hiện có các phân tử mới trong số cầm quyền, một lần nữa đi theo con đường tư bản. Chúng tôi định đi thăm Sashi. Nhưng vì thời tiết xấu, chúng tôi đã phải hủy bỏ chuyến đi. Bây giờ, cũng tốt nếu ông có thể đi thăm Đại Trại. Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, đồng chí Trần Vĩnh Quý (1) đứng vững lập trường vì ông ấy luôn tôn trọng 'quyền sở hữu công cộng'. Đó là một trong những đặc điểm của Đại Trại. Đại Trại không phát triển về công nghệ, nhưng phát triển các hoạt động chính trị. Đội ngũ sản xuất do đồng chí Trần Vĩnh Quý dẫn đầu trong 14 năm qua chỉ vay tiền nhà nước một lần vào năm 1953. Nhưng đã trả lại tiền vay ngay trong năm sau. Đại Trại đã không xin cứu trợ thiên tai từ nhà nước mặc dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng do thiên tai. Nhóm sản xuất không quá 400 người. Các điều kiện tự nhiên ở đó không tốt. Nhưng mỗi năm, Đại Trại đóng góp từ 100 đến 150 tấn lương thực cho nhà nước. Nếu hình mẫu này nhân lên toàn quốc, hàng năm nhà nước sẽ có khoảng 4 tỷ tấn lương thực.

Điểm đặc trưng nhất của Đại Trại đó là, nó đã phá hủy các khái niệm về chủ nghĩa tư bản và duy trì chủ nghĩa công xã theo tư tưởng Mao Trạch Đông. Đây là một ví dụ. Đồng chí Mao hỏi tôi liệu thật như vậy không. Tôi trả lời có. Sau đó đồng chí Mao đến thăm Đại Trại và thừa nhận những gì Đại Trại đã làm.

Trong một đơn vị sản xuất như Đại Trại, có từ 300 đến 1000 lao động, vấn đề quyền sở hữu tư nhân và công cộng vẫn còn tồn tại và đặt ra những vấn đề phức tạp. Vì vậy, ông có thể hình dung phạm vi của vấn đề trên toàn quốc, có khoảng 800.000 – 900.000 đơn vị sản xuất. Có khoảng 200 hộ gia đình trong mỗi đơn vị sản xuất, và khoảng 160 triệu hộ gia đình trên cả nước. Cũng có một số lớn nhà máy ở các thành phố. Vì vậy, nếu không có một phong trào quần chúng, trong đó có người dân tham gia, không có cách nào để xác định ai là người chấp nhận con đường tư bản chủ nghĩa, ai là nhà tư bản.

Chúng ta phải dựa vào các lực lượng nào để huy động nông dân và công nhân? Nếu chúng ta dựa vào các thành viên của Đảng và Liên đoàn Thanh niên, họ sẽ sử dụng các cơ chế của hệ thống thứ bậc. Và làm như vậy, các quan chức có thể che giấu những việc làm sai trái của nhau, do đó các mục tiêu chỉ đạt được một nửa.

– Trần Nghị: Và nếu các quan chức xấu này không bị phát hiện và bị lật đổ, họ sẽ hình thành một tập đoàn những con người xấu xa mới.

– Chu Ân Lai: Vì vậy, chúng ta giải quyết vấn đề bằng cách huy động sinh viên và thanh niên. Họ năng nổ và dễ tiếp thu các tư tưởng của Mao Trạch Đông. Ngày 1-6-1966, đồng chí Mao cho phát hành bài viết của ông trên báo tường, thuộc Đại học Bắc Kinh, nên đã huy động học sinh và thanh thiếu niên cả nước. Sáng kiến này của đồng chí Mao đã được sự chấp thuận của Ủy ban Trung ương. Nhưng đồng chí Lưu Thiệu Kỳ và Đặng Tiểu Bình vẫn duy trì cách làm việc cũ. Họ đã gửi các đơn vị công tác xuống các tỉnh.

Kết quả là gì? Tại những nơi mà các lãnh đạo đã bị nhân dân sa thải, các đơn vị làm việc nắm quyền kiểm soát tất cả mọi thứ, mà không biết ai là người tốt, ai là người xấu trong số các quan chức bị sa thải. Hơn nữa, các

đơn vị làm việc lập đi lập lại một cách làm việc cũ, chẳng hạn như từ chối dựa vào nhân dân. Người dân không đồng ý, nhưng bị các đơn vị làm việc áp bức, những người này nói rằng, chống lại họ là chống lại Ủy ban Trung ương và Mao Chủ tịch. Vì vậy, phản đối càng gia tăng quyết liệt hơn. Do đó, tình hình là quần chúng – nghe theo lời kêu gọi của Mao Chủ tịch – đã đứng lên, nhưng cùng lúc, lãnh đạo mới, thay thế chính đảng, đã đàn áp họ. Ở cấp trung ương, Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình chịu trách nhiệm. Họ đàn áp dân chúng, chia dân thành ba loại: tả khuynh, trung dung và hữu khuynh.

Bất cứ ai phê bình các đơn vị làm việc đều thuộc nhóm hữu khuynh, nghĩa là, phản động, do đó bị sách nhiễu, thậm chí bị bỏ tù. Chưa đầy hai tuần sau khi áp dụng phương pháp của các đơn vị làm việc, trên cả nước xuất hiện một phong trào phản đối những điều đồng chí Mao đề xuất ban đầu. Trong tháng 6 và tháng 7, chưa đầy 50 ngày, đã có đàn áp ở tất cả các trường học và trường đại học, chống lại những người chỉ trích lãnh đạo. Tình trạng này xác nhận điều mà Mao Chủ tịch đã nói những năm trước: những sai lầm của ai đó ở cấp Trung ương mắc phải, có thể trở thành sai lầm của cả nước do cơ chế phân cấp cho phép sự phục tùng mù quáng. Điều này cũng giúp giải thích tại sao Khrushchev có thể nắm chính quyền ở Liên Xô.

Khi đồng chí Mao biết được tình hình này, ngay lập tức ông trở về Bắc Kinh. Và sau khi điều tra cho thấy những gì đang diễn ra một cách rõ ràng, ông đã quyết định rút các đơn vị làm việc và khởi động một cuộc cách mạng văn hóa từ dưới lên trên để cho quần chúng tự giải phóng chính họ. Ông triệu tập Hội nghị lần thứ 11 với sự tham dự của tất cả những người đứng đầu tỉnh ủy. Hội nghị này đã chỉ trích Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình về những sai lầm của họ. Liên quan đến Hội nghị này, đồng chí Mao đã cho phát hành một bài viết báo tường, và đồng chí Trần Bá Đạt (2) đọc báo cáo, Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị được mở rộng. Không có biện pháp nào khác được thực hiện. Quyết định 16 điểm và một tuyên bố về Hội nghị sau đó đã được ban hành. Ngày 18-8-1966 đồng chí Mao đón tiếp các đại diện của Hồng vệ binh. Sau những sự kiện này, phong trào Hồng vệ binh phát triển trên cả nước, đầu tiên trong các trường học và các trường đại học, sau đó lan ra trên toàn xã hội.

Lúc đó, lãnh đạo các cấp thụ động. Hầu hết các Bí thư Đảng ủy trong tất cả 28 tỉnh, thành phố thường tham gia vào các cuộc cách mạng và chiến tranh. Họ thường dựa vào dân. Nhưng sau khi hòa bình lập lại, sau khi họ lên nắm quyền, họ e ngại người dân.

– Trần Nghị: Khi người dân chỉ trích họ, họ đàn áp nhân dân.

– Chu Ân Lai: Khi chưa nắm quyền thì họ dựa vào nhân dân. Nhưng khi họ lên nắm quyền, họ biến thành quyền của riêng họ và họ sợ bị chỉ trích, bị mất quyền. Trong tháng 8 và tháng 9, Đảng ủy thuộc các cấp tỉnh, thành phố đã bị Hồng vệ binh tấn công. Tổng bí thư ở các cấp, ở mức độ khác nhau, đều rất sợ.

– Vi Quốc Thanh (3): Tất cả đều sợ hãi.

– Chu Ân Lai: Điều này cho thấy, họ cảm thấy cách mạng hóa cuộc sống của người khác thì dễ dàng, nhưng khó hủy bỏ tư nhân hóa các đặc quyền của họ. Tháng 10-1966, Ủy ban Trung ương đã triệu tập một cuộc họp khác. Câu hỏi bây giờ đã rõ ràng dựa trên các vấn đề lý thuyết. Cuộc họp toàn thể trước đó chỉ đề cập đến một cuộc đấu tranh giữa hai phe. Nhưng tại cuộc họp này, hai phe đã được xác định, một bên là phe cách mạng và vô sản và phe kia là phản động và tư bản.

Trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, các phe phái khác nhau, dù là tư sản hay vô sản, vẫn có thể có để quốc là kẻ thù chung. Nhưng hiện nay, trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, các phe khác nhau, thiếu vắng một kẻ thù chung, một cách tự nhiên trở thành đối kháng.

Hồng vệ binh cảm thấy dễ dàng hấp thụ tư tưởng của Mao Trạch Đông và phe cách mạng – vô sản, nên họ chỉ trích phe phản động – tư bản. Trong khi đó, một nhóm nhỏ các nhà lãnh đạo ở cấp bộ và tỉnh, tổ chức các lực lượng riêng để tự bảo vệ. Các đơn vị này là đơn vị bán quân sự (nửa quân sự) giữa các nhóm công nhân và bảo thủ trong số các sinh viên. Đồng chí Mao đã đề cập đến họ. Các nhà lãnh đạo này phải sử dụng đến chủ nghĩa vật chất, mua người khác bằng tiền và cùng lúc tạo ra những khó khăn về kinh tế, kịch liệt phản đối phe cách mạng vô sản. Hồng vệ binh bảo vệ các phe đúng đắn một cách mạnh mẽ, giới thiệu phong trào của họ tới toàn xã hội, đặc biệt tới các văn phòng chính phủ và tới các vùng nông thôn và họ nhận được sự ủng hộ của dân chúng.

Như đồng chí Mao Trạch Đông đã đề cập, các lực lượng cách mạng ở Thượng Hải phát triển từ năm 2000 (người) thành một triệu. Họ sau đó chuyển sang giai đoạn thứ hai: cướp chính quyền. Phong trào càng đi sâu hơn, thì càng có nhiều các nhà lãnh đạo tư bản bị cô lập.

Từ đầu năm nay, mục tiêu của cuộc đấu tranh là cướp chính quyền, bằng cách kết hợp các lực lượng nhân dân cách mạng, cán bộ cách mạng, và đại diện các lực lượng vũ trang. Họ tố cáo bất kỳ mối quan hệ nào với các nhà lãnh đạo tư bản chủ nghĩa, thành lập các ủy ban cách mạng, các chính phủ lâm thời, trong các văn phòng

chính phủ và các nhà máy. Vùng nông thôn đang bận rộn với sản xuất nông nghiệp, do đó, việc cướp chính quyền chưa bắt đầu.

Đồng chí Mao, các đồng chí khác, và tôi tin rằng, Đại Cách mạng Văn hóa trước tiên phải dựa vào quần chúng, vì sau 17 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, họ đã được giáo dục, trình độ kiến thức đã được nâng cao và tuyệt đại đa số chấp nhận con đường chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, chúng tôi tin rằng Quân Giải phóng (Nhân dân) sẽ hỗ trợ chúng ta, bảo vệ hệ thống xã hội chủ nghĩa và cuộc cách mạng vì họ là con cái của người dân và họ được giáo dục bằng tư tưởng Mao Trạch Đông. Chúng tôi cũng tin rằng đa số các cán bộ của chúng tôi tương đối tốt. Cuối cùng, chúng tôi sẽ có thể đoàn kết hơn 95% cán bộ và nhân dân chúng tôi.

Dĩ nhiên, cần thời gian để tiêu diệt 'chủ nghĩa cá nhân' và thiết lập 'chủ nghĩa công xã' và tạo ra đại đoàn kết. Điều này cũng phải được thực hiện nhiều lần và không chắc là thuận buồm xuôi gió. Đó là lý do tại sao đồng chí Mao tiên đoán rằng xu hướng chính của phong trào sẽ rõ ràng giữa tháng 2 và tháng 5 trong năm nay và kết quả của phong trào sẽ được nhìn thấy giữa tháng 2 và tháng 4 năm tới.

Trước hết, chúng ta phải hiểu rằng một khi quần chúng được giáo dục và giác ngộ, một khi họ được trang bị những tư tưởng của Mao Trạch Đông, sức mạnh của họ là vô hạn. Chỉ riêng năm ngoái, sản lượng sản xuất rất cao, vượt quá định mức tiêu chuẩn, đặc biệt trong nông nghiệp, công nghiệp và giao thông vận tải. Các hoạt động trong năm nay tập trung vào việc nắm quyền và tình hình sẽ phức tạp hơn. Một mặt, chủ nghĩa bè phái có thể thấy trong các tổ chức quần chúng, do đó khó khăn hơn để đạt được sự thống nhất cao. Và mặt khác, các cán bộ cách mạng, những người bị lên án thuộc tư bản chủ nghĩa và đứng về phía người dân, giờ muốn quay trở lại chức vụ của họ trước đây. Chúng tôi không thể khôi phục các chức vụ của họ, bởi vì nếu chúng tôi làm như vậy, thực tế là chúng tôi khôi phục lại hệ thống cũ. Do đó chúng tôi phải đấu tranh với cả hai xu hướng.

– Võ Nguyên Giáp: Hai xu hướng đó là gì?

– Lý Phú Xuân (Li Fuxian): Một là xác nhận hoàn toàn và hai là từ chối hoàn toàn.

– Chu Ân Lai: Một xu hướng trong quần chúng là tán thành việc từ chối hoàn toàn. Họ cho rằng tất cả mọi thứ thuộc hệ thống cũ cần bị phá bỏ. Và xu hướng khác trong các cán bộ là ủng hộ xác nhận hoàn toàn, phục hồi toàn bộ, và liên minh tất cả.

Còn có một vấn đề quan trọng, cụ thể là vai trò của các lực lượng vũ trang. Các lực lượng vũ trang phải giúp đỡ người dân trong sản xuất và cách mạng, giúp họ giành chính quyền. Thêm vào đó, các lực lượng vũ trang phải cung cấp huấn luyện quân sự trong các trường học, văn phòng, và các nhà máy. Do đó, nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang rất nặng nề. Đã có các cuộc họp của các lực lượng vũ trang, và một số cuộc họp đang diễn ra để thảo luận về những nhiệm vụ đó.

Chúng tôi thấy có nhiều khó khăn. Tuy nhiên, chúng tôi cũng tin rằng những khó khăn này có thể được khắc phục bằng cách vận động nhân dân. Trọng tâm của công tác vận động là tuyên truyền sự khác nhau giữa hai phe, cụ thể là phe cách mạng vô sản và phe tư bản phản động. Để tuyên truyền, chúng ta phải nêu gương. Kể từ khi chúng tôi nói chuyện với Hồ Chủ tịch ở Hàng Châu hồi tháng 5 và tháng 6 năm ngoái (1966) và đặc biệt là sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 hồi tháng 8 năm ngoái, tình hình đã thay đổi nhiều, với những diễn biến lớn. Phong trào này đã phát triển theo chiều sâu, công chúng đã được huy động, một số điển hình đã được nghiên cứu, và bản chất của các vấn đề đã được giải quyết. Chúng tôi đã đưa ra trường hợp của Lưu Thiệu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, đặc biệt là các hồ sơ về những sai lầm của Lưu Thiệu Kỳ trong quá khứ, để công chúng chú ý. Trong 20 năm qua, những suy nghĩ của Lưu Thiệu Kỳ đã trở thành phản động. Các công trình mà ông ta đã viết, những tài liệu mà ông ta khởi xướng, tất cả đều cho thấy ông ta phản đối đường lối của Đảng và chống lại tư tưởng của Mao Trạch Đông.

Tôi đã nói với các ông một số vấn đề này trên máy bay. Lưu (Thiệu Kỳ) cũng phạm phải những sai lầm trong quan hệ quốc tế. Thực tế, ông ta đã tiến hành chính sách một quốc gia lớn, một đảng lớn, mặc dù qua lời nói, ông ta giả vờ chống đối chính sách này. Các ông có thể cảm nhận và phát hiện sai lầm này trong chuyến thăm Việt Nam của ông ta hồi năm 1963. Dưới sự lãnh đạo của Lưu (Thiệu Kỳ), Bành Chân và Đặng Tiểu Bình cũng có hành vi này, và họ không tôn trọng sự bình đẳng giữa các đảng anh em.

Chúng tôi chưa tìm thấy hết tất cả các lỗi lầm cụ thể của họ. Nhưng những sai lầm của Lưu (Thiệu Kỳ) hiện nay đã rõ. Ông ta đang thực hiện chủ nghĩa Sô Vanh trong quan hệ với các đảng anh em và chủ nghĩa bại trận trong quan hệ với Sukarno. Các ví dụ về những sai lầm loại này rất nhiều. Vấn đề là: những sai lầm này sẽ ảnh hưởng đến uy tín và sự lãnh đạo của đảng chúng tôi? Câu trả lời của chúng tôi là không. Phát hiện những sai lầm và loại bỏ chúng sẽ làm cho đảng mạnh hơn. Và chúng tôi thấy rõ hơn rằng người dân đại diện cho một lực lượng sáng tạo.

Chúng tôi muốn nói với các ông một vấn đề khác mà chúng tôi hiện đang đối mặt. Trước khi lên nắm quyền, đảng của chúng tôi đã hoạt động trong các môi trường khác nhau và các đảng viên đã được tuyển dụng từ các

nguồn khác nhau. Do đó, khó phát hiện những kẻ phản bội trong nội bộ đảng. Sau khi chiến thắng, dưới sự lãnh đạo của Lưu (Thiếu Kỳ) và Đặng (Tiểu Bình), các cơ quan tổ chức đảng còn e ngại sàng lọc các cán bộ của chúng tôi. Bây giờ, khi các Hồng vệ binh đã được huy động, nhiều tài liệu đã được tìm thấy, liên quan đến hành vi của nhiều cán bộ trong quá khứ. Một số nhà lãnh đạo phải được thay thế bởi vì các lỗi lầm trong quá khứ của họ.

Một câu hỏi được đặt ra: kiểm tra quá khứ sẽ cản trở sự phát triển của đảng? Câu trả lời của chúng tôi là không, cho thấy, đảng có một chính sách đúng để vận động nhân dân.

Như ông đã biết, một khi người dân tham gia chiến tranh nhân dân, sẽ tiến hành cuộc cách mạng, quét đi tàn dư của hệ thống cũ, ngăn chặn chủ nghĩa xét lại ra đời và ngăn chặn chủ nghĩa tư bản hồi phục. Lịch sử ĐCS Trung Quốc đã chứng minh điều này. Các nhà lãnh đạo hư hỏng của ĐCS Trung Quốc trước đây đã không ngăn được sự thành công của Cách mạng Trung Quốc.

Người sáng lập ĐCSTQ, ông Trần Độc Tú (4), sau này trở thành một người theo phái Troskist và là kẻ phản bội. Sau đó, Cù Thu Bạch (5) rời khỏi đảng khi ông ta bị bắt và bị giam ở Giang Tây. Hướng Trung Phát (6) và Lý Lập Tam (7) cũng mắc sai lầm: người đầu (Hướng Trung Phát) đã phản bội đảng, nhưng cuối cùng đã bị kẻ thù giết chết, và người sau (Lý Lập Tam) vẫn giữ quan điểm không đúng đắn. Vương Minh (8) là tệ nhất. Ông ta hiện đang cư trú tại Moscow và được Liên Xô sử dụng tấn công Trung Quốc. Trước khi đào ngũ, Vương Minh đã viết các bài báo chống ĐCS Trung Quốc dưới một bút danh. Trương Văn Thiên (9) cũng là một trường hợp có liên quan: sau Hội nghị Tuân Nghĩa (ngày 15-18 tháng 1 năm 1935), đồng chí Mao nên được bầu vào chức vụ chủ tịch ĐCSTQ. Nhưng là một người khiêm tốn, đồng chí Mao đề nghị Trương vào chức chủ tịch. Trương đã nắm giữ chức vụ này trong 10 năm cho đến Quốc hội lần thứ 7, bầu đồng chí Mao vào chức vụ đó. Năm 1959, Trương tham gia vào nhóm chống Đảng, gồm Bành Đức Hoài và Hoàng Khắc Thành (10). Ba mươi hai năm trong lịch sử 45 năm của ĐCS Trung Quốc, tức là trước hội nghị Tuân Nghĩa, ĐCSTQ đã bị các nhà lãnh đạo sai lầm dẫn dắt. Tuy nhiên, Cách mạng Trung Quốc đã thành công. Tình hình đã khác dưới sự lãnh đạo của đồng chí Mao Trạch Đông và đồng chí Lâm Bưu là người kế nhiệm.

Trong một bối cảnh lớn hơn, phong trào Cộng sản quốc tế kể từ khi Marx, Engels, và Lenin cũng đã bị các nhà lãnh đạo sai lầm dẫn dắt. Tuy nhiên, thực tế này đã không ngăn các đảng cách mạng phát triển. Do đó, yếu tố quyết định là chính sách đúng đắn của mỗi bên, như trong chiến tranh nhân dân của các ông. Cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng tôi được thực hiện trong trường hợp không đổ máu, cũng đã chứng minh điều này.

Ghi chú: 1. Trần Vĩnh Quý: là một nông dân từ Đại Trại, một ngôi làng miền núi căn cỗi và nghèo nàn ở tỉnh Sơn Tây. Trong thập niên 1960, Đại Trại và Trần Vĩnh Quý trở thành mô hình của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Trung Quốc ở nông thôn. Sau này ông Trần trở thành ủy viên Bộ Chính trị ĐCSTQ và là phó thủ tướng Trung Quốc.

Trần Bá Đạt: là người đứng đầu 'Nhóm Cách mạng văn hóa', và là ủy viên Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị ĐCSTQ.

Vì Quốc Thanh: lúc đó là người đứng đầu Ủy ban Cách mạng Trung Quốc tỉnh Quảng Tây, giáp biên giới Việt Nam. Đầu thập niên 1950, ông đứng đầu nhóm quân đội Trung Quốc cố vấn cho Việt Nam.

Trần Độc Tú: là một trong những người sáng lập đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng sau đó bị trục xuất khỏi đảng vì 'những sai lầm hữu khuynh' của ông.

Cù Thu Bạch: là lãnh đạo ĐCSTQ cuối thập niên 1920, đã phạm 'những sai lầm tả khuynh'.

Hướng Trung Phát: được bầu làm tổng bí thư ĐCSTQ năm 1928 phần lớn là nhờ lý lịch công nhân của ông. Sau bị Quốc Dân đảng bắt và xử tử.

Lý Lập Tam: là một lãnh đạo ĐCSTQ đã phạm 'những sai lầm tả khuynh' đầu thập niên 1930.

Vương Minh: còn gọi là Trần Thiệu Vũ, là lãnh đạo ĐCSTQ, từng lãnh đạo Đảng sau khi trở về từ Moscow vào đầu thập niên 1930. Theo lịch sử chính thức của ĐCSTQ, ông đã phạm cả hai điều sai lầm 'tả khuynh' và 'hữu khuynh'.

Trương Văn Thiên: là một cựu lãnh đạo ĐCSTQ đã bị thanh trừng cùng với Bành Hoài Đức năm 1959.

Hoàng Khắc Thành: là tham mưu trưởng Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc và là thứ trưởng Bộ Quốc phòng Trung Quốc trước khi bị thanh trừng cùng với Bành Hoài Đức vào năm 1959.

111- Các chiến dịch Lejeune, Oregon 2 (ba vùng 1-2-3 chiến thuật) (7 đến 30-4-1967)

Ngày 7-4-1967, Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ (MACV) chỉ thị cho Quân đoàn 1 đã chiến đấu đưa thêm quân tới phía nam Vùng 1 chiến thuật để tăng cường cho Thủy quân lục chiến tại đây. Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ đã mở chiến dịch Lejeune để chuyển quân, cho Lữ đoàn 2/1 từ bãi English đổ bộ lên bãi Montezuma gần quận lỵ Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, và điều Tiểu đoàn 39 công binh chiến đấu mở một trạm tiếp vận đường biển tại bãi biển

Razorback. Sau khi được Lữ đoàn 3/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ thay thế, ngày 30-4, Lữ đoàn 2/1 kỵ binh rút trở về bãi English và tiếp tục trở lại tham gia chiến dịch Pershing.

Từ ngày 8 đến 30-4, Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ chỉ thị cho Lữ đoàn 196 bộ binh nhẹ và Tiểu đoàn 2/Trung đoàn 11 thiết kỵ mở chiến dịch Oregon 2, từ Vùng 3 chiến thuật chuyển quân ra tăng cường cho Vùng 1. Ngày 12-4-1967, Biệt đội Oregon chánh thức hoạt động tại căn cứ Chu Lai.

Từ ngày 2 đến 10-5, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ đóng tại Khánh Dương (Vùng 2 chiến thuật) đã chuyển quân bằng hạm tàu từ Nha Trang tới đổ bộ lên bãi biển Razoback ở Vùng 1 chiến thuật để tham gia phát triển Biệt đội Oregon thành Chiến đoàn Oregon và mở chiến dịch Malheur 1 ở Quảng Ngãi (từ 11-5).

112- Chiến dịch Project Delta 5-67 (tỉnh Thừa Thiên) (từ 10-4-1967)

Từ ngày 10-4-1967, Biệt đội Project Delta Mỹ triển khai chiến dịch Project Delta 5-67, mở 48 lượt và toán tuần tra tại thung lũng A Sầu, thuộc tỉnh Thừa Thiên. Quân Mỹ đã mở hàng trăm cuộc không kích vào khu vực đóng quân và chuyển quân của bộ đội Bắc Việt.

113- Các chiến dịch Dân Chí 285/B/MK, Dân Chí 710/NT/32 (tỉnh Phong Dinh, An Xuyên) (11 đến 27-4-1967)

Từ ngày 11 đến 14-4-1967, Sư đoàn 21 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Dân Chí 285/B/MK, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phong Dinh.

Trong hai ngày 26 và 27-4, Sư đoàn 21 mở chiến dịch Dân Chí 710/NT/32, tìm diệt cộng quân tại tỉnh An Xuyên.

114- Chiến dịch Rừng Sát 2 (tỉnh Gia Định) (11-4 đến 12-5-1967)

Từ ngày 11-4 đến 12-5-1967, Tiểu đoàn 1 thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Rừng Sát 2, tìm diệt quân Việt Cộng tại Biệt khu Rừng Sát, trong địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định.

115- Biểu tình phản chiến tại Mỹ (15-4-1967)

Ngày 14-4-1967, cựu phó tổng thống, đương kim lãnh tụ Đảng Cộng Hòa Richard M. Nixon sang thăm Sài Gòn và tuyên bố rằng những người biểu tình phản chiến tại Mỹ phải lùi bước về phía sau trong khi nước Mỹ quyết tâm kéo dài cuộc chiến.

Ngày 15-4-1967, nhiều cuộc biểu tình phản chiến tập hợp hơn 200.000 người diễn ra tại New York và San Francisco. Một trong những người lãnh đạo phong trào biểu tình là mục sư Martin Luther King tuyên bố rằng chiến tranh đang phá hoại các chương trình cải cách xã hội vĩ đại của tổng thống Johnson, ‘...việc theo đuổi mở rộng chiến tranh này đã thu hẹp giá trị đã cam kết của các chương trình phúc lợi xã hội trong nước, làm cho người nghèo da trắng và người da đen phải chịu gánh nặng lớn nhất cả ở mặt trận lẫn ở quê nhà’ (...the pursuit of this widened war has narrowed the promised dimensions of the domestic welfare programs, making the poor white and Negro bear the heaviest burdens both at the front and at home).

Ngày 24-4-1967, đại tướng Westmoreland lên án những người biểu tình phản chiến, nói rằng họ đang tạo cơ hội cho nhà cầm quyền Bắc Việt ‘ảo tưởng rằng họ có thể giành chiến thắng chánh trị trong khi không thể thực hiện được về mặt quân sự’ (hope that he can win politically that which he cannot accomplish militarily).

Westmoreland cảnh báo tổng thống Johnson là ‘chiến tranh có thể kéo dài vô hạn định’.

116- Các chiến dịch Golden Fleece 196-1, Laurence (tỉnh Quảng Tín, Quảng Ngãi) (17 đến 23-4-1967)

Từ ngày 17 đến 20-4-1967, Lữ đoàn 196 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Laurence, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực phía tây phi trường Chu Lai, tỉnh Quảng Tín.

Từ ngày 20 đến 23-4, Lữ đoàn 196 chỉ huy Tiểu đoàn 3/21 mở chiến dịch Golden Fleece 196-1, hành quân tuần tra bảo vệ an ninh tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

117- Chiến dịch Newark (Vùng 3 chiến thuật) (18 đến 30-4-1967)

Từ ngày 18 đến 30-4-1967, Lữ đoàn 173 không vận Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/503 mở chiến dịch Newark, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực chiến khu Đ, Sông Bé và sông Đồng Nai, thuộc địa bàn các tỉnh Biên Hòa, Bình Dương, Bình Long và Phước Long.

118- Chiến dịch Oh Jac Kyo 2 (tỉnh Phú Yên) (18-4 đến 31-5-1967)

Từ ngày 18-4 đến 31-5-1967, quân Hàn quốc gồm Trung đoàn 26/Sư đoàn bộ binh Mãnh Hổ và Trung đoàn 28/Sư đoàn 9 bộ binh mở chiến dịch Oh Jac Kyo 2, tìm diệt quân Việt Cộng tại tỉnh Phú Yên.

119- Chiến dịch Baker (tỉnh Quảng Ngãi) (19-4 đến 20-9-1967)

Sau khi hoàn thành cuộc chuyển quân ra phía bắc, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ được biệt phái thành lập Biệt đội Oregon mới và mở chiến dịch Baker từ ngày 19-4 đến 20-9-1967, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực chân núi phía tây hai quận Đức Phổ và Mộ Đức, thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

120- Chiến dịch Liên Kết (hai tỉnh Quảng Nam-Quảng Tín) (21-4 đến 5-6-1967)

Từ ngày 21-4 đến 5-6-1967, Sư đoàn 2 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa chỉ huy hai trung đoàn 5, 6 bộ binh và ba tiểu đoàn biệt động quân, phối hợp với hai trung đoàn thủy quân lục chiến Mỹ, có hàng trăm máy bay, xe tăng thiết giáp yểm trợ, mở cuộc hành quân mật danh Liên Kết, truy quét quân Việt Cộng ở khu vực Quế Sơn, tây Thăng Bình (tỉnh Quảng Nam), bắc Tam Kỳ và đông bắc Tiên Phước (tỉnh Quảng Tín).

Sau hàng chục cuộc giao tranh ác liệt lớn nhỏ giữa quân đồng minh và cộng quân Quân khu 5 và tỉnh Quảng Đà, kết quả, quân Mỹ chết 110, bị thương 473, mất tích 2; quân VNCH chết 50, bị thương 590; thiệt hại 95 máy bay, 108 xe quân sự các loại. Cộng quân bỏ lại trận 865 xác và 1.075 thương binh; bị bắt và ra hàng 108.

121- Chiến dịch Bắc Thiện 817/3 (tỉnh Bình Định) (21-4 đến 12-7-1967)

Từ ngày 21-4 đến 12-7-1967, Chiến đoàn Alpha thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Bắc Thiện 817/3, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Định.

122- Chiến dịch Manhattan (tỉnh Bình Dương) (23-4 đến 7-6-1967)

Từ ngày 23-4 đến 7-6-1967, quân đồng minh Mỹ-Việt mở chiến dịch Manhattan, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực từ Dầu Tiếng đến Bến Súc, thuộc địa bàn tỉnh Bình Dương. Quân Mỹ tham chiến gồm các tiểu đoàn 1/2, 2/18, 2/28 của Sư đoàn 1 bộ binh, Tiểu đoàn 3/22 của Sư đoàn 4 bộ binh, các tiểu đoàn 4/9, 2/14, 1/27 của Sư đoàn 25 bộ binh, Trung đoàn 11 thiết kỵ. Phía Việt Nam Cộng Hòa tham gia cuộc hành quân gồm Tiểu đoàn 34 biệt động quân.

123- Chiến dịch Trị Thiên (24-4 đến 7-5-1967)

Từ ngày 24-4 đến 7-5-1967, cộng quân Quân khu Trị Thiên mở một loạt cuộc tấn công lớn vào quân Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ tại khu vực Quảng Trị – Thừa Thiên tại các cứ điểm Khe Sanh, Cồn Tiên, Dốc Miếu, Đông Hà, Điểm cao 241.

Từ ngày 24-4 đến 5-5, chỉ riêng ở vùng Khe Sanh, giao tranh đôi bên diễn ra dữ dội hàng chục trận, phần lớn là trận giáp lá cà. Quân Mỹ chết 557, bị thương 873; quân VNCH chết 140, bị thương 210; thiệt hại 21 máy bay. Cộng quân bỏ lại trận 1.528 xác và 2.104 thương binh; bị bắt 17.

Ngày 27-4-1967, cộng quân ở Vĩnh Linh (bắc vĩ tuyến 17) pháo kích vào căn cứ Dốc Miếu nam vĩ tuyến 17 làm chết 25, bị thương 83 binh sĩ Mỹ, chết 34, bị thương 98 binh sĩ VNCH, cháy 1 kho xăng. Máy bay và đại bác Mỹ tấn công đáp trả làm chết 51, bị thương 100 cộng quân, làm thiệt hại 11 đại bác, 1 kho đạn, 1 kho xăng, 5 xe quân sự của cộng quân.

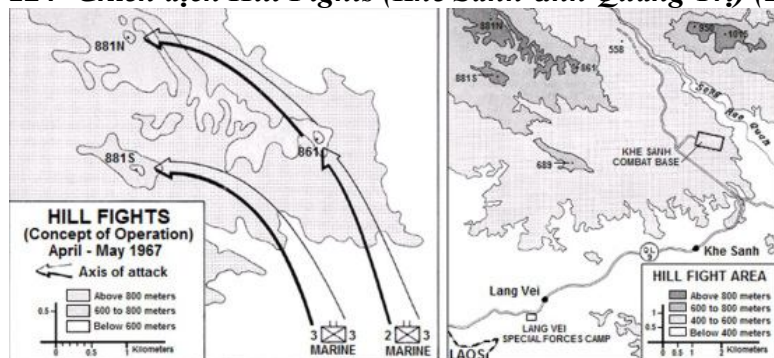
Nằm trong đội hình hành quân của Quân Việt Nam Cộng Hòa phản kích chống lại Chiến dịch Trị Thiên của cộng quân, ngày x-4-1967, các đơn vị thuộc Sư đoàn 1 bộ binh do đại tá Ngô Quang Trưởng chỉ huy, gồm Đại đội Hắc Báo trinh sát, Chi đoàn 2/7 thiết vận xa M-113, được tăng phái Tiểu đoàn 9 dù, đã mở cuộc hành quân tấn công và phá vỡ toàn bộ hạ tầng cơ sở và phần lớn lực lượng du kích thuộc Mặt trận Lương Cổ – Đồng Xuyên – Mỹ Xá tại quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên.

Đêm 4-5-1967, cộng quân tấn công trại Làng Vây ở gần căn cứ Khe Sanh. Tại các ngọn đồi 861 và 881 ở ngoại vi Khe Sanh, cộng quân cũng giao tranh với hai tiểu đoàn 2 và 3 thủy quân lục chiến Mỹ.

Đêm 7-5-1967, cộng quân đồng loạt tấn công gần 40 vị trí quân Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa ở Cồn Tiên, Đông Hà, Dốc Miếu và Điểm cao 241. Kết quả, quân Mỹ chết 177, bị thương 375; quân VNCH chết 121, bị thương 269; thiệt hại 44 máy bay. Cộng quân bỏ lại trận 1.240 xác, bị thương 775, bị bắt 142.

Tính chung trong hơn 10 ngày chiến dịch, nếu tính cả những trận giao tranh ở Đông Hà, Phú Bài (đêm 27-4-1967) thì tại khu vực Trị Thiên đã xảy ra 54 trận lớn nhỏ. Quân Mỹ chết 884, bị thương 1.408; quân VNCH chết 423, bị thương 655; thiệt hại 120 máy bay các loại. Cộng quân bỏ lại trận 3.100 xác, bị thương 3.570, bị bắt 396, thiệt hại nhiều thiết bị quân sự.

124- Chiến dịch Hill Fights (Khe Sanh-tỉnh Quảng Trị) (25-4 đến 11-5-1967)



Từ ngày 25-4 đến 11-5-1967, Trung đoàn 3/Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 2/3 và 3/3 mở chiến dịch Hill Fights tìm diệt quân Việt Cộng, trong khi máy bay ném bom napalm quanh ba ngọn đồi 861, 881 Bắc và 881 Nam thuộc khu vực ngoại vi Khe Sanh. Trong cuộc hành quân, đôi bên chạm trán nhau hàng trăm lần. Quân Mỹ chết 155 và bị thương 425 người. Cộng quân bỏ lại trận 940 xác.

125- Chiến dịch Hancock 1 (tỉnh Darlac) (26-4 đến 22-5-1967)

Để đối phó với hoạt động đánh phá ngày càng tăng của quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Darlac, Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 3/8 không vận tới phi trường Đông Ban Mê Thuột để phối hợp với Tiểu đoàn 2/45 của Sư đoàn 23 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Hancock 1 từ ngày 26-4 đến 22-5-1967, tìm diệt cộng quân tại khu vực phía bắc đồn điền Mewal.

126- Chiến dịch Puckapunyal (tỉnh Phước Tuy) (26-4 đến 1-5-1967)

Từ ngày 26-4 đến 1-5-1967, Chiến đoàn 1 Úc mở chiến dịch Puckapunyal, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phước Tuy.

127- Chiến dịch Blackjack 33 (tỉnh Châu Đốc) (27-4 đến 24-5-1967)

Từ ngày 27-4 đến 24-5-1967, Lực lượng xung kích cơ động 4 thuộc Liên đoàn 5 Lực lượng đặc biệt Mỹ mở chiến dịch Blackjack 33, tìm diệt cộng quân tại khu vực rừng núi Thất Sơn, tỉnh Châu Đốc. Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 67; quân Việt Cộng bỏ lại trận 320 xác.

128- Kế hoạch tăng quân Mỹ tại Việt Nam (tháng 4 đến 7-1967)

Ngày 27-4-1967, đại tướng Westmoreland đề nghị với tổng thống Johnson hai phương án: 1- Một lực lượng cần thiết tối thiểu gồm 80.000 quân bổ sung để đối phó với sự tăng cường quân lực và vũ khí của đối phương trong lòng miền Nam Việt Nam và các nước láng giềng. 2- Một lực lượng chọn lựa gồm 118.000 quân được tăng cường thêm sẽ tăng sức ép đối với kẻ địch và giành thắng lợi nhanh chóng hơn trong chiến tranh. Nếu được tăng quân, thì Mỹ sẽ có đủ lực lượng để tổ chức những cuộc đột nhập vào phần đất phía nam của Bắc Việt và các con đường tiếp tế cộng sản ở Lào và Cambodia.

Đến giữa năm 1967, quân số Mỹ ở Việt Nam là 480.000 người, gồm 9 sư đoàn, 3 lữ đoàn. Ngân sách chiến tranh tại Việt Nam tài khóa 1966-67 là 24 tỉ đô la, dự kiến 1967-68 là 30 tỉ đô la.

Ngày 7-7-1967, bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara bay sang Sài Gòn và thống nhất với tướng Westmoreland đề nghị chỉ tiêu tăng 55.000 quân và sẽ kèm thêm một số nữa rút từ Thái Lan hoặc Hàn Quốc sang bổ sung sau, để nâng quân số Mỹ lên 525.000.

Ngày 18-7-1967, tổng thống Johnson tuyên bố sẽ tăng từ 45 đến 50.000 quân bổ sung cho chiến trường Việt Nam trong vài tháng tới và đề nghị Quốc hội tăng 10% thuế đánh vào thu nhập cá nhân và tổ hợp. Tháng 8-1967, tổng thống Johnson quyết định đưa thêm sang Việt Nam 55.000 quân.

129- Chiến dịch Lam Sơn XDNT/46 (tỉnh Quảng Trị) (28 và 29-4-1967)

Trong hai ngày 28 và 29-4-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Lam Sơn XDNT/46, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.

130- Tuyên bố của Mặt trận Giải phóng (30-4-1967)

Ngày 30-4-1967, Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam ra tuyên bố *Giặc Mỹ đánh phá miền Bắc Việt Nam một, quân dân miền Nam trừng trị chúng gấp 10, gấp 100 lần.*

131- Một số tình hình trong tháng 5-1967

Ngày 1-5-1967, Ellsworth Bunker thay thế Henry Cabot Lodge làm đại sứ Mỹ tại Việt Nam.

Ngày 13-5 tại New York, một cuộc biểu tình ủng hộ sự can thiệp chống cộng của Mỹ tại Việt Nam có hơn 70.000 người tham dự. Dẫn đầu đoàn biểu tình mà một viên đại úy Sở Cứu hỏa New York City.

Ngày 22-5, tổng thống Johnson công khai thúc giục Bắc Việt phải chấp nhận một thỏa hiệp hòa bình.

Trong tháng 5-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm: Tiểu đoàn 3 quân cảnh/Lực lượng 3 thủy bộ (1-5); Đại đội 188 không yểm (4-5, đóng ở Dầu Tiếng); Đại đội 189 không yểm (7-5, đóng ở Pleiku); Tiểu đoàn 3/4 thủy quân lục chiến (15-5, đóng ở Đông Hà); Phi đoàn 115 tiêm kích tấn công TQLC (?-5, đóng ở Chu Lai); Phi đoàn 463 trực thăng TQLC (15-5, đóng ở Ngũ Hành Sơn); Tiểu đoàn 6/15 pháo binh (22-5, đóng ở Lai Khê); Tiểu đoàn 6/77 pháo binh (22-5, đóng ở Củ Chi); các đại đội không yểm 191, 240 (25-5, đóng ở trại Bearcat, Long Thành); Đại đội 205 không yểm (30-5, đóng ở Phú Lợi). Các đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm: Phi đoàn 323 tiêm kích tấn công TQLC (15-5).

Các đơn vị Thế giới tự do sang Việt Nam gồm: Pháo đội 106 dã chiến Úc (1-5, đóng ở Núi Đất); Pháo đội 108 dã chiến Úc (1-5, đóng ở Núi Đất); Đại đội V1/Tiểu đoàn 1/Trung đoàn bộ binh Tân Tây Lan (13-5, đóng ở Núi Đất).

Các đơn vị Mỹ thay đổi vị trí đóng quân gồm: Sở chỉ huy Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận chuyển tới Đức Phổ (2-5); các tiểu đoàn bộ binh 1/327, 2/327, 2/502 và Tiểu đoàn 2/320 pháo binh chuyển tới Đức Phổ (2-5); Tiểu đoàn 2/8 bộ binh chuyển sang cơ giới (5-5); Sở chỉ huy Trung đoàn 26 TQLC chuyển tới Khe Sanh (13-5); Đại đội 176 không yểm chuyển tới Đức Phổ (10-5); Đại đội 174 không yểm chuyển tới Đức Phổ (20-5). Các trại biệt kích (CIDG) mới đi vào hoạt động như : Biệt đội A-334 tại Tổng Lê Chơn (2-5), Biệt đội A-353 ở Lương Hòa (26-5).

132- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 5-1967)

Theo Đài tiếng nói Việt Nam (Hà Nội), trong tháng 5-1967, không quân Mỹ tiếp tục cho máy bay oanh tạc các căn cứ quân sự và trục đường giao thông trọng yếu ở miền Bắc, đồng thời Bắc Việt tuyên bố có nhiều chiếc bị lưới phòng không bắn rơi trên miền Bắc và phi công bị bắt. Các số liệu của Bắc Việt bị tài liệu của Mỹ bác bỏ và cho rằng chỉ nhằm mục đích tuyên truyền sai sự thật.

Ngày 5-5-1967, Bắc Việt tuyên bố lực lượng phòng không Hà Nội bắn rơi 8 máy bay Mỹ.

Ngày 10-5, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi 10 máy bay Mỹ, trong đó riêng tỉnh Ninh Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 ở địa phương.

Ngày 14-5, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi 6 máy bay ở Thanh Hóa và 5 chiếc ở Hà Nội.

Ngày 17-5, Bắc Việt tuyên bố Nghệ An bắn rơi chiếc máy bay thứ 1900 trên miền Bắc.

Ngày 19-5, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi 41 máy bay trong đó riêng Hà Nội rơi 17.

Ngày 19-5, đúng dịp Bắc Việt kỷ niệm 77 năm ngày sinh Hồ, máy bay Hải quân Mỹ xuất phát từ không hạm USS Bon Homme Richard đã ném loạt hỏa tiễn AGM-62 Walleye I, nặng 500 kg, mang đầu đạn 113 kg HE, có tầm bắn 30 km, phá hủy các nhà máy điện ở Hà Nội, rồi hai ngày sau đó trở lại oanh tạc tiếp phá hủy toàn bộ hệ thống cấp điện ở Hà Nội và Bắc Việt.

Từ ngày 21-5 đến cuối năm 1967, máy bay tiêm kích Không lực Mỹ bắn hỏa tiễn AGM-62 Walleye I 500 kg phá hủy cầu Hàm Rồng và các mục tiêu kiên cố ở tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cầu Hàm Rồng sập, công binh Trung cộng và Bắc Việt lập tức tu sửa lại và cứ mỗi lần sửa xong lại bị máy bay Mỹ phá sập tiếp 3 lần trong năm 1967. Tính từ năm 1967 cho đến trước tháng 4-1972, máy bay Mỹ dùng bom LGB (laser-guided bomb) điều khiển bằng laser 2.000 lb và hỏa tiễn Walleye I, đã 14 lần đánh sập cầu Hàm Rồng ngay sau mỗi lần công binh Trung cộng và Bắc Việt tu sửa xong.

133- Việt Cộng chuẩn bị một cuộc tổng tấn công (tháng 5-1967)

Trong chuyến thăm của phái đoàn do Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp đứng đầu sang Bắc Kinh tháng 4-1967, các lãnh tụ tối cao Trung Cộng đã chỉ thị rằng Bắc Việt phải tập trung binh lực để mở một cuộc tổng tấn công quyết liệt quy mô lớn nhằm sớm kết thúc công cuộc xâm chiếm miền Nam.

Sau khi các mặt khu Việt Cộng tại các chiến khu C-Đ, Tam Giác Sắt, bị quân đội đồng minh phá tan nát, tháng 5-1967, đại tướng Nguyễn Chí Thanh – chỉ huy Trung ương cục R – đề xuất thay đổi chiến lược chiến tranh tại Miền Nam, là đưa chiến tranh vào thành phố để cứu nguy cho cán binh và cơ sở tại nông thôn đang sắp bị tiêu

diệt. Nhưng rồi tướng Thanh trúng bom Mỹ chết vào mùa thu năm đó. Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị yêu cầu Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Lê Đức Thọ... cùng phối hợp nghiên cứu cải tiến *Kế hoạch tấn công Đông Xuân 1967-1968 của Nguyễn Chí Thanh thành Kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy Xuân Hè 1968* và thêm vào đó là lập một mặt trận ngoại giao chính trị với sự hậu thuẫn của toàn khối xã hội chủ nghĩa.

Từ nửa cuối năm 1967, các đơn vị bộ đội miền Bắc nhận chỉ thị cấm giải quyết phép thăm nhà bất cứ trường hợp nào với lý do phải tập trung thời gian hoàn thành kế hoạch huấn luyện nâng lên chính quy hiện đại. Ngày 4-12-1967, Hội nghị Trung ương Đảng Việt Cộng họp ở Hà Nội, nhất trí thông qua Kế hoạch tổng tấn công giải phóng miền Nam do Quân ủy trung ương đưa sang và chỉ thị mở rộng qui mô chiến dịch Mậu Thân ra toàn miền Nam để tranh thủ cơ hội 'giải phóng hoàn toàn miền Nam'.

134- Chiến dịch Lam Sơn 47, 48, 54, 57, 59, 60 (Quảng Trị-Thừa Thiên) (1 đến 28-5-1967)

Trong tháng 5-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt cộng quân.

- chiến dịch Lam Sơn 47 từ ngày 1 đến 4-5-1967 tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên.
- chiến dịch Lam Sơn 48 từ ngày 3 đến 5-5 tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên.
- chiến dịch Lam Sơn XDNT/57 trong ngày 15-5 tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên.
- chiến dịch Lam Sơn 54 trong hai ngày 17 và 18-5 tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- chiến dịch Lam Sơn 59 từ ngày 19 đến 21-5 tại địa bàn tỉnh Quảng Trị. Hai bên đụng độ 7 trận lớn nhỏ. Kết quả, quân VNCH chết 69, bị thương 101; cộng quân bỏ lại trận 357 xác và 608 thương binh; bị bắt và ra hàng 37.

- chiến dịch Lam Sơn XDNT/60 từ ngày 26 đến 28-5 tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên.

Tính chung các trận giao tranh trong tháng, quân Sư đoàn 1 chết 215, bị thương 670; cộng quân bỏ lại trận 1.310 xác và 1.830 thương binh; bị bắt và ra hàng 121.

135- Các chiến dịch Cincinnati, Dayton, Fort Wayne 2 (tỉnh Biên Hòa, Long Khánh) (1 đến 23-5-1967)

Trong tháng 5-1967, Lữ đoàn 173 không vận Mỹ mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt.

- chỉ huy Tiểu đoàn 1/503 mở chiến dịch Fort Wayne 2 từ ngày 1 đến 4-5-1967, tìm diệt quân Việt Cộng dọc theo khu vực sông Đồng Nai, thuộc tỉnh Long Khánh.
- huy động toàn lực bản bộ mở chiến dịch Dayton từ ngày 4 đến 17-5-1967. Quân Mỹ đã tấn công vào mặt khu Mây Tào của Việt Cộng ở phía tây nam tỉnh lỵ Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh.
- mở chiến dịch Cincinnati từ ngày 17 đến 23-5, tìm diệt cộng quân tại khu vực Long Bình và ngoại vi tỉnh lỵ Biên Hòa.

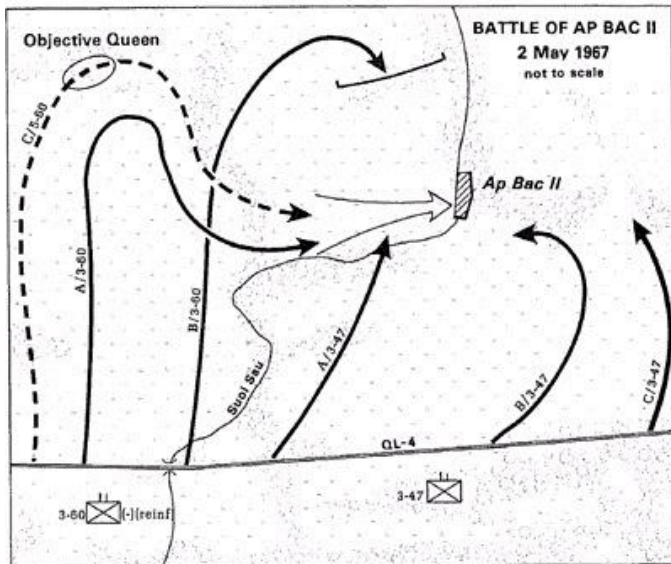
136- Chiến dịch Bowen, Leeton, Lismore, Wellington (tỉnh Phước Tuy) (1 đến 22-5-1967)

Trong tháng 5-1967, Chiến đoàn 1 Úc mở liên tiếp các chiến dịch tại địa bàn tỉnh Phước Tuy.

- mở chiến dịch Lismore từ ngày 1 đến 8-5-1967, tìm diệt quân Việt Cộng.
- chỉ huy Tiểu đoàn 7 bộ binh mở chiến dịch Leeton từ ngày 3-5 đến 2-6-1967, tuần tra bảo vệ an ninh cho công trình xây dựng bãi mìn tại khu vực Đất Đỏ.
- mở chiến dịch Bowen từ ngày 10 đến 12-5-1967, tìm diệt cộng quân.
- mở chiến dịch Wellington từ ngày 18 đến 22-5-1967, tìm diệt cộng quân.

137- Trận Ấp Bắc (tỉnh Định Tường) (2 và 3-5-1967)

Trong đội hình chiến dịch Palm Beach, vào hai ngày 2 và 3-5-1967, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 3/47 và 3/60 hành quân tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực Ấp Bắc, tỉnh Định Tường, nằm ở phía tây bắc căn cứ Đồng Tâm. Đây là chiến dịch hành quân đầu tiên của Lữ đoàn này tại đồng bằng sông Cửu Long.



Trận Ấp Bắc (2-5-1967)

138- Chiến dịch An Dân 2 (tỉnh Lâm Đồng) (2-5 đến 25-6-1967)

Từ ngày 2-5 đến 25-6-1967, Sư đoàn 23 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch An Dân 2, hành quân tuần tra bảo vệ an ninh tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

139- Chiến dịch Cửu Long 61/C (tỉnh Định Tường) (3 và 4-5-1967)

Trong hai ngày 3 và 4-5-1967, Sư đoàn 7 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Cửu Long 61/C, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường.

140- Chiến dịch Gulf (tỉnh Quảng Nam) (3 đến 7-5-1967)

Từ ngày 3 đến 7-5-1967, Lực lượng thủy bộ 3 Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/26 thủy quân lục chiến mở chiến dịch Gulf, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

141- Trận Làng Vây (tỉnh Quảng Trị) (4-5-1967)

Đêm 4-5-1967, Trung đoàn 95C thuộc Sư đoàn 325C cộng quân pháo kích khoảng 200 quả đạn cối vào trại Làng Vây (Vei) ở gần căn cứ Khe Sanh đang do một biệt đội Lực lượng đặc biệt Việt-Mỹ trấn giữ, đồng thời tung bộ binh tấn công. Ngay sau đó, quân đồng minh điều 2 trực thăng, 2 phi cơ từ Khe Sanh và địa phương quân từ chi khu quân sự Hướng Hóa đến chi viện. Tới sáng 4-5, cộng quân rút lui, bỏ lại trận 27 xác và 43 thương binh. Quân Mỹ chết 2, bị thương 2; quân Việt Nam Cộng Hòa chết 20, bị thương 39.

142- Các chiến dịch Happy Dragon, Thunder Dragon (tỉnh Quảng Ngãi) (4 đến 27-5-1967)

Từ ngày 4 đến 11-5-1967, Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến (Thanh Long) Hàn quốc mở chiến dịch Happy Dragon, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Từ ngày 16 đến 27-5, Lữ đoàn Thanh Long mở tiếp chiến dịch Thunder Dragon.

143- Chiến dịch Bình Quảng 4 và Bình Quảng 4/11 (tỉnh Quảng Nam) (7 đến 16-5-1967)

Từ ngày 7 đến 16-5-1967, Bộ tư lệnh Biệt khu Quảng Đà chỉ huy Trung đoàn 51 bộ binh mở liên tiếp hai chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

– chiến dịch Bình Quảng 4 diễn ra trong hai ngày 7 và 8-5-1967.

– chiến dịch Bình Quảng 4/11 từ ngày 8 đến 16-5-1967.

144- Giao tranh ở các tỉnh Phong Dinh, Biên Hòa, Pleiku, Đà Nẵng (8 đến 14-5-1967)

Đêm 8-5-1967, cộng quân Tây Nam Bộ pháo kích và tập kích vào sân bay Trà Nóc (Cần Thơ), làm chết 4, bị thương 2 binh sĩ và kỹ thuật viên Mỹ, chết 2, bị thương 9 binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa; thiệt hại 5 máy bay.

Quân đồng minh truy kích làm chết 82, bị thương 67 cán binh cộng quân, phá hủy 4 khẩu pháo.

Đêm 12-5, cộng quân Đông Nam Bộ tấn công vào sân bay Biên Hòa và căn cứ Phước Vĩnh, đến sáng thì rút lui.

Kết quả, quân Mỹ chết 9, bị thương 23; quân VNCH chết 43, bị thương 60; thiệt hại 1 máy bay, 5 xe quân sự.

Cộng quân bỏ lại trận 172 xác và 90 thương binh.

Đêm 12-5, Đại đội đặc công 30/409 Quân khu 5 cộng quân tập kích vào sân bay Pleiku, ven quốc lộ 19 nhằm mục đích phá kế hoạch vận chuyển đường không của đồng minh ở khu vực Tây Nguyên. Sau một trận giao chiến nhỏ, quân Mỹ chết 3, bị thương 11, thiệt hại nhẹ 4 máy bay và một số doanh trại. Cộng quân bỏ lại trận 35 xác, bị thương và bị bắt 61, hình như không còn ai thoát được trở về.

Đêm 14-5, cộng quân Quân khu 5 pháo kích và tấn công căn cứ Tiểu đoàn hỏa tiễn đất đối không của Mỹ bảo vệ không cứ Đà Nẵng, đến sáng thì rút lui. Quân Mỹ thiệt hại 2 hỏa tiễn, 6 bộ phóng, cháy 1 kho dầu. Cộng quân bỏ lại trận 47 xác và 15 thương binh; bị bắt 2.

145- Mỹ thành lập Cơ quan Hỗ trợ phát triển cách mạng và hoạt động dân sự vụ (9-5-1967)

Ngày 9-5-1967, tổng thống Johnson bổ nhiệm một cựu chuyên gia phân tích của CIA là Robert W. Komer làm phó tư lệnh Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam (MACV), đặc trách điều hành một cơ quan mới thành lập là Cơ quan Hỗ trợ phát triển cách mạng và hoạt động dân sự vụ (Civil Operations and Revolutionary Development Support – CORDS).

Komer trực tiếp điều hành CORDS đến ngày 7-10-1968 thì nhận quyết định sang làm đại sứ tại Thổ Nhĩ Kỳ, giao lại cho người phó là William E. Colby điều hành.

Từ năm 1967 đến khi giải thể vào tháng 2-1973 khi lực lượng Mỹ rút hết về nước, CORDS đã trực tiếp tổ chức thực hiện nhiều chương trình/chiến lược/chiến dịch quan trọng như: Chương trình Bình Định, Chương trình Chiêu hồi, Chương trình Phụng Hoàng/Phượng Hoàng (1968-75)... CORDS có các chi nhánh ở Sài Gòn, 4 vùng chiến thuật, gắn kết với các cơ quan tương ứng của Việt Nam Cộng Hòa. Tại các tỉnh, viên tỉnh trưởng cũng kiêm nhiệm là trưởng ban CORDS tỉnh. CORDS đã phân phối tổng cộng hơn 850 triệu đô la thực phẩm, vật tư y tế, máy móc, và nhiều vật dụng gia đình khác đến từng hộ gia đình để thu phục sự ủng hộ của quần chúng. CORDS cũng mở các lớp huấn luyện lực lượng dân quân địa phương để bảo vệ ngôi làng của họ trước hiểm họa Việt Cộng.

146- Chiến dịch Malheur 1 (tỉnh Quảng Ngãi) (11-5 đến 8-6-1967)

Từ ngày 2 đến 10-5-1967, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ đóng tại Khánh Dương (tỉnh Khánh Hòa) đã chuyên quân bằng hạm tàu từ Nha Trang tới đổ bộ lên bãi biển Razoback ở Vùng 1 chiến thuật để tham gia thành lập đội hình Chiến đoàn Oregon.

Từ ngày 11-5 đến 8-6, Chiến đoàn Oregon với thành phần mới gồm Lữ đoàn 1/101, có tăng cường thêm hai tiểu đoàn 1/35 và 2/35 của Lữ đoàn 3/Sư đoàn 25 bộ binh, đã bắt đầu chiến dịch Malheur 1, tấn công vào hai mật khu 123 và 124 của Việt Cộng nằm trong khu vực tứ giác Mộ Đức – Minh Long – Ba Tư – Đức Phổ, thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 19, bị thương 107; quân Việt Cộng bỏ lại trận 392 xác.

147- Chiến dịch Rừng Sát 3 (tỉnh Gia Định) (12-5 đến 21-6-1967)

Từ ngày 12-5 đến 21-6-1967, Tiểu đoàn 6 thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Rừng Sát 3, tìm diệt quân Việt Cộng tại Biệt khu Rừng Sát, trong địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định.

148- Hội đàm giữa thứ trưởng Kiều Quán Hoa và đại sứ Việt Cộng (Bắc Kinh, 13-5-1967)

(Bài dịch của Ngọc Thu từ Cold War International History Project – Woodrow Wilson Center).

Thảo luận giữa Kiều Quán Hoa, thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc và đại sứ Việt Nam Ngô Minh Loan (Bắc Kinh, 13-5-1967)

Mô tả: Kiều Quán Hoa không đồng ý về kế hoạch chuyển máy bay của Liên Xô qua Việt Nam bằng đường hàng không thay vì bằng đường xe lửa.

– Kiều Quán Hoa: Tôi có một vấn đề cần thảo luận với đồng chí đại sứ. Đây là một vấn đề cụ thể liên quan đến viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam. Ngày 6-5-1967, chúng tôi được đồng chí thứ trưởng Nghiêm Bá Đức (1) và đồng chí Phạm Thanh Hà (2) thông báo ở Hà Nội và Bắc Kinh rằng, tháng 5 và tháng 6-1967, Liên Xô sẽ cung cấp cho Việt Nam 24 máy bay Mig-17 và Mig-21 (12 máy bay mỗi loại) và chúng tôi cũng được yêu cầu giúp vận chuyển những máy bay này đi qua ngõ Trung Quốc. Ngày 9-5-1967, đồng chí Phạm Thanh Hà chính thức thông báo với Ủy ban Kinh tế Đối ngoại của chúng tôi là, 24 máy bay này sẽ được vận chuyển bằng đường xe lửa. Sẽ có hai chuyến hàng, mỗi chuyến có thể chở 12 máy bay. Tuy nhiên, cùng vấn đề này, phía Liên Xô thông báo cho chúng tôi khác đi: ngày 8-5, họ yêu cầu máy bay AN-12 của họ chở 24 máy bay này đi qua vùng trời của Trung Quốc trong khoảng thời gian 10 ngày, từ ngày 16-5 đến ngày 24-5-1967. Ngày 9-5-1967, đồng chí Nghiêm Bá Đức tại Hà Nội đề xuất kế hoạch vận chuyển bằng đường hàng không.

Lãnh đạo của chúng tôi đặt nặng vấn đề này trong chương trình nghị sự. Chúng tôi đã nghiên cứu yêu cầu của cả hai phía Việt Nam và Liên Xô rất cẩn thận. Thay mặt chính phủ Trung Quốc, tôi muốn thông báo cho đồng chí Đại sứ, rằng chúng tôi đồng ý với kế hoạch đề xuất của đồng chí Phạm Thanh Hà về việc vận chuyển 24 máy bay bằng đường xe lửa, chứ không phải bằng kế hoạch vận chuyển bằng đường hàng không. Việc vận chuyển bằng đường hàng không 24 máy bay này là một vấn đề quan trọng. Như đồng chí Đại sứ đã biết, ý kiến của chúng tôi từ lâu khác với ý kiến của phía Liên Xô. Từ đầu năm 1965, khi viện trợ của Liên Xô bắt đầu đến Việt Nam, nhiều lần Liên Xô đề nghị chuyển hàng đến Việt Nam bằng đường hàng không, qua vùng trời của Trung Quốc. Nói chung, chúng tôi không đồng ý với ý kiến đó. Trước đây, Việt Nam cũng không đồng ý vận chuyển bằng đường hàng không, bởi vì các ông hiểu lập trường của chúng tôi (về vấn đề này). Lần này, tôi muốn nói rõ ràng hơn với các đồng chí Việt Nam về lý do tại sao Liên Xô muốn vận chuyển hàng viện trợ cho Việt Nam bằng phương pháp này.

Trong vài năm qua, bằng cách sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng của mình, Liên Xô đã và đang cố gắng công bố công khai số hàng viện trợ với quy mô lớn cho Việt Nam. Chúng tôi cho rằng Liên Xô có ý làm như vậy để cho Mỹ biết về khoản viện trợ quy mô lớn của Liên Xô cho Việt Nam và làm như vậy, Liên Xô tiết lộ một số bí mật cho phía Mỹ.

Trong vài năm qua, chúng tôi giúp Việt Nam vận chuyển hàng viện trợ bằng tàu hỏa, rất an toàn và kịp thời. Phía Việt Nam cũng đã rất hài lòng. Vậy tại sao lần này Liên Xô đòi vận chuyển bằng đường hàng không? Nếu Liên Xô phải sử dụng đến việc vận chuyển bằng đường hàng không với quy mô lớn, máy bay do thám Mỹ – vốn luôn bay trên bầu trời Trung Quốc – sẽ phát hiện ra ngay, sau khi máy bay của Liên Xô cất cánh khỏi Irkutsk. Lập trường của chúng tôi về vấn đề này rõ ràng đối với Việt Nam: làm như vậy, Liên Xô muốn khoe khoang với Mỹ (về khoản viện trợ cho Việt Nam), công khai tiết lộ bí mật quân sự cho kẻ thù. Họ cũng sử dụng viện trợ cho Việt Nam để kiểm soát tình hình và hợp tác với Mỹ, để buộc Việt Nam phải chấp nhận đàm phán hòa bình. Báo chí phương Tây thậm chí còn nói rằng Liên Xô tăng cường viện trợ cho Việt Nam để tạo ra tình trạng đối đầu trực tiếp giữa Liên Xô – Mỹ, điều này sẽ dọn đường cho thỏa hiệp. Tôi đưa nhận xét của chúng tôi về vấn đề này để cho các ông hiểu rõ lập trường của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi không có ý định áp đặt nó lên các ông.

Tóm lại, chúng tôi cho rằng: (1) đề nghị của Liên Xô về vận chuyển bằng đường hàng không là có ý xấu và là một âm mưu, (2) việc vận chuyển những chiếc máy bay này là một hành động quân sự lớn, nhưng Liên Xô đã không tham khảo ý kiến với chúng tôi và buộc chúng tôi phải chấp nhận. Điều này không có gì khác hơn là thái độ của người theo chủ nghĩa Sô vanh.

Ghi chú: 1. Nghiêm Bá Đức, thứ trưởng Bộ Ngoại thương Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1954, thành viên của đoàn đại biểu kinh tế đến Liên Xô và Đông Âu giữa năm 1965 và 1975. Sau đó làm cố vấn kinh tế tại Lào.

Phạm Thanh Hà là sĩ quan hậu cần quân sự của Quân đội Nhân dân Việt Nam, là người dẫn đầu phái đoàn viện trợ quân sự của Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh từ năm 1965-1973.

149- Chiến dịch Crockett (tỉnh Quảng Trị) (13-5 đến 16-7-1967)

Sau thắng lợi của loạt giao tranh ác liệt Hill Fight trong tháng 4-1967 ở Khe Sanh, Lực lượng thủy bộ 3 Mỹ điều Tiểu đoàn 1/26 của Trung đoàn 3/Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến tới trấn giữ Khe Sanh thay thế cho các tiểu đoàn TQLC tại đây rút về đơn vị cũ ở duyên hải Trung phần. Đầu tháng 5-1967, cộng quân lại cho hai trung đoàn 18 và 95C/Sư đoàn 325C kéo về uy hiếp khu vực Khe Sanh.

Tiểu đoàn 1/26 bắt đầu mở chiến dịch Crockett từ ngày 13-5 đến 16-7-1967, để trấn giữ khu vực căn cứ Khe Sanh và do thám hoạt động của quân Bắc Việt tại thung lũng Khe Ta Bong và vùng rừng núi phía tây tỉnh Quảng Trị để xác báo cho Không quân oanh kích. Trong cuộc hành quân, quân Mỹ chết 32, bị thương 55. Cộng quân bỏ lại trận 204 xác và 350 thương binh.

Sau hàng loạt trận giao tranh, Trung đoàn 18 bị thiệt hại nặng phải rút trở về Lào, còn lại Trung đoàn 95C tiếp tục giao chiến nhưng chỉ ít lâu cũng bị thiệt hại gần hết, buộc phải bổ sung quân số từ Bắc Việt vào để chuẩn bị tham gia các trận đánh lớn năm 1968.

150- Chiến dịch Blackjack 41C (tỉnh Châu Đốc) (13 đến 18-5-1967)

Từ ngày 13 đến 18-5-1967, Liên đoàn 5 dù/Lực lượng đặc biệt Mỹ chỉ huy Biệt đội A-503/Lực lượng xung kích cơ động, mở chiến dịch Blackjack 41C, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Châu Đốc. Để hỗ trợ cho chiến dịch Blackjack 33, Biệt đội A-503 đã nhảy dù xuống khu vực Thất Sơn, đánh chiếm Núi Dài và khu rừng núi xung quanh, nằm ở phía tây quận Tịnh Biên.

151- Các chiến dịch Ahina, Barking Sands, Diamond Head, Kole Kole (tỉnh Bình Dương, Hậu Nghĩa, Tây Ninh) (13-5 đến 7-12-1967)

Sau khi rút khỏi chiến dịch Junction City (ngày 21-4), Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ dưỡng quân ít ngày rồi được phiên chế thuộc quyền chỉ huy của Sư đoàn 25 bộ binh để tiếp tục tham gia các chiến dịch ở Vùng 2 chiến thuật.

Trong tháng 5-1967, Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ huy động hai lữ đoàn 1, 2 bản bộ và lữ đoàn tăng cường 3/4, mở liên tiếp các chiến dịch hành quân tại ba tỉnh Bình Dương, Hậu Nghĩa, Tây Ninh.

Từ ngày 13 đến 18-5-1967, Lữ đoàn 3/4 bộ binh Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 2/22 và 3/22 mở chiến dịch Ahina, tìm diệt quân Việt Cộng dọc theo lưu vực sông Sài Gòn, thuộc địa bàn hai tỉnh Bình Dương và Tây Ninh.

Từ ngày 14-5 đến 7-12, Lữ đoàn 2/25 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Kole Kole. Quân Mỹ đã phối hợp với chính quyền và quân đội Việt Nam Cộng Hòa, liên tục mở các cuộc hành quân tuần tra bảo vệ địa bàn, đường giao thông, thực hiện chương trình bình định nông thôn, và lùng sục tìm diệt cộng quân tại khu vực phía nam tỉnh Hậu Nghĩa, bao gồm các vùng Bàu Trai, Đức Hòa, Đức Huệ và kéo dài đến các xã giáp ranh tỉnh Long An; đồng thời luôn đảm bảo cho tuyến quốc lộ 10 từ Bàu Trai tới Đức Hòa luôn được thông suốt và an toàn. Tính chung trong chiến dịch, quân Việt Cộng bỏ lại trận 645 xác.

Từ ngày 18-5 đến 7-12, Lữ đoàn 1/25 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Barking Sands, phối hợp với một tiểu đoàn của Sư đoàn 25 bộ binh VNCH hành quân bao vây, cách ly địa bàn, tìm diệt cộng quân và thực hiện chương trình bình định nông thôn tại các tỉnh Bình Dương, Hậu Nghĩa, Tây Ninh. Địa bàn chiến dịch trải rộng từ đồn điền Fihol tới các quận Củ Chi, Trảng Bàng, và Gò Dầu Hạ. Trong pha 1 chiến dịch, Tiểu đoàn 4/9 Mỹ tập kích và lùng sục kỹ khu rừng Hồ Bò ở phía bắc Củ Chi. Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 19; quân Việt Cộng bỏ lại trận 304 xác.

Từ ngày 18-5 đến 7-12, Lữ đoàn 3/4 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Diamond Head, tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Bình Dương và Tây Ninh. Quân Mỹ đã tấn công và kiểm soát khu rừng Bời Lời, Dầu Tiếng, Suối Đá và toàn bộ vùng phía bắc tỉnh Tây Ninh thuộc chiến khu C. Trong pha 1 chiến dịch, quân Mỹ tập kích và lùng sục kỹ đồn điền cao su Michelin ở phía đông căn cứ Lữ đoàn 3/4.

152- Các chiến dịch Duval, Liên Kết 106, Union 2, Webster, Yuma (tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi) (15-5 đến 5-6-1967)

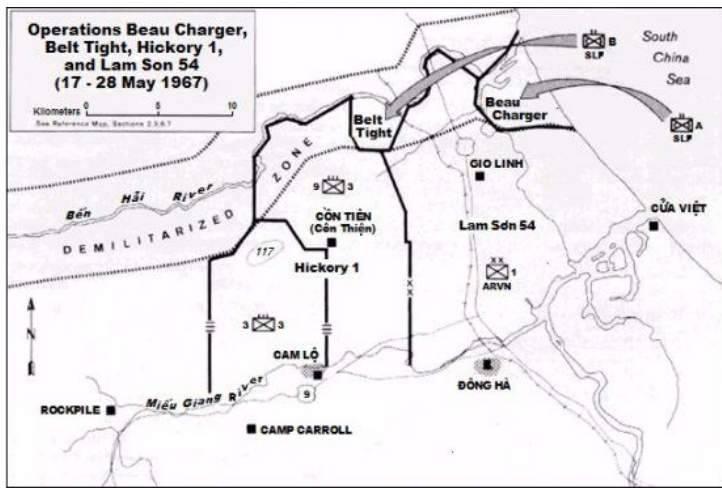
Trong tháng 5-1967, Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ huy động các trung đoàn bản bộ, phối hợp với quân Việt Nam Cộng Hòa mở liên tiếp các chiến dịch tại ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi.

Từ ngày 15 đến 18-5, Trung đoàn 7/1 TQLC Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 3/7 mở cùng lúc hai chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng: chiến dịch Yuma từ ngày 15 đến 17-5 tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; chiến dịch Webster từ ngày 15 đến 18-5 tại tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 19 đến 25-5, Trung đoàn 7/1 chỉ huy hai tiểu đoàn 1/7 và 3/7 mở chiến dịch Duval, hành quân do thám và tiếp tục tìm diệt cộng quân tại tỉnh Quảng Nam.

Sau khi trở lại lòng chảo Quế Sơn, Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn 1/5, 2/5, 3/5 mở chiến dịch Union 2 từ ngày 25-5 đến 5-6-1967, tìm diệt cộng quân tại khu vực đông bắc và đông nam tiền đồn Núi Lọc Sơn thuộc tỉnh Quảng Nam. Cùng lúc đó, quân VNCH gồm Liên đoàn 1 biệt động quân tại Thăng Bình và Trung đoàn 6/Sư đoàn 2 bộ binh tại Tam Kỳ cũng mở chiến dịch Liên Kết 106 tại địa bàn giáp ranh hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Tín để phối hợp với chiến dịch Union 2 của quân Mỹ. Trong chiến dịch Union 2, cộng quân bỏ lại trận 701 xác.

153- Các chiến dịch Beau Charger, Belt Tight, Hickory 1, Lam Sơn 54 (tỉnh Quảng Trị) (17 đến 28-5-1967)



Ngày 15-5-1967, Tiểu đoàn 3/4 thủy quân lục chiến Mỹ từ Okinawa (Nhật Bản) được không vận tới Đông Hà để tham gia chiến dịch Hickory 1.

Từ ngày 17 đến 28-5, lần đầu tiên Lực lượng thủy bộ 3 Mỹ cho phép triển khai một loạt chiến dịch hành quân tìm diệt quân Việt Cộng bên trong khu phi quân sự phía nam sông Bến Hải từ Cần Tiên ra tới bờ biển.

Sư đoàn 3 TQLC Mỹ chỉ huy 4 tiểu đoàn 3/4, 2/9, 3/9 và 2/26 mở chiến dịch Hickory 1 ở phía bắc căn cứ Cam Lộ, phía tây quận lỵ Gio Linh, trong khi Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa cũng cùng lúc mở chiến dịch Lam Sơn 54, chỉ huy 2 tiểu đoàn bộ binh và 3 tiểu đoàn dù lưng súng phía đông Gio Linh.

Cùng lúc đó, Lực lượng thủy bộ 3 Mỹ cũng huy động hai chiến đoàn của Lực lượng đổ bộ đặc biệt tham chiến ở phía tây bắc quận Gio Linh để hỗ trợ cho chiến dịch này. Chiến đoàn Bravo chỉ huy Tiểu đoàn 2/3 mở chiến dịch Belt Tight trong địa bàn chiến dịch Hickory 1 của Sư đoàn 3 Mỹ, trong khi Chiến đoàn Alpha chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 mở chiến dịch Beau Charger hỗ trợ chiến dịch Lam Sơn 54 của Sư đoàn 1 VNCH dọc theo bờ biển.

Tính chung trong loạt chiến dịch từ ngày 17 đến 28-5, quân Việt Cộng bỏ lại trận 367 xác.

154- Chiến dịch Dallas (tỉnh Bình Dương) (17 đến 26-5-1967)

Từ ngày 17 đến 26-5-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Dallas, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Dương. Quân Mỹ tham chiến gồm hai tiểu đoàn bộ binh 2/2, 2/18, Đại đội B/2/34 thiết giáp của Sư đoàn 1 và Tiểu đoàn 1/11 của Trung đoàn 11 thiết kỵ. Quân Mỹ đã tấn công vào khu rừng Ông Đông, Tân Uyên và chiến khu Đ đang có một lực lượng lớn quân cộng tập trung.

155- Chiến dịch Ashland và Kittyhawk 2 (Biên Hòa-Long Khánh) (18-5-1967 đến 21-3-1968)

Từ ngày 18-5 đến 8-6-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh mở chiến dịch Ashland, tuần tra bảo vệ an ninh tại địa bàn hai tỉnh Biên Hòa và Long Khánh.

Từ ngày 18-5-1967 đến 21-3-1968, Trung đoàn 11 thiết kỵ chỉ huy Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh và Tiểu đoàn 3/11 thiết kỵ mở chiến dịch Kittyhawk 2, tuần tra bảo vệ an ninh công trình lắp đặt và vận hành đường dây viễn thông hữu tuyến tại địa bàn Gia Ray và căn cứ Blackhorse, thuộc tỉnh Long Khánh.

156- Chiến dịch Dân Chí 287/C (tỉnh Chương Thiện và Phong Dinh) (18 đến 21-5-1967)

Sau khi kéo quân về đồng bằng sông Cửu Long trấn đóng ở tỉnh lỵ Vị Thanh, Chiến đoàn Bravo thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa đã đưa hai tiểu đoàn 1 và 5 tham gia chiến dịch Dân Chí 287/C do Sư đoàn 21 bộ binh VNCH chỉ huy chung từ ngày 18 đến 21-5-1967, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực giữa tỉnh lỵ Vị Thanh (tỉnh Chương Thiện) và tỉnh lỵ Cần Thơ (tỉnh Phong Dinh).

157- Giao tranh ở khu phi quân sự (tỉnh Quảng Trị, 18 đến 26-5-1967)

Từ ngày 18 đến 26-5-1967, lần đầu tiên một lực lượng quân sự phối hợp của Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa xâm nhập vào vùng phi quân sự dọc theo vĩ tuyến 17 để tấn công hai sư đoàn Bắc Việt đang đóng quân tại đây trước khi tiếp tục tràn vào tỉnh Quảng Trị. Ngày 26-5, cộng quân bị đẩy lui khỏi khu quân sự trở về miền Bắc, sau đó quân đồng minh cũng rút về Nam. Đồi bên đều có nhiều tổn thất.

158- Chiến dịch Choctaw (tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên) (21-5 đến 9-7-1967)

Từ ngày 21-5 đến 9-7-1967, Trung đoàn 4/Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn 1/3, 1/4, 2/4 và 3/12 mở chiến dịch Choctaw, tìm diệt quân Việt Cộng tại lưu vực sông Thạc Mã và vùng giáp ranh hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên, đồng thời bảo vệ thông suốt tuyến quốc lộ 1 từ căn cứ Evan tới Hải Lăng.

159- Chiến dịch Muittamah (tỉnh Quảng Ngãi) (từ 23-5-1967)

Từ ngày 23-5-1967, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ phối hợp Tiểu đoàn 39 công binh chiến đấu Mỹ mở chiến dịch Muittamah tại tỉnh Quảng Ngãi. Lữ đoàn 3/25 liên tục tuần tra bảo vệ an ninh cho Tiểu đoàn 39 tu sửa, nâng cấp và mở rộng tuyến quốc lộ 1 qua hai quận Đức Phổ, Mộ Đức.

160- Chiến dịch Winchester 2 (tỉnh Pleiku) (23 đến 31-5-1967)

Từ ngày 23 đến 31-5-1967, Lữ đoàn 173 không vận Mỹ mở chiến dịch Winchester 2, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Pleiku. Ngày 23-5, Lữ đoàn 173 đang đóng ở Biên Hòa được lệnh không vận khẩn cấp lên Pleiku. Tới nơi, Lữ đoàn 173 chuyển quân tới đồn điền trà Catecka để thiết lập một căn cứ dã chiến tại đây, rồi mở các cuộc hành quân tuần tra về phía nam và tây nam để tìm diệt cộng quân, đồng thời trong tư thế sẵn sàng tăng viện cho Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ trong chiến dịch Francis Marion (từ 1 đến 18-6). Trong khi đó, các thiết bị nặng và công kênh được chuyển bằng hạm tàu từ Vũng Tàu ra Qui Nhơn rồi di chuyển lên cao nguyên Trung Phần bằng đường bộ.

161- Cuộc biểu tình của Phật giáo ở Sài Gòn (23-5-1967)

Ngày 23-5-1967, mật vụ cộng quân nằm vùng ở Sài Gòn tổ chức và kích động cuộc biểu tình của 1.100 phật tử và 50 tăng ni ở Sài Gòn đòi quân Mỹ rút hết về nước, đòi Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa phải chấp nhận tôn tại hòa bình với Mặt trận Giải phóng để chấm dứt chiến tranh.

Năm 1967, thượng tọa Thích Nhất Hạnh xuất bản cuốn *Hoa sen trong biển lửa* tại Pháp, ca ngợi cuộc đấu tranh của Phật giáo chống các chánh quyền Ngô Đình Diệm và Nguyễn Cao Kỳ trước đây, đồng thời kết tội và khẳng định do Mỹ gây ra chiến tranh ở Việt Nam cho nên vị anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh phải đưa quân vào giúp nhân dân miền Nam đứng lên tự giải phóng. Nội dung sách không khác gì tài liệu tuyên truyền đang phổ biến sâu rộng ở Bắc Việt Nam.

162- Trận Hương An – Bà Rén (tỉnh Quảng Nam) (24-5-1967)

Ngày 24-5-1967, một đoàn xe quân sự hỗn hợp Việt – Mỹ – Hàn hành quân trên quốc lộ 1, thuộc địa phận quận Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đến chiều thì bị Trung đoàn bộ binh 31 (Sư đoàn 2 Quân khu 5 cộng quân) phục kích ở khu vực Hương An – Bà Rén. Giao tranh ác liệt xảy ra và kết thúc nhanh chóng. Kết quả, quân Việt Nam Cộng Hòa chết 25, bị thương 82; quân Mỹ chết 11, bị thương 33; quân Đại Hàn chết 6, bị thương 21; thiệt hại 24 xe quân sự, trong đó có 6 xe tăng, thiết giáp. Cộng quân bỏ lại trận 58 xác và 31 thương binh; bị bắt và ra hàng 19.

163- Chiến dịch Long Phi 999/N (tỉnh Vĩnh Long) (26 và 27-5-1967)

Trong hai ngày 26 và 27-5-1967, Chiến đoàn Bravo thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa chỉ huy hai tiểu đoàn 1 và 5 mở chiến dịch Long Phi 999/N, hành quân tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn sông ngòi tỉnh Vĩnh Long.

164- Một số tình hình trong tháng 6-1967

Tính đến ngày 1-6-1967, quân số Mỹ tại Việt Nam là 484.000 người. Cũng trong ngày này, Không quân Việt Nam Cộng Hòa được Mỹ chuyển giao những phi đoàn máy bay tiêm kích F-5 đầu tiên.

Trong tháng 6-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm: Phi đoàn 311 tấn công thủy quân lục chiến (3-6, đóng ở Chu Lai); Phi đoàn 8 ném bom (7-6, đóng ở Phan Rang); Tiểu đoàn 3/16 pháo binh (9-6, đóng ở Chu Lai); Phi đoàn 263 trực thăng TQLC (13-6, đóng ở Ngũ Hành Sơn); Tiểu đoàn 7/8 pháo binh (29-6, đóng ở trại Bearcat, Long Thành). Các đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm: Phi đoàn 121 tấn công TQLC (3-6); Phi đoàn 13 ném bom (7-6); Phi đoàn 362 trực thăng TQLC (28-6; chuyển sang Lực lượng đổ bộ đặc biệt).

Tiểu đoàn 5/Lữ đoàn 2 TQLC Hàn quốc Việt Nam sang tháng 6-1967, đóng ở Bình Sơn.

Các đơn vị Mỹ di chuyển vị trí đóng quân gồm: Lữ đoàn 2/Sư đoàn 1 bộ binh chuyển tới Biên Hòa; các tiểu đoàn bộ binh 2/16, 1/18, 2/18 chuyển tới Biên Hòa; Tiểu đoàn 39 công binh chiến đấu chuyển tới Chu Lai (15-6). Trại biệt kích (CIDG) Biệt đội A-227 đi vào hoạt động ở Hà Tây (tỉnh Bình Định, 12-6).

165- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 6-1967)

Ngày 5-6, Bắc Việt tuyên bố bộ đội phòng không Thanh Hóa bắn rơi máy bay Mỹ thứ 2.000 rơi trên miền Bắc. Các số liệu của Bắc Việt bị tài liệu của Mỹ bác bỏ và cho rằng chỉ nhằm mục đích tuyên truyền sai sự thật. Trong tháng 6-1967, không quân Mỹ ngưng ném bom Hà Nội nhưng tiếp tục oanh kích các tuyến giao thông từ Hà Nội đi Hải Phòng, Lạng Sơn và Quân khu 4.

166- Chiến dịch Chateau (Vùng 1 chiến thuật) (1 đến 30-6-1967)

Từ ngày 1 đến 30-6-1967, Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ mở chiến dịch Chateau, tìm diệt quân Việt Cộng tại Vùng 1 chiến thuật.

167- Các chiến dịch Lam Sơn 63, 72 (tỉnh Quảng Trị-Thừa Thiên) (1 đến 28-6-1967)

Trong tháng 6-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở liên tiếp các chiến dịch Lam Sơn, tìm diệt quân Việt Cộng.

– mở chiến dịch Lam Sơn 63 từ ngày 1 đến 3-6-1967 tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.

– mở chiến dịch Lam Sơn 72 từ ngày 24 đến 28-6 tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên.

168- Các chiến dịch Cimarron, Illinois City (tỉnh Quảng Trị) (1-6 đến 2-7-1967)

Từ ngày 1-6 đến 2-7-1967, Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ mở chiến dịch Cimarron, để tiếp tục theo dõi và ngăn chặn hoạt động xâm nhập của quân Bắc Việt trong vùng phi quân sự và tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Quảng Trị, diễn ra cùng lúc và cùng địa bàn với chiến dịch Prairie 4.

Quân Mỹ tham chiến gồm bảy tiểu đoàn 3/3, 1/4, 3/4, 1/9, 2/9, 3/9 và 2/26, đã lùng sục và truy quét khu vực phía bắc căn cứ Cam Lộ, từ Cồn Tiên tới căn cứ Carroll, đồng thời bảo vệ an ninh cho công trình xây dựng các tiền đồn trấn thủ từ Cồn Tiên ra tới bờ biển.

Cùng lúc đó, Sư đoàn 3 TQLC Mỹ cũng mở chiến dịch Illinois City từ ngày 1-6 đến 31-7-1967, để bắt đầu thực hiện Kế hoạch do thám và phòng thủ SPOS tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.

169- Các chiến dịch Akron 1, Hợp Tác, Rocket (tỉnh Biên Hòa, Định Tường, Phước Tuy) (1-6-1967 đến 7-2-1968)

Trong tháng 6-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ huy động các lữ đoàn bản bộ liên tục mở các chiến dịch hành quân tại các tỉnh Biên Hòa, Định Tường, Phước Tuy.

Từ ngày 1-6-1967 đến 7-2-1968, Lữ đoàn 2 và 3/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Hợp Tác, liên tục tuần tra do thám và bảo vệ an ninh cho căn cứ Đồng Tâm tại tỉnh Định Tường.

Từ ngày 5 đến 7-6-1967, Lữ đoàn 1/9 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Rocket, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Biên Hòa.

Từ ngày 9 đến 29-6-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Akron 1, tấn công vào mật khu Hát Dịch của Việt Cộng tại phía tây tỉnh Phước Tuy. Đây là một căn cứ lâu đời của Trung đoàn 274 cộng quân. Lữ đoàn 1/9 Mỹ cho một chiến đoàn công binh truy quét từ phía tây trong khi Liên đội 3/Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ và Tiểu đoàn 52 biệt động quân Việt Nam Cộng Hòa thiết lập chốt chặn dọc theo quốc lộ 2 để đón diệt cộng quân.

170- Các chiến dịch Bear Bite, Colgate, Maryland (tỉnh Thừa Thiên) (2 đến 27-6-1967)

Trong tháng 6-1967, Chiến đoàn đồ bộ Alpha Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 thủy quân lục chiến, liên tục mở ba chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên.

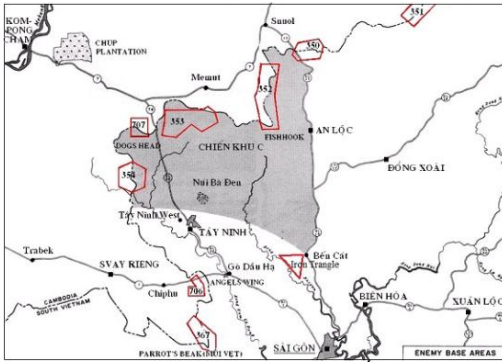
– mở chiến dịch Bear Bite từ ngày 2 đến 12-6, tại khu vực Street Without Joy, tỉnh Thừa Thiên.

– mở chiến dịch Colgate từ ngày 7 đến 11-6, dọc theo quốc lộ 1 thuộc tỉnh Thừa Thiên, và cũng để hỗ trợ cho chiến dịch Choctaw diễn ra cùng lúc trên cùng địa bàn.

– mở chiến dịch Maryland từ ngày 23 đến 27-6, tại khu vực từ căn cứ Evans tới quận lỵ Hải Lăng, thuộc tỉnh Quảng Trị.

171- Chiến dịch Cumberland 2 (tỉnh Thừa Thiên) (3-6 đến 15-9-1967)

Từ ngày 3-6 đến 15-9-1967, Trung đoàn 4/Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/4 mở chiến dịch Cumberland 2, tìm diệt quân Việt Cộng và xây dựng lực lượng tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên. Quân Mỹ từ căn cứ Evans di chuyển tới quận Nam Hòa để bảo vệ công trình tu bổ tỉnh lộ 547 và thiết lập một căn cứ hỏa lực cho trọng pháo của Tiểu đoàn 2/94 pháo binh, để đảm bảo ngăn chặn có hiệu quả mọi cuộc xâm nhập của Việt Cộng từ Lào vào thung lũng A Sầu.



Các mật khu Việt Cộng ở Vùng 2 chiến thuật



Trận đánh Chiến khu C ngày 4-6-1967

172- Trận đánh chiến khu C (tỉnh Tây Ninh) (4-6-1967)

Ngày 4-6-1967, quân Mỹ tấn công vào chiến khu C tại khu vực cách biên giới Cambodia mười cây số về phía Đông, giao tranh dữ dội với hai tiểu đoàn 2 và 16 thuộc Trung đoàn 2/Sư đoàn 1 Việt Cộng. Quân Mỹ chết 11, bị thương 16. Cộng quân bỏ lại trận 45 xác và 59 thương binh.

173- Chiến dịch Angry Dragon (tỉnh Quảng Ngãi) (4 đến 14-6-1967)

Từ ngày 4 đến 14-6-1967, Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến (Thanh Long) Hàn Quốc mở chiến dịch Angry Dragon, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Pha 1 chiến dịch diễn ra từ 4 đến 7-6, pha 2 từ 8 đến 14-6.

174- Chiến dịch Tornado (Vùng 2 chiến thuật) (5 đến 7-6-1967)

Từ ngày 5 đến 7-6-1967, quân Mỹ mở chiến dịch Tornado, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn Vùng 2 chiến thuật.

175- Các chiến dịch Billings, Bluefield (tỉnh Bình Dương, Long Khánh, Phước Long) (5 đến 26-6-1967)

Từ ngày 5 đến 9-6-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Bluefield, chỉ huy 4 tiểu đoàn bộ binh 2/2, 1/16, 1/26, 2/28 và Tiểu đoàn 1/4 kỵ binh, hành quân thám báo và bảo vệ an ninh giao thông tại khu vực từ Lai Khê đến ấp Bàu Bàng, thuộc tỉnh Bình Dương.

Ngày 11-6-1967, thám báo Mỹ phát hiện được tin Trung đoàn 271/Sư đoàn 9 cộng quân đang tập trung lực lượng chuẩn bị tập kích căn cứ Lữ đoàn 1/Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ ở Phước Vĩnh.

Từ ngày 12 đến 26-6, Sư đoàn 1 chỉ huy các tiểu đoàn 1/16, 2/18, 2/28, có tăng cường Tiểu đoàn 1 thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa, mở chiến dịch Billings, lùng sục kỹ khu vực tam giác Phước Vĩnh – Chơn Thành – Chí Linh giáp ranh ba tỉnh Bình Dương, Long Khánh và Phước Long để tìm diệt Trung đoàn 271. Tính chung trong chiến dịch Billings, quân Mỹ chết 57, bị thương 197 quân; quân VNCH chết 21; quân Việt Cộng bỏ lại trận 347 xác. Trung đoàn 271 phải ẩn nấp trong mật khu Long Nguyên để dưỡng thương.

176- Các chiến dịch Ma Doo 2, Vong Ma 1 (tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận) (5-6 đến 5-7-1967)

Từ ngày 5 đến 20-6-1967, Trung đoàn 28/Sư đoàn 9 bộ binh (Bạch Mã) Hàn Quốc tại Tuy Hòa mở chiến dịch Ma Doo 2, lùng sục kỹ khu vực núi Chí ở vùng giáp ranh hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa để tìm diệt quân Việt Cộng trong vùng.

Từ ngày 24-6 đến 5-7, Trung đoàn 30/Sư đoàn Bạch Mã mở chiến dịch Vong Ma 1, tìm diệt quân Việt Cộng và giải tỏa an ninh khu vực mà quân Hàn gọi là núi Hao Chi Hi ở phía bắc tỉnh lỵ Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận.

177- Các chiến dịch Broken Hill, Cooparoo, Geraldton (tỉnh Phước Tuy) (6-6 đến 1-7-1967)

Trong tháng 6-1967, Chiến đoàn 1 Úc liên tục mở ba chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phước Tuy.

- chỉ huy Tiểu đoàn 7 mở chiến dịch Broken Hill từ ngày 6 đến 13-6-1967.
- chỉ huy Tiểu đoàn 2 mở chiến dịch Geraldton từ 15 đến 21-6, tại phía đông quận Đất Đỏ.
- chỉ huy Tiểu đoàn 7 mở chiến dịch Cooparoo từ ngày 23-6 đến 1-7-1967.

178- Chuyển xâm nhập Quảng Bình (7-6-1967)

Chiều 7-6-1967, một toán 10 binh sĩ thuộc Trại 9/Lực lượng Biệt hải Việt Nam Cộng Hòa đi trên 3 chiến đĩnh PTF xuất phát từ căn cứ hải tuần Đà Nẵng vượt vĩ tuyến 17 cặp bờ biển tiến ra Bắc, đến 21 giờ thì tới vùng biển tỉnh Quảng Bình thuộc Bắc Việt. Toán biệt hải chuyển sang hai thuyền cao su cao tốc đổ bộ vào một làng nhỏ sát bờ biển để bắt cóc một cán bộ cao cấp vừa từ Hà Nội về quê nghỉ phép về khai thác. Trong khi rút quân ra biển để về Nam, toán Biệt hải bị dân quân địa phương truy kích, một người sập hầm và bị bắt sống, sau đó bị xử tử.

179- Chiến dịch Malheur 2 (tỉnh Quảng Ngãi) (8-6 đến 2-8-1967)

Sau khi hoàn thành chiến dịch Malheur 1, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ mở tiếp chiến dịch Malheur 2 từ ngày 8-6 đến 2-8-1967, tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, tập kích mãnh liệt vào các mật khu 122 và 123 của hai trung đoàn 1 và 2 Bắc Việt nằm giữa hai quận Mộ Đức và Minh Long, tập trung ở các khu vực phía tây và tây bắc quận lỵ Đức Phổ, thung lũng Sông Vệ. Lữ đoàn Mỹ cũng phối hợp với Trung đoàn 176 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa tổ chức di tản toàn bộ dân chúng tại thung lũng Sông Vệ về nơi an toàn ở đồng bằng để tránh chiến hạm. Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 62; quân Việt Cộng bỏ lại trận 488 xác.

180- Các chiến dịch Adair, Arizona, Beacon Torch, Brown, Butler, Calhoun (tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín) (9-6 đến 3-7-1967)

Trong tháng 6-1967, Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ huy động các trung đoàn bản bộ, mở liên tục các chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Tín.

Từ ngày 9 đến 12-6, Trung đoàn 7/ Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy 3 đại đội của ba tiểu đoàn 1/7, 2/7, 3/7 mở chiến dịch Butler tại tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 13 đến 22-6, Trung đoàn 7/1 TQLC Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn 2/5, 2/7, 3/7, 3/11, mở chiến dịch Arizona, tại khu vực An Hòa – Đức Dục, tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 15 đến 24-6, Trung đoàn 5/1 TQLC Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/5, 2/5 mở chiến dịch Adair, tại phía nam quận Thăng Bình, tỉnh Quảng Tín.

Từ ngày 17 đến 22-6, Trung đoàn 1/1 TQLC Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/1, 2/1 phối hợp với Tiểu đoàn 4/51 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Brown, tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 18-6 đến 3-7, Chiến đoàn đổ bộ Bravo Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/3 thủy quân lục chiến mở chiến dịch Beacon Torch, tại thung lũng Pagoda ở phía đông nam tỉnh lỵ Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 25-6 đến 1-7, Trung đoàn 7/1 TQLC Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/7 mở chiến dịch Calhoun, tại thung lũng Pagoda, phía tây nam tỉnh lỵ Hội An, và cũng để hỗ trợ cho chiến dịch Beacon Torch của Chiến đoàn Bravo.

181- Chiến dịch Cửu Long 65/12 (tỉnh Định Tường) (9 đến 11-6-1967)

Từ ngày 9 đến 11-6-1967, Sư đoàn 7 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Cửu Long 65/12, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường.

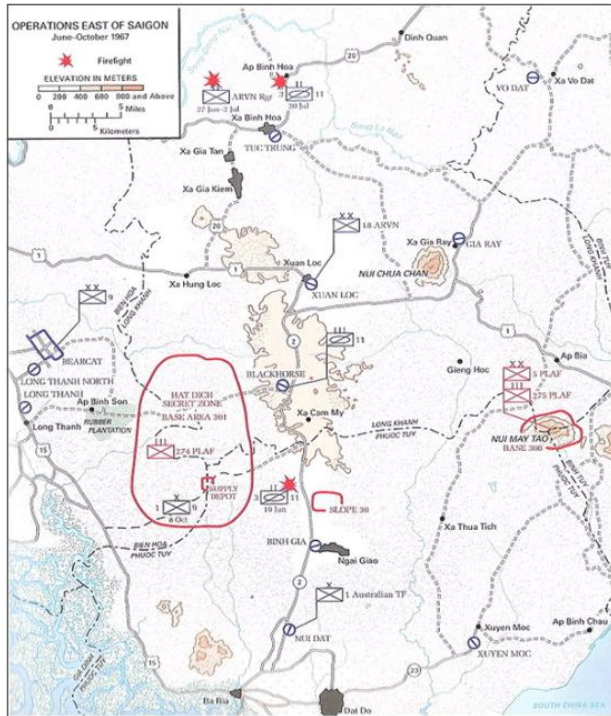
182- Chiến dịch Dân Chí 289/A (tỉnh Phong Dinh) (11-6 đến 14-7-1967)

Từ ngày 11-6 đến 14-7-1967, Sư đoàn 21 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Dân Chí 289/A, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực tây nam Cần Thơ, tỉnh Phong Dinh.

183- Các chiến dịch Great Bend, Long Đức – Hiệp Phước (tỉnh Gia Định) (13 đến 21-6-1967)

Từ ngày 13 đến 17-6-1967, Lực lượng giang thuyền lưu động Việt-Mỹ, với thành phần nòng cốt là Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ và hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa, đã mở chiến dịch Great Bend, tập trung tra bảo vệ an ninh trên tuyến sông Lòng Tàu và Biệt khu Rừng Sát, trong địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định.

Từ 18 đến 21-6-1967, Bộ tư lệnh Biệt khu Thủ đô phối hợp với Giang lực lưu động gồm 20 tàu chiến, 12 trực thăng, mở cuộc hành quân Long Đước – Hiệp Phước trên sông ngòi, nhằm truy quét quân Việt Cộng tại khu vực Long Đước – Hiệp Phước, tỉnh Gia Định, với chiến thuật đánh trên sông bằng thiết giáp hạm. Kết quả quân Mỹ chết 9, bị thương 6; quân VNCH chết 28, bị thương 4; thiệt hại 4 tàu chiến, 5 trực thăng. Cộng quân bỏ lại trận 54 xác và 72 thương binh; bị bắt 8.



Các chiến dịch hành quân ở phía Đông Sài Gòn (tháng 6 đến 10-1967) ([http:// Wikipedia](http://Wikipedia))

184- Chiến dịch Phi Phụng 27 (tỉnh Quảng Nam) (17 đến 22-6-1967)

Từ ngày 17 đến 22-6-1967, Bộ tư lệnh Biệt khu Quảng Đà chỉ huy Trung đoàn 51 bộ binh mở chiến dịch Phi Phụng 27, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

185- Các chiến dịch Greeley và Stilwell (tỉnh Kontum) (18-6 đến 12-10-1967)

Để đối phó với hoạt động gia tăng đánh phá của quân Việt Cộng trên địa bàn tỉnh Kontum, từ ngày 18-6 đến 12-10-1967, Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Greeley, tìm diệt quân cộng tại khu vực Dak To và ngoại vi tỉnh lỵ Kontum. Do lúc đó phần lớn các tiểu đoàn bộ binh của Sư đoàn 4 đang tham gia chiến dịch Francis Marion ở tận phía nam tỉnh Pleiku, nên Sư đoàn 4 phải sử dụng các đơn vị bạn tăng viện cho chiến dịch Greeley, mà trước tiên là Lữ đoàn 173 không vận Mỹ vừa kéo ra tăng cường cho mặt trận cao nguyên. Ngoài ra, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ và Chiến đoàn 1 dù Việt Nam Cộng Hòa cũng trong tư thế sẵn sàng tham gia khi cần thiết.

Nằm trong đội hình chiến dịch Greeley, ngày 18-6, Lữ đoàn 173 chỉ huy hai tiểu đoàn 1/503 và 2/503 rút khỏi địa bàn chiến dịch Francis Marion để bay tới phi trường Dak To và mở chiến dịch Stilwell từ ngày 18 đến 22-6. Hai tiểu đoàn này tập trung lùng sục khu vực Đồi 1338 ở tây nam căn cứ Dak To, để tìm diệt Trung đoàn 24 Bắc Việt đang hoạt động tại đây.

Ngày 23-6, có thêm Tiểu đoàn 2/12 của Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ và Tiểu đoàn 4/503 của Lữ đoàn 173 bay tới Dak To tham gia chiến dịch Greeley, và đã thiết lập các chốt chặn những tuyến đường rút chạy của cộng quân sang Lào.

Ngày 24-6, hai tiểu đoàn 1/7, 5/7 của Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ và hai tiểu đoàn 5, 8 của Chiến đoàn 1 nhảy dù VNCH cũng bay tới Kontum và ngay lập tức mở các cuộc không tập xuống thung lũng Dak Akoi, là nơi đặt sở chỉ huy Trung đoàn 24 Bắc Việt.

Ngày 10-7, Lữ đoàn 173 cho Tiểu đoàn 4/503 từ Dak To lùng sục kỹ 32 cây số về hướng tây nam để tìm diệt sở chỉ huy một trung đoàn Bắc Việt mà theo tin thám báo đang đóng tại vùng phụ cận Đồi 830.

Ngày 25-7, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 kỵ binh rút khỏi địa bàn chiến dịch Greeley trở về bờ biển.

Ngày 1-8-1967, Biệt khu 24 Việt Nam Cộng Hòa cử Tiểu đoàn 1/Trung đoàn 42 bộ binh khẩn cấp tăng viện cho căn cứ phòng vệ dân sự Dak Seang, để biệt phái vào Chiến đoàn 1 dù và lùng sục về phía tây tới biên giới giáp Lào. Các cuộc thăm vắn tù binh đã tiết lộ sự hiện diện của một lực lượng Bắc Việt mới xâm nhập là Trung đoàn 174, đang tập trung lực lượng chuẩn bị tập kích căn cứ Dak Seang. Cùng lúc đó, Tiểu đoàn 1/503 của Lữ đoàn 173 Mỹ cũng được không vận tới Dak Pek là nơi theo tin thám báo cũng có thể sắp bị cộng quân tấn công. Ngày 9-8-1967, Lữ đoàn 173 Mỹ điều tiểu đoàn thứ hai của mình là Tiểu đoàn 4/503 tới Dak Pek để đối phó với các hoạt động đánh phá gia tăng của quân Bắc Việt từ cuối tháng 7 xung quanh căn cứ lực lượng đặc biệt Dak Pek. Hai tiểu đoàn 1/503 và 4/503 đã mở các cuộc hành quân tìm diệt từ ngày 9 đến 21-9 ở phía tây và nam Dak Pek.

Chiến đoàn 77 với lực lượng gồm Tiểu đoàn 2/503 (của Lữ đoàn 173 Mỹ), Tiểu đoàn 3 nhảy dù và Tiểu đoàn 1/42 bộ binh VNCH, đã mở cuộc hành quân thám báo tại thung lũng Toumorong ở phía đông bắc Tân Cảnh từ ngày 17-9 đến 11-10-1967. Kết quả thám báo khẳng định sự hiện diện của Trung đoàn 24 Bắc Việt tại thung lũng Toumorong. Đến đây, Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ quyết định kết thúc chiến dịch Greeley để mở tiếp chiến dịch quy mô lớn hơn tìm diệt cộng quân trên vùng bắc cao nguyên.

186- Các chiến dịch Quicksilver, Rhino (tỉnh Long Khánh) (19-6 đến 2-7-1967)

Từ ngày 19 đến 23-6-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ mở chiến dịch Rhino, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Long Khánh.

Kết quả thăm vắn các cán binh hồi chánh của Trung đoàn 275 Việt Cộng cho thấy cộng quân đang tập trung lực lượng chuẩn bị tấn công vào quận lỵ Túc Trưng thuộc tỉnh Long Khánh. Từ ngày 27-6 đến 2-7-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ mở chiến dịch Quicksilver, tìm diệt cộng quân và khai thông tuyến đường 20 từ Định Quán tới Túc Trưng. Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ cũng cho hai tiểu đoàn 2/39 và 4/39 tăng cường cho chiến dịch.

187- Chiến dịch Concordia 1 và Coronado 1 (tỉnh Gò Công, Long An) (19-6 đến 26-7-1967)

Từ đầu tháng 6-1967, Hải quân Mỹ tại Việt Nam bắt đầu đưa vào hoạt động Lực lượng giang thuyền lưu động (The Riverine Force Mobile – RFM), còn gọi là Giang lực lưu động, là sự kết hợp giữa các tàu ‘Swift’ của Hải quân Mỹ với Lục quân để ngăn chặn Việt Cộng trên các sông rạch ở đồng bằng sông Cửu Long.

Từ ngày 19-6-1967, Giang lực lưu động Mỹ bắt đầu một loạt chiến dịch hành quân, tấn công và tìm diệt các căn cứ Việt Cộng ở phía bắc đồng bằng sông Cửu Long. Đầu tiên là chiến dịch Coronado 1 từ ngày 19-6 đến 26-7-1967, có mục tiêu tìm diệt là mật khu Bình Xuân ở tỉnh Gò Công và các đơn vị Việt Cộng đang đánh phá tại quận Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Trong pha đầu tiên của chiến dịch Coronado 1, Giang lực lưu động chỉ huy hai tiểu đoàn 3/47, 4/47 phối hợp với Tiểu đoàn 2/46 của Sư đoàn 25 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Concordia 1 từ ngày 19 đến 21-6. Sau khi tái bố trí đội hình trên một căn cứ nổi tại cửa sông Soài Rạp, quân Concordia 1 đã giăng bẫy, bao vây và đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 5 Nhà Bè của Việt Cộng tại vị trí phía đông nam quận Cần Giuộc. Từ ngày 4 đến 6-7-1967, Giang lực lưu động mở cuộc hành quân tìm diệt, tập kích vào mật khu Bình Xuân ở phía tây bắc tỉnh lỵ Gò Công.

Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 34; quân Việt Cộng bỏ lại trận 478 xác.

188- Mỹ ra điều kiện hòa đàm (20-6-1967)

Ngày 20-6-1967, Bộ Ngoại giao Mỹ đưa ra đề xuất mới, thường được gọi là *Công thức Pennsylvania*, hay *Công thức San Antonio*, theo đó, Mỹ sẽ tạm ngưng ném bom khi hòa đàm bắt đầu, và Bắc Việt phải cam kết sẽ không lợi dụng tình thế đó để gia tăng nỗ lực quân sự ở miền Nam.

Tại Hà Nội, một số cán bộ cao cấp đề nghị nên đáp ứng đề nghị của Mỹ. Nhưng vào tháng 7-1967, Bộ Chính trị và Quân ủy trung ương đã thông qua kế hoạch tổng tấn công Xuân Hè 1968, nên cuối cùng Hà Nội tuyên bố lung tung để đánh lạc hướng dư luận và tung hỏa mù cho đôi phương, trong khi vẫn tích cực chuẩn bị mọi mặt cho trận đánh quyết định.

189- Việt Cộng tăng cường quan hệ công khai với Vương quốc Cambodia (22-6-1967)

Ngày 22-6-1967, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Cambodia ra thông cáo về việc thiết lập cơ quan đại diện thường trực Mặt trận tại Phnom Penh.

190- Chiến dịch Intosh Joyce 7 (tỉnh Phú Yên) (29-6 đến 2-7-1967)

Từ ngày 29-6 đến 2-7-1967, quân đội Mỹ mở chiến dịch Intosh Joyce 7, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phú Yên.

191- Đảng Việt Cộng khẩn cấp thanh trừng thành phần chủ hòa (giữa năm 1967)

Liên tiếp nhiều năm đưa thân nhân tòng quân đi B đi C tổn thất nhân mạng, của cải quá lớn mà triển vọng chiến thắng còn quá xa vời, khiến phần lớn dân chúng miền Bắc hết sức hoang mang. Đảng và Nhà nước nói miền Nam khổ sở dưới ách xâm lược của đế quốc Mỹ thế nào không biết, chứ thực tế miền Bắc rõ ràng dân chúng sống hết sức khổ nhọc, cơ cực và gần như lâm vào tuyệt vọng. Hầu như gia đình nào cũng có người là nạn nhân chiến tranh. Tâm trạng hoang mang và bất mãn càng rõ nét trong một bộ phận quân nhân và viên chức ở Hà Nội và các đô thị, những người thuộc diện dự bị sắp sửa đi B.

Vào lúc này, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đã hoàn thành cuộc thanh lọc nội bộ, thanh trừng những phần tử “*xét lại chống Đảng, chống chủ trương giải phóng miền Nam*”. Tuy nhiên trong nội bộ Việt Cộng, số người thực sự có chủ trương xét lại theo Khrushchev không nhiều và chỉ gồm một vài cán bộ cán bộ trung cấp, sơ cấp, từng theo học ở Liên Xô, trong khi tuyệt đại đa số đảng viên cộng sản đều thần phục Mao và Trung Cộng. Chỉ có điều là trong nội bộ cộng sản Bắc Việt có hai khuynh hướng. Phần lớn muốn chung sống hòa bình với miền Nam và không muốn xảy ra chiến tranh, và chủ yếu là cán bộ, đảng viên cấp thấp và quảng đại nhân dân. Trong khi đó thành phần cán bộ cao cấp lại muốn nghe theo Mao và Trung Cộng phát động chiến tranh giải phóng miền Nam để qua việc hy sinh xương máu dân tộc mà nhận được sự ủng hộ của Trung Cộng và củng cố quyền lực thống trị lâu dài. Vì thế Lê Duẩn và Lê Đức Thọ dựa vào một trong những chánh sách của Khrushchev là chấp nhận chung sống hòa bình giữa các ý thức hệ khác nhau, để quy kết những người không nồng nhiệt ủng hộ chủ trương giải phóng miền Nam là bọn xét lại chống Đảng và phải thanh trừng hết.

Từ đầu năm đến giữa năm 1967, một số cán bộ lãnh đạo công khai bày tỏ hy vọng theo đuổi con đường đàm phán với Mỹ để kết thúc chiến tranh, trong đó cấp cao nhất có thể kể gồm đại tướng Võ Nguyên Giáp, trung tướng Nguyễn Văn Vịnh... Tuy nhiên vào lúc này, Bộ Chính trị và Quân ủy trung ương đã thông qua kế hoạch tổng tấn công Xuân Hè 1968, nên để bảo đảm cho cuộc tấn công thắng lợi, những người này bị bí thư thứ nhất Lê Duẩn nhanh chóng trấn áp. Tướng Giáp do là đại công thần uy tín quá lớn nên vẫn còn trong Bộ Chính trị nhưng bị kiểm điểm và trên thực tế phải bàn giao chức vụ tổng tư lệnh quân đội và bí thư Quân ủy trung ương cho thượng tướng Văn Tiến Dũng nắm giữ. Trung tướng Nguyễn Văn Vịnh – thứ trưởng Bộ Quốc phòng, chủ tịch Ủy ban Thống nhất, bị đình chỉ công tác, cách hết chức tước và giam lỏng, bàn giao Ủy ban Thống nhất cho Đặng Thi làm quyền chủ tịch. Những người chủ hòa khác cũng bị thanh trừng, như thiếu tướng Đặng Kim Giang (thứ trưởng Bộ Nông trường), đại tá Đỗ Đức Kiên (cục trưởng Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu), đại tá Lê Trọng Nghĩa (cục trưởng Cục Quân báo Bộ Tổng tham mưu), đại tá Lê Minh Nghĩa (chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng), trung tá Hoàng Thế Dũng (tổng biên tập Báo Quân đội nhân dân)...

192- Thái độ dân Mỹ với cuộc chiến Việt Nam (nửa cuối 1967)

Cho đến nửa cuối năm 1967, phần lớn dân Mỹ chưa từng bị yêu sách làm điều gì hay đóng góp chút gì để hỗ trợ trực tiếp cho cuộc chiến tranh tại Đông Dương. Đối với hầu hết người Mỹ, cuộc xung đột thật xa xôi với sinh mạng và trải nghiệm sống của họ. Nước Mỹ có 200 triệu dân thì chỉ có 13 triệu thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 26. Trong số này chỉ có hai phần trăm tức 260.000 gia nhập quân đội trong ba năm 1965-67. Trong số người đi quân dịch chỉ có không quá một nửa bị điều sang Việt Nam, ngay cả vào lúc đỉnh cao của các hoạt động quân sự. Trong số người được đưa đến vùng chiến sự, chỉ có hai phần trăm tử trận. Con số tử trận lính Mỹ từ đầu cuộc chiến đến mùa hè 1967 khoảng 13.000 quân trong cả chục năm, lẽ ra quá nhỏ bé so với 200 triệu dân Mỹ, vì từ năm 1961 đến 1967, mỗi năm còn có nhiều người Mỹ hơn thế chết vì té ngã, hai lần nhiều hơn chết vì xơ gan và bốn lần nhiều hơn chết vì tai nạn xe cộ. Tuy nhiên nền báo chí rất tự do ở Mỹ đã rất thành công khi chứng minh rằng con số thương vong binh sĩ có chiều hướng ngày càng tăng nhanh và rất gần để một lúc nào đó chính bản thân gia đình hoặc bạn bè họ sẽ là nạn nhân trong số đó.

Đến giữa năm 1967, chi phí chiến tranh là 20 tỷ đô la hàng năm, buộc tổng thống phải tăng thuế. Đối với đại đa số người Mỹ, chiến tranh không phải là một vấn đề đạo lý mà là một vấn đề thực tế. Tâm lý yêu nước và chống cộng giúp người Mỹ bình thường nào cũng hầu như tuân phục sự lãnh đạo của tổng thống trong vấn đề chiến tranh hay hòa bình. Tuy nhiên, hầu hết người Mỹ đều trở nên chán nản khi cuộc chiến bị kéo dài, người chết ngày càng tăng và ngân sách dành cho nó ngày càng lớn, và họ muốn các nỗ lực quân sự phải đem đến các thắng lợi có thể nhìn thấy tận mắt sờ tận tay. Nhiều người muốn tăng cường ném bom, nhiều người muốn

thương lượng và rút quân, cũng có nhiều người muốn ngừng ngay cuộc chiến. Toàn dân Mỹ cũng vậy, và tất nhiên các nghị sĩ Mỹ – những người có vai trò cực kỳ quan trọng đến chánh sách của tổng thống và cả nước Mỹ cũng có những khuynh hướng như thế. Và cứ chiến tranh càng kéo dài, số thương vong càng lớn, càng hao tài tốn của thì số người chống lại chiến tranh ngày mỗi thêm đông, cho đến một lúc nào đó họ chiếm tỷ lệ vượt trội trong Quốc hội và chánh trường Mỹ thì xem như số phận cuộc chiến đã được ngã ngũ an bài.

Trong chánh trường Mỹ, có rất nhiều người như thế, lúc đầu ủng hộ chiến tranh chống cộng tại Đông Dương, nhưng sau đó vì nhiều lý do đã thay hẳn lập trường để chuyển sang phản chiến: thượng nghị sĩ (TNS) Motel (chủ tịch Đảng Cộng hòa), John Kerry, John McCain... hạ nghị sĩ (HNS) Pohn Fildley, Clause Pepper, Al Unman, Oh Neul... Giới truyền thông cũng có rất nhiều tờ báo lớn nổi tiếng chống chiến tranh, như Times Dispass, Plan Dealer, Times Los Angeles, Life...

193- Một số tình hình trong tháng 7-1967

Tháng 7-1967, đại tướng Westmoreland đề nghị bổ sung thêm 200.000 quân đợt đầu trong số 475.000 quân tăng thêm sang Việt Nam theo kế hoạch được duyệt, để nâng quân số binh sĩ Mỹ tại Việt Nam lên 675.000 người. Tuy nhiên, tổng thống Johnson chỉ đồng ý đưa sang đợt đầu 45.000 quân.

Ngày 29-7, xảy ra một vụ cháy do thùng bình nhiên liệu trên tàu USS Forestall đang hoạt động ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ, làm chết 134 binh sĩ Mỹ. Người Mỹ coi đây là một trong những tai nạn hàng hải tồi tệ nhất kể từ Đệ nhị thế chiến.

Trong tháng 7-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm: Tiểu đoàn 7/15 pháo binh (1-7, đóng ở Phù Cát); Phi đoàn 164 trực thăng thủy quân lục chiến (13-7, đóng ở Kỳ Hà); Liên đội 31 an ninh cảnh sát (15-7, đóng ở Tuy Hòa); Tiểu đoàn 1/13 TQLC (23-7, đóng ở Khe Sanh); Pháo đội 5 đại bác 155 ly (23-7, đóng ở Đà Nẵng).v.v...

Các đơn vị Mỹ di chuyển vị trí đóng quân trong tháng 7 gồm: Trụ sở Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam (MACV) chuyển vào không cứ Tân Sơn Nhứt (29-7); Sở chỉ huy Sư đoàn 1 kỵ binh chuyển tới Bồng Sơn; Tiểu đoàn 19 công binh chiến đấu chuyển tới Bồng Sơn; Phi đoàn 265 trực thăng TQLC chuyển sang Chiến đoàn đổ bộ (12-7)...

194- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 7-1967)

Đài Tiếng nói Việt Nam (Hà Nội) loan tin trong tháng 7-1967, Không quân Mỹ tiếp tục cho máy bay ném bom nhiều vị trí quân sự và giao thông chiến lược ở miền Bắc Việt Nam và có nhiều chiếc máy bay bị lực lượng phòng không miền Bắc bắn rơi.

Ngày 11-7, Bắc Việt tuyên bố lực lượng phòng không tại tỉnh Nam Hà bắn rơi chiếc máy bay thứ 2.100 rơi trên miền Bắc. Các số liệu của Bắc Việt bị tài liệu của Mỹ bác bỏ và cho rằng chỉ nhằm mục đích tuyên truyền sai sự thật.

195- Chiến dịch Muscle Shoals (tỉnh Quảng Trị) (1 đến 31-7-1967)

Từ ngày 1 đến 31-7-1967, Không lực 7 Mỹ mở chiến dịch Muscle Shoals, huy động các phi vụ không quân không yểm cho Kế hoạch do thám và phòng thủ SPOS tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.

196- Giao tranh ở tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên (2 đến 6-7-1967)

Từ đêm 2 đến 6-7-1967, cộng quân Quân khu Trị Thiên liên tiếp mở 8 trận đánh lớn vào vùng Gio An đang do lực lượng thủy quân lục chiến Mỹ trấn giữ. Kết quả quân Mỹ chết 125, bị thương 233, thiệt hại 16 xe tăng. Cộng quân bỏ lại trận 1.010 xác và 1.402 thương binh; bị bắt và ra hàng 60.

Khuya 3-7-1967, Tiểu đoàn bộ binh 6 cộng quân Quân khu Trị Thiên đánh chiếm khu vực đèo Phú Gia trên quốc lộ 1A, đoạn cầu Thê Sơn, ấp Luân Lý, quận Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên, nhằm cắt đứt tuyến vận chuyển đường bộ Huế – Đà Nẵng của Việt Nam Cộng Hòa. Đến trưa thì cộng quân phục kích tấn công một đoàn xe 14 chiếc của Quân lực VNCH chạy ngang làm chết 33, bị thương 45 binh sĩ, thiệt hại cả đoàn xe. Đến chiều, máy bay chở viện quân từ Đà Nẵng đến mới đẩy lui được cộng quân về rừng núi. Cộng quân bỏ lại trận 21 xác và 38 thương binh.

197- Các chiến dịch Dragon Head 1, 2, 3, 4 (tỉnh Quảng Ngãi) (3 đến 31-7-1967)

Trong tháng 7-1967, Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến (Thanh Long) Hàn Quốc mở liên tiếp bốn chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: chiến dịch Dragon Head từ ngày 3 đến 9-7; chiến dịch

Dragon Head 2 từ ngày 14 đến 17-7; chiến dịch Dragon Head 3 từ ngày 17 đến 26-7; chiến dịch Dragon Head 4 từ ngày 27 đến 31-7.

198- Các chiến dịch Concordia 2, Riley (tỉnh Biên Hòa, Long An) (3-7-1967 đến 7-4-1968)

Từ ngày 3-7-1967 đến 7-4-1968, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ và Trung đoàn tình nguyện hoàng gia Thái Lan mở chiến dịch Riley, liên tục hành quân tuần tra bảo vệ an ninh khu vực ngoại vi căn cứ Bearcat và quận Long Thành, thuộc tỉnh Biên Hòa.

Từ ngày 10 đến 14-7-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn 3/47, 4/47, 3/60 thực hiện pha 2 chiến dịch Concordia, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Long An.

199- Các chiến dịch Beacon Guide, Bear Chain, Bear Claw, Beaver Track, Buffalo, Freemont, Hickory 2, Kingfisher (tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên) (4-7 đến 31-10-1967)

Trong tháng 7-1967, Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ huy động các trung đoàn bản bộ, mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên.

Từ ngày 4 đến 16-7, Sư đoàn 3 mở chiến dịch Buffalo, tìm diệt cộng quân tại khu phi quân sự, phía bắc tỉnh Quảng Trị. Xuất phát từ Cồn Tiên, hai tiểu đoàn 1/9 và 3/9 lùng sục về phía bắc tới bờ sông Bến Hải là nơi theo tin thám báo đang có Trung đoàn 90 Bắc Việt vừa xâm nhập. Cả hai chiến đoàn đổ bộ của TQLC Mỹ cũng cùng lúc tham chiến tại địa bàn, trong đó Chiến đoàn Alpha chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 mở chiến dịch Bear Claw, Chiến đoàn Bravo chỉ huy Tiểu đoàn 2/3 mở chiến dịch Beaver Track.

Tính riêng trong chiến dịch Bear Claw, quân Mỹ chết 29; cộng quân bỏ lại trận 424 xác. Tính chung cả ba chiến dịch nói trên, quân Mỹ chết 125; cộng quân bỏ lại trận 1.281 xác.

Từ ngày 10-7 đến 31-10, Trung đoàn 4/Sư đoàn 3 TQLC Mỹ chỉ huy 5 tiểu đoàn 1/3, 2/3, 1/4, 3/4, 1/9, mở chiến dịch Freemont, tìm diệt cộng quân tại hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên. Quân Mỹ xuất phát từ căn cứ Evans đã hành quân kiểm soát các trục đường phía tây thành phố Huế và Phú Bài, phía nam quốc lộ 1 từ sông Bồ tới sông Ô Lâu, các khu vực Cổ Bi, Thanh Tân thuộc quận Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Từ ngày 14 đến 16-7, Chiến đoàn đổ bộ Alpha chỉ huy hai tiểu đoàn TQLC 1/3, 1/4 và Tiểu đoàn 1 máy bay đổ bộ mở chiến dịch Hickory 2, tìm diệt cộng quân tại khu phi quân sự, phía tây bắc tỉnh Quảng Trị.

Từ ngày 16-7 đến 31-10, Sư đoàn 3 TQLC Mỹ chỉ huy 7 tiểu đoàn 3/3, 1/4, 2/4, 3/4, 1/9, 2/9, 3/9, mở chiến dịch Kingfisher, tại phía nam khu phi quân sự thuộc tỉnh Quảng Trị. Mục tiêu chiến dịch là ngăn chặn cộng quân Bắc Việt vượt qua khu phi quân sự xâm nhập xuống phía nam, từ Cồn Tiên ra tới bờ biển. Tính trong chiến dịch Kingfisher, quân Mỹ chết 955; cộng quân bỏ lại trận 1.117 xác.

Trong hai ngày 20 và 21-7, Chiến đoàn đổ bộ Bravo chỉ huy Tiểu đoàn 2/3 TQLC mở chiến dịch Bear Chain, tìm diệt cộng quân dọc theo bờ biển từ Quảng Trị tới Huế, và cũng để hỗ trợ cho chiến dịch Fremont.

Từ ngày 21 đến 30-7, Chiến đoàn đổ bộ Alpha chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 TQLC mở chiến dịch Beacon Guide, hành quân truy quét cộng quân và khai thông khu vực từ Phú Bài tới Phú Lộc dọc theo bờ biển tỉnh Thừa Thiên.

200- Các chiến dịch Emporia 1, Lion (tỉnh Long Khánh) (5-7 đến 3-8-1967)

Từ ngày 5 đến 9-7-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ mở chiến dịch Lion, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Long Khánh.

Từ ngày 21-7 đến 3-8, Trung đoàn 11 Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/11, 3/11, phối hợp với Tiểu đoàn 52 biệt động quân Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Emporia 1, phát quang và dọn sạch mặt bằng khu vực dọc theo quốc lộ 20 từ Định Quán tới Túc Trưng thuộc tỉnh Long Khánh.

201- Chiến dịch Paddington (tỉnh Phước Tuy) (6 đến 14-7-1967)

Từ ngày 6 đến 14-7-1967, quân đồng minh Việt – Mỹ – Úc phối hợp mở chiến dịch Paddington, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phước Tuy. Quân Mỹ tham chiến gồm 3 tiểu đoàn bộ binh 2/39, 4/39, 2/47 và Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh của Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9; Tiểu đoàn 1/11 của Trung đoàn 11 thiết kỵ. Quân Úc gồm Chiến đoàn 1. Quân Việt Nam Cộng Hòa gồm 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến của Chiến đoàn Bravo. Quân đồng minh đã hành quân lùng sục kỹ tuyến quốc lộ 2 từ Núi Đất đến Long Giao.

202- Chiến dịch Lake (tỉnh Quảng Ngãi) (6 đến 12-7-1967)

Từ ngày 6 đến 12-7-1967, Sư đoàn 101 không vận Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/327 và Đại đội A/2/17 mở chiến dịch Lake, tìm diệt quân Việt Cộng tại thung lũng Sông Vệ, tỉnh Quảng Ngãi.

203- Các chiến dịch Lam Sơn 79, 82, 83, 87 (tỉnh Quảng Trị-Thừa Thiên) (7 đến 27-7-1967)

Trong tháng 7-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở liên tiếp các chiến dịch Lam Sơn, tìm diệt quân Việt Cộng.

- mở chiến dịch Lam Sơn 79 từ ngày 7 đến 9-7 tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- mở chiến dịch Lam Sơn XDNT/82 trong hai ngày 11 và 12-7-1967 tại tỉnh Quảng Trị.
- mở chiến dịch Lam Sơn 83 từ ngày 13 đến 16-7 tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- mở chiến dịch Lam Sơn 87 từ ngày 20 đến 24-7 tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên.
- mở chiến dịch Lam Sơn 91 từ ngày 24 đến 27-7 tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên.v.v...

204- Bắc Việt thông qua kế hoạch tổng tấn công Mậu Thân (7-7-1967)

Ngày 7-7-1967, Bộ Chính trị Việt Cộng thông qua kế hoạch tổng tấn công chiến lược toàn miền Nam. Kế hoạch này dự kiến chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn đầu, dự kiến vào cuối năm 1967, sẽ tấn công phủ đầu các cứ điểm ở những vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, để dẫn dụ, thu hút quân đồng minh kéo về đó giải vây, để trống các thành phố, thị xã, tỉnh lỵ. Giai đoạn 2, dự kiến đúng vào dịp Tết Mậu Thân 1968, sẽ là một cuộc tấn công tổng lực, đánh chiếm các đô thị, phát động một ‘cuộc tổng nổi dậy’ của quần chúng lật đổ Chính phủ Nam Việt Nam. Giai đoạn thứ ba, đưa cán bộ và quân dự bị còn ở Bắc Việt tràn vào miền Nam thành lập hệ thống chánh quyền.

205- Chiến dịch Hong Kil Dong 1 và 2 (tỉnh Phú Yên) (8-7 đến 28-8-1967)

Từ ngày 8-7 đến 11-8-1967, Sư đoàn Mãnh Hổ (Capital) và Sư đoàn 9 (Bạch Mã) Hàn Quốc bắt đầu pha 1 chiến dịch Hong Kil Dong, tìm diệt quân Việt Cộng tại tỉnh Phú Yên. Sư đoàn Mãnh Hổ cho 4 tiểu đoàn bộ binh xuất phát từ Đồng Tré, trong khi Trung đoàn 28/ Sư đoàn 9 hành quân từ Củng Sơn. Hai cánh quân Hàn cùng tấn công lên khu vực đồi núi gọi là The Hub, là nơi Trung đoàn 95 Bắc Việt đang ẩn náu. Chỉ tính từ ngày 9 đến 31-7 trong cuộc hành quân này, quân Hàn chết 27; quân cộng bỏ lại trận 408 xác.

Cùng lúc đó, hai tiểu đoàn của Trung đoàn 47/Sư đoàn 22 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa cũng lập một chốt chặn dọc theo bờ biển để tiêu diệt tàn quân Việt Cộng bị đánh dạt ra, đồng thời liên tục hành quân tuần tra khu vực duyên hải Vùng 2 chiến thuật dọc suốt 350 cây số của quốc lộ 1 và quốc lộ 19, nhằm bảo vệ an ninh cho đợt bầu cử trong khu vực.

Pha 2 chiến dịch Hong Kil Dong diễn ra từ ngày 12 đến 26-8-1967. Trong khi Trung đoàn 28/9 lũng sục kỹ khu vực xung quanh trại biệt kích (CIDG) Củng Sơn, thì Sư đoàn Mãnh Hổ tràn vào thung lũng Sông Kỳ Lô là nơi Sư đoàn 5 Bắc Việt đang ẩn náu, và truy quét theo nhiều ngã từ Đồng Tré tới ranh giới tỉnh Phú Bổn.

Tính đến ngày kết thúc chiến dịch 28-8-1967, quân cộng bỏ lại trận 638 xác; quân Hàn chết 27. Thêm vào đó, quân Hàn thu được 359 súng cá nhân và 98 súng cộng đồng.

206- Các chiến dịch March 1, Samurai (tỉnh Kontum, Thừa Thiên và Quảng Nam) (8-7 đến 30-10-1967)

Từ ngày 8-7 đến 30-10-1967, Biệt đội Project Omega Mỹ mở chiến dịch March 1, tiến hành do thám tại thung lũng Plei Trap, tỉnh Kontum.

Từ ngày 10-7 đến 30-10-1967, Biệt đội Project Delta Mỹ mở chiến dịch Samurai, hoạt động thám báo tại thung lũng A Sầu (tỉnh Thừa Thiên) và thung lũng Happy (tỉnh Quảng Nam).

207- Chiến dịch Akumu/Xây Dựng 12-1 (tỉnh Bình Dương) (8-7 đến 24-8-1967)

Từ ngày 8-7 đến 24-8-1967, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Akumu, tìm diệt quân Việt Cộng và giành lại quyền kiểm soát khu vực Phú Hòa Đông tại địa bàn tỉnh Bình Dương, mà trong một thời gian dài nằm trong tay cộng quân. Cùng lúc đó, Trung đoàn 7/Sư đoàn 5 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa cũng mở chiến dịch Xây Dựng 12-1 để thực hiện chương trình bình định nông thôn tại địa bàn.

208- Chiến dịch Quyết Thắng 96/G (tỉnh Quảng Ngãi) (9 đến 11-7-1967)

Từ ngày 9 đến 11-7-1967, Sư đoàn 2 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Quyết Thắng 96/G, tìm diệt quân Việt Cộng và tuần tra bảo vệ an ninh tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

209- Chiến dịch An Dân 85 (tỉnh Long An) (10 đến 14-7-1967)

Từ ngày 10 đến 14-7-1967, Sư đoàn 25 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch An Dân 85, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Long An.

210- Các chiến dịch Elliot, Gem, Pecos, Stockton (tỉnh Quảng Nam) (12 đến 29-7-1967)

Trong tháng 7-1967, Trung đoàn 7/Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ mở liên tiếp ba chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

– chỉ huy Tiểu đoàn 3/7 mở chiến dịch Gem từ 12 đến 15-7, lập chốt chặn tìm diệt cộng quân.

– chỉ huy hai tiểu đoàn 2/7, 3/11 mở chiến dịch Pecos từ 20 đến 27-7, tại thung lũng Happy.

– chỉ huy Tiểu đoàn 1/7 mở chiến dịch Stockton từ ngày 27 đến 29-7, cũng tại thung lũng Happy.

Từ ngày 13 đến 31-7, Sư đoàn 1 TQLC Mỹ mở chiến dịch Elliot, tìm diệt cộng quân tại tỉnh Quảng Nam.

211- Chiến dịch Bình Quảng 6/2 (tỉnh Quảng Nam) (14 đến 17-7-1967)

Khuya 13 rạng sáng 14-7-1967, một tiểu đoàn đặc công thuộc Quân khu 5 cộng quân bất ngờ tập kích vào trại giam Hội An, giải thoát 1.200 tù nhân, trong đó có 750 tù binh Việt Cộng. Quân Việt Nam Cộng Hòa canh giữ trại chết 41, bị thương 37. Cộng quân bỏ lại trận 65 xác và 102 thương binh; bị bắt và ra hàng 33.

Từ ngày 14 đến 17-7-1967, Bộ tư lệnh Biệt khu Quảng Đà chỉ huy Trung đoàn 51 bộ binh mở chiến dịch Bình Quảng 6/2, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

212- Hoạt động của Việt Cộng ở miền Nam (tháng 7-1967)

Ngày 1-7-1967, đại tướng Nguyễn Chí Thanh, ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Quân ủy trung ương, bí thư Trung ương cục miền Nam, bị trúng bom chết tại chiến trường Tây Nguyên. Ngày 6-7-1967 tại Hà Nội, cái chết của tướng Thanh được chánh thức công bố và làm lễ tang với nguyên nhân là chết do bệnh tim.

Ngày 15-7, Đại hội bất thường của Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam thông qua *Cương lĩnh chính trị xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình và trung lập*. Bản cương lĩnh chính trị này ghi rõ: *Kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam hiện nay là đế quốc Mỹ xâm lược và nguy quyền tay sai bán nước*. Bản cương lĩnh nêu ra nhiệm vụ trước mắt và mục tiêu đấu tranh là: *Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh đổ nguy quyền tay sai của chúng, thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ rộng rãi, xây dựng miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc*.

Bản cương lĩnh còn đề ra 14 chính sách lớn thể hiện đầy đủ và triệt để những nhiệm vụ lịch sử của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, là:

1- Thực hiện một chế độ dân chủ rộng rãi và tiến bộ.

2- Xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ; cải thiện dân sinh.

3- Thi hành chính sách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu Người cày có ruộng.

4- Xây dựng văn hóa, giáo dục dân tộc và dân chủ; phát triển khoa học và kỹ thuật; phát triển y tế.

5- Bảo đảm quyền lợi và chăm lo đời sống của công nhân, lao động và viên chức.

6- Xây dựng lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam hùng mạnh để giải phóng nhân dân, bảo vệ Tổ quốc.

7- Biết ơn các liệt sĩ, chăm sóc thương binh, khen thưởng các chiến sĩ và đồng bào có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

8- Tổ chức cứu tế xã hội.

9- Thực hiện nam nữ bình đẳng; bảo vệ người mẹ và trẻ em.

10- Tăng cường đoàn kết các dân tộc; thực hiện bình đẳng và tương trợ giữa các dân tộc.

11- Tôn trọng tự do tín ngưỡng, thực hiện đoàn kết và bình đẳng giữa các tôn giáo.

12- Hoan nghênh sĩ quan, binh lính nguy quân và nhân viên, công chức nguy quyền trở về với chính nghĩa; khoan hồng và đối xử nhân đạo với hàng binh và tù binh.

13- Bảo hộ quyền lợi của kiều bào ở nước ngoài.

14- Bảo hộ quyền lợi chính đáng của ngoại kiều ở miền Nam Việt Nam.

Bình luận phối hợp sự kiện này, ngày 2-9-1967, báo Nhân dân, cơ quan trung ương của Đảng Việt Cộng ở Hà Nội ra xã luận: *Bản cương lĩnh thể hiện mạnh mẽ ý chí quyết chiến, quyết thắng của đồng bào miền Nam, thể hiện mạnh mẽ tình đoàn kết ruột thịt Bắc Nam và ý chí thống nhất Tổ quốc. Bản cương lĩnh cũng thể hiện mạnh mẽ tinh thần sáng tạo tài tình của Mặt trận, tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng và tập trung trí tuệ của đồng bào miền Nam và đồng bào cả nước ta, kết hợp sự vững vàng về nguyên tắc với sự linh hoạt về sách lược, đề ra những chủ trương, chính sách sáng suốt, kịp thời...*

Ngày 28-7, Đoàn chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam ra lời kêu gọi: *Nhân dân miền Nam hãy kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn của Mỹ nguy trong trò bịp bợm cử tổng thống và nghị viện*.

Ngày 30-7, Hội nghị đại biểu lần thứ hai của Mặt trận Liên minh dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam thông qua chương trình chính trị.

213- Các chiến dịch Goethals, Winfield Scott (Vùng 2 chiến thuật) (15 và 30-7-1967)

Trong ngày 15-7-1967, Lực lượng xung kích cơ động MIKE Mỹ mở chiến dịch Goethals, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn Vùng 2 chiến thuật.

Trong ngày 30-7-1967, Lực lượng 5 xung kích cơ động MIKE Mỹ mở chiến dịch Winfield Scott, tìm diệt cộng quân tại địa bàn Vùng 2 chiến thuật.

214- Các chiến dịch Intosh Joyce 9, 10 và 11 (tỉnh Long Khánh) (17 đến 31-7-1967)

Từ ngày 17 đến 31-7-1967, quân Mỹ mở liên tiếp ba chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Long Khánh: mở chiến dịch Intosh Joyce 9 trong hai ngày 17 và 18-7; mở chiến dịch Intosh Joyce 10 trong hai ngày 26 và 27-7; mở chiến dịch Intosh Joyce 11 từ ngày 28 đến 31-7.

215- Chiến dịch Ardmore (tỉnh Quảng Trị) (17-7 đến 31-10-1967)

Đầu tháng 7-1967, thám báo Mỹ phát hiện dấu hiệu rõ ràng có vài sư đoàn Bắc Việt đã vượt qua giới tuyến xâm nhập tấn công miền Nam. Từ ngày 17-7 đến 31-10, Trung đoàn 26/Sư đoàn 5 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy ba tiểu đoàn 1/13, 1/26, 3/26 mở chiến dịch Ardmore, để tiếp nối chiến dịch Crockett sẵn sàng công cuộc phòng thủ căn cứ Khe Sanh, đặc biệt là các khu vực xung quanh các ngọn đồi 861 và 881. Trong ba tháng rưỡi của chiến dịch, đôi bên đã chạm trán hàng chục lần. Quân Mỹ chết 10, bị thương 44. Cộng quân bỏ lại trận 113 xác và 225 thương binh.

216- Các chiến dịch Coronado 2, Sóng Thần 3, Tiger Concordia 6, Tiger Concordia 8, Tiger Coronado 5 (tỉnh Định Tường) (17-7 đến 3-8-1967)

Trong tháng 7-1967, Lực lượng Giang thuyền lưu động với nòng cốt là Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ, đã mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường.

Giang lực lưu động chỉ huy Tiểu đoàn 3/47 bộ binh mở liên tiếp hai chiến dịch. Trong ngày 17-7 mở chiến dịch Tiger Concordia 6. Trong hai ngày 24 và 25-7, mở chiến dịch Tiger Concordia 8.

Từ ngày 27-7 đến 3-8, Giang lực lưu động chỉ huy hai tiểu đoàn 3/47, 4/47, phối hợp với Tiểu đoàn 5/60 bộ binh của Lữ đoàn 3/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ và Tiểu đoàn 44 biệt động quân Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Coronado 2, phía Việt Nam gọi là cuộc hành quân Sóng Thần 3, tìm diệt cộng quân tại Khu 20/7 (tức mật khu Cẩm Sơn) thuộc tỉnh Định Tường. Đây là một mật khu bị Việt Cộng kiểm soát trong suốt một thời gian dài. Ngoài ra, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ đưa hai tiểu đoàn 4/9, 2/14 làm lực lượng trừ bị. Chiến đoàn Alpha thủy quân lục chiến VNCH cũng đưa hai tiểu đoàn 3, 4 làm lực lượng trừ bị sẵn sàng tăng cường cho chiến dịch.

Từ ngày 28-7 đến 1-8, Giang lực lưu động chỉ huy Tiểu đoàn 3/47, mở chiến dịch Tiger Coronado 5, tìm diệt quân Việt Cộng tại tỉnh Định Tường.

217- Chiến dịch Paul Bunyal (Vùng 2 chiến thuật) (19-7 đến 13-8-1967)

Từ ngày 19-7 đến 13-8-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Paul Bunyal, sử dụng các máy cày Rome để phát quang và dọn sạch mặt bằng tại một số nơi thuộc Vùng 2 chiến thuật.

218- Chiến dịch Cửu Long 64/SD (tỉnh Định Tường) (25-7 đến 4-8-1967)

Từ ngày 25-7 đến 4-8-1967, Sư đoàn 7 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa, có tàu chiến, máy bay, xe tăng thiết giáp yểm trợ, đã mở chiến dịch Cửu Long 64/SD, hành quân tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường và tuần tra bảo vệ quốc lộ 4 và sông Tiền. Đôi bên đã đụng độ và giao tranh 21 trận lớn nhỏ. Kết quả quân Mỹ chết 5, bị thương 61; quân VNCH chết 174, bị thương 337; thiệt hại 6 tàu chiến, 12 trực thăng. Cộng quân bỏ lại trận 556 xác và 930 thương binh; bị bắt và ra hàng 83.

219- Chiến dịch Sóng Thần 14 (tỉnh Bình Định) (27-7 đến 6-11-1967)

Ngày 20-7-1967, Chiến đoàn Bravo thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa thay thế Chiến đoàn Alpha hoạt động ở tỉnh Bình Định và bắt đầu mở chiến dịch Sóng Thần 14 từ ngày 27-7 đến 6-11, tìm diệt quân Việt Cộng và hỗ trợ cho chiến dịch Pershing.

220- Chiến dịch Sóng Thần 63 (tỉnh Định Tường) (30-7 đến 3-8-1967)

Từ ngày 30-7 đến 3-8-1967, Chiến đoàn Alpha thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa chỉ huy hai tiểu đoàn 3 và 4 mở chiến dịch Sóng Thần 63, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường.

221- Chiến dịch Dân Quyền 822 (tỉnh Bình Định) (31-7 đến 3-11-1967)

Từ ngày 31-7 đến 3-11-1967, Sư đoàn 22 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Dân Quyền 822, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Định.

222- Cuộc bãi công ở các đồn điền cao su (31-7-1967)

Ngày 31-7-1967, cộng quân nắm vùng tổ chức 4.000 công nhân các đồn điền cao su miền Nam đồng loạt bãi công toàn diện trong 24 giờ đòi giới chủ tăng lương. Đây là một trong những biện pháp nhằm kiểm tra và thăm dò phản ứng đối phó của chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa tại khu vực này nhằm góp phần chuẩn bị cho cuộc tổng tấn công Mùa xuân Mậu thân 1968.

223- Mặt trận B2 (sau tháng 7-1967)

Mặt trận B2 cộng quân có các đơn vị chủ lực là ba sư đoàn bộ binh 5, 7, 9, cùng với 19 trung đoàn bộ binh độc lập, Lữ đoàn thiết giáp 26, Sư đoàn pháo binh 69, một số trung đoàn pháo binh, và một số tiểu đoàn bộ đội địa phương, chủ yếu hoạt động ở chiến trường chánh là miền Đông Nam Bộ và đặc khu Sài Gòn Gia Định. Tại miền Đông, Mặt trận B2 có các chiến khu C, Đ (khu Mã Đà ở bắc Biên Hòa), và các mật khu Long Nguyên, Tam Giác Sắt, Củ Chi, Hồ Bò, Hắc Dịch, Xuyên Mộc... nhưng căn cứ chánh yếu và lớn nhất vẫn là khu căn cứ Mỏ Vẹt trong tỉnh Svay Rieng và mật khu Mimot – Lưỡi Câu thuộc tỉnh Kompong Cham nằm cách biên giới phía bắc tỉnh Tây Ninh 7 cây số.

Sau khi đại tướng Nguyễn Chí Thanh trúng bom chết tháng 7-1967, Bộ Chính trị Đảng Việt Cộng cử uỷ viên Bộ Chính trị, phó thủ tướng Phạm Hùng vào miền Nam thay làm bí thư Trung ương cục miền Nam kiêm chính uỷ Mặt trận B2. Phụ tá cho Phạm Hùng gồm có: Nguyễn Văn Linh làm phó bí thư Trung ương cục kiêm bí thư Thành uỷ Sài Gòn Gia Định; trung tướng Hoàng Văn Thái – tổng tham mưu phó kiêm phó bí thư Quân uỷ miền kiêm tư lệnh Mặt trận B2; trung tướng Trần Văn Trà làm phó tư lệnh Mặt trận B2 kiêm tư lệnh Quân giải phóng miền Nam; thiếu tướng Lê Trọng Tấn làm phó tư lệnh Mặt trận B2.

224- Một số tình hình trong tháng 8-1967

Ngày 9-8-1967, Ủy ban Quân vụ Thượng viện Mỹ bắt đầu các phiên điều trần kín liên quan đến ảnh hưởng của các cố vấn dân sự trong kế hoạch quân sự. Tại phiên điều trần, bộ trưởng Quốc phòng McNamara đã chứng minh rằng các chiến dịch ném bom rộng lớn và tốn kém của Mỹ ở Việt Nam là để đánh bại sự can thiệp của Bắc Việt ở miền Nam và hầu như không có ‘chuyện hủy diệt Bắc Việt và cư dân ở đây trong thực tế’ qua cuộc ném bom liên tục.

Ngày 18-8, thống đốc bang California là Ronald Reagan cho rằng người Mỹ nên rút khỏi Việt Nam, bởi vì khó mà thắng được một cuộc chiến khi ‘có quá nhiều ràng buộc hạn chế được đặt ra khi xác định các mục tiêu ném bom’ (too many qualified targets have been put off limits to bombing).

Trong tháng 8-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm: Biệt đội B-36 Project Rapid Fire (1-8, đóng ở Long Hải); Phi đoàn 13 ném bom (1-8, đóng ở Phan Rang); Sở chỉ huy Lữ đoàn 20 công binh (3-8, đóng ở Biên Hòa); Đại đội 190 không yểm (12-8, đóng ở Biên Hòa); Đại đội 242 không yểm (12-8, đóng ở Củ Chi); Tiểu đoàn 8/4 pháo binh (13-8, đóng ở Đông Hà); Phi đoàn 323 tiêm kích tấn công TQLC (15-8, đóng ở Chu Lai); Phi đoàn 265 trực thăng TQLC (23-8, đóng ở Ngũ Hành Sơn); Tiểu đoàn 1/1 kỵ binh (từ Sư đoàn 1 thiết giáp, 29-8, đóng ở Chu Lai); Tiểu đoàn 2/1 kỵ binh (từ Sư đoàn 2 thiết giáp, 29-8, đóng ở Pleiku). Các đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm: Phi đoàn 8 ném bom (2-8); Phi đoàn 314 tiêm kích tấn công TQLC (16-8); Phi đoàn 232 tiêm kích TQLC (31-8).

Một số đơn vị Mỹ di chuyển vị trí đóng quân trong tháng 8 gồm: Sở chỉ huy Lữ đoàn 3/Sư đoàn 25 bộ binh chuyển tới Tây Ninh Tây; Tiểu đoàn 3/4 kỵ binh chuyển tới Củ Chi (1-8); Tiểu đoàn 1/10 kỵ binh chuyển tới Đức Phổ (1-8); các tiểu đoàn bộ binh 2/12, 2/22, 3/22 chuyển tới Tây Ninh; Phi đoàn 262 trực thăng TQLC chuyển sang Chiến đoàn đồ bộ (23-8). Ngày 1-8-1967, sở chỉ huy Lữ đoàn 3 bộ binh, Tiểu đoàn 1/69 thiết giáp, ba tiểu đoàn 1/14, 1/35, 2/35 bộ binh, Tiểu đoàn 2/9 pháo binh chuyển từ Sư đoàn 25 bộ binh sang Sư đoàn 4 bộ binh. Ngược lại, Lữ đoàn 3 bộ binh, Tiểu đoàn 2/34 thiết giáp, ba tiểu đoàn 2/12, 2/22, 3/22 bộ binh, Tiểu đoàn 2/77 pháo binh của Sư đoàn 4 bộ binh cũng chuyển sang Sư đoàn 25 bộ binh.

225- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 8-1967)

Trong tháng 8-1967, Không quân Mỹ trở lại oanh kích Hà Nội và rải thủy lôi phong tỏa cảng Hải Phòng. Ngày 4-8, Không quân Mỹ thực hiện 197 phi vụ trên bầu trời Bắc Việt.

Ngày 8-8, tổng thống Johnson đưa ra thêm 16 mục tiêu ném bom mà Bộ tham mưu Liên quân đề nghị, trong đó một số mục tiêu nằm trong vùng trước đây cấm ném bom.

Ngày 9-8, máy bay Mỹ ném bom các tuyến đường sắt vận chuyển hàng quân sự cách biên giới Việt-Trung 16 cây số, và oanh kích các mục tiêu mới ở Hà Nội, Hải Phòng, nhưng trừ cảng Hải Phòng vì không muốn bom trúng vào các tàu Liên Xô.

Ngày 12-8, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi 13 máy bay Mỹ, trong đó riêng ở Hà Nội có 7 chiếc.

Ngày 21-8, lực lượng phòng không Trung Cộng tuyên bố bắn rơi hai máy bay ném bom của Mỹ được cho là vô tình bay lạc sang lãnh thổ Trung Cộng trong các cuộc không kích Bắc Việt dọc biên giới Việt-Trung.

Cũng trong ngày 21-8, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi 13 máy bay, trong đó riêng ở Hà Nội bắn rơi 5 chiếc, có chiếc thứ 2.200 rơi trên miền Bắc.

Cũng trong ngày 21-8, lần đầu tiên bộ đội hóa học Bắc Việt cho đốt hàng loạt vỏ xe ô tô cũ để tỏa khói mù nguy trang một số căn cứ và địa điểm nhằm đánh lạc hướng cuộc oanh kích của không quân Mỹ.

Ngày 23-8, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi 10 máy bay, trong đó riêng tại Hà Nội bắn rơi 8 chiếc.

Ngày 31-8, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi 13 máy bay, trong đó riêng Hải Phòng bắn rơi 5 chiếc.

226- Các chiến dịch Belt Drive, Kangaroo Kick, Rush (tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên) (1-8 đến 5-9-1967)

Trong tháng 8-1967, các trung đoàn của Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ đã phối hợp với Lực lượng đổ bộ mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt cộng quân tại hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên.

Từ ngày 1 đến 3-8, Chiến đoàn đổ bộ Bravo Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/3 TQLC mở chiến dịch Kangaroo Kick, tìm diệt quân Việt Cộng dọc theo sông Ô Lâu và khu vực Street Without Joy, thuộc tỉnh Thừa Thiên, ở khoảng giữa hai tỉnh lỵ Huế và Quảng Trị.

Từ ngày 5 đến 9-8, Sư đoàn 3 TQLC chỉ huy các tiểu đoàn 2/4, 4/12, 2/26 mở chiến dịch Rush, tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên.

Từ ngày 25-8 đến 5-9, Chiến đoàn đổ bộ Bravo chỉ huy Tiểu đoàn 2/3 TQLC mở chiến dịch Belt Drive, tìm diệt cộng quân dọc theo sông Nhưng, cách phía nam tỉnh lỵ Quảng Trị 9 cây số.

227- Các chiến dịch Beacon Gate, Cochise, Liên Kết 112, Pike, Yazoo (tỉnh Quảng Nam) (1-8 đến 5-9-1967)

Trong tháng 8-1967, các trung đoàn của Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ đã phối hợp với Lực lượng đổ bộ Mỹ và Sư đoàn 2 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 1 đến 3-8-1967, Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 TQLC chỉ huy ba tiểu đoàn 1/1, 2/5, 3/5 mở chiến dịch Pike, tìm diệt cộng quân tại ngoại vi tỉnh lỵ Hội An, phía bắc thung lũng Quế Sơn.

Từ ngày 7 đến 11-8, Chiến đoàn đổ bộ Alpha Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 TQLC mở chiến dịch Beacon Gate, đổ bộ quân lên khu vực bờ biển đông nam tỉnh lỵ Hội An, giáp ranh với tỉnh Quảng Tín.

Từ ngày 11 đến 28-8, Chiến đoàn Alpha Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 bản bộ và hai tiểu đoàn 1/5, 3/5 của Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ mở chiến dịch Cochise, truy tìm tung tích Sư đoàn 3 Việt Cộng tại ở thung lũng Quế Sơn. Sau khi được trực thăng vận xuống một tiền đồn trên núi Lộc Sơn, TQLC Mỹ lũng sức kỹ về phía đông tới quận Thăng Bình và trong pha hai của chiến dịch, đã mở cuộc không tập xuống Hiệp Đức về phía tây. Cùng lúc đó trong chiến dịch Liên Kết 112, Sư đoàn 2 bộ binh VNCH cũng cử hai tiểu đoàn biệt động quân nhảy dù xuống phía đông nam Hiệp Đức để lũng sức về hướng Tam Kỳ để tăng viện cho Trung đoàn 6 bộ binh VNCH đang hành quân tại đây.

Từ ngày 27-8 đến 5-9, Trung đoàn 7/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/7, 3/11 mở chiến dịch Yazoo, tìm diệt quân Việt Cộng tại thung lũng Happy.

228- Chiến dịch Dragon Head 5 (tỉnh Quảng Ngãi) (1 đến 9-8-1967)

Từ ngày 1 đến 9-8-1967, Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến (Thanh Long) Hàn Quốc mở chiến dịch Dragon Head 5, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

229- Các chiến dịch A-O Strike, Portland (tỉnh Bình Dương, Bình Long) (1 đến 21-8-1967)

Từ ngày 1 đến 18-8, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn 1/26, 1/18, 2/18 mở chiến dịch A-O Strike, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

Từ ngày 12 đến 21-8, Sư đoàn 1 chỉ huy 5 tiểu đoàn 2/2, 1/16, 1/18, 1/26, 2/28, mở chiến dịch Portland, tìm diệt cộng quân tại khu vực từ Lai Khê, tỉnh Bình Dương tới Chơn Thành, tỉnh Bình Long.

230- Các chiến dịch Beautiful Plum, Benton, Hood River, Strike Force (tỉnh Quảng Tín, Quảng Ngãi) (2-8 đến 4-9-1967)

Trong tháng 8-1967, liên quân Việt – Mỹ – Hàn đã phối hợp mở liên tiếp ba chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn hai tỉnh Quảng Tín và Quảng Ngãi phía nam Vùng 1 chiến thuật.

Từ ngày 2 đến 13-8, Chiến đoàn Oregon Mỹ chỉ huy một lực lượng đa quốc gia mở chiến dịch Hood River, tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Quân đồng minh đã tập kích và triệt hạ mật khu 121 nằm ở giữa tỉnh lỵ Quảng Ngãi và Hà Thanh, phía nam Quảng Ngãi 40 cây số. Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ cho Tiểu đoàn 2/502 bao vây khu vực mục tiêu ở phía tây trong khi Tiểu đoàn 1/327 đóng ở Minh Long sẽ lập một chốt chặn ở phía nam bên cạnh hai tiểu đoàn biệt động quân VNCH. Cùng lúc đó, hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến Hàn quốc và hai tiểu đoàn của Sư đoàn 2 bộ binh VNCH mở cuộc tấn công từ phía đông. Lữ đoàn 196 bộ binh nhẹ Mỹ thiết lập các chốt chặn ở phía bắc dọc theo tỉnh lộ 529 từ Chu Lai tới Trà Bồng để đón diệt cộng quân rút chạy dạt ra.

Sau đó, căn cứ vào nguồn tin đáng tin cậy của một linh mục công giáo khẳng định Trung đoàn 21 Bắc Việt đang hoành hành tại một giáo xứ thuộc địa bàn của mình, Chiến đoàn Oregon Mỹ đã mở chiến dịch Benton từ ngày 14-8 đến 1-9, tập kích vào mật khu 117 của Việt Cộng nằm giữa ba thị trấn Tiên Phước, Mỹ Sơn và Tam Kỳ, tỉnh Quảng Tín. Trong đó, hai tiểu đoàn 2/327, 2/502 của Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận mở cuộc không tập xuống phía tây bắc trong khi hai tiểu đoàn của Lữ đoàn 196 bộ binh lùng sục khu vực đông nam. Tiểu đoàn 1/327 vẫn đóng tại Chu Lai làm thành phần trừ bị. Tính chung trong chiến dịch Benton, quân Mỹ chết 45; quân Việt Cộng bỏ lại trận 397 xác.

Từ ngày 19-8 đến 4-9, liên quân Việt – Mỹ mở chiến dịch Beautiful Plum, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trong hai ngày 31-8 và 1-9, Sư đoàn 101 không vận chỉ huy Tiểu đoàn 2/502 mở chiến dịch Strike Force, đột kích giải cứu tù binh đang bị Việt Cộng giam giữ tại Làng Di, thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

231- Chiến dịch Kham Zei 167 (tỉnh Kontum) (2 đến 12-8-1967)

Từ ngày 2 đến 12-8-1967, Bộ tư lệnh Biệt khu 24 Việt Nam Cộng Hòa chỉ huy Trung đoàn 42 bộ binh mở chiến dịch Kham Zei 167, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Kontum.

232- Các chiến dịch Ainslie, Ballarat (tỉnh Phước Tuy) (4-8 đến 21-9-1967)

Từ ngày 4 đến 16-8-1967, Chiến đoàn 1 Úc chỉ huy Tiểu đoàn 7 bộ binh mở chiến dịch Ballarat, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực tây nam căn cứ Núi Đất, thuộc tỉnh Phước Tuy.

Từ ngày 31-8 đến 21-9, Chiến đoàn 1 Úc chỉ huy hai tiểu đoàn bộ binh 2, 7 mở chiến dịch Ainslie, tổ chức di dân tái định cư khỏi vùng chiến sự Đức Thạnh/Slope 30 tại tỉnh Phước Tuy.

233- Các chiến dịch Emporia 2 và 3 (tỉnh Long Khánh) (4 đến 31-8-1967)

Từ ngày 4 đến 17-8-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn bản bộ hợp cùng Tiểu đoàn 52 biệt động quân Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Emporia 2, tuần tra bảo vệ an ninh và tìm diệt quân Việt Cộng dọc theo quốc lộ 20 từ Định Quán tỉnh Long Khánh tới ranh giới giáp tỉnh Lâm Đồng.

Từ ngày 19 đến 31-8, Trung đoàn 11 Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/11, 3/11 phối hợp với Tiểu đoàn 52 biệt động quân VNCH mở chiến dịch Emporia 3, tiếp tục tuần tra giải tỏa an ninh dọc theo quốc lộ 20 thuộc địa bàn tỉnh Long Khánh.

234- Các chiến dịch Coronado 3 và 4 (tỉnh Gia Định và Long An) (5-8 đến 9-9-1967)

Sau khi chuyển quân về đóng tại Vũng Tàu, Giang lực lưu động Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 3/47 và 3/60 mở chiến dịch Coronado 3 từ ngày 5 đến 17-8-1967, để tuần tra bảo vệ an ninh tuyến sông Lòng Tàu ngang qua Biệt khu Rừng Sát trong địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định. Tiểu đoàn 4/47 vẫn đóng tại căn cứ Đồng Tâm, tỉnh Định Tường để tham gia bảo vệ an ninh trong tỉnh.

Từ ngày 20-8 đến 9-9, Giang lực lưu động Mỹ chỉ huy ba tiểu đoàn 3/39, 3/47, 3/60 mở chiến dịch Coronado 4, giải tỏa an ninh địa bàn gọi là ‘The Pineapple’ (Đồng Khóm) giữa quận lỵ Bến Lức và xã Lương Hòa, thuộc tỉnh Long An.

235- Chiến dịch Rừng Sát 4, Sóng Thần 701/67 (Biên Hòa, Gia Định) (11-8 đến 21-10-1967)

Từ ngày 11-8 đến 21-10-1967, Chiến đoàn thủy quân lục chiến Alpha Việt Nam Cộng Hòa chỉ huy 4 tiểu đoàn 2, 4, 5, 6, lần lượt thay phiên nhau thực hiện chiến dịch Sóng Thần 701/67, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Biên Hòa.

Từ ngày 12-8 đến 15-9, Tiểu đoàn 3 TQLC VNCH mở chiến dịch Rừng Sát 4, hành quân tìm diệt cộng quân và bảo vệ an ninh tại Biệt khu Rừng Sát, trong địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định.

236- Chiến dịch Dân Chí 295/B/SD (tỉnh Chương Thiện) (15 đến 18-8-1967)

Từ ngày 15 đến 18-8-1967, Sư đoàn 21 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Dân Chí 295/B/SD, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Chương Thiện.

237- Chiến dịch Intosh Joyce 12 và 14 (tỉnh Long Khánh, Kiến Phong) (16 đến 25-8-1967)

Từ ngày 16 đến 18-8-1967, quân Mỹ mở chiến dịch Intosh Joyce 12, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Long Khánh. Từ ngày 21 đến 25-8, quân Mỹ mở tiếp chiến dịch Intosh Joyce 14, tìm diệt cộng quân tại tỉnh Kiến Phong.

238- Các chiến dịch Akron 2, Riley 2, Tiger Coronado 3, Tiger Coronado 4 (Vùng 3 chiến thuật) (17-8 đến 18-9-1967)

Trong tháng 8-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ mở liên tiếp bốn chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại các tỉnh Vùng 3 chiến thuật.

– chỉ huy Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh mở chiến dịch Riley 2 từ ngày 17-8 đến 18-9, tại địa bàn giáp ranh hai tỉnh Biên Hòa và Phước Tuy.

– chỉ huy ba tiểu đoàn 2/39, 4/39, 2/47 mở chiến dịch Akron 2 từ ngày 22 đến 27-8, tại địa bàn tỉnh Long Khánh và phía bắc tỉnh Phước Tuy.

– chỉ huy Tiểu đoàn 3/47 mở chiến dịch Tiger Coronado 3 trong ngày 24-8, tại Biệt khu Rừng Sát nằm trong địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định, và cũng để chuẩn bị cho chiến dịch Coronado 4.

– chỉ huy Tiểu đoàn 3/47 mở chiến dịch Tiger Coronado 4 trong hai ngày 29 và 30-8, tại địa bàn tỉnh Long An.

239- Chiến dịch Long Phi 999/M (tỉnh Sa Đéc) (20 đến 22-8-1967)

Từ ngày 20 đến 22-8-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Long Phi 999/M, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Sa Đéc.

240- Chiến dịch Waimea (tỉnh Bình Dương) (22 đến 26-8-1967)

Từ ngày 22 đến 26-8-1967, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Waimea, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Dương. Quân Mỹ tham chiến gồm hai tiểu đoàn 2/14, 4/23 của Lữ đoàn 1 và Tiểu đoàn 4/12 của Lữ đoàn 199 bộ binh nhẹ. Quân Việt Nam Cộng Hòa gồm hai tiểu đoàn 2/7, 4/7 của Sư đoàn 5 bộ binh. Quân đồng minh đã lùng sục kỹ khu vực rừng Hồ Bò phía nam sông Sài Gòn.

241- Chiến dịch Lam Sơn 113 (tỉnh Quảng Trị) (22 và 23-8-1967)

Trong hai ngày 22 và 23-8-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Lam Sơn 113, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.

242- Cuộc bãi công ở công trường sân bay Tân Lệ (tỉnh Bình Định) (28-8-1967)

Ngày 28-8-1967, cộng quân nắm vùng tổ chức cho 1.500 công nhân xây dựng sân bay Tân Lệ bãi công phản đối việc chủ thầu Mỹ đánh một công nhân vì lấy cắp tài sản công trường. Sau khi chủ Mỹ xin lỗi và bồi thường người bị đánh, cuộc bãi công tiếp tục chuyển sang yêu sách đòi tăng lương, nâng cao điều kiện làm việc, nhằm mục đích cản trở tiến độ xây dựng sân bay, mãi đến 5-9-1967, công nhân mới làm việc trở lại. Trong thời gian bãi công, cộng quân lấy danh nghĩa một mệnh thường quân công khai đã trợ cấp hàng trăm bao gạo và nhiều tiền bạc cho công nhân.

243- Kế hoạch tấn công phối hợp chiến trường (28-8-1967)

Ngày 28-8-1967, thực hiện kế hoạch tác chiến chung, quân Việt Cộng khắp miền Nam Việt Nam đồng loạt tấn công nhiều vùng ở Việt Nam Cộng Hòa:

– Bắn súng cối vào sở chỉ huy Mỹ giữa thành phố Huế làm chết và bị thương 11 binh sĩ Mỹ.

– Đánh một loạt 7 vị trí ở quận lỵ Điện Bàn, các tỉnh lỵ Hội An, Pleiku, Ban Mê Thuột, Cần Thơ, Mỹ Tho, gây cho Việt Nam Cộng Hòa nhiều thiệt hại vật chất, về nhân sự có 31 binh sĩ Mỹ chết, 85 bị thương, binh sĩ VNCH 101 chết và 215 bị thương. Rất nhiều thường dân bị trúng đạn chết hoặc bị thương.

Tính chung khắp các mặt trận trong ngày, cộng quân chết khoảng 380, bị thương 705, bị bắt 24.

244- Chiến dịch Quyết Thắng 77/G (tỉnh Quảng Ngãi) (30-8-1967)

Trong ngày 30-8-1967, Sư đoàn 2 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Quyết Thắng 77/G, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

245- Căn cứ Lực lượng đặc biệt Mỹ (31-8-1967)

Vị trí các căn cứ của Lực lượng đặc biệt số 5 Mỹ tại Việt Nam đến ngày 31-8-1967.

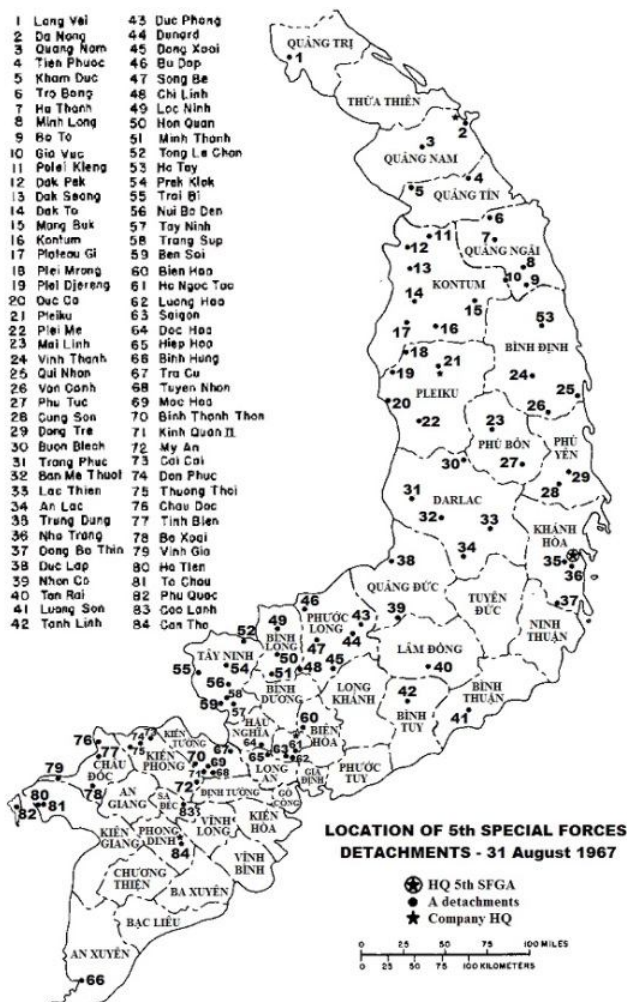
– Vùng 1 chiến thuật: 1- Làng Vây; 2- Đà Nẵng; 3- Quảng Nam; 4- Tiên Phước; 5- Khâm Đức; 6- Trà Bồng; 7- Hà Thanh; 8 – Minh Long; 9- Ba Tơ; 10- Gió Vụt (Gia Vực).

– Vùng 2 chiến thuật: 11- Polei Kleng; 12- Dak Pek; 13- Dak Seang; 14- Dak To; 15- Mang Buk; 16- Kontum; 17- Plateau Gi; 18- Plei Mrong; 19- Plei Djereng; 20- Đức Cơ; 21- Pleiku; 22- Pleime; 23- Mai Linh; 24- Vĩnh Thạnh; 25- Quy Nhơn; 26- Vân Canh; 27- Phú Túc; 28- Củng Sơn; 29- Đồng Tré; 30- Buon Blech; 31- Trọng Phúc; 32- Ban Mê Thuột; 33- Lạc Thiện; 34- An Lạc; 35- Trung Dung; 36- Nha Trang (Sở chỉ huy); 37- Đồng Bà Thìn; 38- Đức Lập; 39- Nhơn Cơ; 40- Tân Rai; 41- Lương Sơn; 53- Hà Tây (tỉnh Bình Định).

– Vùng 3 chiến thuật: 42- Tánh Linh; 43- Đức Phong; 44- Dunard; 45- Đồng Xoài; 46- Bù Đốp; 47- Sông Bé; 48- Chí Linh; 49- Lộc Ninh; 50- Hớn Quản; 51- Minh Thạnh; 52- Tổng Lê Chân; 54- Prek Klok; 55- Trại Bì; 56- Núi Bà Đen; 57- Tây Ninh; 58- Trảng Súp; 59- Bến Sỏi; 60- Biên Hòa; 61- Hồ Ngọc Tảo; 62- Lương Hòa; 63- Sài Gòn; 64- Đức Hòa; 65- Hiệp Hòa.

– Vùng 4 chiến thuật : 66- Bình Hưng (tỉnh An Xuyên); 67- Trà Cú; 68- Tuyên Nhơn; 69- Mộc Hóa; 70- Bình Thạnh Thôn; 71- Kinh Quan 2; 72- Mỹ An; 73- Cái Cối; 74- Đôn Phục; 75- Thường Thới; 76- Châu Đốc; 77- Tịnh Biên; 78- Ba Xoài; 79- Vĩnh Gia; 80- Hà Tiên; 81- Tô Châu; 82- Phú Quốc; 83- Cao Lãnh; 84- Cần Thơ.

246- Một số tình hình trong tháng 9-1967



Ngày 2-9-1967, thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng tuyên bố là Hà Nội sẽ ‘*tiếp tục chiến đấu đến cùng*’. Trong tháng 9-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm: Phi đoàn 122 tiêm kích tấn công thủy quân lục chiến (1-9, đóng ở Đà Nẵng); Phi đoàn 121 tấn công TQLC (5-9, đóng ở Chu Lai); Phi đoàn 362 trực thăng TQLC (8-9, đóng ở Kỳ Hà); Phi đoàn 609 hành quân đặc biệt (15-9, đóng ở Nakhon Phanom, Thái Lan); Tiểu đoàn 1/50 bộ binh cơ giới (22-9, đóng ở Bồng Sơn/bãi Uplift); Sở chỉ huy Sư đoàn 23 bộ binh (25-9, đóng ở Chu Lai); Đại đội E/20 tuần tra đường dài (25-9, đóng ở Nha Trang); Đại đội F/51 tuần tra đường dài và Đại đội 17 không yểm (25-9, đóng ở Long Bình); Phi đoàn 8 ném bom (26-9, đóng ở Phan Rang). Các đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm: Phi đoàn 211 tấn công TQLC (3-9); Phi đoàn 13 ném bom (26-9).

Các đơn vị Mỹ di chuyển vị trí đóng quân trong tháng 9 gồm: Phi đoàn 163 trực thăng TQLC (8-9, chuyển sang Chiến đoàn đồ bộ); Lữ đoàn 173 không vận chuyển tới Tuy Hòa (17-9); Tiểu đoàn 1/8 kỵ binh và hai tiểu đoàn bộ binh 1/503, 4/505 chuyển tới Tuy Hòa (17-9); Tiểu đoàn 2/11 chuyển tới thiết kỵ Blackhorse; Tiểu đoàn 1/14 bộ binh chuyển tới Đức Phổ (25-9); Đại đội 176 không yểm chuyển tới Kỳ Hà (9-9); Đại đội 190 không yểm chuyển tới Quảng Trị (cuối tháng 9). Trung đoàn tình nguyện hoàng gia (Mãng Xà Vương) Thái Lan sang Việt Nam ngày 19-9, đóng ở trại Bearcat, Long Thành.

247- Đợt đấu tranh chánh trị mùa thu

Cuối năm 1966, không có phong trào chống chánh quyền lên cao như hồi tháng 3, tháng 6-1966 nhưng cộng quân mở cuộc kích động dân chúng dừng bỏ thăm bầu Quốc hội lập hiến.

Đầu năm 1967, có cuộc vận động chánh trị của các nhà công thương gia lớn nhỏ ở Sài Gòn công khai phản đối Mỹ chiếm gần hết khu vực cảng Sài Gòn để bốc dỡ hàng quân sự. Mật vụ Việt Cộng nằm vùng cũng tổ chức một số trí thức, luật sư, nhà kinh doanh, nhà kinh tế mở một cuộc hội thảo ở Phòng Thương mại Sài Gòn, cuối cùng ra một Bản tuyên ngôn đòi giành lại chủ quyền kinh tế cho người Việt Nam, đòi thu hồi những đất đai và cơ sở kinh tế bị Mỹ trưng dụng.

Đầu tháng 7-1967, cộng quân bắt đầu chuẩn bị tổ chức chiến dịch chống cuộc bầu cử tổng thống ngày 3-9. Sau khi bầu tổng thống xong, cộng quân tổ chức một chiến dịch chống lại kết quả các cuộc bầu cử Quốc hội, Tổng thống.

Từ ngày 9-9, cộng quân nằm vùng ở miền Nam được lệnh bắt đầu triển khai một chiến dịch đấu tranh chánh trị mới, với những khẩu hiệu chống Mỹ và chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa rõ rệt hơn. Tại Đô thành Sài Gòn, liên tiếp xảy ra hàng loạt cuộc mít tinh, biểu tình, bỏ thi của hàng ngàn học sinh, sinh viên chống lại các cuộc bầu cử tổng thống, quốc hội, đòi Mỹ rút về nước, chấm dứt can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Từ chủ nhật 24-9, cộng quân tổ chức học sinh, sinh viên biểu tình, đi từ trường đại học Văn khoa qua trụ sở Quốc hội ở đầu đường Lê Lợi, đến chợ Bến Thành, thì dừng lại họp mít tinh. Họ giương nhiều biểu ngữ: *Mỹ có thể đưa một triệu quân sang Việt Nam nhưng sẽ không bao giờ đạt được mục tiêu của họ; Chỉ có người Việt Nam mới giải quyết được các vấn đề Việt Nam; Người Mỹ nên lo giải quyết các vấn đề của nước Mỹ thì hơn; Cuộc bầu cử ngày 3-9 là một trò hề được dựng lên với sự ủng hộ hoàn toàn của Mỹ; Chấm dứt ném bom miền Bắc; Mỹ phải rút quân đội của họ khỏi Nam Việt Nam.*

Cũng trong ngày 24-9, vài giờ sau cuộc tuần hành chống đối của sinh viên thì cộng quân tổ chức 300 Phật tử họp tại chùa Ân Quang, đã đảo hòa thượng Thích Tâm Châu và phản đối bản Hiến chương Phật giáo mới do Thích Tâm Châu đề ra và được tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ban bố.

Hãng thông tấn Mỹ AP ngày 24-9-1967 nhận xét: *Đây là những hoạt động chống chánh phủ nghiêm trọng nhất từ hơn một năm nay.* Báo Pháp Paris Jour ngày 5-10-1967 viết: *Tình hình chánh trị ở Sài Gòn cứ mỗi ngày một xấu thêm. Các vụ rắc rối cứ xảy ra liên tiếp đến mức Phủ Tổng thống phải nói rằng đây là một tình hình bi thảm. Tại Sài Gòn đang diễn ra một chiến dịch tâm lý mạnh mẽ kích động đòi Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam.*

248- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 9-1967)

Đài Tiếng nói Việt Nam (Hà Nội) loan báo trong tháng 9-1967 Không quân Mỹ tiếp tục huy động hàng trăm lượt máy bay phản lực oanh tạc các vị trí quân sự và địa điểm chiến lược ở Bắc Việt, trong đó có nhiều chiếc vị lực lượng phòng không miền Bắc bắn rơi, nhiều phi công Mỹ bị bắt.

Ngày 17-9, lực lượng phòng không tại Hà Nội tuyên bố vừa bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 2.300 rơi trên miền Bắc. Các số liệu của Bắc Việt bị tài liệu của Mỹ bác bỏ và cho rằng chỉ nhằm mục đích tuyên truyền sai sự thật.

249- Các chiến dịch Eradicate, Headshed, Rope Yarn (4 vùng chiến thuật) (1 đến 30-9-1967)

Từ ngày 1 đến 30-9-1967, Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ chỉ đạo mở cùng lúc các chiến dịch Eradicate, Headshed, Rope Yarn, huy động toàn bộ lực lượng hải, lục, không quân đồng minh tại Việt Nam mở các hoạt động tác chiến chống xâm nhập và phản pháo kích, tập trung tìm diệt quân Việt Cộng trên bốn vùng chiến thuật.

250- Chiến dịch Beacon Point (tỉnh Thừa Thiên) (1 đến 6-9-1967)

Từ ngày 1 đến 6-9-1967, Chiến đoàn đồ bộ Alpha Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 thủy quân lục chiến mở chiến dịch Beacon Point, lùng sục tìm diệt quân Việt Cộng tại phía nam khu vực gọi là The Street Without Joy, ở phía bắc Huế, thuộc tỉnh Thừa Thiên.

251- Các chiến dịch Arkansas City 1 và 2, Akron 3, Strike, Valdosta 1 (Vùng 3 chiến thuật) (1-9 đến 21-10-1967)

Trong tháng 9-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ mở liên tiếp các chiến dịch hành quân tại địa bàn các tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, Phước Tuy, thuộc Vùng 3 chiến thuật.

Từ ngày 1 đến 6-9, Sư đoàn 9 Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 4/39 bộ binh và Tiểu đoàn 1/11 thiết kỵ mở chiến dịch Valdosta 1, tuần tra dọc theo quốc lộ 1 thuộc địa bàn tỉnh Long Khánh trong suốt thời gian chuẩn bị bầu cử tổng thống Việt Nam Cộng Hòa.

Từ ngày 1-9 đến 17-10, Sư đoàn 9 Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/47 mở chiến dịch Strike, phản kích và ngăn chặn cuộc pháo kích của quân Việt Cộng vào khu căn cứ Biên Hòa – Long Bình.

Từ ngày 18-9 đến 9-10, Sư đoàn 9 Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn bộ 2/47, 4/39 và Tiểu đoàn 3/11 thiết kỵ, mở chiến dịch Arkansas City, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Phước Tuy và tập kích mật khu 303 của Việt Cộng tại phía tây nam tỉnh lỵ Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh. Chiến dịch chia thành hai pha, trong đó pha 1 diễn ra từ 18 đến 23-9; pha 2 từ 24-9 tới 9-10.

Từ ngày 26-9 đến 21-10, Sư đoàn 9 Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn 2/39, 4/39, 2/47, mở chiến dịch Akron 3, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Long Khánh và và phía bắc tỉnh Phước Tuy.

252- Chiến dịch Cook (tỉnh Quảng Ngãi) (2 đến 10-9-1967)

Sau khi trở về tỉnh Quảng Ngãi, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ mở chiến dịch Cook từ ngày 2 đến 10-9-1967, tìm diệt quân Việt Cộng tại thung lũng Sông Vệ, tỉnh Quảng Ngãi để bảo vệ an ninh cuộc tổng tuyển cử.

253- Việt Nam Cộng Hòa bầu Tổng thống và Quốc hội lưỡng viện (3-9 và 22-9-1967)

Trong cuộc phổ thông đầu phiếu tổ chức ngày 3-9-1967, dân chúng bầu ra tổng thống, phó tổng thống và Thượng nghị viện gồm 60 thượng nghị sĩ. Kết quả với tỷ lệ 80% cử tri đi bầu, liên danh Nguyễn Văn Thiệu – Nguyễn Cao Kỳ đắc cử tổng thống-phó tổng thống với 35% tổng số phiếu. Ngày 22-9-1967, dân chúng đi bầu Hạ nghị viện.

Trong nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên, Nguyễn Văn Thiệu phải đương đầu với nhiều vấn đề chánh trị nan giải như: cuộc tấn công quân sự tại các mặt trận và cuộc tấn công chánh trị, bạo động, khủng bố khắp nơi của Việt Cộng, những phong trào phản chiến ngày càng dâng cao ở Mỹ, đòi thành lập chánh phủ liên hiệp tại miền Nam Việt Nam, đòi Mỹ chấm dứt ngay lập tức cuộc chiến tranh mà thực ra do cộng sản gây ra và đòi rút ngay quân Mỹ ra khỏi Việt Nam.



Vận động đi bầu cử ở Sài Gòn năm 1967

254- Chiến dịch Lam Sơn XDNT/120 (tỉnh Thừa Thiên) (4 đến 8-9-1967)

Từ ngày 4 đến 8-9-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Lam Sơn XDNT/120, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên.

255- Các chiến dịch Ballistic Charge, Liên Kết 116, Shelbyville, Swift (tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Quảng Tín) (4 đến 28-9-1967)

Liên tiếp hai đêm 4 và 6-9-1967, cộng quân Quân khu 5 tấn công vào căn cứ TQLC Mỹ ở Quế Sơn (tỉnh Quảng Nam) và bị phản kích dữ dội; quân Mỹ chết 8, bị thương 85; cộng quân bỏ lại trận 146 xác và 32 thương binh. Trong tháng 9-1967, Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy các trung đoàn bản bộ, mở liên tiếp các chiến dịch tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Vẫn hành quân từ bãi đáp Baldy, Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn bản bộ 1/1, 1/5, 3/5, và Tiểu đoàn 2/3 của Chiến đoàn đổ bộ Bravo, có tăng cường thêm Tiểu đoàn 1/14 của Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ từ Chu Lai kéo ra, đã mở chiến dịch Swift từ ngày 4 đến 15-9. Quân Mỹ một lần nữa tập kích vào thung lũng Quế Sơn kéo dài tới quận Thăng Bình để truy lùng Sư đoàn 2 Bắc Việt trong suốt thời gian diễn ra cuộc tổng tuyển cử trên cả nước. Trong chiến dịch, quân Mỹ chết 183, bị thương 322; cộng quân bỏ lại trận 517 xác và 84 thương binh. Cùng lúc đó, Liên đoàn 1 biệt động quân và hai tiểu đoàn 3/4, 3/6 thuộc Sư đoàn 2 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa cũng mở cuộc hành quân Liên Kết 116 từ ngày 7 đến 15-9, từ Tam Kỳ kéo ra phối hợp tìm diệt Sư đoàn 2 Bắc Việt tại địa bàn giáp ranh hai tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Tín.

Từ ngày 16 đến 22-9, Chiến đoàn đổ bộ Alpha Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 TQLC mở chiến dịch Ballistic Charge, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực cách quận lỵ Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam hơn 6 cây số về phía đông nam. Sau khi phát hiện có lực lượng cỡ hơn một trung đoàn Bắc Việt tại đây, Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy các tiểu đoàn 2/1, 1/3, 2/3, 3/5, 1/11 mở tiếp chiến dịch Shelbyville, từ ngày 22 đến 28-9, để tìm diệt cộng quân.

256- Các chiến dịch Emporia 4, Richmond (tỉnh Long Khánh) (4 đến 28-9-1967)

Từ ngày 4 đến 14-9-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ mở chiến dịch Emporia 4, tuần tra bảo vệ an ninh cho công binh tu sửa và mở rộng quốc lộ 2 ở phía nam căn cứ Blackhorse tại Long Giao, thuộc địa bàn tỉnh Long Khánh.

Từ ngày 22 đến 28-9, Trung đoàn 5 thiết kỵ Việt Nam Cộng Hòa phối hợp với Tiểu đoàn 3/11 thiết kỵ Mỹ mở chiến dịch Richmond, hành quân tuần tra bảo vệ cho công binh tu bổ quốc lộ 20 phía bắc quận Định Quán, tỉnh Long Khánh.

257- Chiến dịch Rapid Fire 1 (tỉnh Tây Ninh) (từ 5-9-1967)

Từ ngày 5-9-1967, Biệt đội Rapid Fire Mỹ mở chiến dịch Rapid Fire 1, là một hoạt động thám báo dài hạn để truy tìm tung tích và tình hình quân Việt Cộng tại chiến khu C, thuộc tỉnh Tây Ninh.

258- Chiến dịch Dragon Fire (tỉnh Quảng Ngãi) (5-9 đến 30-10-1967)

Từ ngày 5-9 đến 30-10-1967, Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến Hàn quốc mở chiến dịch Dragon Fire, tìm diệt các đơn vị du kích quân Việt Cộng tại khu vực mũi Ba Làng An, thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

259- Các chiến dịch Liên Kết 114/P1, Liên Kết 116, Quyết Thắng 614 (tỉnh Quảng Tín và Quảng Ngãi) (6-9 đến 2-10-1967)

Trong tháng 9-1967, Sư đoàn 2 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở liên tiếp ba chiến dịch tìm diệt quân cộng.

– mở chiến dịch Liên Kết 114/P1 từ ngày 6 đến 12-9 tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

– mở chiến dịch Liên Kết 116 từ ngày 7 đến 15-9, từ Tam Kỳ kéo ra phối hợp tìm diệt Sư đoàn 2 Bắc Việt tại địa bàn hai tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Tín, với thành phần gồm Liên đoàn 1 biệt động quân và hai tiểu đoàn 3/4, 3/6 thuộc Sư đoàn 2.

– mở chiến dịch Quyết Thắng 614 từ ngày 30-9 đến 2-10, tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

260- Chiến dịch Join Hands (tỉnh Bình Định) (6 đến 15-9-1967)

Từ ngày 6 đến 15-9-1967, Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ chỉ huy ba tiểu đoàn 1/5, 1/8, 2/12, phối hợp cùng Chiến đoàn Bravo thủy quân lục chiến và hai trung đoàn 40 và 41 thuộc Sư đoàn 22 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Join Hands, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực núi Cây Giép, tỉnh Bình Định.

261- Chiến dịch Dân Chí 300/A (tỉnh Ba Xuyên) (7 và 8-9-1967)

Trong hai ngày 7 và 8-9-1967, Sư đoàn 21 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Dân Chí 300/A, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Ba Xuyên.

262- Chiến dịch Intosh Joyce 15, 16, 19 (tỉnh Biên Hòa, Long Khánh) (7-9 đến 1-10-1967)

Trong tháng 9-1967, quân Mỹ mở liên tiếp ba chiến dịch Intosh Joyce tìm diệt quân Việt Cộng.

– mở chiến dịch Intosh Joyce 15 từ ngày 7 đến 11-9, tại địa bàn tỉnh Biên Hòa.

– mở chiến dịch Intosh Joyce 16 từ ngày 12 đến 19-9, tại địa bàn tỉnh Long Khánh.

– mở chiến dịch Intosh Joyce 19 trong hai ngày 30-9 và 1-10, tại tỉnh Long Khánh.

263- Chiến dịch Wheeler 1 và 2 (tỉnh Quảng Tín) (11-9 đến 11-11-1967)

Ngay sau khi được bổ sung và thay thế thành phần mới từ các tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 23 (Americal), với toàn bộ Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận và Tiểu đoàn 1/14 của Sư đoàn 4 bộ binh, Chiến đoàn Oregon Mỹ đã mở pha 1 chiến dịch Wheeler từ ngày 11 đến 25-9-1967, tìm diệt Sư đoàn 2 Bắc Việt đang hoạt động tại khu vực rừng rậm tây bắc Chu Lai, tập kích tiêu diệt mật khu 116 ở phía bắc và mật khu 117 ở phía đông nam quận Tiên Phước, tỉnh Quảng Tín.

Ngày 22-9-1967, chuẩn tướng Samuel W. Koster thay thế thiếu tướng Richard T. Knowles làm tư lệnh Chiến đoàn Oregon. Ba ngày sau, Chiến đoàn Oregon bị giải tán, để trả Lữ đoàn 1/101 lại cho Sư đoàn 101 không vận, chuyển Lữ đoàn 196 tham gia thành lập Sư đoàn 23 bộ binh, riêng Lữ đoàn 3 không trở về Sư đoàn 25 mà chuyển về Sư đoàn 4 bộ binh.

Sư đoàn 23 bộ binh lúc mới thành lập gồm 3 lữ đoàn, ngoài Lữ đoàn 196 đang ở tại Việt Nam, thì hai lữ đoàn còn lại là 11 và 198 lúc ấy vẫn đang còn huấn luyện tại Mỹ chưa sang. Lữ đoàn 196 trở thành lực lượng thay mặt Sư đoàn 23 tiếp tục thực hiện chiến dịch Wheeler. Ngày 4-10-1967, có thêm Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 không kỵ Mỹ được tăng cường cho Sư đoàn 23 và ngay lập tức mở chiến dịch Wallowa để phối hợp ở phía bắc của khu vực hành quân Wheeler.

Từ ngày 26-9 đến 11-11-1967, tiếp tục diễn ra pha 2 chiến dịch Wheeler; mục tiêu là tìm diệt Trung đoàn 21 Bắc Việt đang lẩn tránh quanh khu vực Hiệp Đức. Quân Mỹ gồm Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận và Tiểu

đoàn 1/35 của Sư đoàn 4 bộ binh vừa từ Đức Phổ ra thay cho Tiểu đoàn 1/14, đã tập kích mạnh và kiểm soát khu vực Hiệp Đức, lòng sục tiêu diệt cộng quân.

Sau hai tháng hành quân, đôi bên đụng độ hàng chục trận lớn nhỏ. Kết quả, quân Mỹ chết 26, bị thương 44. Cộng quân bỏ lại trận 165 xác và 89 thương binh.

Ngày 11-11-1967, hai chiến dịch Wheeler và Wallowa được nhập chung thành chiến dịch Wheeler/Wallowa, với thành phần tác chiến gồm Lữ đoàn 196 (thay thế Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận trong chiến dịch Wheeler được điều vào Vùng 2 chiến thuật), và Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 không kỵ.

264- Giao tranh ở khu phi quân sự và căn cứ Cồn Thiến (tỉnh Quảng Trị, 11-9 đến 31-10-1967)

Tối 11-9-1967, một lực lượng lớn quân chính quy Bắc Việt vượt qua khu phi quân sự, tràn vào tỉnh Quảng Trị và bao vây đơn vị Thủy quân lục chiến Mỹ đang trấn giữ căn cứ Cồn Thiến, cách khu phi quân sự khoảng 3,2 cây số về phía Nam.

Một cuộc đấu trọng pháo tầm xa ác liệt giữa đôi bên đã diễn ra suốt nhiều ngày đêm. Cộng quân đã bắn 42.000 quả đạn pháo vào đội hình quân Mỹ. Ngược lại, quân Mỹ đã bắn 281.000 quả đạn pháo và sử dụng pháo đài bay B-52 rải hàng ngàn tấn bom vào giữa đội hình cộng quân. Đến sáng 31-10-1967 thì chiến sự ngưng hẳn. Thám báo Mỹ hành quân kiểm tra thì không hề thấy tung tích của cộng quân trong khu phi quân sự và từ đó xuống phía nam nữa. Kết quả kiểm chứng sau này cho thấy trong trận giao chiến từ 11-9 đến 31-10-1967 tại đây, Bắc Việt thiệt hại hơn 2.000 quân.

265- Các chiến dịch Fortress Sentry, Neutralize (tỉnh Quảng Trị) (12-9 đến 23-10-1967)

Từ ngày 12-9 đến 23-10-1967, quân Mỹ mở chiến dịch Neutralize, tập trung hỏa lực phối hợp giữa pháo kích Pháo binh, máy bay Không quân và tàu chiến Hải quân để tiêu diệt quân Việt Cộng tại khu phi quân sự phía bắc tỉnh Quảng Trị.

Từ ngày 17 đến 25-9, Chiến đoàn đổ bộ Bravo Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/3 thủy quân lục chiến mở chiến dịch Fortress Sentry, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực phía bắc Cửa Việt, phía đông quận Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Đến ngày 25-9, lực lượng này chuyển vào chiến dịch Kingfisher.

266- Chiến dịch Coronado 5 (tỉnh Định Tường và Kiến Hòa) (12-9 đến 10-10-1967)

Ngay sau khi trở về tỉnh Định Tường, Lực lượng Giang thuyền lưu động Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 3/47, 3/60, có tăng cường thêm hai tiểu đoàn 2/60 và 5/60 của Lữ đoàn 3/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ, đã mở chiến dịch Coronado 5 từ ngày 12-9 đến 10-10-1967, tập kích vào phía đông mật khu 20/7 của Việt Cộng, còn gọi là mật khu Cẩm Sơn, nằm tại khu vực giữa hai quận lỵ Cai Lậy, Cái Bè và sông Mỹ Tho, thuộc địa bàn giáp ranh giữa hai tỉnh Định Tường và Kiến Hòa. Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 72; quân Việt Cộng bỏ lại trận 347 xác.

267- Chiến dịch Cửu Long 63/2 (tỉnh Định Tường) (14 và 15-9-1967)

Trong hai ngày 14 và 15-9-1967, Sư đoàn 7 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Cửu Long 63/2, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường và lưu vực sông Tiền. Trong hai ngày hành quân, quân VNCH đã đụng độ và giao tranh ác liệt với cộng quân miền Tây Nam Bộ 16 trận lớn nhỏ. Kết quả, quân VNCH chết 205, bị thương 447; thiệt hại 8 tàu chiến, 8 máy bay, 16 xe thiết giáp. Cộng quân bỏ lại trận 632 xác và 1.033 thương binh; bị bắt và ra hàng 81.

268- Chiến dịch Crimson Tide (Vùng 4 chiến thuật) (từ 15-9-1967)

Từ ngày 15-9-1967, Biệt đội SEAL Mỹ (Sea, Air and Land) mở chiến dịch Crimson Tide, tìm diệt quân Việt Cộng tại đồng bằng sông Cửu Long.

269- Các chiến dịch Bolling, Dân Hòa (tỉnh Phú Yên) (19-9-1967 đến 31-1-1969)

Sau khi chuyển quân tới Tuy Hòa, Lữ đoàn 173 không vận Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/503, 4/503 mở chiến dịch dài hạn mật danh Bolling từ ngày 19-9-1967 đến 31-1-1969, tìm diệt quân Việt Cộng, thám báo địch tình và phối hợp với quân Việt Nam Cộng Hòa thực hiện chương trình bình định nông thôn tại lòng chảo Tuy Hòa và thung lũng sông Đà Rằng, thuộc địa bàn tỉnh Phú Yên.

Trong chiến dịch, quân Mỹ chết 55; cộng quân bỏ lại trận 715 xác. Cùng lúc đó, Trung đoàn 47/Sư đoàn 22 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa cũng mở chiến dịch Dân Hòa để phối hợp tương ứng với quân Mỹ. Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ cũng cho Tiểu đoàn 1/8 tăng cường cho chiến dịch Bolling từ 19-9 đến 14-10-1967.

270- Chiến dịch Do Kae Bi 3 (tỉnh Phú Yên) (22 đến 29-9-1967)

Từ ngày 22 đến 29-9-1967, Trung đoàn 28/Sư đoàn 9 bộ binh Hàn Quốc mở chiến dịch Do Kae Bi 3, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn Canh Phước, tỉnh Phú Yên.

271- Các chiến dịch Bluefield 2, Shenandoah 2 (tỉnh Bình Dương, Bình Long) (23-9 đến 19-11-1967)

Từ ngày 23 đến 28-9-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ chỉ huy 4 tiểu đoàn 1/2, 2/2, 1/26, 1/28 mở chiến dịch Bluefield 2, tuần tra bảo vệ an ninh quốc lộ từ Lai Khê tới ấp Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Từ ngày 27-9 đến 19-11, Sư đoàn 1 Mỹ chỉ huy Lữ đoàn 1 và Lữ đoàn 3 mở chiến dịch Shenandoah 2, tập kích vào mật khu Long Nguyên của Việt Cộng nằm giữa Chợ Thành và đồn điền cao su Michelin thuộc địa bàn hai tỉnh Bình Dương và Bình Long. Theo tin thám báo, có Trung đoàn 271 Việt Cộng đang cố thủ tại đây. Trong chiến dịch, quân Mỹ chết 5, bị thương 69; cộng quân bỏ lại trận 956 xác và thương binh.

272- Phong trào đấu tranh học sinh sinh viên (24-9 đến tháng 10-1967)

Tiếp tục thực hiện kế hoạch đấu tranh chánh trị, mật vụ Việt Cộng nằm vùng tiếp tục phát động phong trào đấu tranh chống chánh quyền trong giới học sinh sinh viên ở miền Nam, dâng cao từ 14-9 đến đầu tháng 10-1967.

Ngày 24-9, khoảng 1.000 sinh viên Sài Gòn, Đà Lạt, Cần Thơ và trường đại học Vạn Hạnh xuống đường biểu tình, giương các khẩu hiệu, biểu ngữ: *Mỹ có thể đưa 1.000.000 quân sang miền Nam Việt Nam nhưng sẽ không bao giờ đạt được mục tiêu của họ; Cuộc bầu cử 3-9 là một trò hề được dựng lên với sự ủng hộ hoàn toàn của Mỹ; Chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam; Mỹ phải rút quân về nước...*

Suốt từ đó đến cuối tháng 9 đầu tháng 10-1967, tiếp tục có hàng vạn học sinh, sinh viên ở Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế, Nha Trang, Ban Mê Thuột, Hội An, Trà Vinh, Bến Tre, Cần Thơ, Sa Đéc, Long Xuyên, Tây Ninh, Châu Đốc, Rạch Giá... liên tiếp xuống đường đấu tranh chống chánh quyền và Mỹ.

273- Phong trào chống Hiến chương Phật giáo (28 đến 30-9-1967)

Ngày 28-9-1967, mật vụ Việt Cộng nằm vùng tổ chức cuộc đấu tranh của một số tăng nhân cao cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhằm chống Hiến chương Phật giáo vừa được chánh quyền hậu thuẫn cho ra đời. Hơn 300 nhà sư mặc áo cà sa vàng đi bộ từ chùa Ấn Quang (số 243 đường Sư Vạn Hạnh, quận 10) là trụ sở giáo hội Phật giáo đến dinh Độc Lập để gặp tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, đòi phải bãi bỏ bản Hiến chương Phật giáo.

Khoảng 10.000 Phật tử và dân chúng Sài Gòn cũng hưởng ứng và tuần hành theo đoàn biểu tình. Có gần 300 nhà sư biểu tình ngồi trước cổng dinh Độc Lập.

Hai ngày sau, 30-9, cộng quân lại tổ chức thêm trên 100 tăng nhân và hàng trăm sinh viên tới tăng cường cho cuộc biểu tình ngồi. Khoảng 200 sinh viên tụ họp, đốt cháy các bản thông cáo đăng kết quả cuộc bầu cử tổng thống ngày 3-9-1967.

Tại Nha Trang, Đà Nẵng, Huế, cộng quân cũng tổ chức biểu tình. Gần 3.000 người hội thảo tại chùa Từ Đàm (Huế) đả kích thượng tọa Thích Tâm Châu là thân Mỹ, gọi ông là 'hòa thượng Thích Đô La' và tuyên bố phản đối cuộc bầu cử ngày 3-9. Khoảng 110 nhà sư tuyên bố sẽ tự thiêu nếu tổng thống Thiệu không rút lại sắc lệnh ban bố Hiến chương Phật giáo.

274- Chiến dịch Duke (tỉnh An Xuyên) (28 và 29-9-1967)

Trong hai ngày 28 và 29-9-1967, quân Mỹ mở chiến dịch Duke, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh An Xuyên.

275- Chiến dịch Kenmore (tỉnh Phước Tuy) (29-9 đến 11-11-1967)

Từ ngày 29-9 đến 11-11-1967, Chiến đoàn 1 Úc mở chiến dịch Kenmore, tìm diệt quân Việt Cộng và cắt đứt tuyến vận chuyển hậu cần dọc theo bờ biển của cộng quân tại khu vực cách quận lỵ Xuyên Mộc 6 cây số về phía đông nam, thuộc địa bàn phía đông tỉnh Phước Tuy.

276- Hoạt động của Lực lượng đặc biệt Mỹ SOG (từ tháng 9-1967)

Cuối tháng 9-1967, Lực lượng đặc biệt Mỹ SOG gia tăng hoạt động tại vùng Khe Sanh với hai đơn vị là FOB-1 và FOB-3. Các toán tuần tiểu FOB-1 đặt căn cứ chánh ở sân bay Phú Bài (Huế), có nhiệm vụ thám sát vùng biên giới và cửa ngõ xâm nhập của quân Việt Cộng tại thung lũng A Sầu, A Lưới. Các toán FOB-3 đặt căn cứ ở Hướng Hóa rồi từ tháng 2-1968 chuyển về Khe Sanh, có nhiệm vụ tuần tiểu và đặt máy thăm dò sensor theo kế hoạch Hàng rào điện tử McNamara.

277- Một số tình hình trong tháng 10-1967

Tháng 10-1967, một cuộc thăm dò dư luận cho thấy 46% người Mỹ tin rằng việc can thiệp quân sự của Mỹ ở Việt Nam hiện nay là một ‘sai lầm’. Tuy nhiên, hầu hết người Mỹ được hỏi cũng tin rằng Mỹ nên ‘thắng hoặc là rút quân’ khỏi Việt Nam. Cũng trong tháng 10, tạp chí Life khẳng định từ bỏ sự ủng hộ trước đây đối với chính sách chiến tranh của tổng thống Johnson.

Liên tiếp từ ngày 21 đến 23-10, sự kiện ‘March on the Pentagon’ diễn ra tại Washington DC, thu hút 55.000 người tham gia, liên tục biểu tình trước trụ sở Ngũ Giác Đài của Bộ Quốc phòng Mỹ, yêu cầu chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam và rút hết quân Mỹ về nước. Cũng trong thời gian đó tại Luân Đôn (thủ đô Anh quốc) cũng diễn ra biểu tình phản chiến; có hàng trăm người nỗ lực xông vào Đại sứ quán Mỹ đã bị bắt giữ.

Ngày 31-10, tổng thống Johnson tái khẳng định cam kết sẽ tiếp tục duy trì sự tham gia của Mỹ ở Việt Nam.

Trong tháng 10-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm: Đại đội 135 không yểm (3-10, đóng ở Vũng Tàu); Sở chỉ huy Lữ đoàn 198 bộ binh nhẹ (21-10, đóng ở Đức Phổ); Đại đội H/17 kỵ binh và các tiểu đoàn bộ binh 1/6, 1/46 (22-10, đóng ở Đức Phổ); Tiểu đoàn 3/503 bộ binh không vận (22-10, đóng ở Tuy Hòa); Tiểu đoàn 1/14 pháo binh (23-10, đóng ở Đức Phổ); Đại đội 57 không yểm (24-10, đóng ở Kontum); Tiểu đoàn 3/506 bộ binh không vận (25-10, đóng ở Phan Rang); Phi đoàn 14 biệt kích đường không (25-10, đóng ở Nha Trang); Sở chỉ huy Liên đoàn 108 pháo binh (28-10, đóng ở Đông Hà); Tiểu đoàn 7/17 không kỵ (28-10, đóng ở Pleiku); Phi đoàn 364 trực thăng thủy quân lục chiến (29-10, đóng ở Phú Bài); Tiểu đoàn 3/17 không kỵ (30-10, đóng ở Dĩ An); Đại đội 192 không yểm (30-10, đóng ở Phú Hiệp); Đại đội 243 không yểm (30-10, đóng ở Đồng Bà Thìn, Cam Ranh); Phi đoàn 163 trực thăng TQLC (30-10, đóng ở Phú Bài); Đại đội 555 công binh chiến đấu/Lữ đoàn 198 bộ binh (31-10, đóng ở Đức Phổ). Đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm Phi đoàn 263 trực thăng TQLC (31-10). Ngày 5-10-1967, trại biệt kích (CIDG) Bu Prang bắt đầu được xây dựng cho Biệt đội A-236. Các đơn vị Mỹ di chuyển vị trí đóng quân gồm: Trung đoàn 1 TQLC chuyển tới Quảng Trị (4-10); Trung đoàn 5 TQLC chuyển tới Hội An (4-10); Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 kỵ binh chuyển tới bãi Baldy (4-10); hai tiểu đoàn 1/1 và 2/1 TQLC chuyển tới Quảng Trị (4-10); hai tiểu đoàn 1/5 và 3/5 TQLC chuyển tới Hội An (4-10); ba tiểu đoàn 1/7, 5/7 và 2/12 kỵ binh chuyển tới bãi Baldy (4-10); Tiểu đoàn 70 công binh chiến đấu chuyển tới Pleiku (10-10); Tiểu đoàn 1/8 bộ binh chuyển tới Ban Mê Thuột (12-10); Tiểu đoàn 2/8 bộ binh chuyển tới Dak To (12-10) rồi tới trại Enari, Pleiku (28-10); Tiểu đoàn 2/503 bộ binh không vận chuyển tới Tuy Hòa (12-10); Tiểu đoàn 7/8 pháo binh chuyển tới Biên Hòa (14-10); Tiểu đoàn 1/8 kỵ binh chuyển tới bãi English (14-10); Liên đoàn 36 không quân TQLC chuyển tới Phú Bài (15-10); Tiểu đoàn 3/12 bộ binh chuyển tới Dak To (28-10); Lữ đoàn 1/Sư đoàn 4 bộ binh chuyển tới Dak To (29-10); Tiểu đoàn 3/8 bộ binh chuyển tới Dak To (30-10). Đại đội 11 không quân Hàn Quốc sang Việt Nam ngày 21-10, đóng ở Nha Trang.

278- Nghị quyết Bộ Chính trị Việt Cộng tháng 10-1967

Tháng 10-1967, Bộ Chính trị Đảng Việt Cộng họp, kiểm điểm mọi mặt công tác chuẩn bị và quyết định thời điểm bắt đầu một cuộc tổng tấn công lớn trên toàn chiến trường miền Nam là vào đúng dịp Tết Mậu Thân. Trong tháng 10, thiếu tướng phó tổng tham mưu trưởng Lê Trọng Tấn và đại tá cục trưởng Tác chiến Lê Ngọc Hiền được cử gấp rút vào Nam để kiểm tra, đôn đốc công tác chuẩn bị.

279- Hoạt động của Việt Cộng ở miền Nam (tháng 10-1967)

Vào trung tuần tháng 9-1967, Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua và dũng sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam lần thứ hai khai mạc tại Mimot trên đất Cambodia, đối diện với ấp Ca Tum, tỉnh Tây Ninh của Việt Nam.

Tháng 10-1967, ủy viên Bộ Chính trị kiêm phó thủ tướng Phạm Hùng được cử vào Nam làm bí thư Trung ương cục, kiêm bí thư Quân ủy Miền. Trung tướng Hoàng Văn Thái – thường vụ Đảng ủy Quân sự trung ương – cũng vào Nam làm phó bí thư Trung ương cục, kiêm phó bí thư Quân ủy Miền, tư lệnh Quân Giải phóng (1967-73). Nguyễn Văn Linh làm phó bí thư Trung ương cục kiêm bí thư Khu ủy Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định. Từ ngày 20 đến 22-10-1967, Trung ương cục tổ chức Hội nghị mở rộng của Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam bàn về tình hình và nhiệm vụ mới, đề ra các yêu cầu và biện pháp cụ thể trong mùa khô 1967-68, nhằm *phát triển mạnh thế chủ động, liên tục tấn công địch trên tất cả các mặt trận*.

Hội nghị do Trung ương cục trực tiếp tham dự và chỉ đạo. Tại hội nghị, luật sư Nguyễn Hữu Thọ, chủ tịch Đoàn chủ tịch ủy ban trung ương Mặt trận đọc bản kiểm điểm chung tình hình của Mặt trận sau đông xuân 1966-67. Trần Nam Trung, phó chủ tịch Đoàn chủ tịch kiêm trưởng Ban Quân sự báo cáo diễn biến của tình

hình quân sự trên chiến trường miền Nam trong hè-thu 67. Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, phó chủ tịch Đoàn chủ tịch kiêm tổng thư ký Ủy ban trung ương Mặt trận báo cáo về ảnh hưởng của việc công bố Cương lĩnh chính trị Mặt trận ở trong nước cũng như trên trường quốc tế.

Hội nghị bù nhìn này ra nghị quyết tán thành với nhận định của Trung ương cục cho rằng: *Sau thắng lợi to lớn và toàn diện của quân và dân miền Nam trong đông-xuân 1966-1967, trong hè thu 1967, tình hình đã có những bước phát triển mới rất thuận lợi cho nhân dân miền Nam, rất bất lợi cho địch. Trong 5 tháng hè thu 1967, quân dân miền Nam đã diệt (chết và bị thương) 143.000 tên địch, trong đó có 68.900 tên Mỹ và chư hầu, diệt 22 tiểu đoàn và đơn vị tương đương, 145 đại đội; bắn rơi, phá hủy, phá hỏng 1400 máy bay, diệt 3100 xe quân sự, 197 tàu và thuyền chiến; tấn công 50 thị xã, thị trấn, quận lỵ, tiểu khu và chi khu quân sự, san bằng 180 đồn bót. Hội nghị thảo luận và đề xuất với Trung ương cục những nhận định về những âm mưu và khả năng sắp tới của kẻ địch, khả năng mới cùng những khó khăn cần phải vượt qua; đề xuất những yêu cầu và biện pháp cụ thể trong mùa khô 1967-1968 nhằm phát triển mạnh thế chủ động, liên tục tiến công địch trên tất cả các mặt trận.*

280- Quân Việt Cộng tăng cường binh lực (mùa đông 1967)

Sau khi bị thương vong nặng nề trong mùa khô 1966-67 mà không thể kịp hồi phục lực lượng, tháng 10-1967 Trung ương cục miền Nam giải thể Quân khu 7 và Quân khu Sài Gòn – Gia Định, thành lập Khu trọng điểm gồm Sài Gòn và một số tỉnh lân cận chia thành 6 phân khu, do Nguyễn Văn Linh làm bí thư, Võ Văn Kiệt làm phó. Khối chủ lực Miền đến cuối năm 1967 có 3 sư đoàn bộ binh, 1 sư đoàn pháo binh, và được tăng cường Trung đoàn 88 bộ binh từ Tây Nguyên vào, Trung đoàn 568 và 6 tiểu đoàn bộ binh, 2 trung đoàn pháo tên lửa ĐKB 96 và 208, bốn tiểu đoàn cối 82 ly và một số đơn vị binh chủng công binh, thông tin, đặc công, hóa học từ miền Bắc vào.

Các quân khu 6, 8, 9 và 10 cũng được Bắc Việt tăng cường một số trung đoàn cho khu và tự thành lập một số tiểu đoàn, đại đội cho tỉnh, huyện.

Ở Khu 5, được tăng cường Trung đoàn 577 pháo ĐKB, Trung đoàn 68 pháo binh/Sư đoàn 304, Trung đoàn 401 đặc công, từ miền Bắc vào. Tháng 7-1967, Bộ tư lệnh Khu 5 thành lập Mặt trận 4 chuyên đánh phá ở Đà Nẵng, gồm ba tiểu đoàn bộ binh và Trung đoàn pháo ĐKB.

Ở Trị Thiên tháng 5-1967, Trung ương Việt Cộng chỉ thị giải thể các tỉnh đội và tỉnh ủy. Khu ủy trực tiếp chỉ đạo tuyển huyện và các đoàn. Đoàn 4 chuyên đánh phá giao thông từ nam Phú Lộc đến bắc đèo Hải Vân, gồm một tiểu đoàn bộ binh và hai tiểu đoàn công binh. Đoàn 5 đánh phá Huế và ba quận vùng ven, gồm ba tiểu đoàn bộ binh, hai tiểu đoàn đặc công và 14 đội biệt động. Đoàn 6 ở hai quận Phong Điền, Quảng Điền, có Trung đoàn bộ binh 6. Đoàn 7 đánh phá hai quận Triệu Phong, Hải Lăng (tỉnh Quảng Trị), gồm Trung đoàn 9/Sư đoàn 304, hai tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn đặc công và hai đại đội huyện. Đoàn 31 đánh phá khu vực từ đường 9 ra khu giới tuyến, gồm 2 tiểu đoàn bộ binh. Khối chủ lực quân khu Trị Thiên được Bắc Việt tăng cường Trung đoàn 9/Sư đoàn 304, Trung đoàn 2/Sư đoàn 324 và Trung đoàn 8/Sư đoàn 325.

Sau khi Nguyễn Chí Thanh trúng bom chết ngày 6-7-1967, Trung ương Việt Cộng phân công lại lãnh đạo chiến trường miền Nam gồm: phó thủ tướng Phạm Hùng vào Nam làm bí thư Trung ương cục kiêm chính ủy Miền. Trung tướng phó tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái thôi kiêm chức tư lệnh kiêm chính ủy Quân khu 5 để làm tư lệnh Miền. Võ Chí Công làm bí thư Quân khu ủy kiêm chính ủy Quân khu 5. Thiếu tướng Chu Huy Mân làm tư lệnh Quân khu 5. Thiếu tướng Hoàng Minh Thảo làm tư lệnh và đại tá Trần Thế Môn làm chính ủy Mặt trận Tây Nguyên. Thiếu tướng Trần Văn Quang làm bí thư Quân khu ủy kiêm tư lệnh Quân khu Trị Thiên. Thiếu tướng Lê Chương làm chính ủy Quân khu Trị Thiên.

Lực lượng vũ trang tập trung từ 378.000 quân cuối năm 1966, đến cuối năm 1967 tăng lên 633.000. Trong năm 1967, miền Bắc đã đưa vào Nam 281.000 quân, trong đó sáu tháng cuối năm đưa vào 208.000 quân, và bắt lính tại miền Nam 76.000 quân. Số tiểu đoàn chiến đấu tăng từ 156 lên 385.

281- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 10-1967)

Ngày 5-10-1967, Đài Tiếng nói Việt Nam ở Hà Nội cáo buộc máy bay Mỹ ném bom sát thương vào một trường học tại Bắc Việt.

Ngày 7-10, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi 11 chiếc máy bay Mỹ.

Ngày 14-10, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 2400 rơi trên miền Bắc.

Ngày 17-10, Bắc Việt tuyên bố là Tiểu đoàn 18 pháo cao xạ phòng không tại Bắc Ninh đánh trả đợt tập kích của 24 lần chiếc máy bay Mỹ oanh tạc các căn cứ quân sự ở ngoại vi thị trấn Đáp Cầu và bắn rơi tại chỗ 5 máy bay Mỹ. Các số liệu của Bắc Việt bị tài liệu của Mỹ bác bỏ và cho rằng chỉ nhằm mục đích tuyên truyền sai sự thật.

282- Chiến dịch Wallowa (tỉnh Quảng Nam) (4-10 đến 11-11-1967)

Sau khi đổ quân lên bãi biển Baldy, ba tiểu đoàn 1/7, 5/7, 2/12 của Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ kéo vào địa bàn hành quân của Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ và mở chiến dịch Wallowa từ ngày 4-10 đến 11-11-1967, ở cả hai phía của quốc lộ 1, lúc đầu hành quân ở phía đông thung lũng Quế Sơn, rồi sau đó tiến dọc theo bờ biển từ Hội An tới Tam Kỳ.

283- Các chiến dịch Cửu Long 178, Cửu Long 215/DT (tỉnh Định Tường, Kiến Hòa) (4 đến 31-10-1967)

Từ ngày 4 đến 6-10-1967, Sư đoàn 7 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Cửu Long 215/DT, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường. Trong hai ngày 30 và 31-10, Sư đoàn 7 mở chiến dịch Cửu Long 178, tìm diệt cộng quân tại tỉnh Kiến Hòa.

284- Chiến dịch Intosh Joyce 23 và 29 (tỉnh Long Khánh) (5 đến 18-10-1967)

Quân Mỹ đã mở chiến dịch Intosh Joyce 23 trong ngày 5-10-1967, và tiếp theo đó, mở chiến dịch Intosh Joyce 29 từ ngày 13 đến 18-10, để tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Long Khánh.

285- Các chiến dịch Blue Max, Boudinot (tỉnh Phước Long, Darlac) (5-10 đến 31-12-1967)

Trong ngày 5-10-1967, Lực lượng xung kích cơ động MIKE 2 Mỹ mở chiến dịch Blue Max, chỉ huy Biệt đội A-217 xuất phát từ phi trường Pleiku nhảy dù xuống khu đồi núi phía đông nam Bu Prang để bảo vệ an ninh khu vực và bảo vệ công trình xây dựng căn cứ phòng vệ dân sự mới tại Bu Prang thuộc địa bàn tỉnh Phước Long. Sau đó, Biệt đội A-236 từ Ban Mê Thuột được trực thăng vận xuống khu vực và bắt đầu công trình xây dựng căn cứ.

Từ ngày 15-10 đến 31-12, Lực lượng xung kích cơ động MIKE 5 Mỹ mở chiến dịch Boudinot, hành quân tìm diệt du kích Việt Cộng xung quanh khu vực Trảng Phục, thuộc tỉnh Darlac.

286- Các chiến dịch Bastion Hill, Granite, Lam Sơn 138, Liberty 2, Medina, Minefind, Osceola (tỉnh Quảng Trị) (6-10-1967 đến 20-1-1968)

Từ ngày 6 đến 10-10-1967, hai chiến đoàn đổ bộ Alpha và Bravo Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến 1/3 và 2/3, mở chiến dịch Liberty 2, đổ bộ lên bờ biển rồi hành quân do thám địch tình cộng quân tại khu sơn phần công hoang quốc gia Hải Lăng ở phía đông nam quận lỵ Hải Lăng. Quân Mỹ đã phát hiện mật khu 101 Việt Cộng trong khu rừng Hải Lăng cách tỉnh lỵ Quảng Trị gần 20 cây số về phía tây đang chứa chấp một lực lượng cỡ trung đoàn Bắc Việt.

Sau khi chuyển quân lên phía bắc tới tỉnh lỵ Quảng Trị, Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 1/1, 2/1, phối hợp với Tiểu đoàn 9 nhảy dù Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Medina từ ngày 11 tới 20-10, hành quân tập kích triệt hạ mật khu 101. Cùng lúc đó, Chiến đoàn Alpha cũng cho Tiểu đoàn 1/3 mở tiếp chiến dịch Bastion Hill và Trung đoàn 3/Sư đoàn 1 bộ binh VNCH cũng cho hai tiểu đoàn mở chiến dịch Lam Sơn 138 để phối hợp với chiến dịch Medina.

Từ ngày 20-10-1967 đến 20-1-1968, Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ chỉ huy bốn tiểu đoàn 1/1, 2/1, 1/3, 2/4, mở chiến dịch Osceola, tiếp tục tìm diệt cộng quân tại khu rừng Hải Lăng.

Từ ngày 25-10 đến 4-11-1967, Chiến đoàn đổ bộ Alpha chỉ huy hai tiểu đoàn TQLC 1/3 và 1/4 mở chiến dịch Granite tại khu rừng Hải Lăng và cũng để phối hợp chiến dịch Osceola.

Từ ngày 26-10 đến 1-12-1967, Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 TQLC Mỹ cũng cùng lúc mở chiến dịch Minefind, rà quét mìn tại khu vực Như Lễ thuộc tỉnh Quảng Trị.

287- Các chiến dịch Beautiful Plum 2, Formation Leader, Knox, Onslow (Vùng 1 chiến thuật) (10-10 đến 4-11-1967)

Trong tháng 10-1967, Lực lượng thủy quân lục chiến Mỹ và các đơn vị Quân lực Việt Nam Cộng Hòa trấn giữ tại Vùng 1 chiến thuật tiếp tục mở các chiến dịch trong nỗ lực ngăn chặn quân cộng sản Bắc Việt.

Từ ngày 10 đến 24-10, TQLC Mỹ mở chiến dịch Beautiful Plum 2, tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Từ ngày 15 đến 17-10, Tiểu đoàn 1/5 TQLC Mỹ phối hợp với Tiểu đoàn 21 biệt động quân VNCH mở chiến dịch Onslow, tìm diệt cộng quân tại phía bắc thung lũng Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 17 đến 24-10, Chiến đoàn đổ bộ Bravo Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn TQLC 2/3, 2/26 mở chiến dịch Formation Leader, tìm diệt cộng quân tại phía đông quốc lộ 1 thuộc các quận Phú Lộc và Vĩnh Lộc, tỉnh Thừa Thiên.

Từ ngày 24-10 đến 4-11, Trung đoàn 7/Sư đoàn 1 TQLC và Chiến đoàn đổ bộ Bravo Mỹ (với Tiểu đoàn 2/3 TQLC) mở chiến dịch Knox, tìm diệt cộng quân tại địa bàn giáp ranh hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Nam từ Phú Lộc tới Đà Nẵng.

Đêm 30-10-1967, cộng quân Quân khu 5 pháo kích và tập kích vào sân bay An Hòa (tỉnh Quảng Nam). Quân Mỹ chết 11, bị thương 16, thiệt hại 5 máy bay. Hỏa lực quân Mỹ từ xe tăng thiết giáp, máy bay tấn công dồn dập chỉ trong 5 phút đã kết thúc trận đánh. Cộng quân bỏ lại trận 186 xác và thương binh; bị bắt và ra hàng 12.



Binh sĩ Mãng Xà Vương ở Phước Thọ, tháng 10-1967

288- Các chiến dịch Lardyar, Narasuan (tỉnh Biên Hòa) (10-10-1967 đến 7-4-1968)

Từ ngày 11-7 đến 28-10-1967, các đơn vị của Trung đoàn tình nguyện Quân lực hoàng gia Thái Lan (Mãng Xà Vương) lần lượt sang Việt Nam và đóng quân tại căn cứ Bearcat ở quận Long Thành, cách tỉnh lỵ Biên Hòa 20 cây số về phía đông nam. Ngay sau khi vừa đến Việt Nam, Trung đoàn Mãng Xà Vương mở chiến dịch Lardyar từ ngày 10 đến 14-10, hành quân kiểm soát địa bàn xung quanh khu vực đóng quân.

Sau một loạt trận lớn nhỏ tác chiến cùng với quân Việt Nam Cộng Hòa, từ ngày 20-10-1967 đến 7-4-1968, Trung đoàn Mãng Xà Vương bắt đầu mở riêng một chiến dịch quy mô lớn đầu tiên mang mật danh Narasuan, tìm diệt cộng quân và thực hiện chương trình bình định tại quận Nhơn Trạch ở phía nam tỉnh Biên Hòa. Trong chiến dịch này, quân Thái chết 34, bị thương 55; quân Việt Cộng bỏ lại trận 145 xác.

289- Chiến dịch Coronado 6, 7, 8 (tỉnh Gia Định, Long An, Biên Hòa) (11 đến 29-10-1967)

Từ ngày 11 đến 18-10-1967, Giang lực lưu động với nòng cốt là Lữ đoàn 2/Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ, mở chiến dịch Coronado 6, xuất phát từ Vũng Tàu hành quân tìm diệt quân Việt Cộng tại Biệt khu Rừng Sát thuộc địa bàn duyên hải tỉnh Gia Định.

Từ ngày 21 đến 26-10, Giang lực lưu động Mỹ mở chiến dịch Coronado 7, tìm diệt cộng quân tại phía bắc quận Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Từ ngày 27 đến 29-10, Giang lực lưu động Mỹ chỉ huy ba tiểu đoàn 3/47, 4/47, 3/60, phối hợp với Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh của Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ và Trung đoàn Mãng Xà Vương Thái Lan mở chiến dịch Coronado 8, tìm diệt quân cộng quân tại khu vực phía bắc Biệt khu Rừng Sát và quận Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hòa.

290- Chiến dịch Mac Arthur/Bình Tây (ba tỉnh Kontum, Pleiku, Darlac) (12-10-1967 đến 31-1-1969) – Trận Dak To (từ 2 đến 24-11-1967)

Sau khi hoàn thành chiến dịch Francis Marion, Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ và Trung đoàn 42 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa lại khởi động một chiến dịch dài hạn mới có mật danh Mac Arthur/Bình Tây từ ngày 12-10-1967 đến 31-1-1969, để bảo vệ vùng cao nguyên phía tây ba tỉnh Kontum, Pleiku, Darlac, từ Dak Pek tới thung lũng Ia Drang. Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ, Lữ đoàn 173 không vận Mỹ và Sư đoàn nhảy dù VNCH sẵn sàng tăng viện cho chiến dịch khi có giao tranh lớn xảy ra. Là lực lượng xuất kích đầu tiên, Tiểu đoàn 2/8 bộ binh cơ giới Mỹ kéo tới Dak To để bảo vệ căn cứ này trong khi Tiểu đoàn 2/503 Mỹ cũng kéo tới Tuy Hòa và Tiểu đoàn 1/8 bộ binh Mỹ không vận tới tỉnh Darlac.

Quân đồng minh đã đụng độ ác liệt với một lực lượng cỡ sư đoàn cộng quân tại trận Dak To (từ 2 đến 24-11-1967). Sau khi có được thông tin từ một vài tù binh cộng sản Bắc Việt khai báo là cộng quân sắp mở một cuộc tấn công lớn vào căn cứ Dak To và vùng lân cận, Quân đoàn 1 đã chiến Mỹ quyết định tăng cường quân cho địa bàn chiến dịch Mac Arthur để đối phó. Tiểu đoàn 4/503 của Lữ đoàn 173 không vận Mỹ từ Tuy Hòa được không vận cấp tốc lên phi trường Dak To để tăng viện cho cho hai tiểu đoàn của Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ đang

đóng tại đây, và ngay sau đó được lệnh di chuyển bằng quân xa tới căn cứ Bến Hét. Cùng lúc đó, hai tiểu đoàn 3/8, 3/12 từ căn cứ Dak To cũng đánh dạt về phía tây nam chiếm lĩnh khu đồi 1338.

Sau khi chuyển quân tới Bến Hét, từ ngày 6 đến 8-11-1967, Tiểu đoàn 4/503 tập kích đường không chiếm ngọn đồi 823 trong dãy núi Ngok Kom Leat ở phía tây nam Bến Hét; trong khi đó, Tiểu đoàn 1/503 từ Tuy Hòa tới làm lực lượng trừ bị tại Bến Hét.

Sau loạt trận giao tranh ác liệt đẫm máu tại dãy núi Ngok Kom Leat và khu đồi 1338, ngay trong ngày 9-11, quân đồng minh lập tức gia cố thêm quân tới khu vực Dak To. Lữ đoàn 173 không vận Mỹ cho Tiểu đoàn 2/503 tới Bến Hét để tiếp tục cuộc tập kích về phía nam đánh chiếm Đồi 875; trong khi Tiểu đoàn 3/503 tiếp tục một mình tham gia chiến dịch Bolling. Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ cũng cho hai tiểu đoàn 1/8 và 1/12 kỵ binh không vận tới Kontum rồi hành quân tìm diệt tại các thung lũng Dak Hodrai và Krong Poko. Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ cho hai tiểu đoàn 1/8 và 1/12 bộ binh tới tăng cường cho các tiểu đoàn của Lữ đoàn 1/Sư đoàn 4 đang đóng tại khu vực Dak To. Sư đoàn nhảy dù VNCH cho ba tiểu đoàn 2, 3, 9 nhảy dù và Tiểu đoàn 3/42 bộ binh đánh mạnh về phía đông bắc tới chiếm Đồi 1416. Để hỗ trợ cho cuộc xuất quân của Tiểu đoàn 1/8 từ tỉnh Darlac, Tiểu đoàn 4/39 của Lữ đoàn 1/ Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ cũng được không vận từ căn cứ Bearcat (Long Thành, Biên Hòa) ra phía đông Ban Mê Thuột để tham gia chiến dịch Mac Arthur.

Sau khi được biệt phái tham gia và hoàn thành chiến dịch Champaign, ngày 26-3-1968, Tiểu đoàn 2/35 bộ binh trở về quyền chỉ huy của Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 và chuyển quân tới căn cứ hỏa lực 7 ở tỉnh Kontum để tham gia chiến dịch Mac Arthur/Bình Tây.

Từ ngày 19 đến 24-6-1968, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ lùng sục kỹ thung lũng Dak Pihao, còn được quân Mỹ gọi là Thung lũng VC, để tìm diệt Trung đoàn 95B Bắc Việt.

Nhận được nguồn tin tình báo quả quyết Sư đoàn 1 Bắc Việt từ phía nam tỉnh Kontum vừa tập kết tại mật khu 740 tại tỉnh Darlac để chuẩn bị tấn công tỉnh lỵ Ban Mê Thuột, Sư đoàn 4 bộ binh Mỹ đã điều động Lữ đoàn 2 gồm ba tiểu đoàn bộ binh 1/12, 1/22, 2/35, ba đại đội kỵ binh B/1/10, A/7/17, D/7/17, tới phi trường Đông Ban Mê Thuột và hành quân về phía tây bắc tới căn cứ phòng vệ dân sự Trảng Phục để truy tìm cộng quân. Cùng lúc đó, Lữ đoàn 3 cũng chuyển quân tới bãi đáp Oasis để thay thế Lữ đoàn 2 bảo vệ khu vực.

Tính chung trong chiến dịch Mac Arthur/Bình Tây, quân Mỹ chết 382; quân VNCH chết 256; quân Việt Cộng bỏ lại trận 5.731 xác.

291- Trận Ông Thành (tỉnh Bình Dương, 17-10-1967)

Trong đội hình chiến dịch Shenandoah 2 diễn ra từ ngày 27-9 đến 19-11-1967, Trung đoàn 28/Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ đóng quân tại Lai Khê để tham gia nhiệm vụ tìm diệt các đơn vị cộng quân xâm nhập từ Cambodia vào đánh phá tại khu vực phía bắc tỉnh Bình Dương.

Ngày 8-10-1967, Tiểu đoàn 2/Trung đoàn 28 do trung tá Terry Allen chỉ huy, nhận được tin tình báo có một đơn vị Bắc Việt đang ẩn nấp tại khu vực gần Chơn Thành. Ba đại đội của Tiểu đoàn 2 là Alpha (A), Bravo (B) và Delta (D) được lệnh di chuyển bằng máy bay trực thăng 21 cây số về hướng tây bắc Lai Khê. Còn đại đội thứ tư là Đại đội Charlie (C) được điều đi hỗ trợ ở mặt trận khác – bảo vệ đường tiếp vận cho Đoàn 15 pháo binh Mỹ. Khi đến nơi, ba đại đội A, B, D Mỹ đóng quân đã chiến ở khu vực ngã ba suối Ông Thành, một vùng có nhiều cây cao và bụi cây đan xen dày đặc, có nhiều con lạch nhỏ. Từ đây, quân Mỹ tổ chức đi thám thính khu vực xung quanh, đều phát hiện thấy dấu vết của Việt Cộng.

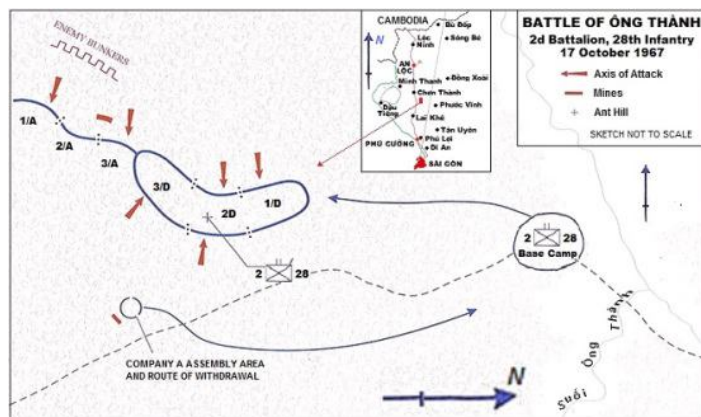
Ngày 16-10, chỉ huy quân Mỹ xác định Trung đoàn 1/Sư đoàn 9 cộng quân, mà phía Mỹ gọi mật danh là Trung đoàn 271, đang ẩn nấp tại khu vực phía tây nam Suối Ông Thành, thuộc huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Dương, cách Sài Gòn 60 cây số về phía tây bắc. Lúc ấy, Trung đoàn 1/9 VC đang trên đường hành quân trong một chiến dịch khác thì hết gạo ăn, phải dừng lại chờ Đoàn hậu cần 83 đưa gạo tiếp tế. Cho đến sáng 17-10 khi trận đánh diễn ra, Trung đoàn 1/9 đã hết gạo ăn đến 6 ngày, đang ẩn nấp và cố tránh đụng độ với Mỹ.

Vào đêm 16, Mỹ huy động máy bay B-52 ném bom khu vực suối Ông Thành để dọn đường.

Lúc 8 giờ sáng 17-10, Tiểu đoàn 2/28 để Đại đội B ở lại bảo vệ doanh trại dã chiến, còn 2 đại đội A và D, tổng cộng khoảng 150 người, đi xuyên qua vùng cây cối rậm rạp và khó đi, trực tiếp mở cuộc tấn công bộ binh vào thẳng nơi cộng quân đang ẩn nấp. Đến 10 giờ sáng sau khi di chuyển được 800 mét, Đại đội A bắt đầu chạm súng với khoảng 1.400 quân của Trung đoàn 1/9 và Đại đội C1 thuộc Đoàn 83. Chỉ ít phút sau, Đại đội A đã bị thương vong hoàn toàn, trong đó có trung tá tiểu đoàn trưởng Allen thiệt mạng.

Ngay lúc đó Đại đội D đến nơi tiếp chiến và gọi pháo binh yểm trợ hỏa lực. Do cũng thiệt hại nặng và sợ máy bay B-52 kéo đến nên lúc 12 giờ, cộng quân rút về biên giới Cambodia.

Kết quả, có 64 binh sĩ Mỹ thiệt mạng, 75 bị thương và 2 mất tích. Cộng quân bỏ lại trận 22 xác và phía Mỹ cho rằng 103 cán binh Việt Cộng đã chết trong trận này.



(<http://defence.pk>)

292- Chiến dịch Don Ched 1 (Vùng 3 chiến thuật) (17 đến 20-10-1967)

Từ ngày 17 đến 20-10-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 4/39 phối hợp với Trung đoàn Măng Xà Vương Thái Lan mở chiến dịch Don Ched 1, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn Vùng 3 chiến thuật.

293- Chiến dịch Valdosta 2 (tỉnh Long Khánh) (20 đến 23-10-1967)

Từ ngày 20 đến 23-10-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ mở chiến dịch Valdosta 2, hành quân tuần tra bảo vệ an ninh giao thông tại địa bàn tỉnh Long Khánh.

294- Giao tranh ở các tỉnh Phước Long, Bình Long, Biên Hòa (23-10-1967)

Từ sau hội nghị Trung ương cục miền Nam vào trung tuần tháng 10-1967 và hội nghị mở rộng Ủy ban trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 22-7-1967, cộng quân miền Nam mở một chiến dịch và một số trận đánh lớn ở khu vực gần Sài Gòn để thăm dò thái độ và khả năng phản ứng của quân đồng minh trước khi mở đợt tổng tấn công Xuân Hè 1968.

Ngày 23-10-1967, cộng quân tấn công các khu vực gồm tỉnh lỵ Phước Bình (tỉnh Phước Long), quận Lộc Ninh (tỉnh Bình Long) và khu vực lân cận thuộc phía bắc tỉnh Biên Hòa. Đồi bên đã diễn ra 6 trận giao tranh lớn nhỏ. Kết quả, quân Mỹ chết 56, bị thương 184; quân VNCH chết 324, bị thương 1.406; thiệt hại 45 xe tăng, thiết giáp, 13 máy bay, 36 đại bác. Cộng quân bỏ lại trận 2.265 xác và 819 thương binh; bị bắt và ra hàng 75.

295- Các chiến dịch Do Hae Di 3, Ninh Hòa 1 (Khánh Hòa, Phú Yên) (24-10 đến 7-11-1967)

Từ ngày 24 đến 28-10-1967, Trung đoàn 29/Sư đoàn 9 bộ binh (Bạch Mã) Hàn Quốc mở chiến dịch Ninh Hòa 1, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn quận Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Từ ngày 30-10 đến 7-11, Trung đoàn 28/Sư đoàn Bạch Mã mở chiến dịch Do Hae Di 3, tìm diệt cộng quân tại khu vực Tân Mỹ, tỉnh Phú Yên.



Trưởng niệm đồng đội Mỹ chết trong chiến dịch Wheeler (tỉnh Quảng Tín, 11-9 đến 11-11-1967); Nạn nhân pháo kích của cộng quân ở ngoại ô Sài Gòn (29-10-1967)

296- Chiến dịch Lộc Ninh (liên tỉnh Bình Long-Phước Long) (27-10 đến 5-12-1967) – Trận Lộc Ninh (29-10 đến 4-11-1967)

Chỉ 4 ngày sau loạt trận ác chiến Lộc Ninh – Phước Bình, chủ lực cộng quân miền Nam tiếp tục mở chiến dịch Lộc Ninh từ ngày 27-10 đến 5-12-1967, tấn công quân đồng minh ở khu vực Lộc Ninh (tỉnh Bình Long), Bù Đốp (tỉnh Phước Long) nhằm thăm dò khả năng phản ứng của quân đồng minh, tiêu diệt một bộ phận sinh lực đối phương, chuẩn bị cho chiến dịch tổng tấn công Mậu Thân.

Sau khi tập kích vào khu vực Sông Bé, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ mở rộng phạm vi hành quân của chiến dịch Shenandoah 2 để bảo vệ căn cứ phòng vệ dân sự Lộc Ninh mà theo tin tình báo là mục tiêu Việt Cộng đang chuẩn bị lực lượng đánh chiếm. Tiểu đoàn 1/18 bộ binh và Tiểu đoàn 6/15 pháo binh Mỹ được không vận khẩn cấp tới Lộc Ninh để thiết lập các phòng tuyến tại làng Srok Silamlite. Trận Lộc Ninh diễn ra ác liệt từ ngày 29-10 đến 4-11-1967.

Sau 40 ngày diễn ra chiến dịch Lộc Ninh của Việt Cộng, đôi bên đã giao tranh 60 trận ác chiến lớn nhỏ. Kết quả, quân Mỹ chết 159, bị thương 517; quân VNCH chết 442, bị thương 2.342; thiệt hại 103 xe quân sự các loại. Cộng quân bỏ lại trận 2.847 xác và 1.510 thương binh; bị bắt và ra hàng 104.

297- Đánh phá ở Sài Gòn (29-10 đến 1-11-1967)

Đêm 29-10-1967, cộng quân Sài Gòn – Gia Định bất ngờ bắn hàng loạt súng cối và tập kích vào trung tâm thông tin quân sự Mỹ giữa Chợ Lớn (Đô thành Sài Gòn) làm chết 19, bị thương 38 binh sĩ, sĩ quan Mỹ. Quân Mỹ và VNCH phản kích làm 24 cộng quân chết, 15 bị thương và bị bắt.

Sáng 1-11-1967, Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa tổ chức lễ quốc khánh 1-11 và lễ nhậm chức của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, có mít tinh, diễu hành trước sân dinh Độc Lập. Tranh thủ dịp này, quân Việt Cộng từ một điểm ở ngoại thành Nhà Bè pháo kích một loạt đạn súng cối vào giữa sân lễ, làm chết 4 quan chức, 2 binh sĩ và 8 thường dân, bị thương hàng chục người khác.

298- Một số tình hình trong tháng 11-1967

Trong tháng 11-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm có: Phi đoàn 163 trực thăng thủy quân lục chiến (1-11, đóng ở Phú Bài); Đại đội 195 không yểm (1-11, đóng ở Long Bình); Đại đội 235 không yểm (1-11, đóng ở Cần Thơ); Phi đoàn 604 biệt kích đường không (15-11, đóng ở Biên Hòa); Phi đoàn 314 tiêm kích tấn công TQLC (16-11, đóng ở Chu Lai); Sở chỉ huy Lữ đoàn 2 và Lữ đoàn 3/Sư đoàn 101 không vận (18-11, đóng ở Biên Hòa); Sở chỉ huy Sư đoàn 101 không vận (19-11, đóng ở Biên Hòa); hai tiểu đoàn pháo binh 2/319 và 1/321 (19-11, đóng ở Biên Hòa); Phi đoàn 13 ném bom (21-11, đóng ở Phan Rang); Đại đội 61 không yểm (21-11, đóng ở An Sơn/sân bay Lane); Đại đội 134 không yểm (22-11, đóng ở Phú Hiệp); Đại đội 92 không yểm (23-11, đóng ở Đồng Bà Thìn, Cam Ranh); Tiểu đoàn 326 công binh (24-11, đóng ở Biên Hòa); Tiểu đoàn 2/3 TQLC (30-11, đóng ở Đông Hà). Các đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm: Phi đoàn 542 tiêm kích tấn công TQLC (15-11); Phi đoàn 361 trực thăng TQLC (16-11, chuyển sang Chiến đoàn đổ bộ); Phi đoàn 8 ném bom (22-11); Tiểu đoàn 3/1 TQLC (30-11, chuyển sang Chiến đoàn đổ bộ).

Đại đội V2/Tiểu đoàn 1 hoàng gia Tân Tây Lan sang Việt Nam ngày 12-11 đóng ở Núi Đất, thay cho Đại đội V1 về nước ngày 13-11.

Các đơn vị Mỹ di chuyển vị trí đóng quân gồm: Đại đội 190 không yểm chuyển tới Đức Phổ (1-11) rồi tới Biên Hòa (15-11); Tiểu đoàn 4/503 bộ binh chuyển tới Dak To (2-11); Tiểu đoàn 1/503 bộ binh chuyển tới Dak To (6-11); Sở chỉ huy Lữ đoàn 173 không vận và Tiểu đoàn 2/503 bộ binh chuyển tới Dak To (9-11); Sở chỉ huy Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận chuyển tới Phan Rang (23-11); các tiểu đoàn bộ binh 1/327, 2/327, 2/502, chuyển tới Phan Rang (23-11); Sở chỉ huy Lữ đoàn 196 bộ binh chuyển tới Tam Kỳ (25-11); các tiểu đoàn bộ binh 2/1, 3/21, 4/31 chuyển tới Tam Kỳ (25-11); Tiểu đoàn 4/39 bộ binh chuyển tới Ban Mê Thuột; Tiểu đoàn 1/27 pháo binh chuyển tới Dầu Tiếng; Phân đội C/Tiểu đoàn 7/17 không kỵ chuyển tới Chu Lai.

299- Quan điểm và chánh sách của Chánh phủ Mỹ (tháng 11-1967)

Trong năm 1967, tổng thống Johnson nhiều lần tuyên bố tạm hài lòng với tình hình ở Việt Nam. Việc ngăn chặn cộng sản tuy tiến triển chậm và có tổn thất nhưng vững chắc. Thương vong và thiệt hại của Việt Cộng ở hai miền ngày càng cao. Những dòng người Việt di tản vào các thành phố tuy gây khó khăn nhưng giúp dân chúng có cuộc sống an ninh hơn. Kinh tế xã hội tiến triển với nhiều công trình giao thông, xây dựng, kiến trúc mới hoàn thành. Chánh phủ và Quốc hội Việt Nam vừa được dân chúng bầu cử ra và ban hành Hiến pháp dân chủ ngày 1-4-1967. Tuy nhiên, tổng thống Johnson cũng cho rằng dân chúng Mỹ đang ngày càng giảm bớt sự ủng hộ của Mỹ với cuộc chiến ngăn chặn cộng sản tại Việt Nam, mà nguyên nhân chủ yếu là do tác động tiêu cực của giới truyền thông Mỹ. Johnson đã than phiền với tiến sĩ sử học Henry F. Grap của trường đại học Colombia rằng: *Tình thế đã đến cái nước là anh không thể ăn nằm với vợ mà bọn phản bội lại không biết để nói toang ra. Johnson khẳng định tiếp: Giới báo chí cứ thường xuyên chắt vắn chánh sách của chúng ta và những tiến bộ trong cuộc chiến Việt Nam, họ cứ rình mò để chộp lấy những tin vì những động cơ chánh trị rẻ tiền. (...) Cái khác nhau duy nhất giữa việc ám sát Kennedy và tôi là ở chỗ tôi vẫn còn sống và điều đó lại bị dần vạt hơn nhiều. (...) Có một niềm tin lạc quan trong huyết quản mạch bảo với tôi rằng không có ai trên đời này lại hoàn*

toàn thoát khỏi sự cứu chuộc, và rằng bất cứ kẻ tội lỗi nào cũng có thể tìm ra được ánh sáng thiên đường. Ngay cả khi tôi bị chỉ trích kịch liệt nhất, tôi vẫn duy trì sự tiếp xúc cá nhân với những kẻ ly khai, những kẻ chống đối, những nhà báo đầy hoài nghi và các chủ báo của họ, và những người hợp tác với tôi nhận được tín hiệu rằng họ phải hành động như vậy. Có thể một người nào đó sẽ nghe và hiểu ra được.

Từ mùa xuân 1967, bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mc Namara đề nghị ngừng ném bom phía trên vĩ tuyến 20, nhưng tổng thống Johnson không đồng ý. Sau đó, Mc Namara vẫn kiên trì đề nghị tổng thống ngưng ném bom để có thể thương lượng hòa bình với Bắc Việt với điều kiện là họ không lợi dụng việc này để leo thang ở miền Nam. Mc Namara cho biết Mỹ đã tiến hành 173.000 phi vụ ném bom ở Việt Nam, có 1.900 mục tiêu cố định ở Bắc Việt đã bị đánh phá, trong đó phá hủy 4.100 xe tải, làm hư hại 4.000 xe khác, phá hủy 85% điện năng; Miền Bắc hiện còn 47 mục tiêu chưa bị tấn công, trong đó có nhà máy lớp xe, nhà máy pin, vài trạm biến thế, 9 trạm xăng dầu, cảng Hải Phòng, và hai cảng nhỏ khác... Nếu ném bom cảng Hải Phòng thì có nguy cơ trúng tàu Liên Xô, trong khi hàng tiếp tế vẫn có thể chở vào bằng những thuyền nhỏ dọc bờ biển dài hơn 700 cây số hay tràn qua biên giới Trung Cộng dài 900 cây số. Mc Namara cho rằng Bắc Việt không phải là Nhật hay Đức, mà là một nước nông nghiệp lạc hậu, và chỉ cần những nhu cầu khiêm tốn để tiếp tục chiến tranh. Giới cầm quyền Bắc Việt vẫn quyết tâm chiến tranh và dân chúng đã quen với khó khăn gian khổ và không thể cưỡng lại được đường lối cai trị của chế độ. Vì thế ít có lý do để nghĩ rằng việc ném bom sẽ đảo lộn được tình hình, mà kẻ địch chỉ có thể bị đánh bại ngay trên chiến địa miền Nam Việt Nam mà thôi.

Ngày 9-8-1967, Tiểu ban Điều tra tình trạng khả thi thuộc Ủy ban Quân lực Thượng viện Mỹ họp để chất vấn các tướng lĩnh hàng đầu quân đội về hiệu quả cuộc không kích Bắc Việt. Những người được chất vấn lần lượt gồm: đô đốc G. Sharp, tư lệnh Lực lượng Thái Bình Dương, người kiểm tra toàn cục việc không kích Bắc Việt; đô đốc R. Johnson, tư lệnh Hạm đội Thái Bình Dương; tướng John Reyan, tư lệnh Không lực Thái Bình Dương; tướng O. Wyler, chủ tịch Bộ tham mưu liên quân, trung tướng Robert Momayer, tư lệnh Không lực 7 ở Việt Nam; tướng John P. Mc Connen, tham mưu trưởng Không quân; đô đốc Thomas H. Murrow, cục trưởng Cục Tác chiến hải quân. Tất cả đều bác bỏ việc ngừng ném bom ở vĩ tuyến 20 và tán thành tấn công vào những mục tiêu mới ở Bắc Việt.

Ngày 25-8-1967, Tiểu ban Điều tra họp tiếp để nghe điều trần của bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara. Những ngày đầu cuộc chiến, Mc Namara là người ủng hộ việc ném bom Bắc Việt (từ 1964) và đưa bộ binh vào Việt Nam (từ 1965). Tuy nhiên từ mùa xuân và nhất là đến tháng 8-1967, Mc Namara cho biết cảm thấy điều gì đó không tốt lành ngày một tăng lên, và cực kỳ nản chí trước việc hủy diệt Việt Nam bằng sức mạnh khổng lồ của sắt thép và chất nổ. Mc Namara cho rằng tổn thất về phi công và máy bay của Mỹ là đáng lo ngại, nhưng điều đáng lo hơn là việc hủy diệt miền Bắc không thể làm lay động ý chí cuồng chiến của lãnh đạo cộng sản Bắc Việt và buộc họ ngừng chiến, mà việc tăng cường không chiến và địa chiến ở miền Bắc sẽ dẫn đến các cuộc chiến tranh mở rộng với Trung Cộng và Liên Xô.

Ngày 1-11-1967, Mc Namara đệ trình một loạt kiến nghị nhằm giảm bớt và cuối cùng chấm dứt sự dính líu của Mỹ tại Việt Nam. Đó là: 1- *Ngừng ném bom Bắc Việt.* 2- *Tuyên bố Mỹ không tiếp tục gửi quân sang Miền Nam.* 3- *Xem xét lại các cuộc hành quân của Mỹ nhằm giảm bớt thương vong và sự tàn phá cho đất nước và con người Việt Nam, và chuyển vai trò ngày càng lớn lao cho Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.*

Tổng thống Johnson bí mật gửi kế hoạch này cho 11 cố vấn thân cận nhất nhưng không nói rõ ai là tác giả đề hỏi ý kiến. Bộ trưởng Ngoại giao Rarces và thứ trưởng Ketgien Bach tán thành chỉ một vài điểm, trong khi chín người còn lại cực lực phản đối. Bản thân Johnson cũng phản đối kế hoạch này, vì thế sẵn dịp McNamara xin từ chức vào cuối tháng 11-1967, Johnson quyết định cử McNamara làm chủ tịch Ngân hàng Thế giới và bàn giao cho Clark Clifford thay làm bộ trưởng Bộ Quốc phòng từ 1-3-1968.

Ngày 11-11-1967, tổng thống Johnson kêu gọi Bắc Việt ngồi vào bàn thương lượng ngừng chiến nhưng Việt Cộng từ chối. Cũng trong ngày 11-11-1967, sau một cuộc họp đầy không khí lạc quan tại Bạch Cung với sự tham dự của đại tướng Westmoreland, đại sứ Bunker và đặc sứ Robert Komer vừa từ Sài Gòn về báo cáo tình hình, tổng thống Johnson nói chuyện với công chúng Mỹ trên truyền hình: *‘Chúng ta đang giáng một đòn lớn hơn với tổn thất thấp... Chúng ta đang tiến đến thắng lợi’* (We are inflicting greater losses than we're taking... We are making progress). Cùng lúc đó, trả lời phỏng vấn của tạp chí Time, tướng Westmoreland chế nhạo Việt Cộng: *‘Tôi hy vọng họ nỗ lực làm một cái gì đó bởi vì chúng ta đang trông chờ một cuộc giao tranh’* (I hope they try something because we are looking for a fight).

Sáng 15-11-1967, đại tướng William Westmoreland, tư lệnh Quân lực Mỹ tại Việt Nam, đã phát biểu với báo chí tại căn cứ không quân Andrew: *Bọn cộng sản sẽ chẳng bao giờ bị đẩy đến một giải pháp thương lượng về chiến tranh. Ngoại trừ những cuộc hành quân tấn công Bắc Việt, một chiến thắng quân sự cổ điển xem ra hoàn toàn không thể có được. Vì vậy, chiến lược thực tế duy nhất theo tôi là nghiền nát Việt Cộng ở cả miền Bắc lẫn*

miền Nam, xây dựng lực lượng cho đồng minh Việt Nam Cộng Hòa và chuẩn bị để bàn giao chiến tranh cho họ. (...) Mục tiêu của chúng ta – bằng những hoạt động quân sự và tâm lý nhằm làm suy yếu kẻ địch và tăng sức mạnh của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa để rồi chúng ta có thể lần hồi giảm bớt mức độ cam kết một cách nhanh chóng nhất. Mục tiêu của kẻ địch là phải kéo dài chiến tranh và đang xúc tiến một cuộc tấn công lớn về quân sự và tâm lý nhằm làm suy yếu quyết tâm của chúng ta. (...) Trong khoảng hai năm hay ngắn hơn, Quân lực Việt Nam phải sẵn sàng đảm nhiệm vai trò ngày càng tăng trong chiến tranh để từ đó cho phép chúng ta bắt đầu giảm dần mức độ cố gắng của mình.

Ngày 21-11-1967, tại câu lạc bộ báo chí toàn quốc ở Washington, đại tướng Westmoreland đọc bài diễn văn mang tựa đề *Báo cáo về tiến triển*, trong đó, chia quá trình tham chiến của Mỹ ở Việt Nam thành bốn giai đoạn. Giai đoạn một là hoạt động cứu trợ từ 1965 đến giữa 1966. Giai đoạn hai xây dựng lực lượng và phản công tiêu diệt cộng quân sắp hoàn thành nay mai. Giai đoạn ba từ năm 1968 Mỹ sẽ cung cấp thêm cho Việt Nam việc huấn luyện và trang bị và chuyển giao vai trò lớn hơn cho họ trong việc phòng ngự giới tuyến và khu phi quân sự. Vào giai đoạn cuối, sau khi hoàn tất việc truy quét nốt kẻ địch đang tan rã, quân Mỹ có thể rút dần về nước. Thời kỳ chuyển sang giai đoạn cuối cũng nằm trong tầm tay. Cuối năm 1967, đại tướng Westmoreland đề nghị tăng quân số với khoảng 200.000 quân Mỹ trong vòng sáu đến chín tháng để kết thúc nhanh giai đoạn hai và chuyển sang giai đoạn ba.

Ngày 29-11-1967, Robert McNamara tuyên bố từ chức bộ trưởng Quốc phòng. Thời gian gần đây, ông bắt đầu thường xuyên bày tỏ sự hoài nghi về chiến lược chiến tranh của tổng thống Johnson, khiến cho Johnson phải nhiều lần bức tức. Với sự từ nhiệm này, McNamara đã gia nhập danh sách ngày càng tăng của các trợ lý hàng đầu của Johnson đã từ chức vì bất đồng chánh sách như Bill Moyers, McGeorge Bundy, George Ball...

Ngày 30-11-1967, một hạ nghị sĩ có quan điểm chống chiến tranh của Đảng Dân chủ là Eugene McCarthy thông báo ý định tranh chấp với đương kim tổng thống Lyndon Johnson vị trí ứng viên trong cuộc bầu cử tổng thống sắp tới. McCarthy tuyên bố: ‘...chúng ta đang rơi vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc về vấn đề lãnh đạo, một cuộc khủng hoảng về hướng đi và một cuộc khủng hoảng về mục đích quốc gia... toàn bộ lịch sử của cuộc chiến ở Việt Nam, không gì khác hơn điều chúng tôi gọi, là một nỗ lực những sai lầm liên tiếp’ (...we are involved in a very deep crisis of leadership, a crisis of direction and a crisis of national purpose...the entire history of this war in Vietnam, no matter what we call it, has been one of continued error and misjudgment).

300- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 11-1967)

Theo Đài tiếng nói Việt Nam (Hà Nội), trong tháng 11-1967, Không quân Mỹ tiếp tục mở các cuộc không kích bằng phản lực cơ trên miền Bắc Việt Nam và tiếp tục có một số máy bay bị bắn rơi, một số phi công bị bắt.

Ngày 6-11, Bắc Việt tuyên bố bắn rơi chiếc máy bay thứ 2.500 rơi trên miền Bắc và là chiếc thứ 200 rơi trên vùng Hà Nội.

Ngày 25-11, Bắc Việt tuyên bố Phòng không tại Hải Phòng bắn rơi chiếc máy bay thứ 2.600 rơi trên miền Bắc

301- Loạt chiến dịch Ballistic Arch, Cove, Kentucky 1-2-3-4-5, Lancaster 1, Napoleon, Neosho, Newton, Scotland (tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên) (1-11-1967 đến 28-2-1969)

Bước vào tháng 11-1967, Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến Mỹ mở một loạt chiến dịch hành quân mới ở hai tỉnh địa đầu Quảng Trị và Thừa Thiên, phân công địa bàn hành quân cho các trung đoàn trực thuộc đảm trách.

– Trung đoàn 9 mở chiến dịch Kentucky từ ngày 1-11-1967 đến 28-2-1969. Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 107; quân Việt Cộng bỏ lại trận 3.921 xác. Chiến dịch chia thành năm pha.

Chiến dịch Kentucky 1 do năm tiểu đoàn 3/3, 1/4, 1/9, 2/9, 3/9 thực hiện từ ngày 1-11-1967 đến 28-2-1969 tại khu vực mệnh danh là tứ giác Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, là Gio Linh – Cồn Thiến – Cam Lộ – Đông Hà, thuộc tỉnh Quảng Trị.

Các pha 2, 3, 4, 5 đều do hai tiểu đoàn 1/1, 1/3 thực hiện. Trong đó: Chiến dịch Kentucky 2 diễn ra từ ngày 1 đến 8-11-1967 và chiến dịch Kentucky 3 diễn ra từ ngày 9 đến 19-11-1967, cùng tại khu phi quân sự phía bắc Cồn Thiến. Chiến dịch Kentucky 4 diễn ra từ ngày 20 đến 28-11-1967 tại khu phi quân sự phía bắc Cam Lộ. Chiến dịch Kentucky 5 diễn ra từ ngày 29-11-1967 đến 30-1-1968 tại khu phi quân sự giáp bờ biển, thuộc vùng Mai Xá Thi.

– Trung đoàn 3 mở chiến dịch Lancaster 1 từ ngày 1-11-1967 đến 20-1-1968 tại khu vực xung quanh căn cứ Carroll, dãy Rockpile và dọc theo quốc lộ 9 từ Cam Lộ tới Cà Lu thuộc tỉnh Quảng Trị

– Trung đoàn 26 từ Sư đoàn 5 TQLC Mỹ sang tăng cường, mở chiến dịch Scotland từ 1-11-1967 đến 30-3-1968 tại khu vực Khe Sanh phía tây tỉnh Quảng Trị và để nối tiếp theo chiến dịch Admore vừa hoàn thành. Trong chiến dịch, cộng quân bỏ lại trận 1.561 xác và thương binh.

- Trung đoàn 4 chỉ huy 5 tiểu đoàn 1/3, 2/3, 1/4, 3/4, 1/9, mở chiến dịch Neosho từ 1-11-1967 đến 20-1-1968 tại khu vực Cổ Bi, Thanh Tân phía bắc Cố đô Huế và xung quanh căn cứ Evans phía tây Huế từ sông Bồ tới sông Ô Lâu.
- Trung đoàn 12 pháo binh TQLC mở chiến dịch Newton từ ngày 1-11-1967 đến 28-2-1968, tập trung chi viện hỏa lực cho các chiến dịch hành quân của Sư đoàn 3 TQLC ở Vùng 1 chiến thuật, mà trọng điểm là hai tỉnh địa đầu Quảng Trị và Thừa Thiên.
- Tiểu đoàn 1 xe tăng lội nước mở chiến dịch Napoleon từ 1-11-1967 đến 28-2-1968, đổ bộ vào Cửa Việt rồi truy quét dọc theo bờ biển lên phía bắc, rồi đánh thọc về phía tây tới Gio Linh.
- Trung đoàn 4 chỉ huy 4 tiểu đoàn 1/4, 3/12, 2/26, 3/26, mở chiến dịch Cove từ ngày 17 đến 21-11-1967, tìm diệt quân Việt Cộng tại quận Phú Lộc, phía nam căn cứ Phú Bài, tỉnh Thừa Thiên.
- Chiến đoàn đổ bộ Alpha Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 1/3 TQLC mở chiến dịch Ballistic Arch từ ngày 24 đến 27-11-1967, tìm diệt quân Việt Cộng dọc theo bờ biển Mai Xá Thi phía bắc tỉnh Quảng Trị, cách khu phi quân sự 7 cây số về phía nam.

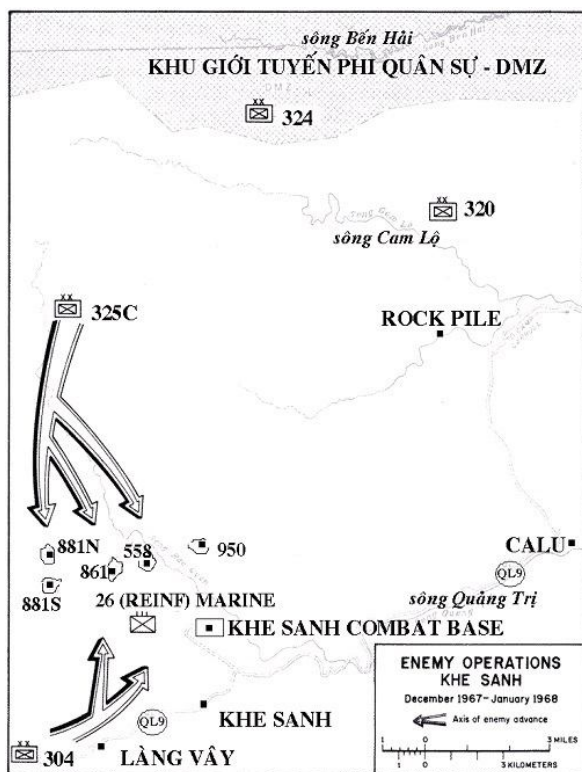
302- Chiến dịch Scotland 1 (tỉnh Quảng Trị) (1-11-1967 đến 30-3-1968)

Ngay sau khi kết thúc chiến dịch Admore, từ ngày 1-11-1967 đến 30-3-1968, liên quân Việt-Mỹ thực hiện chiến dịch hành quân Scotland 1 nhằm phát hiện và tiêu diệt quân Việt Cộng tại khu vực Khe Sanh và phía Nam khu giới tuyến giáp biên giới Việt-Lào, nghi binh đánh lạc hướng dẫn dụ cộng quân sa lầy trong Kế hoạch tấn công Xuân Hè 1968.

Tháng 12-1967, tin tình báo của Lực lượng Đặc biệt Mỹ-Việt phát hiện Sư đoàn 304 cộng quân vượt giới tuyến xâm nhập ngoại vi Khe Sanh, đồng thời trên tuyến đường mòn Trường Sơn cũng gia tăng vận chuyển nguồn quân cụ cung cấp đủ cho nhiều sư đoàn. Không lực Mỹ dùng phản lực cơ B-52 ném bom ngày đêm, mỗi phi vụ từ 250 đến 500 ký bom, gây tổn thất cực lớn nhưng vẫn không làm giảm cường độ xâm nhập của quân Bắc Việt.

Đại tướng Westmoreland và lãnh đạo quân đồng minh vào lúc này đã biết rõ về Kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy Xuân Hè 1968 của cộng quân, cũng như ý đồ của Bắc Việt muốn biến Khe Sanh thành một Điện Biên Phủ thứ hai nhằm thu hút chủ lực quân đồng minh về đây cho các nơi khác tổng tấn công theo kế hoạch. Nhưng sức mạnh của Mỹ năm 1968 khác xa với Pháp năm 1954, lãnh đạo quân đồng minh tương kế tựu kế, vừa chuẩn bị sẵn hỏa lực các nơi sẵn sàng nghênh chiến vừa làm như sắp sa lầy ở Khe Sanh. Vì thế, tướng Westmoreland trong tháng 12-1967 liên tục cho vận chuyển nhiều loại quân trang quân dụng, lương thực kém quan trọng lên chất đầy các căn cứ ở Khe Sanh. Giữa tháng 12-1967, Đại đội Bravo thuộc Tiểu đoàn thám báo Mỹ phát hiện nhiều bãi tên lửa 122 ly của cộng quân ở phía tây đồi 881 trong khu ngoại vi Khe Sanh. Quân Mỹ chỉ giao chiến cầm chừng nhưng đồng thời lại đưa nhiều đơn vị không kích đến Khe Sanh và cắt ngang đường Trường Sơn, tập trung hủy diệt tối đa các chuyển vận chuyển vũ khí, thiết bị, trong khi cố tình để lỏng cho các chuyển vận quân theo đất Lào xuôi Nam.

Trong suốt hai tuần cuối tháng 12-1967, cường độ giao tranh đôi bên tại Khe Sanh ngày càng lên cao trong khi hầu như tất cả các nơi khác trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa bỗng nhiên im ắng một cách lạ thường, như chỉ dấu chắc chắn sắp có cơn bão lớn. Để tạo thêm tin tưởng cho lãnh đạo Bắc Việt, ngày 20-12-1967, một tiểu đoàn thủy quân lục chiến Đại Hàn được bổ sung thêm cho Khe Sanh. Đồng thời CIA cũng phụ họa với bộ máy tuyên truyền Bắc Việt, thuê đăng trên nhiều tờ báo ở Mỹ và Tây Âu nhiều bài báo khẳng định Mỹ sắp sửa sa lầy ở Khe Sanh và Khe Sanh đúng là một Điện Biên Phủ thứ hai. Cú lừa gây ông đập lưng ông của Mỹ lần này tỏ ra có hiệu quả.



Mũi tấn công của cộng quân trong chiến dịch Khe Sanh (12-1967 – 1-1968)

Ngày 21-1-1968, quân Việt Cộng tập trung Sư đoàn 304 bao vây Khe Sanh. Pháo 122 ly, súng cối, đại bác cộng quân tới tấp rót vào Khe Sanh. Quân đồng minh cũng tỏ ra sẵn sàng nghênh chiến ở Khe Sanh, trong khi cũng hầu như ngưng hẳn các hoạt động quân sự tấn công cộng quân ở những nơi khác, theo như thỏa thuận hưu chiến ngầm để dân chúng vui Tết. Từ sáng 28 Tết, các báo Sài Gòn thân chánh quyền đồng loạt loan tin vợ chồng tổng thống Nguyễn Văn Thiệu về ăn Tết bên quê vợ ở Mỹ Tho. Các báo cũng cố tình loan tin các tướng lãnh cấp cao nhất nghỉ Tết nơi này nơi kia, và sự phòng thủ trong Tết quá nhiều lơ lửng. Trong khi đó, quân đồng minh đã hoàn thành bày rập sẵn sàng chờ đối phương sập vào khi giờ G bắt đầu, mà cụ thể của giờ G thì thật sự lãnh đạo quân đồng minh có lẽ cũng không ai biết rõ. Những ngày sau đó, quân đồng minh rút bỏ chỉ khu Hướng Hóa và làng Khe Sanh ở ngoại vi căn cứ Khe Sanh đúng như kịch bản Điện Biên Phủ trước đây. Đúng giao thừa 30 Tết Mậu Thân, cộng quân bắt đầu tấn công ở Huế, Sài Gòn và nhiều nơi. Tại Khe Sanh, Tiểu đoàn 37 biệt động quân Việt Nam Cộng Hòa tấn công và diệt gọn Tiểu đoàn 7/66/304.

Từ ngày 7-2-1968, quân đồng minh rút bỏ căn cứ Làng Vây. Các kho chiến lợi phẩm cộng quân thu được ở Hướng Hóa và Làng Vây chỉ toàn là bao đất cát, gạo mốc, súng đạn phế thải, thùng phuy rỗng, thậm chí có rất nhiều mìn cài sẵn.

Khuya 8-2, cộng quân bao vây căn cứ Tà Con ở ngoại vi Khe Sanh. Đến lúc này, cục diện cuộc tấn công Mậu Thân đã ngã ngũ với sự phá sản hoàn toàn của cộng quân, nên lãnh đạo đồng minh không cần nghi binh đánh lừa nữa. Cả Sư đoàn 304 bao vây căn cứ Tà Con nhỏ bé mà suốt gần hai tháng trời vẫn không thể chiếm nổi, trong khi thiệt hại gần một phần ba lực lượng. Cộng quân phải điều thêm một bộ phận Sư đoàn 325 vừa thất trận tại Quảng Trị sang vây hãm Khe Sanh.

Ngày 30-3-1968, chiến dịch Scotland 1 kết thúc, ghi dấu thành công kế hoạch dẫn dụ cộng quân từ chỗ dụ Mỹ sa lầy ở Khe Sanh thành tình thế cộng quân vừa phá sản ở các nơi khác vừa sa lầy ở chính Khe Sanh. Trong chiến dịch Scotland 1, cộng quân bỏ lại trận 1.561 xác và thương binh.

Từ ngày 1-4-1968, quân đồng minh tiếp tục thực hiện các chiến dịch Pegasus (1 đến 15-4-1968), Scotland 2 (15 đến 18-4-1968) để phản công và tiêu diệt hoàn toàn cộng quân ở Khe Sanh.

303- Chiến dịch Coronado 9 (Vùng 4 chiến thuật) (1-11-1967 đến 18-1-1968)

Sau khi chuyển quân về căn cứ Đồng Tâm, Giang lực lưu động Mỹ để Tiểu đoàn 3/60 ở lại bảo vệ căn cứ, rồi cử hai tiểu đoàn 3/47, 4/47 mở một chiến dịch mới có mật danh Coronado 9 từ ngày 1-11-1967 đến 18-1-1968, để thực hiện một loạt hành quân xâm nhập sâu vào khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Lữ đoàn giang chiến này thực hiện mục tiêu hành quân đầu tiên tại khu vực tây bắc quận Cái Bè, thuộc phía tây tỉnh Định Tường từ ngày 1 đến 3-11.

Trong hai ngày 5 và 6-11-1967, Giang lực lưu động cho hai tiểu đoàn 3/47, 4/47 tập kích mật khu Cẩm Sơn là căn cứ của Đoàn 20-7 cộng quân.

Ngày 6-11, Tiểu đoàn 5 thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa được tăng cường cho Giang lực lưu động và trở thành đơn vị cơ động thứ ba trong chiến dịch Coronado 9.

Trong hai ngày 9 và 10-11, Giang lực lưu động cho 3 tiểu đoàn 5, 3/47, 4/47 chiếm lãnh khu vực Ấp Bắc ở phía tây nam căn cứ Đồng Tâm, tìm diệt và quét sạch các đơn vị cộng quân tại đây.

Hai ngày 14 và 15-11, Giang lực lưu động chỉ huy hai tiểu đoàn 5 và 4/47 tuần tra trên tuyến Kinh Xáng phía đông căn cứ Đồng Tâm.

Từ ngày 16 đến 18-11, Giang lực lưu động chỉ huy 3 tiểu đoàn 5, 3/47, 4/47 tập kích tìm diệt quân cộng và triệt hạ mật khu 470 tại ranh giới hai tỉnh Định Tường – Kiến Phong.

Trong hai ngày 23 và 23-11, Giang lực lưu động chỉ huy 3 tiểu đoàn 5, 3/47, 4/47 trở lại một lần nữa tập kích mật khu Cẩm Sơn của Việt Cộng.

Từ ngày 27 đến 30-11, Giang lực lưu động chỉ huy 3 tiểu đoàn 5, 3/47, 4/47 hành quân tìm diệt cộng quân tại khu vực từ căn cứ Đồng Tâm đến Ấp Bắc.

Trong hai ngày 4 và 5-12, Giang lực lưu động chỉ huy 3 tiểu đoàn 5, 3/47, 4/47 chuyển quân tới Sa Đéc và mở cuộc lùng sục kỹ vào mật khu của Việt Cộng nằm dọc theo ranh giới hai tỉnh Kiến Phong và Định Tường.

Từ ngày 6 đến 13-12, Giang lực lưu động chỉ huy 3 tiểu đoàn 5, 3/47, 4/47 chuyển quân tới Vĩnh Long và mở cuộc hành quân ở khu vực phía nam quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Trong hai ngày 17 và 18-12, Giang lực lưu động trở về căn cứ Đồng Tâm để cho Tiểu đoàn 4/47 đổi phiên với Tiểu đoàn 3/60, và Tiểu đoàn 5 TQLC VNCH trở về đơn vị cũ.

Từ ngày 19 đến 22-12, Giang lực lưu động Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 3/47, 3/60 hành quân tại khu vực phía bắc quận Cai Lậy.

Từ ngày 23 đến 25-12, Giang lực lưu động Mỹ tập trung liên tục tuần tra dồn dập trong thời gian hưu chiến lễ Giáng sinh, cho Tiểu đoàn 3/47 hành quân tại phía tây bắc căn cứ Đồng Tâm, Tiểu đoàn 3/60 tuần tra xung quanh tỉnh lỵ Bến Tre, tỉnh Kiến Hòa.

Từ ngày 28 đến 30-12-1967, hai tiểu đoàn 3/47, 3/60 hành quân từ Cai Lậy tới Cái Bè.

Ngày 7-1-1968, hai tiểu đoàn 3/47, 3/60 hành quân tại khu vực phía đông tỉnh Vĩnh Long.

Hai ngày 10 và 11-1, hai tiểu đoàn 3/47, 3/60 hành quân tại quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Hai ngày 12 và 13-1, hai tiểu đoàn 3/47, 3/60 hành quân tại quận Bình Phước và kinh Chợ Gạo thuộc tỉnh Long An.

Từ ngày 14 đến 18-1, hai tiểu đoàn 3/47, 3/60 lùng sục kỹ khu vực xung quanh căn cứ Đồng Tâm trước khi kết thúc chiến dịch Coronado 9 và chuẩn bị Tết Nguyên đán.

Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 32; quân Việt Cộng bỏ lại trận 349 xác.

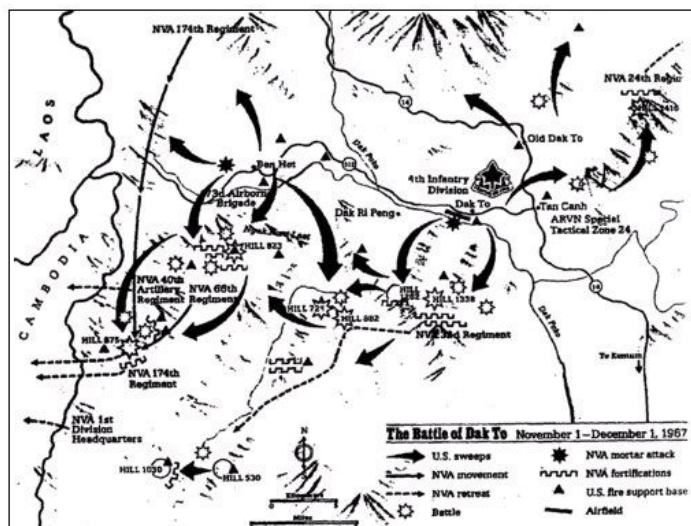
304- Chiến dịch Đắc Tô 2 (tỉnh Kontum) (3 đến 22-11-1967) – Chiến dịch Kham Zei 180 và 183 (16 đến 30-11-1967)

Từ ngày 26-3-1967, cộng quân Tây Nguyên xuất phát từ vùng ba biên giới liên tục đánh phá ở vùng Dak To (tỉnh Kontum) và dọc hai trục quốc lộ 14 và 19.

Mùa thu năm 1967, cộng quân đồng loạt tấn công nhiều tiền đồn Việt Nam Cộng Hòa án ngữ gần chiến khu C (Phước Long, Bình Long), và ở Kontum, vì hai khu vực này là cửa ngõ chiến lược quan trọng nhất trên hành lang xâm chiếm miền Nam. Để giải tỏa áp lực tại tiền đồn Dak To, 16 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 4 bộ binh và Lữ đoàn dù Mỹ và Lực lượng Nhảy dù Việt Nam đã liên tục giao tranh ác liệt với một sư đoàn cộng quân tại đây.

Đầu tháng 11-1967, Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên cộng quân quyết định mở chiến dịch Đắc Tô 2, nhằm *tiêu diệt một bộ phận Sư đoàn 4 bộ binh, Sư đoàn 1 kỵ binh, Lữ đoàn 173 không vận của Mỹ và Chiến đoàn 3 dù Quân đội Sài Gòn nhằm phối hợp với chiến trường đồng bằng Khu 5.*

Lực lượng cộng quân tham chiến gồm Sư đoàn bộ binh 1 (gồm ba trung đoàn 66, 174, 320), Trung đoàn bộ binh 24, Trung đoàn pháo 40, Tiểu đoàn 304 Công Tum dự định sẽ tấn công vào lực lượng đồng minh tại cứ điểm E42, còn gọi là đồi Charlie gần quốc lộ 14, thuộc xã Tân Cảnh, quận Dakto tỉnh Kontum vào đêm 15-11-1967. Mục tiêu của Việt Cộng là tập kích các trại Lực lượng đặc biệt và tiêu diệt sinh lực quân Mỹ đang đóng tại Tây Nguyên để thu hút thêm các đơn vị Mỹ khác đến Tây Nguyên là địa bàn rừng núi mà Việt Cộng xem là mình quen thuộc hơn.



Lúc này quân Mỹ tham chiến tại Dak To gồm có Sư đoàn 4 bộ binh, do trung tướng William R. Peers chỉ huy sư đoàn kiêm chỉ huy trưởng mặt trận Dakto, Lữ đoàn 173 do thiếu tướng Leo H. Schweiter chỉ huy, một lữ đoàn của Sư đoàn 1 kỵ binh, và một số đơn vị không yểm. Quân Việt Nam Cộng Hòa gồm Trung đoàn 42 bộ binh làm nòng cốt của Biệt khu 24 chiến thuật.

Ngày 1-11-1967, được một cán bộ Việt Cộng chiêu hồi và khai báo các vị trí đóng quân của Việt Cộng, tướng Peers quyết định mở một cuộc hành quân tìm diệt. Ngày 3-11, Sư đoàn 4 Mỹ phát hiện và đẩy lùi Tiểu đoàn 6/Trung đoàn 320. Lữ đoàn 173 và Tiểu đoàn 3/Lữ đoàn 1 Mỹ truy kích tới khu vực Tân Cảnh và diệt gọn Tiểu đoàn 6/320 trong ngày 4-11. Tới ngày 6, quân Mỹ đã đẩy lui Sư đoàn 1 cộng quân ra khỏi các vị trí then chốt. Lữ đoàn 173 Mỹ đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 9/66 cộng quân. Ngày 8-11, Tiểu đoàn 4/320 cộng quân đột kích Tiểu đoàn 3/Lữ đoàn 1/Sư đoàn 4 Mỹ. Suốt từ ngày 8 đến 10-11, quân Mỹ đánh mạnh vào vị trí Tiểu đoàn 6/24 cộng quân.

Ngày 11-11, hai đại đội của Tiểu đoàn 4/Lữ đoàn 173 Mỹ thám kích về phía tây thì lọt vào ổ phục kích của hai tiểu đoàn 7 và 8/Trung đoàn 66 và bị thiệt hại nặng; tuy nhiên Mỹ đã xác định chính xác vị trí tập kết quân chủ lực Việt Cộng.

Ngày 12, Mỹ cho B-52 và pháo binh oanh kích vị trí các trung đoàn 66 và 320 cộng quân. Ngày 13, hai bên giáp chiến ở một số nơi, nhưng Việt Cộng bị mưa pháo của B-52 làm chết cả ngàn quân. Ngày 14, Lữ đoàn 173 Mỹ chiếm được điểm cao 845. Việt Cộng cho ba trung đoàn 66, 174 và 320 bao vây điểm cao 845.

Trong nửa cuối tháng 11-1967, Bộ tư lệnh Biệt khu 24 Việt Nam Cộng Hòa chỉ huy Trung đoàn 42 bộ binh mở liên tiếp hai chiến dịch tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Kontum: chiến dịch Kham Zei 180 từ ngày 16 đến 22-11, và chiến dịch Kham Zei 183 từ ngày 22 đến 30-11.

Ngày 19-11-1967, Lữ đoàn 173 Mỹ từ trên điểm cao 875 bao vây Trung đoàn bộ binh 174 cộng quân, đồng thời cho pháo binh và máy bay oanh tạc vào đội hình đối phương. Kết quả toàn bộ Trung đoàn 174 bị thiệt hại nặng,

chết 675, còn lại hơn 250 quân bị thương và đầu hàng. Kết thúc trận này, đội hình chiến đấu của cộng quân Tây Nguyên thiệt hại nặng nề.

Ngày 22-11, Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ cho một lữ đoàn và một tiểu đoàn dù nhảy xuống tăng viện cho Lữ đoàn 173 và đẩy lui ba trung đoàn Việt Cộng. Do kiệt quệ sinh lực và để khôi phục lực lượng chuẩn bị tổng tấn công Mậu Thân nên bộ chỉ huy cộng quân Tây Nguyên quyết định kết thúc chiến dịch Đắc Tô ngày 22-11-1967. Do đó khu vực này được yên tĩnh trở lại trong một thời gian ngắn. Ngày 24-11, quân Việt Cộng đã hoàn toàn rút khỏi khu vực Dakto sang lãnh thổ Lào và Cambodia. Quân Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa tiếp tục truy kích tìm diệt và đến 1-12-1967 hầu như không còn tung tích cộng quân trong khu vực suốt một thời gian dài.

Kết quả giao tranh từ 3 đến 22-11-1967, Việt Cộng bỏ lại trận 1.644 xác. Quân Mỹ chết 289 người. Quân Việt Nam Cộng Hòa chết 113, mất tích 31. Sau trận này, đại tướng Westmoreland, tư lệnh Bộ tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam, nhận định: *‘Sự kiên cường dũng cảm của bộ binh phối hợp cùng với hỏa lực không kích rất hiệu quả chính là chìa khóa để chiến thắng’* (Along with the gallantry and tenacity of our soldiers, our tremendously successful air logistic operation was the key to the victory).

305- Các chiến dịch Santa Fe 2, Strike/Uniontown 2 (tỉnh Bình Tuy và Biên Hòa) (3-11-1967 đến 5-1-1968)

Từ ngày 3-11-1967 đến 5-1-1968, Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ phối hợp với Sư đoàn 18 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Santa Fe 2, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Tuy. Quân Mỹ tham chiến gồm hai tiểu đoàn bộ binh 2/39, 2/47 và Tiểu đoàn 3/5 kỵ binh của Sư đoàn 9; hai tiểu đoàn 1/11 và 3/11 của Trung đoàn 11 thiết kỵ. Quân VNCH gồm Tiểu đoàn 2/43 của Sư đoàn 18. Quân đồng minh đã quét sạch tuyến quốc lộ 1 từ Gia Ray tới Hàm Tân, và tập kích đánh chiếm mật khu Mây Tào là căn cứ của Sư đoàn 5 cộng quân.

Từ ngày 17-11 đến 17-12-1967, Sư đoàn 9 bộ binh và Lữ đoàn 199 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Strike/Uniontown 2, tìm diệt cộng quân và tuần tra ngăn chặn từ xa các cuộc pháo kích của cộng quân vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Quân Mỹ tham chiến gồm 3 tiểu đoàn 2/39, 4/39, 2/47 của Sư đoàn 9, và 3 tiểu đoàn 2/3, 3/7, 4/12 của Lữ đoàn 199.

306- Các chiến dịch Badger Hunt, Essex, Foster (tỉnh Quảng Nam) (6 đến 29-11-1967)

Từ ngày 6 đến 17-11-1967, Trung đoàn 5/Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 2/5, 3/5 mở chiến dịch Essex, tìm diệt quân Việt Cộng tại Khe Le (quân Mỹ gọi là thung lũng Antenna), phía nam lòng chảo An Hòa, tỉnh Quảng Nam.

Từ ngày 13 đến 29-11, Chiến đoàn đổ bộ Bravo Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 2/3 đổ bộ mở chiến dịch Badger Hunt, trong khi Tiểu đoàn 3/7 TQLC mở chiến dịch Foster, cùng tìm diệt cộng quân tại khu vực phía tây lòng chảo An Hòa ở quận Đại Lộc, phía tây quận lỵ Dục Đức.

307- Chiến dịch Hưng Đạo Vương (tỉnh Bình Định) (6 đến 11-11-1967)

Ngày 6-11-1967, Chiến đoàn Alpha thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa thay thế Chiến đoàn Bravo để tham gia bảo vệ tỉnh Bình Định. Từ ngày 6 đến 11-11-1967, Sư đoàn 22 bộ binh VNCH mở chiến dịch Hưng Đạo Vương, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Định.

308- Các chiến dịch Diên Khánh 1, Ninh Hòa 2, Phước Đức 1 (tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên) (6 đến 28-11-1967)

Trong tháng 11-1967, Sư đoàn 9 bộ binh (Bạch Mã) Hàn Quốc huy động ba trung đoàn bản bộ, mở liên tục ba chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa.

– Trung đoàn 29 mở chiến dịch Ninh Hòa 2 từ 6 đến 8-11, tại quận Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

– Trung đoàn 28 mở chiến dịch Phước Đức 1 từ ngày 7 đến 9-11, tại địa bàn tỉnh Phú Yên.

– Trung đoàn 30 mở chiến dịch Diên Khánh 1 từ ngày 26 đến 28-11, tại quận Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

309- Giao tranh ở tỉnh Bình Thuận (7-11-1967)

Đêm 7-11-1967, cộng quân Nam Trung Bộ tập kích vào căn cứ Bầu Ốc của Việt Nam Cộng Hòa ở tỉnh Bình Thuận, đến rạng sáng 8-11 thì rút lui. Kết quả, quân VNCH chết 112, bị thương 143; cộng quân bỏ lại trận 305 xác và 215 thương binh.

310- Chiến dịch Dragon Trail (tỉnh Quảng Ngãi) (10-11 đến 21-12-1967)

Từ ngày 10-11 đến 21-12-1967, Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến (Thanh Long) Hàn Quốc mở chiến dịch Dragon Trail, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

311- Các chiến dịch Eagle Thrust, Rose (tỉnh Ninh Thuận, Biên Hòa) (11-11 đến 16-12-1967)

Từ ngày 11 đến 30-11-1967, Sư đoàn 101 không vận Mỹ chỉ huy hai tiểu đoàn 3 và 506 bộ binh mở chiến dịch Rose, phối hợp tìm diệt quân Việt Cộng và do thám tại khu vực rừng núi phía tây nam tỉnh lỵ Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận, đồng thời liên tục tuần tra bảo vệ an ninh cho công binh tu sửa quốc lộ 1 từ Phan Rang tới ranh giới hai tỉnh Ninh Thuận – Bình Thuận.

Từ ngày 18-11 đến 16-12, Sư đoàn 101 Mỹ mở chiến dịch Eagle Thrust tới địa bàn tỉnh Biên Hòa. Đây là chiến dịch không vận quân sự dài ngày và lớn nhất trong cuộc chiến, đã chuyển 10.356 quân của Sư đoàn 101 từ căn cứ Campbell (Mỹ) vượt 16.000 cây số bằng máy bay thẳng tới Biên Hòa.

312- Chiến dịch Wheeler/Wallowa (tỉnh Quảng Tín) (11-11-1967 đến 4-10-1968) – Chiến dịch Wallowa (4-10 đến 11-11-1968)

Từ ngày 11-9 đến 11-11-1967, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ mở chiến dịch Wheeler, tìm diệt quân Việt Cộng tại các khu vực Tiên Phước, Hiệp Đức, thuộc tỉnh Quảng Tín. Từ ngày 4-10 đến 11-11-1967, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ mở chiến dịch Wallowa ở quốc lộ 1, phía đông thung lũng Quế Sơn, và dọc theo bờ biển từ Hội An tới Tam Kỳ.

Đầu tháng 11-1967, Sư đoàn 23 bộ binh (Americal) Mỹ được giao chỉ huy địa bàn chiến dịch tại tiểu khu Quảng Tín, đã sáp nhập hai chiến dịch Wheeler và Wallowa thành chiến dịch Wheeler/Wallowa và tiếp diễn từ 11-11-1967 đến 11-11-1968.

Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 kỵ binh được thay thế bằng Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh (từ 11-11-1967), Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận được thay bằng Lữ đoàn 196 bộ binh nhẹ/ Sư đoàn Americal (từ 23-11-1967) trong chiến dịch Wheeler/Wallowa. Lữ đoàn 1/101 chuyển quân tới Tam Kỳ rồi được không vận trở về căn cứ Eagle's Root cũ của mình trước đây tại Phan Rang để dưỡng quân trong một tuần trước khi tham gia vào chiến dịch mới.

Ngày 13-2-1968, Tiểu đoàn 2/35 bộ binh của Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh được biệt phái sang thuộc quyền chỉ huy của Lữ đoàn 196 bộ binh.

Lữ đoàn 196 đã cử Tiểu đoàn 2/1 tham gia chiến dịch Carentan 2/Carrington 2, do thám địch tình và tìm quét cộng quân tại khu vực đồng bằng hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên từ ngày 1-4 đến 17-5-1968.

Ngày 19-4-1968, Lữ đoàn 196 chuyển tới quận Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên để làm lực lượng trừ bị cho chiến dịch Delaware (từ 19-4 đến 17-5-1968), tái chiếm khu vực thung lũng A Sầu phía tây tỉnh Thừa Thiên. Ngày 13-5-1968, Lữ đoàn 196 chuyển quân về bãi đáp Baldy để lại tiếp tục tham gia chiến dịch Wheeler/Wallowa ở khu vực Hiệp Đức và Quế Sơn.

Ngày 4-10-1968, chiến dịch Wheeler/Wallowa lại đổi tên thành chiến dịch Wallowa và tiếp tục cho đến 11-11-1968. Trong suốt một năm chiến dịch từ 11-11-1967 đến 11-11-1968, quân Mỹ chết 227, bị thương 920; cộng quân bỏ lại trăn 10.020 xác và 325 thương binh.

313- Các chiến dịch Cửu Long 69/SD, Kiên Giang 9-1 (tỉnh Định Tường, Kiến Phong) (15 đến 24-11-1967)

Từ ngày 15 đến 24-11-1967, Sư đoàn 7 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Cửu Long 69/SD, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường.

Từ ngày 16 đến 24-11, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 bộ binh VNCH phối hợp mở chiến dịch Kiên Giang 9-1, tìm diệt cộng quân tại mật khu 470 giáp ranh hai tỉnh Định Tường – Kiến Phong, và cũng để phối hợp với chiến dịch Coronado 9 của Mỹ.

Đêm 17-11-1967, cộng quân Tây Nam Bộ mở trận tập kích lần đầu tiên ở đồng bằng sông Cửu Long trong đông xuân 1967-68, đánh vào hai căn cứ Hậu Nghĩa, Cái Bè (tỉnh Định Tường), mỗi nơi đang do 1 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn 9 bộ binh Mỹ trấn giữ. Kết quả, quân Mỹ chết 21, bị thương 77; cộng quân bỏ lại trăn 196 xác và 113 thương binh; bị bắt và ra hàng 8.

314- Chiến dịch Quyết Thắng 135/2 (tỉnh Quảng Tín) (19-11 đến 12-12-1967)

Từ ngày 19-11 đến 12-12-1967, Sư đoàn 2 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Quyết Thắng 135/2, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Tín.

315- Chiến dịch đấu tranh chánh trị ở nhiều vùng miền Nam (20-11 đến 7-12-1967)

Để chuẩn bị cho cuộc tổng tấn công Mậu Thân sắp diễn ra, từ 20-11 đến 7-12-1967, lãnh đạo quân Việt Cộng và Trung ương cục miền Nam quyết định mở một chiến dịch đấu tranh chánh trị rộng khắp nhằm phá hoại và gây bất ổn trong lòng các vùng nông thôn, đô thị của Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày 20-11, mật vụ cộng quân nằm vùng Sài Gòn – Gia Định tổ chức 1.000 công nhân hãng dệt Vinatexco bãi công, chiếm xưởng, phản đối chánh quyền và cảnh sát chặn xe chở công nhân để kiểm tra tình trạng hợp lệ quân dịch và bắt giữ 15 công nhân trốn quân dịch ngày 18-11-1967.

Từ 20 đến 24-11, cộng quân tổ chức hơn 2.000 nông dân quận Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Bình) tuần hành thị uy trên quốc lộ 7 rồi tràn vào dinh quận yêu cầu gặp cố vấn Mỹ ra nói chuyện.

Ngày 22-11, mật vụ cộng quân tổ chức hơn 1.000 học sinh lớp đệ nhị và đệ nhất ở tỉnh lỵ Châu Phú (tỉnh Châu Đốc) và khu vực lân cận, có nhiều phụ huynh học sinh tham gia, biểu tình tuần hành chống bắt quân dịch, buộc chánh quyền phải giải quyết các yêu sách.

Ngày 25-11, mật vụ cộng quân tổ chức hơn 500 dân ở Cần Thơ kéo đến khu vực cầu Tham Tướng, phối hợp với 100 người trong bệnh viện dã chiến tại đây tuần hành hô khẩu hiệu chống chánh quyền, chống Mỹ, yêu cầu phải trả lại 6 thanh niên bị bắt quân dịch. Trước đó, từ 5 đến 15-11, cộng quân tổ chức hơn 100 gia đình phối hợp với hàng trăm học sinh tham gia 14 cuộc đấu tranh phản đối chánh sách quân dịch trong các trường học.

Ngày 30-11, mật vụ cộng quân tổ chức hơn 600 dân Cà Mau tham gia biểu tình chống bắt quân dịch. Cuộc chống đối tại đây lên cao điểm với việc một người trong đoàn biểu tình ném lựu đạn làm chết 6 người, trong đó có 4 cảnh sát viên và hàng chục dân bị thương. Việt Cộng tại đây cũng đưa 25 thanh niên ra vùng giải phóng tham gia du kích.

Từ ngày 5 đến 7-12, mật vụ cộng quân tổ chức hơn 400 dân quận Trà Cú (tỉnh Vĩnh Bình) biểu tình chống Mỹ và chánh quyền. Các đoàn biểu tình giương hàng trăm lá cờ Mặt trận Giải phóng, băng rôn, khẩu hiệu, kéo qua hơn 80 đồn bót. Từ 1.000 người chiều 5-12 đến sáng 6-12, đoàn biểu tình tăng lên 1.500 rồi đến 7-12 lên đến 2.000 người. Viên quận trưởng Trà Cú cùng viên cố vấn Mỹ và 1 đại đội bảo an đóng tại quận lỵ ra kêu gọi dân chúng giải tán, đồng thời hứa sẽ xem xét lại chánh sách quân dịch tại địa phương để dân chúng giải tán.

316- Giao tranh ở tỉnh Bình Thuận (22-11-1967)

Đêm 22-11-1967, 1 tiểu đoàn quân dù Mỹ đổ bộ bằng trực thăng xuống vùng Phú Sơn (tỉnh Bình Thuận) đã lọt vào ổ phục kích của 2 tiểu đoàn bộ binh 840 và 842 cộng quân Quân khu 6. Giao tranh xảy ra, đến sáng cộng quân rút lui trước khi quân tăng viện Việt Nam Cộng Hòa tới vùng này. Kết quả, quân Mỹ chết 35, bị thương 98, bị bắt 11, thiệt hại 11 trực thăng. Cộng quân bỏ lại trận 118 xác và 130 thương binh.

317- Chiến dịch Forrest (tỉnh Phước Tuy) (23-11-1967 đến 5-1-1968)

Từ ngày 23-11-1967 đến 5-1-1968, Chiến đoàn 1 Úc mở chiến dịch Forrest, bảo vệ vụ mùa lúa của dân tại khu vực phía tây tỉnh Phước Tuy.

318- Một số tình hình trong tháng 12-1967

Ngày 4-12-1967, những người phản chiến bắt đầu cuộc biểu tình kéo dài bốn ngày tại New York. Trong số 585 người biểu tình bạo động bị bắt giữ có viên bác sĩ nổi tiếng là Benjamin Spock.

Trong tháng 12-1967, các đơn vị Mỹ sang Việt Nam gồm có: Phi đoàn tấn công 211 thủy quân lục chiến (1-12, đóng ở Chu Lai); Tiểu đoàn 123 không yểm (8-12); Tiểu đoàn 26 công binh (8-12); Tiểu đoàn 101 không yểm (10-12, đóng ở Biên Hòa); Tiểu đoàn 2/17 kỵ binh (12-12); Tiểu đoàn 3/187 bộ binh (16-12, đóng ở Phước Vĩnh); các tiểu đoàn bộ binh 1/501, 2/501, 1/502, 2/502 (16-12, đóng ở Củ Chi); các tiểu đoàn bộ binh 1/506, 2/506 (16-12, đóng ở Phước Vĩnh); Tiểu đoàn 1/20 bộ binh (18-12, đóng ở Đức Phổ); Sở chỉ huy Lữ đoàn 11 bộ binh (19-12, đóng ở Đức Phổ); Đại đội E/1 kỵ binh (19-12); Tiểu đoàn 3/1 bộ binh (19-12, đóng ở Đức Phổ); Tiểu đoàn 4/3 bộ binh (20-12, đóng ở Đức Phổ); Tiểu đoàn 6/11 pháo binh (20-12); Đại đội 273 không yểm (22-12, đóng ở Long Bình); Tiểu đoàn 5/22 pháo binh (24-12, đóng ở An Khê); Đại đội 6 công binh chiến đấu (31-12). Đơn vị Mỹ rời Việt Nam gồm Phi đoàn tấn công 223 TQLC (3-12).

Các trại biệt kích (CIDG) mới đi vào hoạt động gồm: Biệt đội A-351 ở Đức Huệ (1-12), Biệt đội A-231 tại Tiểu Atar (3-12). Ngày 20-12, các đại đội và biệt đội tuần tra đường dài chánh thức được triển khai tại mỗi sư đoàn và lữ đoàn độc lập tại Việt Nam. Ngày 21-12, Tiểu đoàn 1 chống tăng bị giải thể, và sáp nhập thành phần cơ hữu vào Tiểu đoàn 1 xe tăng.

Các đơn vị Mỹ di chuyển vị trí đóng quân trong tháng 12-1967 gồm: Trung đoàn 5 TQLC chuyển tới Đà Nẵng; Sở chỉ huy Lữ đoàn 1/Sư đoàn 1 bộ binh chuyển tới Quân Lợi; các tiểu đoàn bộ binh 1/2, 1/26, 1/28 chuyển tới Quân Lợi; Sở chỉ huy Lữ đoàn 2/Sư đoàn 101 không vận chuyển tới Củ Chi; Sở chỉ huy Lữ đoàn 3/Sư đoàn 101 không vận chuyển tới Phước Vĩnh; Sở chỉ huy Lữ đoàn 173 không vận chuyển tới Tuy Hòa (15-12) rồi tới An Khê; Sở chỉ huy Lữ đoàn 1 không quân chuyển tới Long Bình; Sở chỉ huy Lữ đoàn 198 bộ binh chuyển tới Chu Lai; các tiểu đoàn bộ binh 1/6, 1/46 chuyển tới Chu Lai; Tiểu đoàn 1/5 TQLC chuyển tới Phú Lộc (20-12); các

tiểu đoàn bộ binh 1/503, 2/503 chuyển tới Kontum (15-12); Tiểu đoàn 4/503 bộ binh chuyển tới Tuy Hòa (15-12); Tiểu đoàn 2/13 pháo binh chuyển tới Phú Lợi; Tiểu đoàn 5/27 pháo binh chuyển tới Phan Rang; Phi đoàn 1 biệt kích đường không chuyển sang Thái Lan; Đại đội 192 không yểm chuyển tới Phan Thiết. Các đơn vị thuộc Thế giới Tự do sang Việt Nam gồm có: Đại đội W/Tiểu đoàn 1 hoàng gia Tân Tây Lan (17-12, đóng ở Núi Đất); Tiểu đoàn 3 hoàng gia Úc (27-12, đóng ở Núi Đất). Sở chỉ huy Lữ đoàn 2 TQLC Hàn Quốc chuyển tới Hội An.

319- Cuộc không kích Rolling Thunder trên miền Bắc (tháng 12-1967)

Ngày 6-12-1967, Bắc Việt tuyên bố tại huyện Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình bắn rơi 1 chiếc máy bay F-4. Ngày 20-12, Bắc Việt tuyên bố Quân khu 4 bắn rơi chiếc máy bay thứ 1.000 rơi trên bầu trời quân khu. Các số liệu trên của Bắc Việt bị tài liệu của Mỹ bác bỏ và cho rằng chỉ nhằm mục đích tuyên truyền sai sự thật. Bắc Việt cũng tuyên bố tính cho đến cuối năm 1967, Mỹ đã ném 1.630.000 tấn bom xuống miền Bắc và Nam Việt Nam.

320- Các chiến dịch Piburn, Sultan 1 (tỉnh Kontum) (1 đến 23-12-1967)

Từ ngày 1 đến 23-12-1967, Biệt đội Project Delta Mỹ mở chiến dịch Sultan 1, hành quân do thám tại thung lũng Plei Trap, thuộc tỉnh Kontum. Từ ngày 9 đến 13-12, có thêm Trại biệt kích (CIDG) Việt-Mỹ tại căn cứ Plei Djereng mở chiến dịch Piburn, tham gia tìm diệt cộng quân tại thung lũng Plei Trap.

321- Chiến dịch Klamath Falls (tỉnh Lâm Đồng) (1-12-1967 đến 8-1-1968)

Từ ngày 1-12-1967 đến 8-1-1968, Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101 không vận Mỹ phối hợp quân Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Klamath Falls, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Quân Mỹ tham gia chiến dịch gồm 4 tiểu đoàn 1/327, 2/327, 2/502, 3/506 của Lữ đoàn 1/Sư đoàn 101, và Tiểu đoàn 2/7 kỵ binh của Chiến đoàn Byrd. Quân VNCH gồm Trung đoàn 44/Sư đoàn 23 bộ binh và Tiểu đoàn 11 biệt động quân.

Xuất phát từ căn cứ Sông Mao và bãi đáp Betty, đầu tiên quân đồng minh hành quân khai thông an ninh quốc lộ 1 từ Phan Rang tới khu vực giáp ranh Vùng 2 và Vùng 3 chiến thuật, rồi ngay sau đó hành quân tìm diệt các đơn vị Việt Cộng và nhất là tìm diệt Bộ tư lệnh Quân khu 6 mà theo tin tình báo đang ẩn náu trong khu vực tam giác Sông Mao – Bảo Lộc – Di Linh thuộc tỉnh Lâm Đồng.

322- Các chiến dịch Fargo 2, Quicksilver 4 (tỉnh Bình Dương, Bình Long) (4-12-1967 đến 21-1-1968)

Từ ngày 4 đến 21-12-1967, Trung đoàn 11 thiết kỵ Mỹ mở chiến dịch Quicksilver 4, hành quân tuần tra bảo vệ an ninh giao thông từ Bến Cát tới Phước Vĩnh để bảo vệ cuộc chuyển quân của Sư đoàn 101 không vận Mỹ tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

Từ ngày 21-12-1967 đến 21-1-1968, Trung đoàn 11 thiết kỵ huy động toàn bộ ba tiểu đoàn trực thuộc, mở chiến dịch Fargo 2 tại tỉnh Bình Long. Quân Mỹ đã liên tục hành quân tuần tra bảo vệ an ninh giao thông từ tỉnh lỵ An Lộc tới quận lỵ Lộc Ninh, và do thám kết hợp tìm diệt cộng quân từ Lộc Ninh tới sát biên giới Cambodia.

323- Việt Cộng ráo riết chuẩn bị tổng tấn công (4-12-1967)

Từ giai đoạn thứ nhất của chiến lược chiến tranh nhân dân là lấy nông thôn bao vây thành thị, lãnh đạo Việt Cộng cho rằng cần chuyển lên giai đoạn cao hơn là đưa bộ đội từ vùng rừng núi, nông thôn tiến công chiếm các thành phố, tỉnh lỵ, quận lỵ miền Nam, giành lấy chánh quyền.

Ngày 4-12-1967, Bộ Chính trị Đảng Việt Cộng thông qua Kế hoạch tổng tấn công giải phóng miền Nam và chỉ thị mở rộng qui mô chiến dịch Mậu Thân để tranh thủ giải phóng toàn miền Nam. Bộ Chính trị ra nghị quyết *Chuyển cuộc chiến tranh cách mạng sang thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định*, và thông qua kế hoạch của Quân ủy trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, xác định hướng tấn công trong chiến dịch Mậu Thân: *Miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn-Chợ Lớn là chiến trường quyết định nhất; Đường 9 – Trị Thiên – Quảng Đà là chiến trường quyết định thứ hai; các chiến trường khác có nhiệm vụ đẩy mạnh đánh phá để hỗ trợ chiến trường chính; ba trọng điểm tấn công là Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng*. Trung ương Việt Cộng hy vọng nếu thành công sẽ giải phóng cả miền Nam, còn nếu không thuận lợi thì ít ra cũng chiếm được khu vực Trị Thiên – Đà Nẵng. Để phục vụ cho Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Xuân Hè 1968, nhiều hoạt động nghi binh, dương đông kích tây được gấp rút thực hiện như mở một chiến dịch đấu tranh chánh trị qui mô lớn khắp miền Nam Việt Nam để gây rối tình hình, đồng thời lực lượng cộng quân các địa phương tranh thủ bí mật thỏa thuận với các lực lượng quân sự địa phương Việt Nam Cộng Hòa ‘vấn đề hưu chiến’ trong những ngày Tết nguyên đán Mậu Thân. Cộng

quân cũng đánh lạc hướng, dương đông kích tây bằng cách mở một chiến dịch qui mô lớn ở vùng Nam Bạc (Luang Phrabang, Thượng Lào)... Trước đó ít lâu, cuối tháng 12-1967, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam công bố: *Tạm ngừng các cuộc tấn công quân sự của lực lượng giải phóng miền Nam Việt Nam vào các lực lượng Hoa Kỳ, VNCH và các nước khác nhằm phục vụ cho nhân dân vui Tết nguyên đán và mong rằng phía VNCH và Hoa Kỳ cũng thực hiện như vậy.*

324- Tại Mặt trận Đường 9 – Bắc Quảng Trị (12-1967)

Vào tháng 12-1967, lực lượng Việt Cộng tại Mặt trận Đường 9 – Bắc Quảng Trị gồm có bốn sư đoàn (304, 320, 324, 325), Trung đoàn 270 bộ binh, 5 trung đoàn pháo binh (16, 45, 84, 204, 675), 3 trung đoàn pháo cao xạ (208, 214, 228), bốn đại đội xe tăng, một trung đoàn và một tiểu đoàn công binh, một tiểu đoàn thông tin và nhiều đơn vị bộ đội địa phương, trong đó phần lớn là cán binh vừa từ miền Bắc vào, tổng cộng 105.000 quân. Ngày 6-12-1967, Quân uỷ trung ương thành lập Đảng uỷ và Bộ tư lệnh Mặt trận Đường 9, và cử thiếu tướng thứ trưởng Bộ Quốc phòng Trần Quý Hai và thiếu tướng phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Lê Quang Đạo vào làm tư lệnh và chính uỷ mặt trận.

325- Quân đồng minh chủ động đối phó (mùa đông 1967)

Mùa đông năm 1967, đại tướng tư lệnh quân đồng minh tại Việt Nam William Westmoreland tiếp tục xin tăng quân, ráo riết chuẩn bị mở cuộc tấn công chiến lược lần thứ ba trong mùa khô 1967-68 và đập tan kế hoạch tổng tấn công Mậu Thân của Việt Cộng.

Ngày 20-10, Lữ đoàn 12 bộ binh nhẹ và ngày 21-10, Lữ đoàn 198 bộ binh nhẹ đổ quân lên Vùng 2 chiến thuật. Ngày 17-11, bộ trưởng Quốc phòng Mỹ lập cầu hàng không khẩn cấp, sử dụng 373 chuyến bay C141 đưa 10.000 binh sĩ còn lại của Sư đoàn 101 không vận từ Mỹ sang Việt Nam.

Trong tháng 12-1967, Mỹ đưa thêm sang Việt Nam Lữ đoàn 1/Sư đoàn 5 bộ binh cơ giới và Lữ đoàn 3/Sư đoàn 82 không vận, đồng thời tăng thêm viện trợ, đưa ngân sách quốc phòng Việt Nam Cộng Hòa trong năm 1968 lên 53 tỷ đồng. Quân lực Việt Nam Cộng Hòa gấp rút tuyển và huấn luyện thêm 65.000 tân binh, nhằm đạt tới quân số 650.000 người.

Quân đồng minh liên tiếp mở các cuộc hành quân lớn như chiến dịch Hòn Đá Vàng triệt phá chiến khu Dương Minh Châu, chiến dịch Phước Long triệt phá các căn cứ hậu cần cộng quân tại vùng biên giới giáp Cambodia, mở nhiều cuộc hành quân truy quét ở miền tây Trị Thiên, tái chiếm thung lũng A Sầu, ngăn chặn đường vận chuyển tiếp tế trên dãy Trường Sơn.

Cuối tháng 12-1967, phát hiện cộng quân tăng cường binh lực chung quanh Khe Sanh, đẩy mạnh vận chuyển trên tuyến đường 559 và điều động lực lượng về các mặt khu quanh Sài Gòn, tướng Westmoreland ra lệnh tăng cường phòng thủ Sài Gòn và điều thêm 12 tiểu đoàn thủy quân lục chiến thuộc Sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ, Sư đoàn 101 không vận Mỹ, Sư đoàn thủy quân lục chiến Việt Nam ra khu vực đường 9. Ngày 27-12-1967, tổng thống Johnson thành lập Phòng Tình hình đặc biệt tại tòa Bạch Cung để theo dõi chiến sự liên tục tại Việt Nam.

Ngày 7-1-1968, toàn bộ lực lượng đồng minh gồm 650.000 quân Việt Nam, 486.000 quân Mỹ và 57.800 quân các nước đồng minh khác cùng nhận được chỉ thị *Mài sắc lưỡi kiếm sẵn sàng giao tranh.*

326- Kế hoạch Big Trap 1/Bẫy Rập Lớn 1 (4-12-1967 đến 10-1-1968)

Từ tháng 9-1966, các cấp cán bộ Việt Cộng miền Nam từ huyện uỷ trở lên được các khu uỷ triệu tập họp quán triệt về việc chuẩn bị cho một cuộc tổng tấn công và nổi dậy, đề ra các hoạt động cấp thiết phải hoàn thành.

Tình báo Mỹ vào cuối tháng 8-1967 đã biết được Bộ Tổng tham mưu quân Việt Cộng tại Hà Nội đang lập một kế hoạch tấn công lớn trong năm 1968. Cơ sở tình báo cài trong hàng ngũ cộng quân ở Bắc Việt cũng báo cáo là từ nửa cuối năm 1967, các đơn vị bộ đội miền Bắc nhận chỉ thị cấm giải quyết phép thăm nhà bất cứ trường hợp nào với lý do phải tập trung thời gian hoàn thành kế hoạch huấn luyện nâng lên chính quy hiện đại.

Tháng 11-1967, Đặc công Sài Gòn – Gia Định bắt đầu chuyển vũ khí, chất nổ vào Sài Gòn bằng nhiều hình thức: ghe thuyền, xe tải, gánh bộ, chủ yếu giấu trong hàng hóa hợp pháp, như gạo, nông sản, trái cây... Cảnh sát và tình báo Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ đã phát hiện nhiều trường hợp khả nghi khác thường.

Tính đến cuối tháng 11-1967, Phân cục CIA ở Sài Gòn đã tập hợp được hơn 27 bằng chứng rõ ràng về một sự thay đổi chiến lược của Việt Cộng. Đó không còn là sự đánh giá hay tiên đoán, mà là tập hợp những sự kiện và bằng chứng cụ thể. Đại tướng Westmoreland chỉ đạo gấp rút vạch ra kế hoạch đối phó mang mật danh Big Trap/Bẫy Rập Lớn, trong đó giai đoạn 1 được gấp rút triển khai từ ngày 4-12-1967 đến 10-1-1968. Từ nhiều ngày trước Tết, đại tướng Westmoreland đã ra chỉ thị: *Cảnh giác cao độ trước cuộc tổng tấn công của cộng quân, đặc biệt đối với việc bảo vệ các sở chỉ huy, các căn cứ hậu cần, sân bay, khu dân cư và nơi đóng quân.*

Lãnh đạo quân đồng minh triển khai các hoạt động đối phó:

- Mở cuộc hành quân Hòn Đá Vàng từ 8-12-1967 đến 7-1-1968 tấn công căn cứ Trung ương cục và giải tỏa khu vực bắc và đông bắc tỉnh Tây Ninh và vùng biên giới Quân khu 3.
- Mở cuộc hành quân ở Mỹ Thủy và Cẩm Khê ở Quảng Trị (từ 26-12-1967).
- Tăng cường Sư đoàn 101 không vận từ Mỹ sang cuối tháng 12-1967 đóng tại Hóc Môn để bảo vệ phía bắc Sài Gòn.
- Thành lập thêm Biệt khu 44 ngày 5-1-1968 để bảo vệ vùng biên giới Vùng 4 chiến thuật.
- Bao vây và quét sạch cộng quân ở tiểu khu Hậu Nghĩa ngày 8-1-1968, giải tỏa vùng phía tây Sài Gòn.

Ngày 15-12-1967, Bộ tư lệnh Quân lực Mỹ tại Việt Nam và Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa thống nhất phân công: Quân VNCH mà chủ lực là Quân đoàn 3 chịu trách nhiệm toàn bộ việc bảo vệ thủ đô Sài Gòn, trong khi quân Mỹ tập trung bảo vệ vùng ngoại vi Sài Gòn của Quân khu 3, mà trọng điểm là tuyến biên giới để tiêu diệt bộ đội chủ lực Việt Cộng, không cho tiến vào các đô thị.

Việc này có thể giải phóng quân Mỹ khỏi gánh nặng Sài Gòn để tập trung binh lực triển khai những cuộc tấn công vào căn cứ cộng quân dọc biên giới Cambodia vào cuối năm 1967, đầu 1968. Riêng việc bảo đảm an ninh sứ quán Mỹ được bố trí theo ba tuyến phòng thủ, phía ngoài tường rào do cảnh sát VNCH canh gác, vòng tường trong là quân cảnh Mỹ, phía trong tường rào trong là nơi đặt phái đoàn ngoại giao do một tiểu đoàn luôn có ít nhất 85 thủy quân lục chiến Mỹ trực chiến bảo vệ. Các cơ quan trọng yếu ở Sài Gòn cũng được chú ý bảo vệ nghiêm ngặt hơn trước. Việc tuần tra, canh gác bảo vệ an ninh tại các đô thị trên toàn quốc cũng được tăng cường.

Tại Washington ngày 17-12-1967, tổng thống Johnson lập ra hẳn một trung tâm theo dõi tình hình Việt Nam do thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nicholas Katzenbach và phó trợ lý bộ trưởng Ngoại giao Phillip Habbip phụ trách, đặt hẳn tại trụ sở Cục Tình báo trung ương CIA tại Landslay, để có thể nhanh chóng nắm tình hình Việt Nam. Đại tướng Westmoreland và lãnh đạo quân đồng minh vào lúc này đã biết rõ về Kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy Xuân Hè 1968 của cộng quân, cũng như ý đồ của Bắc Việt muốn biến Khe Sanh thành một Điện Biên Phủ thứ hai nhằm thu hút đại chủ lực quân đồng minh về đây cho các nơi khác tổng tấn công theo kế hoạch. Nhưng lãnh đạo quân đồng minh tương kế tựu kế, vừa chuẩn bị sẵn hỏa lực các nơi sẵn sàng nghênh chiến vừa làm như sắp sa lầy ở Khe Sanh. Vì thế, Westmoreland trong tháng 12-1967 liên tục cho vận chuyển nhiều loại quân trang quân dụng, lương thực kém quan trọng lên chất đầy các căn cứ ở Khe Sanh. Quân Mỹ vừa giao chiến cầm chừng vừa đưa nhiều đơn vị không kích đến Khe Sanh và cắt ngang đường Trường Sơn, tập trung hủy diệt tối đa các chuyển vận chuyển vũ khí, thiết bị, nhiên liệu, trong khi cố tình để lỏng cho các chuyển vận quân bộ theo đất Lào xuôi về Nam.

Trong suốt hai tuần cuối tháng 12-1967, cường độ giao tranh đôi bên tại Khe Sanh ngày càng lên cao trong khi hầu như tất cả các nơi khác bỗng nhiên im ắng một cách lạ thường như chỉ dấu chắc chắn sắp có cơn bão lớn. Để tạo thêm tin tưởng cho lãnh đạo Bắc Việt, ngày 20-12-1967, một tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Đại Hàn được bổ sung thêm cho Khe Sanh. Đồng thời CIA cũng phụ họa với bộ máy tuyên truyền Bắc Việt, thuê đăng trên nhiều tờ báo ở Mỹ và Tây Âu nhiều bài báo khẳng định Mỹ sắp sửa sa lầy ở Khe Sanh và Khe Sanh đúng là một Điện Biên Phủ thứ hai. Cú lừa gây ông đập lưng ông của Mỹ lần này tỏ ra có hiệu quả.

Ngày 30-12-1967, đại tướng Westmoreland điện cho tổng thống Johnson báo cáo: *Kẻ địch đã vừa có một quyết định quan trọng về chỉ đạo chiến tranh..., có một nỗ lực trên phạm vi toàn quốc được tăng cường, chắc chắn là một nỗ lực tối đa, trong một thời gian tương đối ngắn. Thời điểm chính xác khởi sự chưa được đối phương quyết định nhưng chắc chắn vào dịp tết Việt Nam.* Ký điện xong, Westmoreland cũng ký lệnh mở các cuộc hành quân ra các vùng dân cư quanh Sài Gòn và gia cố phòng tuyến bao vây dọc theo biên giới Việt Nam-Cambodia.

327- Vụ thảm sát thường dân tại làng Dak Son (tỉnh Darlac, 5-12-1967)

Ngày 6-12-1967, giới chức Việt Nam Cộng Hòa đưa ra thông báo với những dẫn chứng là Việt Cộng vừa sát hại 252 thường dân tại làng Dak Son, tỉnh Darlac.

Theo đó, ngày 5-12-1967, hai tiểu đoàn Việt Cộng tấn công vào làng Dak Son, nơi có hơn 2.000 người Thượng sinh sống. Đây là một làng định cư do chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa lập ra để tập trung những người thuộc sắc tộc thiểu số tỵ nạn chiến cuộc về đây sinh sống. Thỉnh thoảng chánh quyền địa phương và các cơ quan từ thiện về làng tặng quà cứu trợ. Vì thế Việt Cộng xem Dak Son là một làng ‘phản động’ cần phải loại trừ.

Hơn 600 lính Việt Cộng tấn công vào làng, giết đàn ông, phụ nữ, trẻ em trong làng bằng súng, lưỡi lê và lựu đạn. Nhiều người chạy thoát được đi báo tin xin cứu giúp. Cộng quân trước khi rút lui đã bắt đi gần 160 người,

sau đó bắn chết 61 người, số còn lại bị dẫn đi biệt tích. Khi lực lượng giải cứu đến nơi chỉ cứu được 14 người bị thương, tổng cộng có 252 người chết.



Vụ thảm sát thường dân tại làng Dak Son (tỉnh Darlac, 5-12-1967)

328- Các chiến dịch Auburn, Citrus, Claxon, Pitt (tỉnh Quảng Nam) (5-12-1967 đến 1-1-1968)

Trong tháng 12-1967, Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến Mỹ mở liên tiếp bốn chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại tỉnh Quảng Nam.

Trong đó, Trung đoàn 5 mở chiến dịch Claxon từ ngày 5 đến 20-12-1967.

Trung đoàn 7 chỉ huy Tiểu đoàn 2/7 mở chiến dịch Pitt từ ngày 5 đến 12-12; và Tiểu đoàn 3/7 mở chiến dịch Citrus từ ngày 15 đến 23-12-1967, cùng tại phía bắc thung lũng Quế Sơn.

Trung đoàn 5 chỉ huy hai tiểu đoàn 2/5, 3/5, phối hợp với Tiểu đoàn 2/3 của Chiến đoàn đổ bộ Bravo, mở chiến dịch Auburn từ ngày 28-12-1967 đến 1-1-1968 tại Gò Nổi, phía nam thị xã Đà Nẵng.

329- Các chiến dịch Buena Vista, Manchester, Sóng Thần 808, Uniontown 3 (tỉnh Biên Hòa, Bình Dương) (7-12-1967 đến 8-3-1968)

Từ ngày 7 đến 18-12-1967, Lữ đoàn 199 bộ binh nhẹ Mỹ phối hợp với Tiểu đoàn 2/Chiến đoàn Bravo thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Buena Vista/Sóng Thần 808, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn hai tỉnh Biên Hòa và Bình Dương.

Từ ngày 17-12-1967 đến 8-3-1968, Lữ đoàn 199 Mỹ mở cùng lúc hai chiến dịch.

– chỉ huy Tiểu đoàn 3/7 mở chiến dịch Manchester từ ngày 17-12-1967 đến 17-2-1968, tìm diệt quân cộng tại địa bàn tỉnh Biên Hòa.

– chỉ huy ba tiểu đoàn 2/3, 3/7, 4/12 mở chiến dịch Uniontown 3 từ ngày 17-12-1967 đến 8-3-1968, hành quân tuần tra bảo vệ an ninh khu vực căn cứ Long Bình, tỉnh Biên Hòa. Quân Mỹ đã diệt gọn cánh quân Việt Cộng tập kích khu vực trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Trong chiến dịch, quân Mỹ chết 76, bị thương 249; cộng quân bỏ lại trận 922 xác và 58 thương binh.

330- Các chiến dịch Badger Tooth, Fortress Ridge, Lam Sơn 156, Lam Sơn 166 (tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên) (8-12-1967 đến 2-1-1968)

Trong hai ngày 8 và 9-12-1967, Sư đoàn 1 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Lam Sơn 156, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Từ ngày 21 đến 24-12, Chiến đoàn đổ bộ Bravo Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 3/1 thủy quân lục chiến mở chiến dịch Fortress Ridge, tìm diệt cộng quân tại khu vực phi quân sự và quận Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Đến 24-12, Tiểu đoàn 3/1 rút trở về Quảng Nam.

Trong hai ngày 24 và 25-12-1967, Bộ tư lệnh quân Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa tuyên bố đơn phương hưu chiến 48 giờ đón lễ Giáng sinh; nhưng tranh thủ thời cơ đó, cộng quân cũng đơn phương đánh phá nhiều nơi; nghiêm trọng nhất là Bộ tư lệnh Mặt trận Trị Thiên gấp rút điều 1.700 quân xâm nhập áp sát ngoại vi Huế.

Ngay sau khi giờ hưu chiến vừa kết thúc, từ ngày 26 đến 28-12, Sư đoàn 1 VNCH mở chiến dịch Lam Sơn 166, tiếp tục tìm diệt cộng quân tại tỉnh Quảng Trị. Lúc 7 giờ sáng 26-12, hai tiểu đoàn và một chi đoàn xe thiết giáp VNCH chia thành ba mũi hành quân tiến vào thôn Mỹ Thủy để truy quét 1 tiểu đoàn cộng quân đang đóng tại đây. Giao tranh giáp lá cà ác liệt xảy ra. Kết quả, quân VNCH chết 74, bị thương 105, thiệt hại 2 xe M-113 và 2 trực thăng. Cộng quân bỏ lại trận 115 xác, bị thương và bị bắt 47.

Cùng lúc đó, từ ngày 26-12-1967 đến 2-1-1968, Chiến đoàn đổ bộ Mỹ chỉ huy Tiểu đoàn 3/1 thủy quân lục chiến mở chiến dịch Badger Tooth, tập kích tìm diệt 1.700 quân cộng đang tập kết tại vị trí mà Mỹ gọi là ‘The Street Without Joy’, ở từ phía bắc tỉnh Thừa Thiên cho tới thôn Thảm Khê phía nam tỉnh Quảng Trị, đồng thời xác báo vị trí cho máy bay dội bom.

Đến sáng 27-12, Tiểu đoàn 3/1 thuộc Sư đoàn 1 TQLC Mỹ từ Quảng Nam kéo ra tăng cường, phối hợp với 2 tiểu đoàn và chi đoàn thiết giáp VNCH tại Mỹ Thủy tiếp tục mở cuộc hành quân tấn công vào thôn Thảm Khê, cách Mỹ Thủy khoảng 1 cây số về phía đông nam. Thảm Khê và Mỹ Thủy là hai thôn ven biển, cách quận lỵ Hải Lăng (Quảng Trị) 9 cây số về phía đông. Tại Thảm Khê, quân đồng minh đụng độ với 1 trung đoàn cộng

quân Trị Thiên. Kết quả, quân Mỹ chết 23, bị thương 48; quân VNCH chết 45, bị thương 60; thiệt hại 2 xe M-113. Cộng quân bỏ lại trận 219 xác và 174 thương binh.

331- Chiến dịch Yellowstone (tỉnh Tây Ninh) (8-12-1967 đến 24-12-1968)

Từ ngày 8-12-1967 đến 24-12-1968, 5 tiểu đoàn của Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ phối hợp với 7 tiểu đoàn của Sư đoàn 25 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Yellowstone (Hòn đá vàng), tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Tây Ninh. Quân Mỹ tham chiến gồm hai lữ đoàn của Sư đoàn 25. Lữ đoàn 1/25 với hai tiểu đoàn 4/9 và 2/14, xuất phát từ căn cứ hỏa lực Beauregard. Lữ đoàn 3/25 với ba tiểu đoàn 2/12, 2/22, 3/22, hành quân từ căn cứ hỏa lực Burt. Quân Mỹ tấn công vào khu vực phía bắc chiến khu C từ Tổng Lê Chơn tới Katum (Cà Tum).

Mục tiêu chiến dịch là bao vây truy quét cộng quân ở khu vực bắc và đông bắc tỉnh Tây Ninh, nơi đóng căn cứ Trung ương cục miền Nam. Vào lúc này, Văn phòng Trung ương cục nằm trong đội hình của Bộ chỉ huy Quân giải phóng miền Nam (biệt hiệu B21, hòm thư 86.200 YK) đóng ở mạn đông bắc Cà Tum.

Hàng ngàn quân chủ lực Việt Cộng ở lại ngăn chặn để cho các cán bộ cao cấp có điều kiện từ mạn đông bắc Cà Tum rút chạy về vùng Suối Đồi, Suối Chiềng, vượt lộ 13 qua biên giới Cambodia rồi sau đó vượt sông Măngquay về ẩn náu sâu trong vùng rừng núi hẻo lánh phía bắc Chiến khu Đ, nam Tây Nguyên, rồi tiếp tục chuẩn bị lực lượng cho chiến dịch tấn công Xuân Mậu Thân.

Ngày 14-12-1967, một đại đội quân Mỹ hành quân tại khu vực Cà Tum (tỉnh Tây Ninh) đã phát hiện và bao vây một toán gồm 13 cộng quân Tỉnh đội Tây Ninh. Sau 4 giờ giao tranh, quân Mỹ chết 3, bị thương 12; cộng quân chết 10, bị thương và bị bắt 3.

Đêm 2-1-1968, cộng quân Đông Nam Bộ tập kích vào cụm đóng quân của Mỹ gồm 1 tiểu đoàn pháo binh (có 18 đại bác 105 ly và 6 súng cối 106 ly 7), 1 tiểu đoàn bộ binh cơ giới (với 65 xe tăng M-41 và thiết giáp M-113), 2 đại đội bộ binh, 1 đại đội công binh Mỹ đang ở khu vực Bà Chiêm (Tây Ninh). Giao tranh ác liệt xảy ra, đến trưa 2-1, cộng quân rút lui. Kết quả, quân Mỹ chết 17, bị thương 91, thiệt hại 3 đại bác, 6 xe tăng thiết giáp, 1 trực thăng. Cộng quân bỏ lại trận 104 xác và 252 thương binh.

Vào đêm 4-1-1968, một toán biệt kích Mỹ từ Thiện Ngôn xuyên rừng mai phục tại khu vực bờ đê tại Trảng Dầu (phía bắc lộ 22, phía nam khu dân cư Chàng Riệt, tỉnh Tây Ninh) để tấn công đoàn tải gạo của cơ quan Ủy ban trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Cuộc chạm trán diễn ra chớp nhoáng. Đội hình dân công 85 người thì chết tại trận 11, số còn lại bỏ chạy tán loạn. Tổ chỉ huy đoàn áp tải gồm 7 người thì chết tại trận 3, trong đó có Huỳnh Lan Anh, con gái của phó chủ tịch Mặt trận Huỳnh Tấn Phát; số chỉ huy còn lại thoát được về căn cứ nhưng đều bị xử bắn vì tội để cho thiệt hại quá lớn: toàn bộ số quân lương 200 tấn tham gia phục vụ chiến dịch Mậu Thân tại trạm này đều lọt vào tay quân đồng minh.

Trong một tháng hành quân, quân đồng minh đã đụng độ và giao tranh 110 trận lớn nhỏ với chủ lực cộng quân. Kết quả, quân Mỹ chết 81, bị thương 340; quân VNCH chết 145, bị thương 660; thiệt hại 84 xe quân sự, 18 đại bác, 16 máy bay. Cộng quân bỏ lại trận 1.254 xác và 1.069 thương binh, bị bắt và ra hàng 72, thiệt hại toàn bộ khu căn cứ và nhiều thiết bị quân sự. Do ảnh hưởng cuộc hành quân mà việc chuẩn bị lực lượng cho cuộc tổng tấn công dịp Tết Mậu Thân của Trung ương cục gặp nhiều trở ngại so với dự kiến. Sau cuộc hành quân này, quân đồng minh đã hình thành nên hai căn cứ vững chắc là Thiện Ngôn và Cà Tum, thường xuyên uy hiếp vùng hậu cứ cộng quân mãi đến năm 1975.

332- Chiến dịch Dân Chí 315/C-315/D (tỉnh Chương Thiện, Phong Dinh) (8 đến 24-12-1967)

Trong tháng 12-1967, Sư đoàn 21 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở liên tiếp hai chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng. Từ ngày 8 đến 10-12, mở chiến dịch Dân Chí 315/C tại tỉnh Chương Thiện. Từ ngày 19 đến 24-12, mở chiến dịch Dân Chí 315/D, tại địa bàn hai tỉnh Chương Thiện và Phong Dinh.

333- Các chiến dịch Camden, Saratoga (tỉnh Hậu Nghĩa, Bình Dương) (8-12-1967 đến 11-3-1968)

Từ ngày 8-12-1967 đến 11-3-1968, Lữ đoàn 2/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ mở chiến dịch Saratoga, tìm diệt cộng quân tại địa bàn hai tỉnh Hậu Nghĩa và Bình Dương, ngăn chặn và bẻ gãy các tuyến xâm nhập của cộng quân từ thánh địa Cambodia vào hành lang Sài Gòn và khu rừng Hố Bò. Trong chiến dịch, quân Mỹ chết 215, bị thương 731; cộng quân bỏ lại trận 3.862 xác và 410 thương binh.

Phát hiện được nguồn tin tình báo chính xác về khu vực tập trung quân Việt Cộng, từ ngày 16 đến 27-12-1967, Lữ đoàn 3/Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ đang tham gia chiến dịch Yellowstone đã tạm thời tạm ngưng để ngay lập tức mở chiến dịch Camden, tìm diệt cộng quân tại khu vực Trapezoid phía nam đồn điền cao su Michelin, thuộc

địa bàn tỉnh Bình Dương. Sau khi hoàn thành chiến dịch Camden, từ 28-12, Lữ đoàn 3/25 lại tiếp tục chiến dịch Yellowstone.

334- Chuẩn bị tuyên bố hưu chiến nhân kỳ lễ tết (9-12-1967)

Trong báo cáo tổng kết nhan đề 'Report on the war in Vietnam' công bố vào tháng 7-1968, đô đốc tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương Ulysses S. Grant Sharp đã viết:

"Cho đến trước năm 1967, quân đồng minh đã có ba lần hưu chiến ở miền Nam Việt Nam: Giáng sinh 1965 trong 30 giờ, Tết Nguyên đán năm 1966 trong bốn ngày, và Giáng sinh 1966 trong 48 giờ. Các cuộc ném bom Bắc Việt đã bị tạm ngưng trong thời gian dài hơn. Vào ngày 22-11-1966, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân Mỹ đã thông báo với bộ trưởng Quốc phòng Mỹ rằng họ phản đối bất cứ sự tạm ngưng nào trong các cuộc hành quân vào những ngày nghỉ lễ. Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân chỉ ra rằng nếu một cuộc ngưng bắn đã được quyết định, thì các cuộc tạm ngưng ném bom nên được giới hạn tối đa là 48 giờ để giảm thiểu lợi thế quân sự cho kẻ thù, và nếu không có dấu hiệu nào cho thấy Bắc Việt sẵn sàng đàm phán, thì quân đồng minh nên được phép tấn công các mục tiêu quân sự bất thường ở Bắc Việt vì chúng có thể phát triển. Ý kiến này của Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân đã được tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương (CINCPAC) hoàn toàn ủng hộ.

Trong năm 1967, đã có bốn lần hưu chiến được thực hiện: Tết dương lịch 48 giờ, Tết Nguyên đán năm ngày, lễ Phật đản 24 giờ và Giáng sinh 24 giờ. Cũng giống như các lần trước đây, thời gian hưu chiến năm 1967 đã được Việt Cộng tận dụng tối đa. Họ đã tận dụng cơ hội để tiến hành các hoạt động tiếp tế và khôi phục lại lực lượng của mình, tất cả đều làm tổn hại đến quân Mỹ và các đồng minh Thế giới tự do khác.

Kết quả do thám không ảnh chuyên sâu tiến hành tại Bắc Việt trong dịp Tết năm 1967, được bổ sung bằng các hình ảnh quan sát từ tàu chiến và máy bay, đã cho thấy sự gia tăng cao độ của các phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ và đường sắt. Theo kết quả của cuộc thám sát này, phía Mỹ ước tính rằng Bắc Việt đã di chuyển từ 22.300 đến 25.100 tấn hàng hậu cần từ phía bắc Bắc Việt vào khu vực dưới vĩ tuyến 190 Bắc trong khoảng thời gian từ 8 đến 12-2-1967. Bằng chứng chỉ ra rằng Bắc Việt đã có dự đoán và tính toán việc lập kế hoạch xác suất tạm dừng thả bom trong dịp Tết và tận dụng được tình hình này.

Vào ngày Phật đản 23-5-1967, một lần nữa tình hình tương tự được ghi nhận. Lần này quân đồng minh được phép thực hiện cả hoạt động bắn pháo hải quân và các cuộc không kích đối với bất kỳ hành vi tiếp tế quân sự quan trọng nào được quan sát thấy ở Bắc Việt phía nam vĩ tuyến 200 Bắc.

Ngày 18-11-1967, một chương trình phát thanh ở Hà Nội loan tin rằng Mặt trận Giải phóng đã ra lệnh tạm ngưng các cuộc tấn công quân sự từ ngày 23 đến 26-12-1967 nhân dịp lễ Giáng sinh, từ 29-12-1967 đến ngày 1-1-1968 nhân Tết dương lịch và từ ngày 26-1 đến 2-2-1968 nhân dịp Tết Nguyên đán; tuy nhiên không có một viên chức chính thức nào của Mỹ được Việt Cộng thông báo về việc hưu chiến như vậy.

Ngày 9-12-1967, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân Mỹ lưu ý rằng phía Mỹ đã chuẩn bị để tạm ngưng các hoạt động quân sự trong 24 giờ vào dịp Giáng sinh và Tết dương lịch, và 48 giờ vào dịp Tết Nguyên đán. Họ đề nghị bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi các quy tắc cam kết ban hành năm 1966 để trao quyền chống lại các hoạt động hậu cần và thâm nhập lớn được phát hiện trong thời gian hưu chiến.

Ngày 15-12-1967, Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tuyên bố các lực lượng Đồng minh tại Việt Nam sẽ áp dụng 24 giờ hưu chiến trong dịp lễ Giáng sinh 1967.

Ngày 30-12-1967, Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tuyên bố rằng thời gian ngừng bắn 36 giờ mừng Tết dương lịch sẽ có hiệu lực từ ngày 31-12-1967 đến ngày 2-1-1968. Thời gian ngừng bắn được Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa kéo dài thêm 12 giờ so với trước là nhằm đáp lại lời kêu gọi của Đức giáo hoàng Phaolô VI để cho ngày 1-1-1968 là 'ngày bình an' (day of peace). Những hướng dẫn tương tự về các hoạt động ngừng bắn quân sự vào dịp Giáng sinh cũng được áp dụng trong thời gian ngừng bắn mừng Tết dương lịch.

Trước thời điểm ngừng bắn 24 giờ mừng Giáng sinh và 36 giờ mừng Tết dương lịch, có rất nhiều dấu hiệu cho thấy kẻ địch đã lên kế hoạch lợi dụng những khoảng thời gian này. Những sự kiện sau đó cho thấy họ đã thực hiện một đợt bổ sung binh lực cực lớn cả về nhân lực và vật lực từ Bắc Việt vào Nam. Các chuyến bay trinh sát và chụp không ảnh đã ghi nhận được hơn 3.000 chiếc xe tải đang di chuyển trong khu vực Cán Chảo ở Bắc Việt trong suốt hai lần ngừng bắn, phần lớn là đi về phía nam. Gần 1.300 chiếc xe tải đã được ghi nhận trong dịp ngừng bắn mừng Giáng sinh và khoảng 1.800 chiếc trong thời gian dài hơn mừng Tết dương lịch. Con số này so với mức trung bình khoảng 170 chiếc xe tải mỗi ngày trong thời gian từ 22-12-1967 đến 4-1-1968. Ít nhất đã có khoảng 5.000 tấn hàng đã được địch di chuyển đến các lực lượng ở khu vực phi quân sự và trên đất Lào. Cần lưu ý rằng hầu như tất cả những cảnh báo này được ghi nhận vào ban ngày. Thời tiết xấu đã ngăn cản nhiều kết quả theo dõi khác. Những chiếc xe tải đã được phát hiện năm nay nhiều gấp gần mười lần theo

cách đã thấy trong những ngày lễ tương tự trong những năm 1966-67 khi có hai cuộc ngừng bắn 48 giờ. Nếu các hoạt động này chỉ nhằm mục đích phòng thủ nội bộ Bắc Việt, sẽ ít gây quan ngại hơn. Tuy nhiên, chúng đã được thực hiện chủ yếu nhằm hỗ trợ các hoạt động xâm lược vào miền Nam Việt Nam. Mục đích này là hoàn toàn thù địch và hiếu chiến.”

335- Chiến dịch Long Phi 9/143 và Long Phi 9/144 (tỉnh Vĩnh Bình) (10 đến 19-12-1967)

Từ ngày 10 đến 19-12-1967, Sư đoàn 9 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở liên tiếp hai chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Vĩnh Bình: chiến dịch Long Phi 9/143 diễn ra từ ngày 10 đến 13-12; chiến dịch Long Phi 9/144, diễn ra từ ngày 17 đến 19-12.

336-Các chiến dịch Brush, Hall, Sylvester (Vùng 2 và Vùng 3 chiến thuật) (12-12-1967 đến 20-1-1968)

Từ ngày 12-12-1967 đến 5-1-1968, Lực lượng 5 xung kích cơ động MIKE Mỹ mở chiến dịch Hall, tìm diệt cộng quân từ Phan Rang tới vịnh Cam Ranh, thuộc hai tỉnh Ninh Thuận – Khánh Hòa.

Từ ngày 14-12-1967 đến 20-1-1968, Lực lượng 5 MIKE Mỹ cũng đồng thời mở thêm chiến dịch Brush, hành quân tìm diệt cộng quân dọc theo ranh giới Vùng 2 và Vùng 3 chiến thuật, để phối hợp với chiến dịch Klamath Falls .

Từ ngày 19 đến 31-12-1967, Lực lượng MIKE Mỹ tại căn cứ Vành Canh mở chiến dịch Sylvester, tìm diệt quân Việt Cộng tại khu vực tây nam tỉnh lỵ Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

337- Các chiến dịch Bak Jul 1 và Bak Jul 4 (tỉnh Khánh Hòa) (13 đến 22-12-1967)

Trong tháng 12-1967, Trung đoàn 29/Sư đoàn 9 bộ binh Hàn Quốc mở liên tiếp hai chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại thung lũng Ninh Heung-tỉnh Khánh Hòa: chiến dịch Bak Jul 1 diễn ra trong hai ngày 13 và 14-12; chiến dịch Bak Jul 4 diễn ra trong hai ngày 21 và 22-12.

338- Chiến dịch Hồng Lạc 957 (tỉnh Bình Định) (13 đến 15-12-1967)

Từ ngày 13 đến 15-12-1967, Sư đoàn 22 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Hồng Lạc 957, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Bình Định.

339- Các chiến dịch Cửu Long 72/SĐ/67, Cửu Long 73/SĐ/67, Sóng Thần 809 (tỉnh Định Tường) (14-12-1967 đến 3-1-1968)

Trong tháng 12-1967, Sư đoàn 7 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở liên tiếp hai chiến dịch tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Định Tường: chiến dịch Cửu Long 72/SĐ/67 từ ngày 14 đến 17-12-1967; chiến dịch Cửu Long 73/SĐ/67 từ ngày 27-12-1967 đến 3-1-1968.

Từ ngày 29 đến 31-12-1967, Chiến đoàn thủy quân lục chiến Bravo Việt Nam Cộng Hòa chỉ huy hai tiểu đoàn 1 và 2, mở chiến dịch Sóng Thần 809, tìm diệt cộng quân tại địa bàn tỉnh Định Tường.

340- Phòng không Bắc Việt đối phó cuộc không kích của Mỹ (15-12-1967)

Ngày 15-12-1967, Không lực Mỹ mở 44 phi vụ máy bay cường kích oanh tạc khu vực cầu Đuống, Hà Nội. Phòng không Bắc Việt đã bắn 8 quả tên lửa SAM-2 nhưng đều vô hiệu, do bị máy phát nhiễu ALG-71 của Mỹ gây nhiễu toàn bộ rãnh sóng điều khiển đạn và rãnh sóng xung trả lời của đạn. Theo kỹ thuật của Liên Xô, mỗi tiểu đoàn tên lửa S-75 Dvina (SAM-2) phải triển khai đủ 6 bộ phóng và đầy đủ bộ khí tài quy ước, nhưng trong các năm 1966-68 và 1972, do Không quân Mỹ oanh kích quá ác liệt gây thiệt hại lớn trên quy mô rộng khắp, nên mỗi tiểu đoàn tên lửa phòng không Bắc Việt chỉ triển khai được 2 hoặc 3 bộ phóng, thậm chí tại khu vực Quảng Bình chỉ triển khai được một bộ phóng, nên hiệu quả chiến đấu càng suy giảm.

Để đối phó với cuộc không kích của Mỹ, các chuyên gia kỹ thuật tên lửa hàng đầu Soviet ở Moscow được lệnh sang Hà Nội, cùng các kỹ sư quân sự Bắc Việt do thiếu tướng kỹ sư Trần Đại Nghĩa (tức Phạm Quang Lễ) phụ trách, nghiên cứu giải quyết việc chống nhiễu điện tử, cố gắng cho bộ khí tài điều khiển tên lửa đất đối không SAM-2 vận hành bình thường. Nhóm nghiên cứu đã áp dụng kỹ thuật ‘át nhiễu’, nâng công suất sóng trả lời của tên lửa và sóng điều khiển đạn lên gấp ba lần, đủ sức vượt qua cường độ nhiễu của các loại máy ALQ-71, ALQ-101, ALQ-107 của Mỹ. Ngoài ra, từ năm 1965 đến 1972, Liên Xô đã cải tiến hệ thống radar của S-75 Dvina (SAM-2) bốn lần với 40 nội dung kỹ thuật để cố gắng theo kịp trình độ chiến tranh điện tử của Không lực Mỹ. Bộ đội Việt Cộng cũng áp dụng nhiều biện pháp ngụy trang trên địa tên lửa, như đốt vỏ xe ô tô phế thải tạo khói mù che chắn, làm giả bãi tên lửa bằng tre, cỏ, sơn phết giống như thật để đánh lừa đối phương...

341- Chiến dịch Rạng Đông P/2 (tỉnh Gia Định) (15-12-1967)

Trong ngày 15-12-1967, Liên đoàn 5 biệt động quân Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Rạng Đông P/2, hành quân bảo vệ an ninh tại tỉnh Gia Định.

342- Chiến dịch Maeng Ho 9 (tỉnh Bình Định) (17-12-1967 đến 30-1-1968)

Từ ngày 17-12-1967 đến 30-1-1968, Sư đoàn bộ binh Thủ đô Hàn Quốc chỉ huy Trung đoàn 1 và Trung đoàn kỵ binh mở chiến dịch Maeng Ho 9, tìm diệt quân Việt Cộng và quét sạch khu vực phía bắc tỉnh lỵ Quy Nhơn và phía tây quận Phù Cát, thuộc tỉnh Bình Định.

343- Chiến dịch Muscatine (tỉnh Quảng Ngãi) (19-12-1967 đến 8-6-1968)

Từ ngày 19-12-1967 đến 8-6-1968, Sư đoàn 23 bộ binh (Americal) Mỹ mở chiến dịch Muscatine tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Quân Mỹ tham chiến gồm Lữ đoàn 3/Sư đoàn 4 bộ binh và hai lữ đoàn bộ binh nhẹ 11 và 198. Chiến dịch đề ra hai mục tiêu là hỗ trợ an ninh cho việc rút Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến Hàn Quốc chuyển tới Hội An, và sau đó thực hiện bình định vùng duyên hải tỉnh Quảng Ngãi từ phía đông quận Bình Sơn tới Thê Lợi. Tính chung trong chiến dịch, quân Mỹ chết 142; quân Việt Cộng bỏ lại trăn 1.129 xác.

344- Cuộc bãi công tại hãng hàng không Mỹ (Sài Gòn) (21-12-1967)

Ngày 21-12-1967, mặt vụ Việt Cộng tại Sài Gòn – Gia Định tổ chức cuộc bãi công của 110 công nhân Việt Nam tại hãng hàng không Mỹ Pant Air American và Air America ở Sài Gòn, làm cho chi nhánh hai hãng này tại Việt Nam bị tê liệt hoàn toàn trong hai ngày liền cho đến khi đại diện nhóm bãi công thỏa thuận được với giám đốc chi nhánh. Cùng lúc này, cộng quân cũng tổ chức công nhân làm việc ở các sân bay Tân Sơn Nhất, Cần Thơ, hãng tàu RMK-BRJ bãi công nhưng lần này không đạt được kết quả.

345- Trận đánh sân bay Lộ Tẻ (Long Xuyên) (21-12-1967)

Đêm 21-12-1967, cộng quân Tây Nam Bộ từ Cần Thơ tấn công vào sân bay Lộ Tẻ (Long Xuyên), phá hủy và phá hỏng 6 máy bay, 8 xe quân sự, cháy kho xăng một triệu rưỡi lít. Quân Mỹ chết 2, bị thương 11. Cộng quân bị truy kích chết 32, bị thương 87.

346- Chiến dịch cấm cò giải phóng ở Tuy Phước (tỉnh Bình Định) (22-12-1967)

Đêm 22-12-1967, cộng quân tỉnh Bình Định cử hàng trăm quân lên vào quận Tuy Phước ở phía bắc tỉnh lỵ Quy Nhơn cấm cò giải phóng tại 100 trong số 114 thôn xã của quận, bên dưới cột cò đều chôn gài mìn, lựu đạn. Đến sáng ra, lực lượng bình định địa phương gỡ bỏ cò đối phương đã có 4 trường hợp tử vong do bất cẩn lúc ban đầu.

347- Chiến dịch Phi Phụng 65 (tỉnh Quảng Nam) (27 đến 30-12-1967)

Từ ngày 27 đến 30-12-1967, Biệt khu Quảng Đà chỉ huy Trung đoàn 51 bộ binh mở chiến dịch Phi Phụng 65, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Nam.

348- Giao tranh ở tỉnh Kiến Hòa (29-12-1967)

Đêm 29-12-1967, một đại đội đặc công Tây Nam Bộ tập kích vào căn cứ hải quân Mỹ trên sông Hàm Luông (tỉnh Kiến Hòa), đánh chìm 15 thuyền chiến, làm chết 11, bị thương 36 quân Mỹ. Cộng quân chết 28, bị thương và bị bắt 6.

349- Chiến dịch Quyết Thắng 724 (tỉnh Quảng Ngãi) (30 và 31-12-1967)

Trong hai ngày 30 và 31-12-1967, Sư đoàn 2 bộ binh Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch Quyết Thắng 724, tìm diệt quân Việt Cộng tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

350- Trận Chợ Càng (tỉnh Quảng Trị) (1967)

Năm 1967, Chi đoàn 11 thiết giáp và Tiểu đoàn X dù Việt Nam Cộng Hòa đánh tan một trung đoàn quân Việt Cộng tại Chợ Càng (tỉnh Quảng Trị).

351- Tình hình đến ngày 31-12-1967

Tính đến ngày 30-12-1967, tổng cộng quân số Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh là 1.298.000 người.

Quân lực Việt Nam Cộng Hòa gồm có: Sư đoàn Nhảy dù, Sư đoàn thủy quân lục chiến (gồm 2 lữ đoàn, mỗi lữ có 3 tiểu đoàn), 9 sư đoàn bộ binh (1, 2, 5, 9, 18, 21, 22, 23, 25), các tiểu đoàn Biệt động quân, Lực lượng địa phương quân (151.376 quân), Lực lượng bảo an (148.789 quân), Lực lượng Nhân dân tự vệ (42.000 quân), Cảnh sát quốc gia (70.000 quân).

Tính đến cuối năm 1967, tổng số binh sĩ Mỹ tại Việt Nam lên đến 463.000 người. Lũy kế có 16.000 người tử trận cho đến cuối năm 1967. Vào lúc này, đã có hơn một triệu lượt binh sĩ Mỹ luân chuyển sang Việt Nam, với thời hạn tại nhiệm ở đây trung bình là một năm. Phần lớn trong số họ phục vụ trong các đơn vị hỗ trợ.

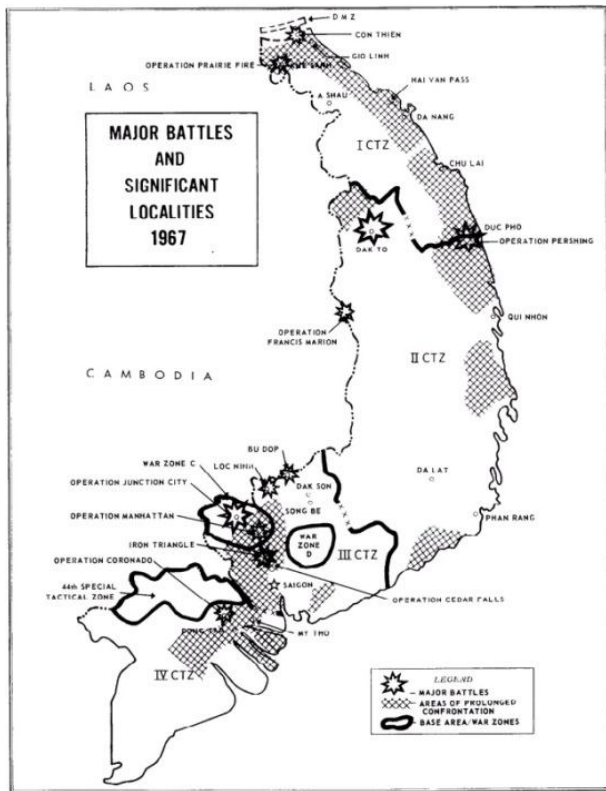
Lực lượng Mỹ tại Việt Nam gồm: Sư đoàn 1 thủy quân lục chiến (22.466 quân), Sư đoàn 3 TQLC (24.417 quân), Sư đoàn 1 kỵ binh (18.647 quân), Sư đoàn 1 bộ binh (17.539 quân), Sư đoàn 4 bộ binh (19.042 quân), Sư đoàn 9 bộ binh (16.153 quân), Sư đoàn 23 bộ binh (15.825 quân), Sư đoàn 25 bộ binh (17.666 quân), Sư đoàn 101 nhảy dù (15.220 quân), Lữ đoàn 173 dù (5.313 quân), Lữ đoàn 199 bộ binh (4.215 quân), Trung đoàn 11 kỵ binh cơ giới (4.331 quân), Lực lượng đặc biệt số 5 (dù) (3.400 quân). Tổng cộng lực lượng Mỹ có 79 tiểu đoàn bộ binh, 23 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 3.100 trực thăng.

Lực lượng Hàn Quốc tổng cộng 48.800 quân, gồm Sư đoàn bộ binh Capital (Mãnh Hổ), Sư đoàn 9 (Bạch Mã), Lữ đoàn 2 thủy quân lục chiến. Lực lượng các nước đồng minh khác gồm: Lực lượng đặc nhiệm số 1 của Úc (3 tiểu đoàn khoảng 6.000 quân), Trung đoàn tình nguyện quân đội Hoàng gia Thái Queen Cobras (khoảng 2.400 quân).

Ngày 23-12-1967, khi đến thăm căn cứ Cam Ranh để kiểm tra lần cuối kế hoạch tổng phòng thủ, tổng thống Johnson tuyên bố: *‘...tất cả mọi thách thức đã phơi bày. Kẻ thù chưa bị hạ gục, nhưng rồi sẽ biết là chúng đang gặp phải khắc tinh của chúng trong chiến trường này’* (...all the challenges have been met. The enemy is not beaten, but he knows that he has met his master in the field). Đây là chuyến đi thứ hai và cuối cùng trong pháp nhiệm tổng thống của Johnson.

Lực lượng vũ trang Việt Cộng tập trung trên đất Lào, Cambodia gần biên giới giáp Việt Nam Cộng Hòa và trên lãnh thổ VNCH từ 378.000 quân cuối năm 1966, đến cuối năm 1967 tăng lên 633.000. Trong đó riêng quân số chủ lực chánh quy Bắc Việt tập kết trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa vào cuối năm 1967 ước tính khoảng hơn 300.000 người. Trong năm 1967, miền Bắc đã đưa vào Nam qua đường mòn Trường Sơn 281.000 quân, trong đó sáu tháng cuối năm đưa vào 208.000 quân, và bắt lính tại miền Nam 76.000 quân. Số tiểu đoàn chiến đấu tăng từ 156 lên 385.

Tính chung trong năm 1967, Quân đồng minh tại Việt Nam Cộng Hòa và quân Việt Cộng đã diễn ra hàng ngàn trận giao tranh lớn nhỏ. Quân VNCH chết 15.571, bị thương 46.010, bị bắt hoặc đào ngũ 820; quân Mỹ chết 11.153, bị thương 28.904, bị bắt 542; quân Việt Cộng chết 93.304, bị thương 163.257, bị bắt hoặc ra hàng 10.553.



Trong năm 1967, quân Việt Cộng đã mở các chiến dịch hành quân: Đắc Tô (từ 26-3-67); Đắc Tô 2 (~3-11); Lộc Ninh (27-10); Trị Thiên (24-4)...

Trong năm 1967, quân đồng minh tại Việt Nam đã mở các chiến dịch hành quân: A-O Strike (từ 1-8); Adair (15-6); Ahina (13-5); Ainslie (31-8); Akron 1 (9-6); Akron 2 (22-8); Akron 3 (26-9); Akumu (8-7); An Dân 2 (2-5); An Dân 85 (10-7); Andover (1-4); Angry Dragon (4-6); Ardmore (17-7); Arizona (13-6); Arkansas City 1 (18-9); Arkansas City 2 (24-9); Ashland (18-5); Auburn (28-12); Badger Hunt (13-11); Badger Tooth (26-12); Bak Jul 1 (13-12); Bak Jul 4 (21-12); Baker (19-4); Ballarat (4-8); Ballistic Arch (24-11); Ballistic Charge (16-9); Barking Sands (18-5); Bastion Hill (11-10); Bắc Thiện 817/3 (21-4); Bẫy Rập Lớn 1 (4-12); Beacon Gate (7-8); Beacon Guide (21-7); Beacon Hill (20-3); Beacon Point (1-9); Beacon Star (22-4); Beacon Torch (18-6); Bean Charger (18-5); Bear Bite (2-6); Bear Chain (20-7); Bear Claw (4-7); Beau Charger (17-5); Beaumaris (12-2); Beautiful Plum (19-8); Beautiful Plum 2 (10-10); Beaver Cage (28-4); Beaver Track (4-7); Beechmont (5-2); Belt Drive (25-8); Belt Tight (17-5); Benton (14-8); Big Horn (4-4); Big Spring (29-1); Big Trap 1 (4-12); Billings (12-6); Bình Quảng 4 (7-5); Bình Quảng 4/11 (8-5); Bình Quảng 6/2 (14-7); Bình Tây (12-10); Blackjack 12 (30-3); Blackjack 23 (5-3); Blackjack 32 (15-3); Blackjack 33 (27-4); Blackjack 41C (13-5); Blue Max (5-10); Bluefield (5-6); Bluefield 2 (23-9); Bolling (19-9); Bolo ((2-1); Boone (31-3); Boudinot (15-10); Bowen (10-5); Brandywine (20-2); Bribie (17-2); Broken Hill (6-6); Brown (17-6); Brush (14-12); Buena Vista (7-12); Buffalo (4-7); Bullseye 5 (27-1); Bunker Hill (16-2); Butler (9-6); Cai Cache 5/3 (24-3); Calhoun (25-6); Caloundia (9-1); Camden (Úc, 14-1); Camden (Mỹ, 16-12); Canyon (5-4); Cedar Falls (8-1); Chapman (16-2); Chateau (1-6); Chinook 2 (19-2); Choctaw (21-5); Cimarron (1-6); Cincinnati (17-5); Citrus (15-12); Claxon (5-12); Clay (31-1); Cleveland (23-1); Cochise (11-8); Colby (20-1); Colgate (7-6); Concordia 1 (19-6); Concordia 2 (10-7); Cook (2-9); Cooparoo (23-6); Coronado 1 (19-6); Coronado 2 (27-7); Coronado 3 (5-8); Coronado 4 (20-8); Coronado 5 (12-9); Coronado 6 (11-10); Coronado 7 (21-10); Coronado 8 (28-10); Coronado 9 (1-11); County Fair 1-25 (5-1); County Fair 1-28 (7-1); County Fair 1-29 (9-1); County Fair 1-30 (29-1); County Fair 1-32 (20-1); County Fair 1-34 (19-4); Cove (17-11); Crimson Tide (15-9); Crockett (13-5); Crystal (12-2); Cumberland (7-3); Cumberland 2 (3-6); Cửu Long 55 (22-2); Cửu Long 61/C (3-5); Cửu Long 63/2 (14-9); Cửu Long 64/SD (25-7); Cửu Long 65/12 (9-6); Cửu Long 69/SD (15-11); Cửu Long 72/SD/67 (14-12); Cửu Long 73/SD/67 (27-12); Cửu Long 178 (30-10); Cửu Long 215/DT (4-10); Dalby (16-2); Dallas (17-5); Darlac 21 (22-2); Dawes (3-3); Dayton (4-5); Dân Chí 275/B (14-1); Dân Chí 279 (14-2); Dân Chí 281/A (1-3); Dân Chí 285/B/MK (11-4); Dân Chí 287/C (18-5); Dân Chí 289/A (11-6); Dân Chí 295/B/SD (15-8); Dân Chí 300/A (7-9); Dân Chí 315/C (8-12); Dân Chí 315/D (19-12); Dân Chí 710/NT/32 (26-4); Dân Hòa (19-9); Dân Quyền 822 (31-7); Deckhouse 5 (6-1); Deckhouse 6 (16-2); Desoto (26-1); Diamond Head (18-5);

Diên Khánh 1 (26-11); Dixie (7-4); Do Hae Di 3 (30-10); Do Kae Bi 3 (22-9); Don Ched 1 (17-10); Dragon Fire (5-9); Dragon Head (3-7); Dragon Head 2 (14-7); Dragon Head 3 (17-7); Dragon Head 4 (27-7); Dragon Head 5 (1-8); Dragon Trail (10-11); Duke (28-9); Duval (19-5); Eagle Thrust (18-11); Early (23-3); Elliot (13-7); Emporia 1 (21-7); Emporia 2 (4-8); Emporia 3 (19-8); Emporia 4 (4-9); Enterprise (13-2); Eradicate (1-9); Essex (6-11); Fargo 2 (21-12); Farragut 1 (26-1); Farragut 2 (17-2); Firebreak (5-4); Formation Leader (17-10); Forrest (23-11); Fort Wayne 2 (1-5); Fortress Ridge (21-12); Fortress Sentry (17-9); Foster (13-11); Francis Marion (5-4); Freemont (10-7); Gadsen (2-2); Gatling (1-2); Gem (12-7); Geraldton (15-6); Giant Dragon (7-2); Glenn Burnie (2-1); Goethals (15-7); Golden Fleece 196-1 (20-4); Grand (21-4); Granite (25-10); Great Bend (13-6); Greeley (18-6); Green Leaf (6-2); Gulf (3-5); Hall (12-12); Hancock 1 (26-4); Happy Dragon (4-5); Hattiesburg (26-3); Harvest Moon 2 (2-4); Headshed (1-9); Hickory 1 (17-5); Hickory 2 (14-7); Highrise (25-2); Hill Fights (25-4); Hoa Xuân 503 (12-2); Hoa Xuân 532 (5-2); Hong Kil Dong 1 (8-7); Hong Kil Dong 2 (12-7); Hood River (2-8); Hồng Lạc 957 (13-12); Hợp Tác (1-6); Humboldt (13-4); Hưng Đạo Vương (6-11); Illinois City (1-6); Independence (1-2); Intosh Joyce 2 (16-1); Intosh Joyce 4 (18-3); Intosh Joyce 7 (29-6); Intosh Joyce 9 (1-7); Intosh Joyce 10 (26-7); Intosh Joyce 11 (28-7); Intosh Joyce 12 (16-8); Intosh Joyce 14 (21-8); Intosh Joyce 15 (7-9); Intosh Joyce 16 (12-9); Intosh Joyce 19 (30-9); Intosh Joyce 23 (5-10); Intosh Joyce 29 (13-10); Iola (27-1); Join Hands (6-9); Junction City (22-2); Kangaroo Kick (1-8); Kenmore (29-9); Kentucky (1-11); Kentucky 1 (1-11); Kentucky 2 (1-11); Kentucky 3 (9-11); Kentucky 4 (20-11); Kentucky 5 (29-11); Kham Zei 167 (2-8); Kham Zei 180 (16-11); Kham Zei 183 (22-11); Kiên Giang 9-1 (16-11); Kingfisher (16-7); Kirribilli (23-2); Kittyhawk 1 (14-2); Kittyhawk 2 (18-5); Klamath Falls (1-12); Knox (24-10); Kole Kole (14-5); Lafayette (2-2); Lake (6-7); Lam Sơn 25 (10-3); Lam Sơn 25/2 (16-3); Lam Sơn 47 (1-5); Lam Sơn 48 (3-5); Lam Sơn 54 (17-5); Lam Sơn 59 (19-5); Lam Sơn 63 (1-6); Lam Sơn 67 (7-2); Lam Sơn 72 (24-6); Lam Sơn 79 (7-7); Lam Sơn 81 (7-2); Lam Sơn 83 (13-7); Lam Sơn 87 (20-7); Lam Sơn 91 (24-7); Lam Sơn 113 (22-8); Lam Sơn 138 (11-10); Lam Sơn 142 (14-1); Lam Sơn 142/AB/P3 (1-2); Lam Sơn 156 (8-12); Lam Sơn 166 (25-12); Lam Sơn XDNT/46 (28-4); Lam Sơn XDNT/57 (15-5); Lam Sơn XDNT/60 (26-5); Lam Sơn XDNT/82 (11-7); Lam Sơn XDNT/120 (4-9); Lancaster 1 (1-11); Lanoke (25-2); Lardyar (10-10); Lauren (16-2); Laurence (17-4); Leeton (3-5); Lejeune (7-4); Liberty 2 (6-10); Liên Kết (21-4); Liên Kết 80 (7-1); Liên Kết 96 (31-3); Liên Kết 106 (25-5); Liên Kết 112 (11-8); Liên Kết 114/P1 (6-9); Liên Kết 116 (7-9); Lincoln (4-1); Lion (5-7); Lismore (1-5); Long Đức-Hiệp Phước (18-6); Long Phi 9/143 (10-12); Long Phi 9/144 (17-12); Long Phi 999/A (31-1); Long Phi 999/G (26-3); Long Phi 999/M (20-8); Long Phi 999/N (26-5); Ma Doo 1 (21-1); Ma Doo 2 (5-6); Mac Arthur (12-10); Maeng Ho 8 (3-1); Makalapa (18-3); Malheur 1 (11-5); Malheur 2 (8-6); Manchester (17-12); Manhattan (23-4); March 1 (8-7); Maryland (23-6); Meang Ho 9 (17-12); Medina (11-10); Minefind (26-10); Munitnamah (23-5); Muncie (4-2); Muscatine (19-12); Muscle Shoals (1-7); Napoleon (1-11); Narasuan (20-10); Neosho (1-11); Neutralize (12-9); New Castle (21-3); Newark (18-4); Newton (1-11-67); Niagara Falls (4-1); Ninh Hòa 1 (24-10); Ninh Hòa 2 (6-11); North Carolina (1-2); Oconee (30-3); Oh Jac Kyo 1 (7-3); Oh Jac Kyo 2 (18-4); Onslow (15-10); Oregon 2 (8-4); Osceola (20-10); Paddington (6-7); Palm Beach (28-1); Paul Bunyal (19-7); Paul Revere 5 (1-1); Pecos (20-7); Peng Ma (29-1); Peng Ma 2 (31-3); Perry (25-3); Pershing (12-2); Phi Phụng 5 (12-3); Phi Phụng 27 (17-6); Phi Phụng 65 (27-12); Phóng Hòa 3 (9-2); Phước Đức 1 (7-11); Piburn (9-12); Pike (1-8); Pitt (5-12); Pittsburg (25-2); Portland (12-8); Portsea (20-3); Prairie 2 (1-2); Prairie 3 (18-3); Prairie 4 (19-4); Project Delta 4-67 (4-3); Project Delta 5-67 (10-4); Puckapunyal (26-4); Pulaski (23-2); Quicksilver (27-6); Quicksilver 4 (4-12); Quyết Thắng 56/G (26-3); Quyết Thắng 77/G (30-8); Quyết Thắng 96/G (9-7); Quyết Thắng 135/2 (19-11); Quyết Thắng 614 (30-9); Quyết Thắng 724 (30-12); Rạng Đông P/2 (15-12); Rapid Fire 1 (5-9); Renmark (18-2); Rhino (19-6); Richmond (22-9); Riley (3-7); Riley 2 (17-8); Rio Grande (7-2); River Raider 1 (16-2); Rocket (5-6); Root 2 (23-1); Rope Yarn (1-9); Rose (11-11); Rush (5-8); Rừng Sát (2-2); Rừng Sát 1 (11-3); Rừng Sát 2 (11-4); Rừng Sát 3 (12-5); Rừng Sát 4 (12-8); Sam Houston 1&2 (12-2); Sam Houston 3 (16-3); Samurai (10-7); Santa Fe 2 (3-11); Saratoga (8-12); Scotland (1-11); Searcy (31-1); Seine (5-1); Seymour (27-1); Shark (6-1); Shawnee (22-4); Shelbyville (22-9); Shenandoah 2 (27-9); Silver Lake (7-1); Sóng Thần (6-1); Sóng Thần 3 (27-7); Sóng Thần 9 (14-2); Sóng Thần 14 (27-7); Sóng Thần 63 (30-7); Sóng Thần 701/67 (11-8); Sóng Thần 808 (7-12); Sóng Thần 809 (29-12); South Carolina (1-2); Stark (22-1); Stilwell (18-6); Stockton (27-7); Stone (10-2); Strike (1-9); Strike/Uniontown 2 (17-11); Strike Force (31-8); Suitland (19-2); Sultan 1 (1-12); Summerall (29-3); Swift (4-9); Sylvester (19-12); Syr (6-3); Tamborine (1-2); Tennessee (1-2); Thunder Dragon (16-5); Tiger Concordia 6 (17-7); Tiger Concordia 8 (24-7); Tiger Coronado 3 (24-8); Tiger Coronado 4 (29-8); Tiger Coronado 5 (28-7); Tippercanoe (13-4); Tornado (5-6); Trinity (30-1); Truy Kích (24-2); Tuscaloosa (23-1); Tucson (14-2); Union 1 (21-4); Union 2 (25-5); (Strike)/Uniontown 2 (17-11-67);

Uniontown 3 (17-12); Valdosta 1 (1-9); Valdosta 2 (20-10); Vonh Ma 1 (24-6); Waialua (7-3); Waimea (22-8); Wallowa (4-10); Webster (15-5); Wellington (18-5); Wheeler 1 (11-9); Wheeler 2 (26-9); Wheeler/Wallowa (11-11); Williston (2-2); Winchester 2 (23-5); Winfield Scott (30-7); Wollongong (10-1); Xây Dựng 12-1 (8-7); Yazoo (27-8); Yellowstone (8-12); Yuba (10-3); Yuma (15-5), v.v...

Các chiến dịch của Quân đồng minh tại Việt Nam năm 1967

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mỹ/Đồng minh (US/Allied Ops)	109	117	115	120	122	121	118	125	111	124	140	129
Phối hợp (Comb Ops)	17	18	9	11	12	8	14	8	10	10	11	5
Quân lực VNCH (ARVN Ops)	368	281	340	299	274	286	304	392	318	342	339	331
Đường dài (Longstreet Ops)	58	71	63	82	70	63	65	61	60	70	60	62

(còn tiếp)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Trích: **LÝ ĐĂNG THẠNH** – *LỊCH SỬ VIỆT NAM*

TẬP 15, 16 VÀ 17 – *CUỘC CHIẾN ĐÔNG DƯƠNG LẦN 2*